



SƠN NAM

**Biển cỏ miền Tây
& Hình bóng cũ**

Tập truyện



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Mục lục

Cấm Bắt Rùa:

Con Bà Tám:

Con Cá Chết Đại:

Đường Về Quê:

Hai Cõi U Minh:

Kéo Trúm:

Lũ Trẻ Chăn Trâu:

Mây Trời Và Rong Biển:

Một Chuyện Khó Tin:

Một Người Hàng Xóm:

Ngày Hội Ba Khía:

Ngày Xưa Tháng Chạp:

Ngó Lên Sờ Thượng:

Người Đi Đêm:

Qua Hiệu Sách:

Trong Lòng Bàn Tay:

Tục Lệ Ăn Trộm:

Vẹt Lục Bình:

Vọc Nước Giỡn Trắng:

Hình Bóng Cũ

Hình Bóng Cũ (Tt):

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Cấm Bắt Rùa:

Từ Thủ Dầu Một, rừng miền Đông đến trấn nhậm tại đồn kiểm lâm ở rạch Thứ Sáu, hai năm rồi nhưng thầy đội Bình vẫn chưa hiểu rõ khu rừng tràm dưới quyền kiểm soát của mình bắt đầu từ đâu và chấm dứt ở đâu. Ranh giới không rõ rệt như vậy, nghĩ cũng khó làm việc.

Theo bản đồ thì bốn phía rừng giáp ranh với đất công điền và đất của ông Tây Mu Ri, các khoảnh đất này đều bỏ hoang, tràm mọc từng cụm dày bịt, giống như “lô” rừng cấm của chánh phủ Pháp! Thầy đội Bình suy nghĩ:

- Ranh giới ở đâu cũng được. Giữa rừng tràm của nhà nước và đất tư nhân, cần gì ranh. Việc đó can hệ tới mấy ông họa đồ, mấy ông hương chức làng và ông Mu Ri. Mình làm tài khôn, e đụng chạm tới mấy ổng. Thôi thì mình cứ xem vùng ranh giới đó như vô chủ. Rắn rít, chồn dèn, chuột, chim cúm nùm và dân làng... ai muốn làm gì thì làm, tự do. Như vậy, mình được cảm tình với dân làng, với các loại chim muông cây cỏ, với âm binh, cô hồn các đảng. Mình còn trẻ, chưa kinh nghiệm, mới tốt nghiệp ra trường, nên ăn ở hiền lành một chút.

Nhưng tình thế không yên ổn và thời gian nào chịu trôi qua âm thầm từ đầu tháng đến cuối tháng như thầy mong ước. Mùa hạn năm ấy, trong vòng nửa tháng, ở vùng biên giới vô định nọ đã xảy ra nhiều biến cố rắc rối.

- Lửa cháy rừng! Lửa cháy rừng!

Đôi ba ngày thì rừng cháy một lần, khói cuộn cuộn đen kịt góc trời, đỏ ké như hoàng hôn đổ xuống và mãi đến canh ba, canh tư, ánh lửa mới chịu đổi ra màu vàng vọt khi màn sương buông nhẹ, mờ mờ. Sáng nay, mặt trời vừa mọc là lửa lại cháy nữa. Cùng với hai người lính kiểm lâm, thầy đội đích thân chạy băng ra vùng cỏ hoang, đến nơi cháy để lập vi bằng, báo cáo lên quan trên.

Rừng nổ lên, vang dội tiếng lộp bộp như pháo ngày tết. Khói tỏa cay mắt, che khuất trước mặt, phảng phất mùi gì như vị thuốc bắc.

- Cái gì lạ vậy? Cái gì vậy? - Thầy đội hỏi.

Một chú kiểm lâm đáp:

- Dạ, cây tươi mà cháy tức tươi thì... nổ.

Thầy đội Bình nói gắt:

- Tôi làm kiểm lâm, bộ tôi dốt chuyện đó sao? Nhưng mà tại sao nổ liên tu bất tận, lạ quá. Hồi ở Thủ Dầu Một, Biên Hòa, rừng cháy hoài mà sao tôi không nghe như vậy?

- Dạ, ở đây là rừng tràm. Tràm có nhiều hột. Hễ gặp lửa là hột nổ nghe lộp bộp, rậm đám lắm.

Thầy đội lắc đầu:

- Trời lửa như vậy, cháy mãi, phá hoại bao nhiêu cây tươi. Nước cạn, làm sao chữa lửa được.

- Dạ thưa thầy, mọi năm cháy như vậy hoài, rồi tràm mọc lại, rừng cũng hoàn toàn là rừng.

Thầy đội lấy tay che mắt. Trong làn khói chưa tan, có bóng dáng đôi ba người chạy lảng vảng: sau lưng, họ mang vật gì khá to, giống như cái

gùi.

Một giọng nói đàn ông reo to:

- Được quá! Cháy như vậy coi được quá. Vái trời cho gió thổi lên, cháy thêm nữa.

Giọng đàn bà nhỏ nhẹ hơn:

- Bữa nay cháy khá hơn hôm qua, thấy mà mừng. Ờ! Cu đâu? Ếch đâu? Mỏi lưng chưa con? Hửi khói rồi sặc, rồi ho hả?

Mấy đứa con nít nói eo éo:

- Một con! Hai con! Bốn con! Một con tổ nái này nữa! Chạy đi đâu, mấy đứa lon con này nữa! Tao thộp đầu tụi bây! Tao nhốt tụi bây!

Thầy đội Bình ngơ ngác, hỏi chú lính:

- Họ làm gì vậy? Giống như đánh giặc...

- Dạ họ bắt rùa.

- Rùa ở đâu vậy?

- Dạ, rùa trời sanh trong rừng. Rùa vàng, rùa quạ, rùa hôi, rùa nấp, rùa sen đủ loại. Rừng cháy, rùa hoảng sợ chạy ra. Thầy muốn ăn không? Để tôi biểu họ đem lại cho thầy. (Nói lớn) Bà con ơi!

Một người trạc bốn mươi tuổi, bước ra từ đám khói mù mịt, lưng đen láng mướt mồ hôi:

- Chào thầy đội. Chào mấy chú. Nãy giờ... mấy ông tới mà tôi không dè. Mấy ông cảm phiền.

Thầy đội hỏi:

- Còn đám kia? Hò hét điều gì?

- Dạ, đó là vợ với hai đứa con tôi chớ ai đâu xa lạ. Góc rừng này tôi cất chòi ở “một mình ên! một côi”. Hổm rày nghe danh thầy, tôi muốn tới thăm, ngặt chưa tìm được món gì xứng đáng. Sẵn đây, tôi biểu mấy đứa nhỏ xách ra cho thầy một xâu rùa vàng, mùa này trứng rùa béo lắm.

Thầy đội gậy đầu:

- Được rồi! Cám ơn. Chú tên gì?

- Dạ, tôi là Trương văn Đăng, kêu là Bảy Đăng, vợ tôi là Trần thị Tám, gốc gác ở Bò Húc, Cần Thơ xuống đây lập nghiệp. Mấy năm rồi, nghèo quá, nói thiệt thầy thương giùm, tôi chưa đóng nổi giấy thuế thân. Tôi nghĩ: mình ở một chỗ không có đi đâu, vài bữa thì ra ngoài xóm, tới tiệm Chệt mua rượu uống cho ấm bụng, vậy thôi. Cần gì giấy tờ, thuế khóa.

- Thịt rùa ngon quá. Trứng béo quá!

Đó là lý do khiến thầy đội Bình trở lại vùng ranh giới mà tìm Bảy Đăng, người tặng rùa hôm trước. Thêm một nhiệm vụ bí mật khác: thầy muốn điều tra nguyên do cháy rừng. Mùa hạn; lửa cháy, lá khô, lan ra: ấy là trời xui đất khiến, nhờ vậy mà hồi xưa hồi xưa ông bà chúng ta được dịp ăn thịt nướng lần đầu tiên trong hang đá. Trường hợp cháy rừng này có khác. Biết đâu Bảy Đăng cố ý đốt rừng để bắt rùa nhậu chơi. Việc phá hoại tài sản nhà nước ấy cần ngừa trị gấp. Tại sao thế gian này lại còn có những phần tử ích kỷ. Hèn gì... dân Việt Nam chưa mở mặt với thế giới.

Đến chòi của Bảy Đăng, thầy đội trở mắt hồi lâu. Trong chòi, chú Bảy đã xây cái hồ to lớn, chứa chấp bao nhiêu là rùa. Đôi ba trăm con rùa đủ cỡ, đủ loại, đang cõi đê lên nhau, chen lấn nghe lộp cộp. Con thì ngả ngửa, khoe cái yếm vàng lờm, bốn cẳng ngoe nguẩy bơi trong không khí. Con khác cố gắng quào vào vách hồ bằng sậy, lú cổ dài nhằng, miệng há rộng, thiếu răng giống như mỏ chim. Loại rùa nấp thì e thẹn, khép cái yếm lại,

giấu kín đầu cổ vào trong mai, giống như món đồ ngon cất kỹ trong cái hộp bằng xương.

Tay bắt mặt mừng, chú Bảy Đặng gật đầu hoan hỉ khi nghe thầy đội Bình khen rằng:

- Thịt rùa ăn ngon hơn thịt gà. Mấy con rùa bữa hôm thiệt xứng đáng là... rùa!

Bảy Đặng nói vồn vã:

- Má bày trẻ luộc thêm năm ba con nữa đi. Thầy đội chiếu cố tới nhà mình. Ếch đâu? Cu đâu? Kiếm rau ngổ rau răm về cho nhiều. Gân lung sen, rau mọc hoang cả đám. Nhớ không?

Thầy đội Bình hớp miếng rượu ngồi lên bộ vạt:

- Chú Bảy rành nghề bắt rùa quá!

- Đâu phải là nghề. Bất chợt vậ thôi. Rùa xứ này nhiều quá mạng, tôi không muốn bắt hết. Con nào quá nhỏ tôi liệng bỏ. Còn rùa quạ thì tôi lựa toàn là rùa cái, rùa quạ đực ốm nhom, nhốt chặt chỗ. Xin lỗi, thầy đội quê ở xứ nào? Chắc xứ đó ít rùa lắm.

- Tôi ở Cần Đước, phía Chợ Lớn xa lắm, nhưng mà con cần đước hết rồi. Đó là hồi xưa, hồi đàn cựa. Bây giờ, lội đò con mắt cũng không kiếm ra một con cần đước nhỏ xíu.

Bảy Đặng nói:

- Ở đây, nhiều bữa tôi ăn rùa trừ cơm, ăn độn với cơm như người ăn khoai lang. Ăn thét rồi ngán quá. Rùa nướng, rùa rang, rùa nấu cháo, rùa xào lá cách lá lốt. Riết rồi ăn gan, ăn trứng, bỏ thịt.

- Nó đẻ đâu mà nhiều quá vậy?

- Dạ trời sanh. Mùa này, rùa tượng trứng non trong bụng. Đúng cỡ, nó đào hang mà đẻ, trứng như trứng gà nhỏ, tròn đỏ lớn lắm. Nó khôn mà khéo, rùa cái chôn giấu trứng dưới đất.

Thầy đội suy nghĩ:

- Tôi không hiểu...

- Dạ, nó lựa chỗ cao ráo mà gởi trứng để khỏi bị ẩm ướt hôi thúi. Một chỗ chôn mười, hai mươi trứng không chừng. Tôi gặp vài lần, moi móc lên coi thử nhưng tới chừng sắp trở lại chỗ cũ thì không tài nào sắp gọn như nó được. Thế nào cũng dư đôi ba trứng. Tháng ba, trời gằm chuyển mưa. Đất nứt, mấy con rùa con phá vỏ bò ra, nhỏ cỡ ngón tay út con nít.

- Chú Bảy nói đúng. Hèn gì rùa chẳng sợ trời gằm. Người ta nói rùa cắn trời gằm không nhả. Tôi muốn kiếm vài con rùa nhỏ cho mấy đứa con chơi, ngặt sợ bị cắn.

- Không sao đâu thầy. Rủi bề gì, lấy cọng cỏ hay khúc chơm nhang thọc vô lỗ mũi rùa. Ngộ thờ, nó há miệng ra tức thì. Nói mà nghe, chớ năm khi mười họa nó mới cắn một lần. Nó thuộc vào hàng tứ linh: long, lân, quy, phụng có cắn tu lâu đời...

Thịt rùa dọn ra trong cái vim lớn, xông hơi nghi ngút. Chú Bảy Đặng mời mọc:

- Ăn đi thầy. Rượu đây, uống thêm nữa đi thầy. Thịt rùa hiền lắm, không có phong.

Hai người uống một chén rượu, rồi hai chén.

- Nè, ăn gan rùa đi thầy, bổ lắm, “nên thuốc” lắm. Gan rùa gan anh hùng, nhỏ con mà lớn gan, sống dưới bầu trời mà không sợ... trời. Còn ruột non ruột già của nó thì sạch bong ăn luôn cũng không dơ.

Thầy đội đỏ hoe đôi mắt, mồ hôi tươm ra, tỏa mùi rượu nức nồng theo lỗ chân lông:

- Tầm bậy quá. Tây dạy tôi nhiều chuyện nhưng nó quên. Nó dạy nào cây trắc, cây gõ. Nó quên rằng hễ làm kiểm lâm ở U Minh thì phải biết ăn thịt rùa...

Bảy Đặng ngạc nhiên:

- Bên Tây không có rùa sao thầy?

- Ủ! Có chớ... Để nhớ coi...

Rùa với thỏ chạy đua. “Xem kìa xem tích xưa, thỏ với rùa hai chú chạy đua”. Đó là bài ca Bình bán vẫn. Thỏ thua rùa. Rùa chạy về nhất vì thỏ ham chơi.

- Còn tích gì nữa không vậy thầy?

- Bên xứ mình, con rùa là thần Kim Qui... Trọng Thủy My Châu đó. Rùa là ông thần xây thành đắp lũy. Móng rùa là cái... máy, để vô cái ná lẫy, kêu là cái nổ thần thì... bá phát bá trúng. Lại còn bên Tàu, xưa kia rùa nổi trên sông Hoàng Hà, trên lưng vẽ hình bát quái, tức là bản đồ của càn khôn vũ trụ, vạn vật.

Bảy Đặng suy nghĩ rồi góp thêm một ý kiến:

- Hèn gì rùa có căn tu. Rùa sẵn sàng chịu đựng sự ép bức, khó nhọc. Lời thơ xưa nói rằng kiếp con rùa “trong đình đội hạc, trên chùa đội bia”, “qui hạc xưa nay ở một đình, cố sao con trọng lại con khinh”.

Thầy đội Bình ngà ngà men rượu, nhướng mắt rồi vỗ trán gật đầu lia lịa:

- Bởi vậy kiếp của chú Bảy đây là... kiếp rùa, đội hạc đội bia riết rồi ốm nhách. Chú Bảy có sở làm. Từ rày về sau, hể chỗ nào rừng hư hao vì... tai họa bất ngờ thì nhà nước sẵn sàng trồng tràm trở lại. Rừng này bị cháy hoại, chú kiểm cho tôi chừng một trăm lít hột tràm, tôi mua hai xu một lít. Chịu không? Phải trồng tràm con cho rừng tươi tốt trở lại như xưa kéo quan trên rầy rà... Chịu không?

Thím Bảy từ nãy giờ lui cui vào bếp, bỗng bước ra nhìn chồng, cau mày, như nhắc nhở chuyện thực tế.

Chú Bảy giật mình:

- Dạ... không cần, rừng tràm bị cháy thì tự nhiên mọc trở lại. Hột rớt xuống đất, nhờ bị cháy nên nó nứt mầm mau lắm. Hột tràm hái về thầy muốn trồng thì cũng phải bỏ vô chảo mà rang cho nóng, nó mới chịu mọc.

- Ủ, ừ... Vậy thì khỏi trồng. Nhưng chú Bảy lấy gì mà sống? Trồng cây cho nhà nước, đó là nhiệm vụ, làm ra tiền. Chú Bảy chê à! Vậy thì làm sao có bạc xài. Chẳng lẽ ăn thịt rùa trừ cơm hoài sao? Con người ăn cơm, thiếu cơm thì ốm nhom ốm nhách.

- Uống rượu say, nói chuyện lung tung, làm hại nhà cửa. Ba nó thấy chưa?

Tàn buổi tiệc rùa, chú Bảy Đặng bị vợ cản hẳn tới lui. Chú hối hận vô cùng vì một vài câu nói lơ đễnh, thốt ra lúc ăn nhậu với thầy đội Bình.

“Buổi tiệc đó thiệt là hữu ích”. Thầy đội Bình nghĩ như vậy. Nó giúp thầy tìm được vài tia sáng trong vấn đề cháy rừng.

Đúng là vậy, Bảy Đặng là tay bợm nhậu, chuyên nghề đốt rừng để bắt rùa, ném đá giấu tay! Bằng cố là từ buổi tiệc ấy về sau, ít khi nào Bảy Đặng tới đồn kiểm lâm thăm viếng thầy như đã hứa. Chú Bảy bơi xuống ngang

đồn kiểm lâm, gọi lên vài con rùa rồi hối hả tách bến, đến tiệm tạp hóa, tại xóm đình.

Trời sa mưa.

Muối mòng sinh sôi nảy nở gấp mười lần, so với mùa hạn. Thầy đội không buồn đến vùng biên giới mà tuần tra nữa vì hiểm họa cháy rừng đã giảm bớt, nhờ thời tiết.

Thầy bơi xuống đến xóm đình, ghé tiệm Xìn Phóc mà uống giải sầu, mua pin đèn, thuốc hút. Tình cờ, thầy nghe chệch Xìn Phóc thốt lời tâm sự:

- Bảy Đặng kỳ cục quá, cật chòi ở trong rừng, làm vua một cõi, ít chịu giao thiệp. Thầy đội biết thằng cha đó không?

Thầy đội gật đầu nghe tiếp:

- Nó mua chịu gạo của tôi từ mấy tháng rồi mà chưa trả tiền. Nó hứa đem yếm rùa ra bán cho tôi để trừ nợ. Yếm rùa gọi về bên Tàu, quý lắm. Người ta nấu thuốc cao, thuốc bổ gân cốt... Hôm qua, nó đem yếm rùa cho tôi. Nó mua thêm nào là nhang, đèn cầy, một cây dao, hai cây búa... đủ thứ. Nó mua thêm một con gà. Nghèo mà xài sang. Rốt cuộc, nợ chồng chất...

Thầy đội sừng sốt. Phải chăng Bảy Đặng là tay đầu trộm đuôi cướp, tay gian đạo sĩ trá hình. Anh ta muốn sống một cõi riêng biệt để giữ bí mật mọi hành động bất chánh. Việc bắt rùa là bình phong để che mắt thế gian. Rủi bẽ gì, thầy chịu trách nhiệm lớn.

Sáng sớm, thầy đích thân bơi chiếc xuồng nhỏ, mặc áo bà ba như bọn đốn củi lậu, đội nón lá che khuất nửa mặt. Nhưng dưới chiếc chiếu rách lót trong lòng xuồng, thầy giấu kín một cây súng, ngừa khi bất trắc.

Gặp thằng Cu đứng trước sân một mình, thầy hỏi khê:

- Úa! Ba má đâu hết rồi?

Thằng bé nhìn vào trong chòi:

- Cúng cơm ông nội, bà nội đó!

Trên bộ vạt, một con gà nằm ngóng mỏ, hai cánh chéo lại. Đôi ba ngọn đèn cầy cháy leo heo. Mớ nhang ngút khói, bay cuồn cuộn. Thầy đội Bình hỏi lần nữa:

- Ba má đâu? Thằng anh mày đâu?

Nó nói như sợ sệt:

- Ngoài rừng, ngoài kia đó?

Đôi mắt thầy đội dán vào kẽ vách: Vách lá, rách te tua, trống trải quá. Ngoài rừng, bên kia vách là cả một vùng trời nước trong sáng. Nước mưa nổi lên, lai láng, phản chiếu ánh nắng mai và soi rõ bóng dáng một đợt mây trắng, bao nhiêu thân trầm đã ngã xuống, rũ rượi. Góc rừng ở ranh giới đã hóa ra thửa ruộng. Chú Bảy Đặng và vợ đang lui cui cầm búa đốn mấy gốc trầm còn sót lại, mấy gốc trầm đã bị cháy từ hôm trước!

Thằng Ếch thì ở trường, cầm dao cạy mỏ rể cây.

Vài con cò trắng bước tới lui, mò cá.

Giọng chú Bảy Đặng nói to rõ:

- Đất mềm quá, nhiều phân. Gieo mạ xuống là “hít vô” liền. Lúa giống khỏi bị nạn cá ăn. Cò bắt cá giùm mình, phải không... bà chủ điền?

Thím Bảy cười tùm tùm:

- Mấy năm rồi, mình đốt mà rừng không chịu cháy sạch. Năm nay, cháy rừng nhiều, chẳng sợ thầy đội kiểm lâm rầy la. Mình đâu có phá rừng của nhà nước để làm ruộng. Đây là cây khô, cây chết cháy: mình dọn cho sạch để cấy lúa mà thôi! Mừng quá. Trăm nghề, không gì bằng nghề nông. Cúng ông bà, ăn lễ thượng điền luôn thể, nhờ đất nước phò hộ.

Chú Bảy nói:

- Ai mà không biết như vậy. Hồi ở Bò Húc, Cần Thơ, mình làm tá điền. Bây giờ, miếng đất nhỏ nhưng là của mình làm chủ. Không lẽ thầy đội Bình bắt bớ, quở phạt mình. Thầy tới đây làm việc chừng một hai năm rồi đi nơi khác. Thầy gâ ác cảm với vợ chồng mình làm gì?

Trong khi đó thằng Ếch ngưng tay, chạy lại gần cha mà nói:

- Vô nhà ăn thịt gà nghe ba! Ở trồng không chừng thằng Cu nó ăn trước rồi. Thịt gà chắc ngon hơn thịt rùa đó. Mai mốt, nuôi gà nghe ba!

Thầy đội thở dài cười thầm, nghĩ tới việc đốt rừng nhà nước để chiếm hữu đất ruộng! Rõ ràng vợ chồng Bảy Đặng xâm lấn theo kế hoạch định sẵn từ trước.

Làm thế nào để tranh cãi, giải thích.

Dung tủng Bảy Đặng chẳng? Hợp với lòng nhân đạo đó. Nhưng e có ngày thầy đội bị cách chức. Thầy chợt hiểu vì sao Bảy Đặng không nhận lời kiểm hạt trầm đem về trồng vào những chỗ bị cháy.

Thầy nghĩ ra một kế. Rồi thầy về, gấp rút. Chiều hôm ấy, một người lính kiểm lâm bơi xuồng tới chòi Bảy Đặng, mang theo một tấm bảng, dựng ngay ranh của khu rừng với ba chữ to: “Cấm bắt rùa”.

Vợ chồng Bảy Đặng lắc đầu, nói với người lính kiểm lâm:

- ... Tội tôi hiểu rồi. Không biết chữ nghĩa nhưng hiểu rồi. Cám ơn thầy đội quá chừng. Đốt rừng bao nhiêu đó đủ rồi.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Con Bà Tám:

Sau mấy năm xây nò gần bãi gọi là nò cạn, Hai Nhiệm gom góp vốn liếng và vay thêm nợ của chú Xìn Phóc để phát triển công việc làm ăn: xây nò khơi, cách xa bờ biển hàng 10 cây số ngàn, theo kiểu nò bắt cá của người Xiêm (nò Xiêm).

Hai Nhiệm làm hai bài toán rành mạch trên giấy trắng mực đen để trình với chủ nợ là Xìn Phóc.

1) Cắm hàng rào dài suốt 2.000 thước để cho cá nường theo đó mà vô nò, mỗi thước cắm hai đước: 4.000 cây.

2) Nò hình tròn, bề kính tâm (kính) 20 thước, bề chu vi tốn chừng 800 cây đước bện lại bằng mây tàu, phỏng chừng hai tạ mây.

Kèm theo cái toa ấy, Hai Nhiệm vẽ thêm bản sơ đồ của các nò Xiêm vĩ đại, giống như cái quạt tròn, thân quạt là nơi chứa chất cá tôm, cán quạt là những hàng cây rạo đón cá vô bụng nò.

Hai Nhiệm lấy làm thích thú, ngắm nghía tới lui rồi hạ bút ghi rõ: 40 ngàn đồng!

Anh xếp cái toa và bức sơ đồ làm tư, bỏ trong hộp tủ.

Ngoài cửa có người bước vào. Anh giựt mình, đẩy hộp tủ để giữ kín kinh tài.

- Chào thầy Tư!

Thầy Tư Nhu nheo mắt:

- Cái gì mà coi bộ quan trọng dữ vậy?

- Dạ, đồ đạc giấy tờ.

- Thôi! Giấu diếm làm gì. Nghe đồn năm nay chú em muốn vay nợ của Xìn Phóc để xây nò Xiêm. Hay lắm! Tôi tới đây bàn thêm, giúp ý kiến. Nếu thấy được, cho tôi hùn năm mươi ngàn.

Hai Nhiệm chép miệng, chưa biết trả lời như thế nào để khỏi mích lòng bực “đàn anh” kể cả! Thầy Tư Nhu tới xóm biển này từ bốn năm qua, chuyên nghề làm thầy nò. Ai sửa soạn xây nò, muốn kết quả được mỹ mãn thì đem mâm trầu rượu tới chào chực, chờ thầy xem tuổi, xem ngày giờ khởi công. Chưa hết! Thầy còn vẽ bùa bát quái nêu rõ đâu là Đông, Tây, Nam, Bắc, Càn, Khảm, Cấn, Chấn, dạy cho gia chủ cúng Hà Bá Thủy Long. Thầy sẵn sàng xem quẻ giùm với điều kiện chủ nò phải chia cho thầy một phần ba số tiền thuê hoạch được.

Im lặng hồi lâu, Hai Nhiệm lên tiếng để chặn lời thầy Nhu:

- Tôi ít tin dị đoan.

- Chú em đừng nói vậy, rủi xảy ra điều bất lành, ăn năn không kịp. Đất có thổ công, sông có Hà Bá! Người xưa thường nói.

Hai Nhiệm cười giòn, giọng khiêu khích:

- Nhưng tôi làm ăn ở tuốt ngoài khơi, ngoài vòng của thổ công, Hà Bá.

- Ngoài đó còn Thủy Long. Thủy Long cai quản khắp miền Nam Hải.

Hai Nhiệm vẫn công kích:

- Thủy Long là vị thần của người Tàu, tôi xây nò kiểu bên Xiêm.

Nãy giờ thầy cố ý dẫn dắt câu chuyện, khiêu khích cho Hai Nhiệm thốt ra lời nói vừa rồi. Thầy kể thao thao bất tuyệt về nguồn gốc cái nò Xiêm:

“Xưa kia ở bên Xiêm, vị quan đại thần nọ có đứa con gái vừa đúng tuổi cập kê, nhan sắc xinh tươi lạ lùng. Cô gái này thích đi dạo trên đồi, bắt bướm, hái hoa.

Hôm nọ nàng lên sườn đồi gặt đóa hoa tím mọc ngoài gành đá, phía dưới là khe suối chảy cuồn cuộn. Nàng với tay, gió thổi khiến đóa hoa chập chờn ẩn hiện xa gần, khi vừa tầm, khi lơ lửng giữa khoảng không. Như bị thôi miên, nàng ngây dại bò tới để hái cho kỳ được ‘giấc mộng hoa’ ấy, quên cái khe sâu thăm thẳm. Nàng tuột chân té xuống”.

Hai Nhiệm nói nhanh:

- Chuyện ngộ thiệt nhưng lạc đề.

- Bởi vì chú em nóng nảy, chưa hiểu.

- Cái gì mà không hiểu. Đóa hoa này giết chết đóa hoa kia theo kiểu tuồng tích cải lương.

Thầy Tư Nhu lại nắm chủ động, tiếp tục câu chuyện từ lúc người đẹp rơi xuống gành đá, mất dạng.

“Ông quan truyền lệnh cho binh sĩ tìm xác đứa con gái nhưng ai nấy đều lắc đầu, gành đá quá cao, vả lại nước chảy cuồn cuộn, biết xác nàng trôi tấp nơi đâu. Nếu tìm được chẳng nữa, làm sao trở lên sườn đồi? Rốt cuộc, vị quan bèn đặt giải thưởng cho bất cứ ai đem được cái tử thi về nha môn để ông làm lễ tống táng: Bấy giờ ở miền duyên hải có ông Dì Xiêm nghĩ ra sáng kiến: Đóng cọc thật khít theo hình tròn để bao vây vàm sông.

Xác cô gái từ khe suối, trôi ra sông, rồi lọt vào vòng rào tại cửa biển. Sau khi vớt xác lên. Ông Dì Xiêm chẳng thèm nhổ bỏ mấy cây nọc. Cá biển giành nhau mà chui để nường tựa lúc nổi sóng lên. Thế là ông Dì Xiêm trở thành thủy tổ của nghề nò Xiêm. Ông này nghe đâu là người Hải Nam. Vì vậy khi hạ nò Xiêm, người miền biển cúng tế trọng thể, rước thầy nò đến ‘nhờ xem’ phương hướng kéo Hà Bá, Thủy Long hờn giận”.

Câu chuyện hấp dẫn khiến Hai Nhiệm suy nghĩ. Đúng rồi! Xưa nay, muốn đánh lưới hoặc muốn bao đăng, luôn luôn người ta theo nguyên tắc mảnh lưới hoặc kẻ đăng phải khít thân hình con cá, con tôm thì mới hy vọng tóm nó được. Ông Dì Xiêm đã ngẫu nhiên phát minh ra nguyên tắc mới. Ngoài biển sóng gió, loại cá to phải lựa một gốc cây nào đó mà nường tựa cho ấm cúng. Gặp gốc cây, cá mừng quỳnh như kẻ sắp chết đuối bám được cái phao. Nó chẳng bao giờ buông phao để chịu chết đuối, bỏ phao này, nó chuyền qua phao khác rồi lọt vào nò cho ta xúc, đem bán.

Để tỏ rằng mình chưa đến nỗi vong ân bạc nghĩa đối với tiên sư Dì Xiêm, Hai Nhiệm toan kết thúc câu chuyện để đuổi khéo ông thầy nò Tư Nhu.

- Mấy năm qua, tôi làm giàu nhờ ông Dì Xiêm. Nếu gặp con cháu của ông, tôi sẵn sàng đền ơn. Ông giỏi thiệt. Nhờ ông mà dân miền biển sáng mắt thêm: cá vô nò, dựa lưng vào mấy cây nọc để chờ chủ nó tới xúc chớ không bao giờ chạy trốn, mặc dầu miệng nò rộng hàng đôi ba thước. Và giữa hai khoảng nọc có kẻ hở lớn gấp đôi gấp ba thân mình của nó.

Thái độ cương quyết của Hai Nhiệm khiến thầy Tư Nhu tạm thời rút lui:

- Mai chiều, tôi trở lại thăm chú em.

- Cám ơn, để tôi thăm Xìn Phóc trước đã. Y ta chịu cho mượn tiền thì mới bàn tới chuyện Dì Xiêm, chuyện con quan đại thần hái bông ở khe núi.

Nhờ cách làm ăn ngay thẳng của mình nên Hai Nhiệm được Xìn Phóc ứng trước số tiền khá to, dư dả để mua cây, mượn người đốn lậu thuế trên 4.000 cây đước, mỗi cây dài hơn mười thước. Mượn ghe chở ra ngoài khơi để cắm nò. Số ghe này chạy ra, chạy vào để chở cây, mỗi chuyến hơn 8 cây số.

Thầy Tư Nhu vẫn chàng ràng để nài nỉ:

- Nếu chú em không cho tôi hùn vốn hoặc xem phong thủy thì thôi. Bây giờ tôi muốn giúp công, chẳng cần đền ơn, chú em nghĩ sao?

- Giúp vụ gì?

- Bữa nào khởi công “xuống nò”, tôi xem giùm ngày giờ, theo sách vở ông bà để lại. Tôi lựa ngày “bổ tróc” tức là ngày hên.

Hai Nhiệm sức nhớ tới danh từ bổ tróc ấy:

- Tôi nghe người ta nói nhiều về ngày đó. Xây nò thì phải hạ thủy đúng ngày bổ tróc, như người cất nhà xem ngày để gác đòn dông.

- Chú em hiểu bổ tróc là gì không? Bổ tức là bộ, là búa, búa lưới. Tróc là bắt, nã tróc. Chú em cho biết tuổi tác để tôi “đánh tay” cho.

Hai Nhiệm nói với giọng tức giận:

- Tôi thì chẳng cho thằng cha nào hùn vô hết! Năm nay tôi “xù” cái vụ coi tuổi, coi quẻ bát quái, coi ngày bổ tróc. Mình hên thì mọi việc đều xong. Nếu hết thời, một trăm ông thầy nò cũng không cứu nổi. Hơn nữa mỗi “cha” thầy nò bàn một cách; cha nào cũng tự xưng là thần, là thánh tối ngày ngồi trên đất cạn mà nói chuyện cá tôm dưới đáy biển.

Thầy Tư Nhu cau mày:

- Chú em quá gắt gao đối với tôi.

Trẻ tuổi, háo thắng, nhưng Hai Nhiệm vẫn hiểu cái thủ đoạn đối nhân xử thế. “Quý thần kính nhi viễn chi”. Nên kính trọng ma quỷ, thần thánh nhưng chớ khá lân la với họ - nghĩa là nên lánh xa chùng nào hay chùng ấy. Muốn tống cổ thầy Tư Nhu ra khỏi nhà chỉ còn biện pháp cuối cùng như sau:

- Xin thầy coi giùm ngày “tróc bổ”, à, ngày “bổ tróc”, tôi nói lộn ngược lộn xuôi.

Một lần nữa Hai Nhiệm sa vào quỷ kế của Tư Nhu. Thầy ung dung móc “bóp”, đem ra tờ giấy nhỏ, đây chỉ chút chữ nho lẫn chữ quốc ngữ.

- Suốt đêm hôm, tôi lật tất cả sách vở, đem tất cả bửu bối để giúp chú em. Chú em thương thì tôi nhờ, trách mắng thì tôi chịu. Tôi làm việc theo lương tâm, theo nghiệp tổ. Nếu không coi ngày bổ tróc giùm cho chú em, rủi xảy ra điều thất bại, tôi hối hận lắm. Đây, chú em, ngày mốt nên hạ nò cách bờ biển chùng 20 dặm, phía Tây Nam, giờ Thìn. Chú em ngóng về phía Tây Nam. Chùng nào thấy một cụm mây tròn màu tím hiện ra là...

Hai Nhiệm cười khanh khách:

- Là tàn mạng. Thôi cảm ơn cha nội! Chộn rộn quá. Tôi cãi lời một phen xem sao. lát nữa, tôi khởi công lập tức, chạy ghe buồm ra ngoài khơi, gặp chỗ nào cao hứng là tôi dừng lại. Mây trắng, mây dài, mây lốm đốm màu gì cũng là điềm tốt cả. Thôi về đi, chùng nào trúng nò, tôi đền ơn hai lít rượu với một cái mền để dưỡng già.

- Sao chú em không nói luôn là để liệm tôi trong hòm. Nhất là phá Sơn Lâm, nhì đâm Hà Bá. Chú em nhỏ tuổi, nghĩa là còn nhiều dịp để thành công nhưng cũng còn nhiều dịp để thất bại. Nhớ lấy đó! Răn lấy đó!

Nò đã xây rồi từ hơn mười ngày qua.

Hai Nhiệm cười với thiên hạ mà gan ruột thì nát như tương, giống hệt tâm trạng kẻ ngồi sòng bạc chờ đợi người “cái” khai con đề. Anh ăn ngủ không theo giờ giấc như định, lắm khi đói mà ăn không ngon, không buồn ngủ nhưng ráng dỗ giấc ngủ để trấn tĩnh bộ thần kinh quá căng thẳng khi gió từ phía Nam thổi lộng về sớm hơn mọi năm đến hai tháng.

Nhiều khi, anh ta thức giấc nửa đêm, thấy mơ hồ trước mắt có ngôi nhà ngói. Dưới ánh đèn “măng sông” sáng choang nào là máy hát, nồi cháo bằng nhôm, tranh cảnh bên Tây treo đầy vách. Tóm lại, từ địa vị “thường thường bậc trung” anh leo lên nấc thang phú quý tột bậc xóm này. Có vài buổi bình minh u ám, anh cúi mặt, nghĩ tới trận giông Nam ác liệt đang sắp sửa hoành hành ngoài khơi, đánh tan tành cái nò trị giá trên 40 ngàn đồng trong nháy mắt, bao nhiêu cây rào đều tróc gốc, năm xiêu vẹo như hàm răng long của bà lão trên bảy mươi tuổi.

Ngoài cửa, thầy Tư Nhu xuất hiện với gương mặt rờn rờn nước mưa, với bàn tay che giấu dưới nách.

- Chú em đừng lo, hễ buồn hoặc lo ngại thì uống rượu với tôi.

Hai Nhiệm nhướng mắt. Chai rượu của thầy Tư là thủ đoạn gây cảm tình, nhưng giờ phút này nó trở nên cần thiết. Tư Nhu nói:

- Lời tục thường nói: Bách văn bất như nhất kiến. Nghe nói hồi hôm cá vô nò của Tư Chối, của Hai Xịu ở Xẻo Bần. Hai cha đó, xúc được bốn ngàn con cá mè đường, mổ lấy bong bóng, lập tức bán cho ghe Hải Nam từ Xanh Ga Bo qua chịu mỗi. Còn xác cá, mỗi con nặng hơn mười ký lô, mấy chả bỏ ngoài biển. Bong bóng cá bổ khỏe hơn sâm Cao Ly, nhà giàu ưa lắm.

Hai Nhiệm gật gù:

- Vốn 40.000 đồng, trong một đêm thâm vô gần 100.00 đồng! Ngon quá. Hồi hôm kia, tôi ra thăm dò một lần rồi. Buồn quá chưa có “màng

màng gì ráo!

- Ít ra trong bụng nó cũng có lai rai vài con gì chớ!

- Đôi ba trăm con cá chim, xúc uông công, bán mười đồng bạc là cùng!

Thầy Tư Nhu đứng dậy dậm chân:

- Trời đất ơi! Chú em khờ khạo quá. Hể cá chim chịu vô, tức là hai ngày sau cá mè đường kéo tới tràn nó, bể nó ăn thua. Hiện giờ ở trong cái nó của chú em có hơn 100.000 đồng rồi. Ra coi thử mới được. “Bách văn bất như nhứt kiến”. Nghề làm nó quý ở chỗ chủ nó đích thân coi sóc từng giờ từng phút. Năm nhà nghe đồn phong thanh hoài, tức chết đi!

Nghe lời nói chí lý ấy. Hai Nhiệm quát to:

- Bạn ta đâu? Tay lưới đâu? Tụi bây ra ngoài nó với tao, với thầy Tư một phen để xúc cá.

Vài đứa căn nhắc:

- Trời nổi giông, biển động mạnh từ hai đêm rồi, cá tôm gì mà xúc. Đi ra ngoài khơi, để ngấm cảnh họa may. Nhưng trời mưa giông có cảnh gì mà ngấm? Chẳng lẽ mình ra ngoài để kiếm vài cái thầy ma chết trôi?

Thầy Tư Nhu nói gắt:

- Đứa nào nói bậy đó? Ở nhà nghe không? Tao cấm tuyệt không cho đứa nào đi theo tao.

Thầy Tư Nhu dạy qua Hai Nhiệm:

- Chú em nghe nó chửi tôi không? Làm ăn, nên tránh những tiếng nói đem xui xẻo.

Bây giờ Hai Nhiệm đâm ra cảm động trước thái độ quá ư thành khẩn của Tư Nhu. Anh bắt buộc tên gia nhân ấy ở lại nhà. Đoàn ghe lên đường, xông ra ngoài khơi, dưới trận mưa tối tăm trời biển. Trống ngực Hai Nhiệm đánh thành thành. Thầy Tư Nhu đưa chai rượu lên môi mà ực liên tu bất tận, tưởng chừng như nếu ai gỡ chai rượu ấy ra, thầy mất phần hồn lẫn ra chết xiu. Hàng rào xuất hiện. Mớ cây đước cắm giăng hàng ngang để chặn cá vẫn đứng vững trước bão táp phong ba. Đoàn ghe nương theo đó mà tiến vào bụng nò. Hai Nhiệm và thầy Tư đều đứng thẳng người.

Bụng nò còn nguyên chưa hư hao. Vài bầy cá chim bay nhảy khỏi mặt nước, rớt xuống khuấy dạn.

Tư Nhu bỗng run rẩy:

- Con gì? Ghê quá! Trời đất ơi là Trời! Hai Nhiệm hỏi như cà lăm:

- Thầy nói gì? Tôi đâu thấy? Thầy ma hả?

- Đâu có! Bữa nay không có thì mai một có cá. Mình được quyền chờ đợi. Đợi ba tháng nữa mới mẫn mùa nò. Nhưng mà nó ở dưới đáy biển kia, nó sủa soạn nổi lên. Nó sống nhẩn. Nó không phải là người. Tôi thấy vài lần rồi.

Trong giây phút, Hai Nhiệm nhớ tới cá nước, cá “vuông”, loại cá ông thứ nhỏ thường xông pha vào để phá nò. Anh ta cãi lại:

- Đâu có! Nếu là nó, thì nó xịt vòi nước rồi quậy âm âm chìm ghe chìm xuống rồi.

Từ dưới biển một cái đầu đỏ hói nổi lên, to và tròn bằng trái dưa khô thứ lớn nhất: miệng nó há ra giống như mỏ chim, mắt nhắm híp lại.

Con quái vật ấy như bất chấp số khán giả trên mặt biển. Hai Nhiệm run lấy bầy:

- Vái Bà Cậu, mô Phật. Cầu xin Thủy Long chớ vị... Rồi day qua thầy Tư Nhu:

- Con gì vậy? Ông gì vậy?

Thầy Tư im lặng vì cái đầu đỏ hói ấy đã lặn xuống biển.

Mặt nước lại xao động. Lần này một thân hình to lớn trời lên, thoát nhìn qua giếng hết như con trâu nằm vũng. Trên lưng nó, nhiều miếng vảy xanh lè đầy rong rêu, trơn nhớt, sắp đặt theo kiểu vảy trên lưng rùa. Từ đầu tới đuôi, thầy Tư Nhu đếm kỹ thấy có tám cái sọc nổi cao lên, chạy song song.

Thầy buộc miệng quát to:

- Con Bà Tám! Loại rùa khổng lồ có tám cái sọc trên lưng. Nghe đâu nó ở miền Xanh-Ga-Bo, lâu lâu xiêu lạc qua xứ mình. Phải đuổi nó ra cho khéo léo, kéo bao nhiêu cây nọc cây rạo của nó mình ngả nghiêng hết.

Hai Nhiệm thọc cây chèo xuống đập thử vào mai con rùa mang danh là Bà Tám. Nó im lìm, ngóng mỏ, trông hiền lành quá. Anh nói:

- Tại sao mình không bắt nó về, bán cho quan chánh tham biện chủ tỉnh, nuôi rồi đem về bên Tây.

Dường như con Bà Tám biết nghe. Đột nhiên nó cựa quậy vòng vo, quậy nước âm âm rồi nhắm vào hông nó mà xấn tới. Hàng chục cây nọc gãy rôm rốp, dây mây đứt tiện. Như một giắc chiêm bao! Con Bà Tám đã đi rồi, to bằng cái lu thứ lớn, sau khi đập phá.

Cái nó còn vài di tích mơ hồ trên mặt biển. Hàng rào vô dụng dài cỡ cây số còn đó, bụng nó bị bể. Mấy cây nọc còn sót lại đu đưa, rồi biến mất khi sóng ngoài khơi bỏ vôi báo hiệu trận giông Nam.

Về tới nhà, Hai Nhiệm nằm thở phào, thầy Tư bèn an ủi, khi cơn giông làm rung chuyển căn nhà nhỏ bé:

- Tại chú em ỷ tài ỷ sức, xuống nò không đúng ngày “bổ tróc”. Người làm nò giống như cô gái hái đóa hoa ngày xưa trên gành đá, bên Xiêm.

Hai Nhiệm nhìn thầy Tư Nhu:

- Làm cách nào bây giờ? Nợ của Xìn Phóc 40.000 đồng. Năm nay hoàn toàn thất bại. Liệu năm tới nó dám cho tôi mượn thêm để thử thời vận! Mình đâu bắt được con Bà Tám đem về chủ nợ coi để làm bằng cố!

Thầy Tư Nhu nâng chén rượu mà lẩm bẫm:

- Có thứ khác, gọi là con Bà Ba, trên lưng có ba sọc. Hồi còn đi làm mướn cho ông chủ Rờ Nô ở đảo Phú Quốc, tôi nghe ông nói đó là giống rùa xưa từ vài triệu năm về trước và sót một mớ ở Thái Bình Dương, ăn no dưới biển, về ngủ trên bãi. Súng cà nông bắn, nó không sợ. Biển xứ mình ăn thông với... năm châu bốn biển. Đời tôi gặp con Bà Tám này lần thứ nhất... bấy lâu, nghe đồn đại...

Hai Nhiệm đáp:

- Tôi cũng gặp nó lần thứ nhất. Tôi không tốn một xu, còn Xìn Phóc thì tốn 40.000 đồng. Năm tới, chắc tôi trở lại nghề móc cua, bắt ba khía ở bờ biển. Chủ nợ dư hiểu, chẳng bao giờ thưa kiện ra tòa. Luật giang hồ mà.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Con Cá Chết Đại:

Chiếc xuồng lướt tới ngon trớn. Hồng như không hay biết, mãi mê nhìn cánh đồng lúa chín hai bên bờ rạch. Nàng nghĩ đến ngày mai. Mẹ con nàng từ Long Xuyên đến miệt Rạch Giá làm mướn với hy vọng đem về vài gạ lúa sớm và một hũ mắm.

Bỗng dừng Huệ, con gái nàng, ngừng tay day mặt lại, buông mái dầm lơ lửng:

- Mẹ, ai kìa mẹ!

Hồng ngược lên, từ nãy giờ nàng đã thấy kẻ lạ mặt ấy rồi. Hẳn tên là Hai Ty, ai cũng biết mặt. Hôm qua, lúc đậu xuồng bên trại ruộng, Hồng nghe thiên hạ thuật lại vài giai thoại đáng ghét về nhân vật Hai Ty. Đại khái, hẳn có vợ rồi nhưng chẳng bao giờ sống gần vợ. Hẳn xuất hiện tại xóm này như một hiện tượng quái đản: suốt ngày rong chơi, nơi nào động dao động thớt hoặc có gái đẹp, đàn bà là hẳn đến.

Hẳn không làm nghề gì rõ rệt, vẫn sống thênh thang ở cái xứ “trên bờ có lúa, dưới sông có cá”.

Huệ còn thắc mắc, nhắc lại lần nữa:

- Mẹ! Ai kìa! Hồng lên tiếng:

- Ai thì mặc họ, mẹ con mình lo bơi xuồng.

Hai Ty cau mày, đứng trên bờ rạch hút thuốc rồi hình hình mũi, thở ra hai làn khói. Trông hăn bi ối, hơi ngốc, mái tóc sừng lên như rễ tre. Trong phút giây, Hồng có cảm giác mình gặp tên lâu la đến chặn đường. Làm sao bây giờ? Nàng muốn tri hô lên, dù Hai Ty chưa phạm tới tội gì rõ rệt. An ninh và trật tự trong xóm đâu bị lung lay vì sự có mặt của hăn. Nàng hơi mừng vì đằng kia còn xóm nhà khá đông. Lát nữa, nàng sẽ ghé lại xóm nhà. Nhưng Hai Ty rõ là kẻ lì lợm. Hăn từ từ bước lại như muốn chặn xuồng.

Huệ nói khẽ:

- Thằng cha vô duyên quá. Để con mắng nó một trận. Hồng cản lại:
- Đừng để mẹ xem thử.

Hai Ty vụt cái tàn thuốc xuống nước ngay trước mũi xuồng. Để tỏ rằng ta đây nào thiếu bản lĩnh, Hồng lên tiếng:

- Anh muốn “quá giang” qua sông?

Dụng ý của Hồng là sỉ vả, liệt Hai Ty vào hàng ngũ những con “dê xồm” đòi thỏa mãn yêu đương trong chốc lát. Hai Ty cứ cười hì hì:

- Cô lầm rồi. Tôi mời cô lên bờ.

Huệ tức giận, lên tiếng để hỗ trợ với mẹ:

- Ông không quá giang thì mình cứ bơi tới, hơi đâu mà hỏi.

Hồng không nghĩ rằng mình là kẻ đang yếu thế. Tuy “mẹ góa con cô”, nàng đã nuôi con đến khôn lớn. Nàng dám xuống miệt này để gặt lúa và làm mằm, bất chấp đường xa.

- Ủa! Bơi đi đâu lạ vậy? Tôi đâu phải ăn cướp. Tôi là đứa biết điều, giàu lòng nghĩa hiệp. Đòi tôi cô độc lắm. Tôi nhảy xuống rạch bây giờ!

Đòi tự tử để hãm dọa kẻ giàu tình cảm chẳng? Hồng mỉm cười để lộ hai núm đồng tiền:

- Chết đâu chết phứt đi. Lì lợm quá. Để người ta làm ăn.

Hai Ty nói:

- Tôi nhảy xuống rạch để núm chiếc xuồng của cô.

- Đủ rồi nghen! Đừng nói dai.

Hồng nghiêm mặt, mắng lớn. Những lời mắng nhiếc tương tự như thế đã lọt vào tai Hai Ty hàng trăm ngàn lần rồi. Hấn nghĩ thầm: “Hồng muốn nói to để cho con gái nghe vậy thôi. Trước mặt con, nàng muốn tỏ ra gương mẫu”. Phải chi nàng bơi xuồng một mình thì chưa chắc hấn bị mắng oan như thế.

Bỗng dưng Hai Ty cảm thấy hãnh diện “thất bại là mẹ thành công”. Và lại hấn chưa thất bại. Chiếc xuồng cứ lướt vùn vụt. Hấn chạy lúp xúp theo. Hồng quả là người đẹp đã đành, nhưng từ phía sau nhìn tới thì càng đẹp hơn. Hấn thầm cảm ơn định mệnh khiến hấn gặp Hồng mùa gặt năm nay. Mấy năm trước nhiều cô gái mơn mớn chưa chòng đến xóm này gặt lúa hoặc làm mằm. Họ thuộc vào hạng mặn mòi, tóc dài mắt đen, cườm tay no tròn. Tuy nhiên, hấn chưa bao giờ sáng sốt, ngơ ngẩn như khi gặp Hồng lần đầu tiên. Hôm qua, lúc mẹ con Hồng nấu cơm bên nhà ông hương Cả, hấn nhìn trộm hàng giờ rồi về nhà mang bệnh mất ngủ. Hấn nhớ rõ dáng điệu những cậu trai tơ, những người tuổi sồn sồn đứng ở nhà ông hương Cả. Trầm trồ khen ngợi người đẹp là quyền riêng của mỗi người. Hấn đứng lặng thinh mãi đến khi có người bên cạnh chế giễu thẳng vào mặt:

- Thăng cha Hai Ty này mê mệ rồi đa! Mọi lần, nghe đồn thăng chả đạo đức lắm.

Hai Ty bẽn lẽn:

- Bà con phá tôi hoài. Lần này tôi cương quyết đập lên xác chết của kẻ nào ngạo mạn, dám qua mặt tôi. Tôi nhường nhịn lắm rồi. Ai khen đứa con gái của “bả”. Tôi già, tôi giành “bả” riêng cho mình.

- Nghĩa là cha nội đòi “cưới” “bả”.

Hai Ty hiên ngang nhìn mọi người rồi nói nhỏ:

- Cưới gấp. Vái trời.

Cả bọn cười rộ lên, Hồng vẫn ung dung chặt nước cơm để chứng tỏ mình vẫn bình thản. Nàng muốn nói thẳng: “Các anh dở hơi quá: đàn ông mà làm vậy, đàn bà nó khinh”.

Chỉ tội nghiệp cho Huệ. Nàng ngỡ mình sắp bị bao vây nơi xứ lạ quê người.

Đêm đã khuya.

Hồng nói với con gái:

- Huệ à! Con đi ngủ sớm để mai lo gặt.

Trước khi chui vào nóp, Huệ lộ vẻ sợ sệt. Căn chòi trống trải quá. Rủi bọn bất lương và nhất là Hai Ty đến hăm dọa thì kêu cứu quá trễ.

Đoán được tâm lý con, Hồng nói ôn tồn:

- Ở đây gần xóm. Chẳng lẽ mẹ con mình ngủ nhờ trong nhà thiên hạ. Cọp, gấu gì đâu mà sợ! Thiên hạ còn gặt lúa, ngủ ngoài trời, sát mé biển nữa kia.

Nằm trong nóp hồi lâu, Hồng cựa quậy vì tiết trời hơi nực, ngứa ngáy. Nàng tung nóp ngồi ngóng vãn vơ. Đêm ở miền biển cũng thơ mộng, nếu không có muỗi cắn. Nàng đặt mấy que củi vào bếp un, rồi nghĩ đến công việc ngày mai. Dưới rạch, nước gần cạn. Cá lóc tấp mồi

nghe ðùng ðùng. Xứ này nhiều cá hơn mức tưởng tượng của nàng. Nếu siêng năng, có thể câu hoặc tát mấy vũng cạn, khỏi tốn tiền. Dưới ánh trăng, cá đua nhau đớp bọt như nôi cơm đang sôi.

Bỗng một cục đất khá to rơi tõm xuống rạch, trước mặt Hồng chừng vài bước. Nước văng lấp lánh. Nàng nói hoảng:

- Ma nhất hả! Trời! Có giọng cười the thé:

- Tôi mà! Chừng này cô chưa ngủ? Hồng phát giận, nghiêm giọng:

- Anh này kỳ cục quá. Chừng này tới đây làm gì? Hai Ty nghiêm nhiên đến ngồi trước mặt Hồng:

- Cô biết rồi mà còn hỏi hoài. Tôi tới vì tôi ngủ không được.

- Tôi la làng bây giờ!

Hai Ty với tay để khều nhẹ bàn tay Hồng:

- Đừng nói lớn.

Rồi quay qua chiếc nóp của Huệ.

- Cháu nó ngủ rồi hả?

Hồng rút tay lại kịp thời. Hai Ty đem gói thuốc rê vẫn rồi hút phì phà cho đỡ ngượng. Bầu không khí trở nên im lặng. Huệ vẫn ngủ say trong nóp.

Hồng ngồi lui lại bên con. Bấy giờ Hai Ty nói khẽ:

- Cô xuống đây làm gì? Tôi sẵn sàng giúp cô.

- Tôi biểu anh về nhà. Tôi không muốn nghe thiên hạ đàm tiếu.

Hai Ty làm mặt lý:

- Tôi không có nhà. Thưa cô, tôi muốn thăm cô trong giây lát. Xóm này chẳng ai đàm tiếu. Mấy người gặt lúa, giăng câu họ thức nói chuyện sáng đêm để nói chuyện một mình.

- Bây giờ, ừ được rồi, tôi sẵn sàng nói chuyện nhưng nói chuyện khác. Chuyện đó chán lắm, chuyện khác là chuyện làm ăn, lo sống...

Vô tình, Hồng lọt vào cạm bẫy tình cảm của Hai Ty. Hấn vẫn thêm điều thuốc, lần lượt trình bày cách thức kiếm cá để làm mắm rế tiền nhứt ở xóm này.

- Sáng mai, cô đi theo tôi. Tôi bảo đảm. Sắm vòng vàng, cất nhà lâu thì tôi chịu chớ kiếm chừng trăm ký lô cá để ợt. Cô hãy tin nơi lòng thành thật của tôi. Nếu nói dóc, mặt mũi nào tôi nhìn cô. Nếu cô không nhìn tôi, tôi chết.

Hai Ty mừng thầm, hiểu rằng đã đến lúc từ biệt. Ở đây mãi, câu chuyện sẽ hóa ra nhảm nhí. Anh đứng dậy, nói run run:

- Cám ơn cô. Hồi nãy, cô nói hơi ác độc.

Hồng gật đầu:

- Cũng tại anh nói dai.

- Cô nói sao? Tôi ngồi đây cho tới sáng.

- Thôi, lỗi tại tôi. Sáng mai tôi chờ anh tại đây.

Ra về, Hai Ty phờ phợt trong lòng. Anh đến quán chú Ky, đập cửa om sòm:

- Bán một chai rượu thuốc con cạp coi!

Chú Kỳ thừa hiểu tính nết Hai Ty. Tuy hẳn chưa phải là thân chủ lớn nhưng ít khi thiếu chịu. Chú nói đùa:

- Làm gì hăng quá vậy?

- Bữa nay tôi là một ông vua nghe chưa!

Rồi hẳn đến từng người bạn, đánh thức, hối thúc đốt đèn. Hẳn hứa cho người này cái nón ni, cho người kia chiếc xuồng. Và vài ngày nữa hẳn sẽ làm việc với lý do còn giữ bí mật.

Hồng căn dặn:

- Huệ à! Con gặt lúa cho rồi công. Mẹ lo kiếm cá.

Mặt trời mọc rồi đó.

Huệ áy náy vô cùng. Hai Ty ngồi sẵn dưới xuồng. Nơi giữa khoang, hẳn trải chiếc chiếu sạch sẽ. Huệ chưa hiểu mẹ nàng đi đâu với gã xấu nết này. Huệ nói khẽ:

- Kiếm cá mà như đi ăn giỗ. Thôi, mẹ ở nhà với con. Con không chịu như vậy đâu.

Dè đâu câu ấy lọt vào tai Hai Ty, hẳn nói:

- Cháu đừng lo. Đi ban ngày. Đi rồi về bây giờ. Tôi đâu có nói giỡn hời nào đâu.

Cực chẳng đã, Hồng xuống xuồng quay mặt về phía trước.

Hai Ty bơi thật hăng, bơi ra phía vàm biển. Hai bên bờ rạch, cây mắm, cây vệt mọc um tùm. Gió thổi mạnh, nàng lắng tai nghe rồi nói nhanh:

- Anh đưa tôi ra ngoài biển hả? Tôi muốn về. Sóng gió tôi sợ lắm.

Hai Ty vẫn cố lý vừa bơi vừa hỏi.

- Xin lỗi cô tên gì? Cô có gia đình chưa?

- Tên Hồng, vợ chồng tôi xa nhau, ở riêng từ mười mấy năm rồi.
Biết vậy là đủ. Còn anh?

- Đừng hỏi, tội nghiệp tôi. Cô biết tôi như vậy cũng là đủ rồi.

Một con cá lóc bỗng nhảy dựng lên cao, rơi xuống. Cá giẫy mạnh,
như chạy nhanh trên mặt nước, Hồng thích chí:

- Cái gì vậy? Anh bơi xuống tới thử coi.

Con cá nọ nằm ngửa đưa bụng trắng phau, quạt đuôi nhẹ nhàng rồi
nằm nghiêng. Để làm vừa lòng người đẹp, Hai Ty chụp con cá, ném vào
xuồng.

Hồng day mặt phía sau. Hai Ty cau mày. Từ nãy giờ nàng chỉ thấy
con cá. Nếu không có con cá đó chắc mình chẳng thấy mặt nàng. Con
cá tốt phước hơn mình nhiều. Bàn tay Hồng vuốt mắt cho con cá đang
chết, nhưng mắt nó cứ mở trao tráo.

Nàng hỏi:

- Ủa! Sao lạ vậy? Cá mang bệnh chẳng?

- Gặp ngày may mắn, tôi muốn cho cô thấy vài chuyện lạ. Bữa nay
mười sáu trăng tròn. Hồi đêm qua, nhớ cô quá tôi đánh bạo tới chòi để
thăm cô và thăm cá.

Ngỡ rằng Hai Ty buông lời thô tục, Hồng im lặng.

Chẳng lẽ giữa ban ngày hăm dấm giờ thói vũ phu.

Qua khỏi gốc cây bần quỳ, Hai Ty quẹo xuống vào bãi:

- Mời cô lên chòi!

Nói xong hấn vác chiếc chiếu, nhảy xuống bùn, tay kéo xuống, tay vịn chiếu. Căn chòi quá nhỏ, tư bề có kèn, ô rô và nhiều loại cỏ hoang mọc um tùm:

- Mời cô nhảy cho khỏi lấm bùn.

Hồng còn do dự. Trong khi ấy Hai Ty trái chiếu lên bộ vạc. Gió thổi hù hù, sóng vỗ vào bãi nghe như gằn lăm. Hồng ớn xương sống, có cảm giác như lọt vào động quỷ của tay thầy bùa đang chực giết người để luyện thiên linh cái!

Bầy khỉ kêu chót chét, hái trái bần chín mà ném xuống. Hồng đau khổ quá chừng. Nếu Huệ gặp mẹ trong cảnh này, nó sẽ nghĩ những điều oan uổng.

- Mời cô nằm nghỉ trên vạc. Tôi trái chiếu rồi đó. Sau khi ngồi mỏi lưng, cô nằm cho khỏe, chòi này của thiên hạ bỏ hoang. Tôi chiếm cứ.

Hồng lắc đầu:

- Cá ở đâu, tôi muốn trở về. Anh không về thì tôi về. Đừng gạt tôi.

- Úa! Cô nói lạ vậy. Tôi ngồi ngoài này. Cô nằm nghỉ trong chòi một mình.

Rồi Hai Ty kể thao thao bất tuyệt:

- Tôi gặp cô vào lúc may mắn. Âu cũng duyên trời đặt. Ở xứ này, mỗi năm lại có một lần “cá đại”. Nước mặn cuối năm tràn vô rạch. Bao

nhiều cá lóc quen nước ngọt bị say nước mặn, chạy trốn không kịp, chết trôi lơ lờ như con cá hồi nãy cô thấy đó. Vùng rạch hoang vu này thuộc về cô. Sáng mai nước biển sẽ tràn vô rạch lần đầu tiên. Lứa cá đại đầu mùa thuộc về tay cô rồi đó. Cô tha hồ mà bắt trên khúc rạch mình bơi qua nãy giờ.

Hồng chợt tỉnh, dè dặt Hai Ty từ tế mức ấy, nhưng đối với nàng, chừng nào cá vào tay thì mới chắc ăn. Giờ đây cá còn lội dưới nước.

Nàng mỉm cười, hai núm đồng tiền rung rinh. Hai Ty nói:

- Thiên hạ lo đào đìa, xây rọ, giăng lưới để bắt cá. Hoặc họ sấm ruộng đất lập vườn lấy huê lợi để mua cá. Còn tôi, mỗi năm uống rượu phủ phê vài ngày, lúc trăng tròn cuối năm nhờ mớ cá trời cho này. Gặp cô, tôi bơi xuống đi ra ngoài mé biển này cho cô tin. Tài sản của tôi là bao nhiêu đó.

Hồng gạt đầu. Dưới rạch một con cá lóc to trôi đầu lên, chạy lướt vào bãi, giẫy giụa rồi nổi linh bình, nàng với tay bắt.

- Cá này ngon, còn tươi để tôi đem về chồi cho con Huệ nó mừng.

Nét mặt Hai Ty nhăn nhó đau đớn khôn tả, quả là tâm trí Hồng mãi nhớ tới con cá và đứa con gái thân yêu. Chừng nào nàng mới nhớ đến mình? Hẳn thờ dài:

- Cô về trong xóm một mình. Tôi ở ngoài suốt đêm. Cứ để tôi ở đây. Hừng sáng mai, cô nhớ thức sớm, rủ cháu Huệ đi theo xuống. Gặp cá là vớt, cá vô chủ là cá của tôi. Không ai tranh giành. Xứ này thiếu gì cá.

Hồng bịn rịn:

- Anh về trong xóm chó!

- Không! Tôi ở đây. Cô về cho sớm.

Vào khoảng tám giờ sáng hôm sau, Hồng và Huệ bơi xuống ra tới chòi của Hai Ty. Khoang xuống đầy cá lóc chết dại. Cá nổi trắng mặt nước, hai bên bờ rạch không có nhà cửa, nên mẹ con Hồng độc quyền nguồn lợi ấy. Người ở xóm ngọn chưa hay cá đang chết dại vì nước lớn chưa chảy tới. Hơn nữa, cá lóc ở xóm ngọn đang cố gắng sống lây lất từng bầy chạy thoát về rừng. Hai Ty ngồi nép trốn bên sân chòi. Hồng mừng quýnh:

- Vậy mà tôi tưởng anh chết rồi chứ!

Hắn đáp:

- Mai cô về, tôi mới chết. À, cháu Huệ đem cá lên sân chòi mà mổ ruột đánh vảy, làm khô, làm mắm.

Hai mẹ con Hồng cười nói lảng xảng: cá nhiều, cá mập, cá bán có giá, cá bắt dễ dàng. Hồi lâu, Hồng sức nhớ Hai Ty.

Kìa! Hắn ngồi ngoài gốc cây bần, hai tay ôm đầu nhìn xuống đất.

Giọng Hồng thỏ thẻ:

- Để “em” đền ơn cho anh chút ít tiền.

Hắn nói gắt:

- Nín đi! Cá của trời đất chó đâu phải của tôi.

- Để “em” mua cho anh một chai rượu. Anh tính toán, làm ăn giỏi quá.

Hắn ngược mặt nói nhỏ:

- Cô xưng “em” với tôi thiệt tình hả? Tôi dại lắm.

- Thấy anh mà tội nghiệp. Rồi anh lấy gì mà sống.

- Nếu em chịu ở đây, anh có cách để sống hoài. Hết mùa cá dại, anh xoay qua bắt trăn bắt rắn. Toàn là những món của trời, không vốn liếng. Mai này em bắt rắn với anh nghe không? Rồi ở đây luôn.

- Lạy anh, em về xứ. Em sợ rắn lắm.

Hai Ty trợn mắt:

- Xứ nào?

- Ở Long Xuyên.

- Anh đâu dám theo.

Bao nhiêu hình ảnh phức tạp nhảy nhót trước mặt Hai Ty: Hồng sống với con gái, Hồng còn trẻ còn đẹp. Ở Long Xuyên, xứ văn minh, Hồng đã và sẽ là đóa hoa thơm để cho ông Tây kiếm lâm hoặc ông chủ nhà máy xay nào đó tới lui thường thức. Họ có ca-nô, họ có xe hơi, mình chỉ nên theo Hồng về Long Xuyên khi nào mình có chiếc ca-nô để đưa nàng. Mình đã thua kém thiên hạ từ thuở mới lọt lòng khóc oa oa chào đời, từ hồi mang bệnh giang hồ, thích gió rừng, yêu sóng biển.

Giọng Hồng ngọt ngào:

- Rảnh thì anh về xứ em cho biết nhà.

Hai Ty cười chua chát:

- Ở, anh tới nhà em, rồi anh già bộ đau vài ngày. Chắc em quăng anh xuống sông, bỏ xác. Xứ em đẹp lắm, nước ngọt mãi năm, ai nấy đều có làn da mơn mớn. Tới chiếc lá rụng còi cũng đủ màu sắc, thấy

mà thềm. Còn ở đây nắng cháy, nước mặn, anh như con cá chết đại.
Em thấy chưa?

Hồng day mặt chỗ khác. Bây giờ đôi mắt Hai Ty đỏ lòm với hai
giọt nước mắt chưa rơi xuống.

Hắn nói:

- Em biết cá “đại” là cá điên như chó đại, chó điên. Tại sao anh
điên, em biết không? Như con cá gặp luồng nước mặn ngoài biển đang
tới tấp. Nó không chạy kịp, nó chạy không nổi. Thà chết lờ đờ như vậy.

Gió biển vẫn thổi. Nhưng giữa hai người, không khí như đứng im
nặng nề. Huệ nói to, hươi cây dao:

- Mẹ ơi! Lại đây tiếp xẻ cá. Mẹ nói chuyện gì mà nói hoài vậy?

Vừa nói Huệ vừa vung tay đập đầu con cá đại, Hồng rợn người
khi nhận ra sự thật: Tuy chết rồi nhưng con cá vẫn còn mở mắt đỏ
ngầu, trao tráo như cá còn sống! Lần đầu tiên bàn tay nàng với tới Hai
Ty.

Huệ hơi bực tức:

- Ông đó nói cái gì vậy má?

Trong giây phút lảng mạn Hồng nắm tay Hai Ty.

Nàng nói với con gái:

- Đừng kêu “ông đó” bằng “ông đó”. Lát nữa mẹ về Long Xuyên
với con mà!

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Đường Về Quê:

Phải bánh xe là xe không?

- Không.

- Phải thùng xe là xe không?

- Không.

- Vậy thì tiếng “xe” chẳng là một tiếng không không.

Na Tiên Tì Kheo Kinh

Tiểu công nghệ không bao giờ chết! Tiểu công nghệ muôn năm! Những lời hoan hô ấy thường ám chỉ ngành dệt tơ lụa nội hóa, nhưng hôm nay, chúng tôi muốn áp dụng nó vào giới xe đồ lờ. Bên cạnh những công ty triệu phú gồm trên hai mươi chiếc xe tối tân, mỗi chiếc chở trên bốn mươi hành khách, chạy bon bon nổi giông nổi gió, thì xe đồ lờ rõ ràng là bé bỏng như những khung cửi cổ lỗ bên cạnh những máy dệt tối tân của Tây phương hoặc của Nhật Bản. Đây này, chiếc xe ngoại hạng, mang bảng số xa xưa từ đời CU... vì “tuổi hạc quá cao” nên “gối mõi da dùn” gặp khoảng đường xấu thì nhíp rít lên ken két và tuy mới sơn nhưng nổi u nần, xù xì như da con cóc tía, bạc màu.

Nói đến tiểu công nghệ là nói đến tánh chất gia đình. Chủ xe đã quá năm mươi tuổi, đảm nhiệm công việc “xốp phơ”. Cậu lơ xe người đồng

hương với ông, được chỉ huy theo đường lối gia trưởng. Thịnh thoảng nếu bị ông căn nhắc, rầy rà oan ức, cậu lơ cau mày rồi bỏ qua, như ngày xưa người cha áp dụng kỷ luật “phu xử tử vong”, “áo mặc không qua khỏi đầu”. Mỗi tối thứ bảy, vào khoảng một giờ trưa, cậu lơ và ông chủ không cần hò hét bắt mỗi. Đã có có một số thân chủ đến tìm. Đó là những thầy thợ về thăm gia đình. Họ không cần mang khăn gói vì ở nhà họ đã có sẵn bộ đồ mát để thay đổi. Tuần lễ đầu tháng, họ mua đem về từng ký lô xà bông, từng cái áo thun con nít, đôi ba ổ bánh mì. Ai dám bảo là đàn ông không biết đi chợ, không biết tiết kiệm từng đồng từng cắc?

Xe chuyển bánh chậm chậm, khi chạy hết tốc lực thì cũng không lạ hơn ai. Trên đồng hồ tốc độ, ghi rõ ràng từng cây số đến một trăm cây số nhưng cây kim đã liệt, đơng đờ như quả lắc... Ông “xốp phơ” nheo mắt, chú ý vào công việc tiểu công nghệ, cả tay ngọc gót vàng đều làm việc. Thoi nhật nguyệt đây là cái “vô lăng” và máy âm dương là bàn đạp “ga” xăng. Đó là nói theo bài thơ khẩu khí của vua Lê Thánh Tôn. Thi sĩ đời nay có lẽ sẽ ca ngợi thêm. Chiếc xe đồ lờ này là chiếc thoi dẹt những mỗi tơ giao cảm trên nẻo đường đất nước, đưa những giọt máu trở về tim để gạn lọc tìm lại những gì là lành mạnh v.v...

Tốc lực vừa phải của chiếc xe giúp cho du khách có đủ sự trầm tĩnh mà suy nghĩ. Xe chạy quá nhanh chỉ đánh thức sự kiêu hãnh và gây sợ sệt trong lòng người. Ra khỏi bến Chợ Lớn - Cây Mai, không khí thay đổi. Mưa đầu mùa đã nhuộm xanh vào rặng cây ở chân trời. Con trâu cúi đầu ăn cỏ. Đôi bóng người xê dịch trên bờ ven nhỏ, che dù. Ai cũng quen thuộc, nhìn nhau không ngỡ. Hồi làn sóng văn minh vật chất mới tràn tới, người ta ao ước được ngồi trên xe hơi, dẫu là xe đồ. Ngày nay khác hẳn, “Giấc Nam Kha khéo bất bình, bưng con mắt dậy thấy mình tay không”. Giá trị của đồng quê đã sáng chói, như viên ngọc quý bấy lâu không được ai lau chùi, nay lại chùng vào tủ kính. Vài người thỏa mãn trong giấc Nam Kha, tay nắm đầy châu báu nhưng khi thức tỉnh, họ cũng không muốn về quê để tạo lập một cơ sở, một phần mộ. Cát bụi trở về cát bụi. Chúng ta

muốn làm cát bụi ở thôn quê, vun quén cho lúa cho khoai, mấy ai muốn kiếp sau của mình được làm hạt cát bụi đô thành, ngọt thờ dưới lớp vách xi-măng cốt sắt, giam hãm trong mùi xăng nhớt?

Thôn quê là đây.

Cứ mỗi trưa thứ bảy, hành khách của chuyến xe lữ này sống lại những phút “lâng lâng chẳng chút trần ai”. Không cần ánh trăng “chênh chênh bóng chiếu trên rặng tre”. Không cần tiếng hò nhịp, tiếng giã gạo thật đều, thật nhanh của bản dân ca nào nhẹ nhàng xa đưa cả. Đây là những câu kinh, những tiếng chuông, tiếng mõ dành riêng cho kẻ chưa đắc đạo. Dưới ánh nắng đỏ lửa, nhìn những gốc rạ vàng cháy bên đường, khách hồi hương vẫn nghe hơi hướm của bông lai tiên cảnh đang len lỏi vào tâm hồn.

Ông “xốp phơ” nói:

- Chạy mau làm gì? Kỳ rồi có ông nọ chạy mô tô mở hết tốc lực 120 cây số. Qua “cua”, ông ta thắng lại thành linh để tránh chiếc cam nhông trước mặt. Nếu thắng không ăn thì chết. Đàng này, thắng rất ăn. Vì trốn rút tới bị chặn thành linh, anh ta nhảy nhồm trên xe, cần cổ gật lại, gãy cổ mà chết tốt. Xe vô chủ nhào lăn nằm dưới ruộng, máy vẫn nổ rầm rầm. Xe mình chạy như vậy là vừa. Thế nào tối nay mình cũng gặp vợ con... Mấy thầy đọc nhật trình không? Tôi có mua một số đây. Đủ hết: tử vi, tiểu thuyết, tin tức.

Một hành khách với tay cầm tờ báo lẩm bẩm đọc rồi chập sau nói với người trên xe:

- Bữa nay có tin này ngộ quá. Nè... con nít chăn trâu giỡn nhau, đưa làm Ngọc Hoàng, đưa làm ông Địa, đưa làm Thiên Lôì nè cầm ống quẹt mà đốt, làm phỏng nặng ông Ngọc Hoàng!

Có tiếng hỏi:

- Chuyện ở đâu vậy? Xứ đó chắc xa lắm. Con nít bây giờ ít biết giỡn điệu đó.

- Ở Tân Huê, Châu Đốc.

Người khác nói:

- Quê của vợ tôi đó! “Tân Huê, Tân Quới, Tân Long, ba Tân nhập lại không xong Tân nào”. Câu hát xưa nói về cù lao Tân trên sông Cửu Long. Con nít chơi dại quá. Cha mẹ không ai rầy la?

- Đâu có biết mà rầy la. Không ai dạy tụi nó trò chơi đó. Tụi nó chế ra. Miệt tôi, nghe nói hồi xưa con nít chẵn trâu cũng giỡn (rảnh mắt) một lần, nhờ vậy mà nổi danh. Móc đất sét tụi nó nắn hình người rồi đặt tên: đây là ông cả, đây là hương chủ, đó là ông hương sư, hương giáo, chánh lục bộ. Rồi hô một tiếng, tụi nó quăng mấy hình nơon đó xuống sông, lồm bồm. Đất sét thì phải chìm. Trời xui đất khiến, cứ sao có một tượng đất sét nổi lình bình. Đó là tượng ông hương cả. Hay được, dân làng thỉnh tượng đó về thờ, cất đình. Bây giờ còn danh là “đình chẵn trâu”. Nước mình xứ nào cũng có chuyện lạ.

Một giọng khác nói:

- Xứ của tôi ở xa lắm, vì mới khai phá nên sung túc. Trước năm kinh tế khủng hoảng 1930, giới điền chủ thiệt là no đủ, “trên ô-tô, dưới thời ca nô”. Đời văn minh, khó mà xảy ra chuyện linh hiển lạ kỳ như ông anh mới nói.

- Vậy thì buồn quá!

- Đâu mà buồn. Cũng có cất đình nhưng đâm đơn về Huế mà không được vua Bảo Đại phong sắc thần gửi vô. Dân chúng mới chế biến ra nhiều ông hiền, ông thánh mà thờ! Tam hiền, nhị thánh.

- Chẳng hay quý danh mấy ông đó là ai?

- Nói ra họ kiện chết. Đó là ba ông chuyên môn cho vay cắt cổ, tính theo bây giờ thì hồi đó họ ăn lời 3.650 phần trăm mỗi năm... tiền lời thì đem xây cất am Di Đà, đình Thần nông... Ba ông cho vay được bà con chế giễu là ba ông hiền.

- Còn nhị thánh?

- Là hai tay gộc, ruộng đất cò bay thẳng cánh. Tay thứ nhất mang tật mù từ thuở bé nhưng đá gà rất tài tình. Ông ta dùng tay mà rờ đầu, cổ, hông, cựa vảy... Đá trăm độ bảo đảm ăn chín mười chín độ rưỡi. Đó là ông thánh thứ nhất. Ông thánh thứ nhì là cậu công tử đi học trường “Bôn Đume” về. Một tuần cậu lái xe hơi ra chợ để nháy đầm. Cậu mang tật cà nhót một chân mà nháy đầm rất tài tình. Tây đầm ngán cậu ta quá xá!

Có tiếng cười khúc khích. Chập sau bầu không khí dịu xuống. Cậu lơ nói:

- Bà con ai còn chuyện gì ngộ nói ra chơi, trước mua vui, sau làm nghĩa nè. Coi chừng xe qua mặt nghe! Bà con cô bác rút cái tay vô, ló cái đầu ra!

Ông “sộp phơ” quát:

- Đừng hỗn mày! Bỏ cái thói đó nghe. Ở đây bà con cô bác ai nhỏ bằng tuổi mày mà mày nói giọng đó?

Một hành khách nói:

- Đứa cháu nó quen miệng nói cầu vui vậy mà. Ông già này khó tính quá ta. Nãy giờ sao ngồi êm rơ vậy?

- Ngồi êm chớ tôi nghe đủ hết.

- Vậy thì ông phải nói một chuyện gì để trả lễ lại chớ.

- Theo kỷ luật “sộp phơ” nghe bà con... thì tôi không được nói chuyện lúc hành nghề và không được ngồi gần gái đẹp. Rủi lãng trí thì hư hao. Nhưng mà bà con chằm chế giùm. Bữa nay không có cô gái đẹp nào ngồi gần tôi. Mấy cỗ kiếm xe tốt mà đi chớ đâu thềm đi xe này, mất “le” hết. Với lại tôi là sộp phơ lão thành, dẫu nói chuyện chớ luôn luôn nhớ nhiệm vụ. Bây giờ nói chuyện xứ tôi. Không có tam hiền, nhị thánh. Nhưng có ông tổng bảy, ông phó ba với thầy xã hai cắc chín. Từ chợ quận ra chợ tỉnh, hồi xưa chỉ có xe ngựa, mấy người sang trọng hể đi thì bao trọn một cỗ xe. Mỗi cuộc như vậy, thầy cai tổng cho “buộc bo” bảy cắc, ông phó tổng tiết kiệm hơn, trả giá ba cắc, thầy xã thì trả hai cắc chín xu thôi... Riết rồi thành “tà ríp”, thành danh “tổng bảy, phó ba, thầy xã hai cắc chín”.

- Tại sao thiếu một đồng xu?

- Vì sau ngựa phải qua đò, đò ăn một xu. Thầy xã bắt buộc chủ xe ngựa phải chịu tổn phí đó, nên chủ xe còn hai cắc chín. Bây giờ xin nói qua ông cai tổng. Về già ông sắm một chiếc xe ngựa riêng cho oai. Năm đó ông đi Sài Gòn mua được một con ngựa bắc thảo, thứ ngựa cao lớn đình dàng mà nhà binh Tây hồi xưa dùng để kéo súng “cà nông” lớn. Ngựa già, nhà binh dạt nó ra.

Mỗi tuần, con ngựa bắc thảo đó kéo xe, đưa ông cai tổng ra chợ để hầu quan chủ quận Châu Thành.

Năm ấy, dịp lễ 14 Juillet, tục gọi là lễ Chánh Chung, ông cai tổng đánh xe ra chợ tham dự. Kèn nhà binh thổi tồ te tí te, cờ tam sắc đi tiên phuông, theo sau là binh sĩ nai nịt chỉnh tề đều bước. Con ngựa bắc thảo bỗng nhảy nhồm, trở mắt. Ông cai ghì cương lại. Ngựa vẫn lồng lộn, hí vang rền. Giật mình, ông nhảy xuống.

Đoàn quân nhạc tiến lại, càng gần, kèn tò tí te như thổi trong tai. Con ngựa bắc thảo vụt hí lớn... phóng mình, dây cương vụt khỏi tay ông cai tổng.

Rồi đứng theo tinh thần kỷ luật, nó đến sắp hàng sau toán lính, đi biểu diễn. Ông cai tổng la hoảng, lính mã tà can thiệp đuổi con ngựa ra khỏi hàng ngũ. Nó đành thối lui, hằm hừ. Binh sĩ biểu diễn kéo qua, đi xa, vào thành.

Nhưng thừa lúc ông cai tổng sơ ý, nó vụt chạy lần nữa, chạy tuốt vào thành. Phải vất vả lắm mới đuổi nó ra ngoài được.

Rồi ông “sộp phơ” kết luận:

- Lời tục ví “ngựa quen đường cũ” là như vậy đó. Chiếc xe hơi này không khác gì con ngựa “xích thố” chở ông Quan Công theo đường cũ, ngày hai chuyến đi hai chuyến về như vầy hoài. Tôi thì như người nông phu đi dạo giữa hai bên đồng ruộng. Mùa cày, mùa cấy, mùa gặt, lúc mặt trời mọc thả trâu ra ruộng, khi chạng vạng nhắc nhen kêu... thấy thấy đều có mặt tôi.

Cậu lơ cười:

- Bây giờ thì ông thúc nó về đường cũ cho lẹ lẹ một chút. Mau lên con ngựa xích thố!

Ông “sộp phơ” nói buồn buồn:

- Con ngựa này già quá rồi. Vài năm nữa cho nó vô nhị tì xe hơi của Chệt ve chai ở đường Cây Mai. Còn tôi thì về vườn, xuống lỗ...

Nhưng khách bộ hành sẽ về đâu? Họ cúi đầu xuống, nghĩ đến cái lúc mà xác chiếc xe CU này hóa ra con quỷ vô thường. Từng bộ phận của nó sẽ trở thành những mảnh sắt vụn, những cây đục, con dao yếm,

như khi con trâu chết thì phân thây ra làm con cờ, lược chải đầu, mặt trống. Sanh kế sẽ đưa họ về đâu? Họ còn được về quê mỗi tuần một lần, đúng ngày thứ bảy? Hay là họ sẽ phát tài, dời cả gia đình lên thành đô để ngày đêm đầm ấm trong cửa rộng nhà cao? Hoặc là một trường hợp nào lòng sẽ xảy ra. Họ mất sở làm, không có tiền để về quê nữa, phó mặc việc sinh sống của vợ con cho vợ con đảm nhận. Rồi họ lê gót khắp đô thành từ Bàn Cờ, Phú Nhuận, Hòa Hưng, Tân Sơn Nhất, ăn gỏi nằm nhờ, nhìn lá me rụng bên vệ đường, nhìn bóng mát cây trướng cá nhà ai rồi hững hờ dang tay hái trộm thử một trái để tự an ủi.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Hai Cõi U Minh:

Nơi giáp giới làng Đông Thái và làng Vĩnh Hòa ở U Minh, có người còn gìn giữ một di tích lạ lùng: một manh áo đen bạc màu, cất giấu cẩn thận trong cái hộp bằng cây.

Nắp hộp ít khi mở ra cho ai xem vì chủ nhân cho rằng làm vậy thì xúc phạm tới vong hồn người từng mặc chiếc áo đó. Có từ trăm năm về trước.

Nhân lúc cao hứng, chúng tôi xem qua manh áo nọ rồi thò tay sờ thử. Chủ nhân vội vã gạt tay chúng tôi ra đẩy nắp hộp lại và nói:

- Đừng xúc phạm. Nó quý hơn ngọc ngà châu báu, nó linh thiêng hơn cái sắc thần ở đình làng.

Chúng tôi ngơ ngác, cho rằng chủ nhân muốn thổi phồng sự quan trọng của manh áo. Chủ nhân giải thích:

- Nhờ mồ hôi của manh áo này, nhờ tên của người mặc áo này mà từ trăm năm qua, người mình mới dám cất nhà dựng chòi ở chỗ này.

Rồi chủ nhân kể lại câu chuyện nghe qua thì hơi ly kỳ, nhưng găm lại cũng thông thường, có thể xảy ra.

Ngày ấy, dân số làng Đông Thái lại tăng một người. Vùng đất hoang mới khai khẩn, dân số tăng thêm không có nghĩa là thêm đứa con nít mới

chào đời. Người dân mới đến ấy non bốn mươi, hồi hai tháng trước đã theo cụ Nguyễn Trung Trực phá đồn Kiên Giang mà giặc Pháp vừa chiếm đóng.

Vài người đến làm quen:

- Ông là... ông Cai Thoại.

Ông Cai Thoại đáp:

- Tôi không còn cơ hội đánh giặc nữa. Tôi muốn ăn sĩ quy điền.

Nhưng điền đất ở mé biển, ven bờ U Minh bây giờ thuộc quyền sở hữu của ông Tống Bá. Và ông Tống nghiêm nhiên là người chủ điền duy nhất.

Ông Cai Thoại cưới vợ, cắt chòi giữa ranh đất của Tống Bá và khu rừng vô chủ gọi là U Minh. Trong đêm tân hôn, người vợ căn nhắc khuyên nhủ:

- Mình nên chí thú làm ăn, đừng gây gổ với Tống Bá. Ông giết người như giỡn, nghe đâu ông ra chợ Rạch Giá để nhận chức Cai Tổng với người Lang Sa. Thời đăng cựa làm Cai Tổng, qua tân trào ông muốn giữ chức cũ. Ông đáp:

- Nếu tôi gây gổ vì lẽ phải thì em nữ lòng nào cắt đứt tình nghĩa. Tánh tôi ít chịu thua ai.

- Tống Bá trả thù thì cả xóm mang họa lây.

Ông gật đầu:

- Dám tới đây tức là tôi lo liệu trước rồi. Gây gổ với Tống Bá làm gì! Ông ta là tên chúa ngục ở địa ngục trần gian.

Bà vợ mừng vô kể, đưa ra điều kiện:

- Nếu mình gây sự mình tính sao với em?

- Tôi nằm xuống cho mình đánh mười roi. Mình vững bụng đi, nhà cất ở ranh đất, sát bên rừng. Nếu xảy ra điều gì, mình còn chỗ nương thân...

Bà vợ lại sợ sệt:

- Mình rút lui vô rừng, phía U Minh Thượng hả? Trời ơi! Cọp nhiều lắm, vô đó là chết.

Ông nói giọng bí mật:

- Tiến vô chứ đâu phải chạy lui. Người nhút nhát như mình ưa nói bậy quá. Thà ở với cọp còn hơn ở với Tổng Bá.

Hôm sau ông Cai xách dao ra sân, đốn cây trúc khá to đem vào khoe với vợ:

- Đây này, sẵn có cây roi để dành đánh tôi.

Bà vợ cau mày, hiểu chồng mình là kẻ quân tử nhút ngôn, chẳng bao giờ nói láo với vợ đâu là trong phòng riêng, lúc ban đêm chẳng có ai làm chứng.

Ông Cai nói:

- Mình buồn hả?

- Buồn thì cũng buồn, ngặt nói ra khó quá. Em sợ mình ưa dạo chơi phía U Minh rồi gặp tai nạn bất ngờ.

- Vậy thì mỗi lần tôi dạo U Minh, mình cứ đánh tôi mười roi. Đàn bà phải có chút ít quyền hạn đối với chồng.

Bỗng nhiên từ phía rạch thứ Sáu, một tiếng nổ ầm ầm khiến chim cò bay như vỡ tổ. Đó là pháo tre của Tổng Bá đốt làm hiệu lệnh. Đôi ba tháng một lần, ông ta ra chợ Rạch Giá để “hầu” quan chủ tỉnh người Pháp. Từ nhà ông ta ra vàm biển, con rạch chảy cong queo, phơi bãi bùn khi nước ròng. Những lúc ấy, Tổng Bá đốt pháo huy động dân chúng trong điền tới kéo ghe.

Ông Cai Thoại nói:

- Tôi ra xóm vàm xem vụ gì.

Bà vợ lắc đầu:

- Mình cứ ở nhà. Tổng Bá bắt dân kéo ghe. Nếu mấy chú lính tới mình chạy ra sau rừng mà trốn.

- Người anh hùng vai u thịt bắp như tôi mà trốn à! Nếu vắng mặt tôi thì mấy người khác lại phải mệt sức. Tôi muốn tiếp với họ.

Nói xong ông Cai chạy một mạch ra xóm vàm. Tiếng pháo tre thứ nhì nổi lên. Bà vợ nhăn nhó mặt mày, đứng không yên, tưởng đến cuộc đấu khẩu và cuộc đâm chém sắp xảy ra. Chồng bà tuy hiền, nhưng đôi khi rất hung dữ, xem cái chết bằng chơi.

Đến xế trưa, ông Cai trở về với năm sáu người bạn trai. Bà mừng vì chồng mình còn sống. Bà lại lo âu vì bọn người ấy từng nổi danh làm nghề đốn củi, ăn ong rồi họ bỏ nghề, năn nỉ cất nhà trong điền của Tổng Bá vì cọp U Minh đã xuất hiện vài lần, giết người tha luôn xác. Phải chăng ông Cai Thoại rủ rê bọn họ trở lên rừng đốn củi ăn ong như dạo trước. Nếu đụng tới cọp, ông sẵn sàng trừng trị.

Ông Cai nói:

- Mình nấu cơm cho anh em ăn. Nấu thiệt nhiều để ăn no còn gói theo.

Ăn xong, ông từ già vợ, lên đường với bạn. Bà vợ chạy theo, rơm rớm nước mắt. Ông Cai trở vô nhà nằm sấp xuống đất rồi thét:

- Tôi thất hứa. Mình cứ đánh mười roi về tội tôi rút lui lên U Minh, ủa, tôi tiến vô U Minh!

Cực chẳng đã, bà cầm ngọn roi đánh vào mông ông Cai mười roi, tượng trưng.

U Minh là khu vực không biên giới rõ rệt, chẳng hiểu Đông, Tây, Nam, Bắc giáp với làng nào, xóm nào. Nơi khai thác xong thì mang danh xóm Giáp, xóm Ất. Đào kinh thì gọi kinh 4 thước (bốn thước bề ngang) hoặc kinh Chú Ky, kinh Bà Sứ, Bà Bình gì đó. U Minh còn có nghĩa là nơi tối tăm, ban ngày ánh nắng bị tán cây che khuất, vừa quá xế chiều sương mù buông xuống chẳng thấy đâu là đâu. U Minh là tên một cửa ngục ghê rợn trong Thập Điện do Diêm Vương cai quản. Xưa kia, U Minh bao gồm tận bờ biển vịnh Xiêm La, lần hồi địa danh ấy thu hẹp lại, nhờ sự khai thác cần mẫn của dân tứ xứ.

Ông Cai muốn thu hẹp địa danh U Minh, bắt đầu từ khu rừng phía nhà ông, ranh đất của Tổng Bá.

Mấy người đốn củi, ăn xong đưa ông Cai đến một giồng đất cao ráo. Họ dừng lại và nói:

- Ông thường tới rình mồi, đàng kia kìa!

Ông Cai dựa lưng vào gốc cây tràm.

- Tôi ngủ dưỡng sức. Hễ thấy, anh em kêu tôi. Cọp đói đánh hơi giỏi lắm.

Chập sau đoàn người nắm tay ông Cai, giật mạnh:

- Ông kìa!

Ông Cai ngồi dậy, quan sát rồi bảo:

- Để một mình tôi ra nói chuyện. Ông đứng một mình, bọn mình thì quá đông. Lắm khi vì ông quá sợ nên ông làm liều. Đừng làm cho ông sợ.

Ông Cai đến gần cọp. Cọp đến gần ông rồi cọp cúi đầu. Ông Cai dấn mạnh vào cần cổ nó. Nó há miệng ra. Ông đưa tay vào miệng nó. Nó rống lên chạy mất. Ai nấy xám mặt sợ giùm cho tính mạng ông Cai.

Chừng ông trở lại, họ quỳ xuống lạy. Ông giải thích:

- “Cha nội” tham ăn, mắc xương ở cuống họng. Tôi rút cục xương ra. “Cha nội” mừng quá nên chạy mất. Thôi, anh em mình về. Bữa nay đủ rồi. Mai một mình mang theo dao búa để phá rừng.

Đêm ấy bà vợ khóc nước nỏ, khuyên chồng đừng quen thói đại dột. Ông Cai nói:

- Ai đại dột, ai khôn thì trời đất biết. Người đời chẳng nên ham tiếng khôn hoặc tránh tiếng đại. Mấy người bạn của tôi làm nghề ăn ong, đốn củi, siêng năng lắm.

Bà Cai ngắt lời:

- Họ gặp cọp nên bỏ nghề.

- Mình nghe nói họ bỏ nghề, xin ở trong điền của Tổng Bá. Tổng Bá bắt họ làm đủ thứ công chuyện, làm thí công. Hồi hôm qua, họ xây lưng đẩy chiếc ghe biển. Tổng Bá ngồi trong ghe, vừa uống rượu vừa chê trách họ lười biếng. Họ cố sức đẩy, nước cạn, ghe quá nặng. Biết sao bây giờ, Tổng Bá sai lính quất roi cá đuối lên lưng, lên đầu họ. Hôm qua, họ tới đây

ăn cơm, mình mẩy rướm máu. Họ bận áo để che vết thương. Mình đâu có thấy chuyện đau đớn đó. Bởi vậy tôi lên U Minh một lần nữa.

Đúng hẹn ông Cai và đoàn người chuẩn bị lên đường. Ông rút cây roi, đưa cho bà vợ:

- Mình đánh tôi mười roi nữa đi.

Bà vợ chấp tay xá chồng:

- Em lạy mình.

Ông Cai gắt giọng:

- Ai biểu mình lạy. Nếu mình không đánh, phen này tôi đi tuốt, không trở về.

Mười roi tượng trưng đã đánh xuống. Ông Cai chạy nhanh cho kịp đoàn người. Họ không muốn chứng kiến cái cảnh vừa tức cười vừa cảm động ấy. Lần này họ dạn dĩ hơn, mang theo gạo muối và nóp để ngủ trong rừng. Đến nơi, họ đốn cây, đào ao, chặt lá mật cật phơi khô để lợp nhà, cạp rống từng chập, như gần lắm. Ông Cai đi hồi lâu rồi trở lại:

- Ngừng tất cả công việc. Ai biết săn heo rừng, săn khỉ? Kiểm mồi về cho tôi!

Ăn cơm xong, ông trình bày: con cạp hôm trước trở lại vì vết thương khá nặng ở bắp đùi, dòi bu lúc nhúc khoét thịt. Cạp mang tật “cà nhắc” chẳng còn đủ sức rượt bắt mồi. Hễ đói quá, cạp phải ăn thịt người. Con người chạy chậm, dễ rượt theo, ở chỗ rậm rạp; heo rừng và nai thì nhanh chân hơn.

Buổi chiều, nhờ con heo rừng mà ông Cai đến gần cạp, ban bố thức ăn cho nó. Đâu đó xong xuôi, ông khuyên ai nấy ngủ dưỡng sức. Ông thức bên

bếp lửa: khi trời gần sáng cọp mất dạng.

Hai ngày sau, bốn căn chòi đã dựng xong. Đoàn người rủ nhau về xóm kiểm thêm gạo. Dọc đường ông Cai nói khôi hài:

- Mai một anh em mình trở lên U Minh. Nhớ đem theo vài con chó săn, vài lít rượu, một giỏ lúa giống. Cứ lên trước. Tôi ở nhà hú hí với má bầu trẻ, chịu thêm chục roi rồi tới sau. Chẳng lẽ anh em lại sợ... cứ cọp!

Lúa vãi xuống, mọc nhanh vì lòng đất U Minh ẩm ướt. Tuy nhiên, vài hôm mộng lúa bị cản ngang vì chim chóc kéo tới quá nhiều. Ông Cai khuyên đốn cây to, xóc thành hàng rào xung quanh nhà. Công việc đang tiến hành, chợt có người la hoảng:

- Ông Cai ơi! Ông kìa!

Ông Cai chạy tới, khuất dạng. Rồi trở về với gương mặt lo âu:

- Rừng này hết nai, hết khí. Bởi vậy cọp đói chịu không nổi. Ráng kiếm một con heo rừng cho tôi! Cọp sợ heo rừng. Cọp to lớn nhưng quá dở. Chắc hôm trước ông mang bệnh, khi đụng độ với con heo rừng có nanh bén.

Ông Cai lựa một cái đuôi heo rừng khá to, buộc vào sợi dây mây rồi đốn một cây tre rừng. Mọi người ngơ ngác đặt ra giả thuyết.

- Thưa ông! Cọp nhai nát cây tre đó. Tre yếu quá, làm sao đủ giết sức ông cọp cho hồng chân. Sợi dây mây lại bở hơn.

Ông lắc đầu:

- Anh em mình đừng tính chuyện thất đức. Đâu phải tôi làm cần bẫy. Vui lắm, lát nữa tôi rủ một anh đi theo. Một anh thôi. Đi nhiều quá cọp sợ. Ông ta sợ vì ông ta chỉ có một mình. Vậy mà hồi nào anh em nói cọp U Minh sống từng bầu! Dốc quá. Cọp ở ngoài Khánh Hòa mới đông. Rừng U

Minh này còn một con cọp lạc bầy này mà thôi. Nó hung dữ vì bị bệnh, vì đói. Ai dám theo tôi.

- Tôi! Tôi!

Đến gốc cây tràm, ông ra lệnh cho anh chàng cầm tử nọ:

- Đứng im, đừng chạy bất tử cọp khinh dễ. Rủi bề gì thì trèo lên ngọn cây. Nhớ cầm cây cần câu này trong tay. Cầm thật chắc, đừng sợ, run tay.

Ông Cai đi khuất dạng trong rặng cây thưa thớt rồi trở ra với con cọp theo sau. Ông nói to:

- Làm như người câu cá. Cái đùi heo là miếng mồi.

Anh chàng cầm tử nói giọng cà lăm:

- Thà chết còn sướng hơn. Rủi ông tưởng tôi là con mồi thì làm sao?

Ông Cai nín cười không được:

- Thịt của chú em chưa chắc ngon hơn thịt heo rừng. Đừng cãi nữa, ông tới rồi. Phải đứng im, đừng giựt khi ông tấp mồi. Đứng im cho tôi.

Anh nọ day mặt, chẳng dám nhìn đối diện con cọp già nua. Cọp bước cà nhắc, lông rụng khá nhiều, trông thiếu nảo như ông tướng trong tuồng hát bội mặc áo giáp lung lổ. Cọp tấp đùi heo rồi chạy, sợi dây mây đứt luôn.

- Mình về chòi mình ở, bộ chú em muốn câu hoài sao chớ?

Ngày lại ngày, theo lệnh ông Cai, tất cả mọi người khai hoang lần lượt đóng vai anh thợ câu... cọp. Ông Cai đứng xa cổ võ cho ai nấy đừng sợ. Giếng đã đào xong. Mấy vồng khoai phủ xanh mướt, đợt non khoe tươi dưới bầu trời sáng sủa. Ông Cai dạo suốt ngày trong rừng, tìm hướng ngọn

rạch Thầy Quơn và ngọn rạch Lốc Hỏa với ước mơ sẽ đào con kinh ăn thông ra sông Cái Lớn.

Xóm nhỏ đã thành hình. Ông Cai về thăm nhà. Bà vợ khuyên đừng phiêu lưu nữa, ông đáp:

- Tổng Bá giận tôi lắm. Nó nói xấu, đòi bắt tôi về tội lôi kéo tá điền lên rừng. Ở đây lâu ngày, xảy ra chuyện đổ máu. Chi bằng vợ chồng mình lên U Minh cất chòi cho gần gũi anh em.

Bà vợ tuân lời.

Nhưng, ông cọp thỉnh thoảng lại đến đòi ăn. Vấn đề thật nan giải. Chẳng lẽ cả bọn thay phiên nhau săn heo rừng để cúng cho cọp. Vài người đưa ý kiến:

- Xin ông trở tài, giết hoặc đuổi ông qua xứ khác.

Ông đáp:

- Anh em chưa trở thành điền chủ mà đã lười biếng, sanh tệ. Nếu giết con này, biết đâu còn con nữa, ở trong rừng sâu chạy tới. Đuổi nó đi, tức là gieo tai họa cho người lân cận. Rủi mai chiều, tôi mắc dịch, mắc gió chết thì chẳng lẽ anh em bỏ xóm?

- Ông nói chí lý. Chúng tôi sợ lần hồi cọp về xóm để ăn heo nhà, trâu nhà.

Vài ngày sau ông Cai nài nỉ:

- Ráng săn con heo rừng hay con nai giùm cho tôi, lần chót.

Ông Cai nhặt cái đuôi heo, trao cho anh chàng cảm tử hôm trước:

- Đi theo tôi.

Ra khỏi xóm chừng mười công đất, ông bảo anh ta đứng một chỗ. Ông chạy vào rừng sâu, khi trở về có con cọp già lẻo đẻo phía sau.

Anh nọ xám mặt:

- Trời ơi! Làm sao tôi đốn tre, bứt mây làm cần câu cho kịp?

Ông nghiêm mặt:

- Trận này mới biết thắng bại. Chú mày đứng yên một chỗ. Có tôi đây. Nhưng mà chú mày cứ coi như là tôi vắng mặt.

Cọp tới trước mặt anh nọ. Anh ta luýnh quýnh, đem cái đuôi heo rừng mà giấu sau lưng.

Ông Cai nói:

- Được rồi! Đứng im! Hễ chạy là cọp ăn thịt anh liền. Mọi khi, tôi kêu bằng “chú em”, hôm nay tôi kêu bằng anh. Anh chạy trốn thì mọi người chạy theo, về xóm của Tống Bá để ăn mày.

Cọp dừng bước, lè lưỡi, cúi đầu, rồi từ phía sau lưng anh nọ, nó bước chậm rãi từng bước.

Ông Cai nói từng chập:

- Anh coi chừng, nó lại gần rồi. Đừng day mặt, nó khinh dễ. Nó tới sát đó. Nó muốn ăn cái đuôi heo rừng. Hễ nó tấp là buông tay ra.

Cọp tấp đuôi heo, quay mặt, chạy tuốt. Ông Cai trở mắt. Anh nọ như chết đứng tại chỗ.

Ông cười to:

- Đã là anh hùng thì phải tỉnh táo về nhà nhậu cho vui chớ. Đứng đó một mình, ổng trở lại. Cám ơn anh. Xong xuôi rồi. Gửi lời thăm bà con trong xóm. Tôi đi đây.

Anh nọ như tỉnh giấc chiêm bao:

- Ông Cai đi đâu?

Ông Cai đã khuất dạng.

Và từ đó về sau, chẳng ai gặp ông nữa.

Dân chúng xóm biển lần hồi bỏ Tống Bá, lên U Minh Thượng lập nghiệp. Xóm biển trở nên vắng vẻ, nhiều người ra tận hải đảo như Hòn Tre, hòn Sơn Rái, theo nghiệp chài lưới. Mỗi lần ra chợ hầu quan chủ tỉnh Lang Sa, Tống Bá không còn đốt pháo làm hiệu lệnh nữa: đốt vô ích, chỉ lơ thơ vài người chạy tới. Tống Bá mượn thợ về xây nhà, làm hàng rào kiên cố mặc dầu tiền bạc ông ta chẳng còn bao nhiêu. Ông ta hút á phiện để giải sầu, đêm đêm thức từng chập khi nghe chuột chạy, dế kêu. Sợ ăn cướp, sợ ma.

Vùng đất hoang ở U Minh Thượng đã nở rộ câu hò tiếng hát. Bà Cai chẳng hiểu chồng mình dạo chơi phương nào. Bà muốn lập bàn thờ, nhưng dân chúng ngăn cản vì chưa có bằng cứ gì chứng to ông Cai đã chết. Đôi khi cọp về viếng xóm, có người đến nhà bà Cai để cầu cứu. Bà nói:

- Nhà tôi để lại cái áo rách đây! Anh em mặc thử xem. Có lẽ cọp còn nhớ mùi mồ hôi quen thuộc của ổng.

Họ mặc áo của ông Cai, quát to cố ý cho cọp nghe. “Đi ra xa! Thử hửi mồ hôi thì biết ta là ai!”. Thế là cọp rút lui. Lần hồi, chiếc tàn y nọ rách nát. Người đi rừng bèn xưng danh hiệu, vẫn tắt:

- Tao là Cai Thoại đây!

Mười lần như một, cọp đều chạy trốn.

Vài chục năm sau, tin rằng ông Cai đã chết, mấy ông kỳ lão trong xóm bàn bạc, muốn hùn tiền cất ngôi miếu nhỏ thờ ông. Nhưng vừa hùn tiền xong lại nghe tin ông Cai Thoại còn sống nữa. Bằng cố là đêm đêm, người đi bắt trăn giữa rừng đã gặp ông thấp thoáng bên đống lửa, trong sương mù, kế bên có con cọp bạch quỳ xuống châu chực. Lời đồn đại còn kèm thêm chi tiết: Ông Cai ngồi, uống rượu, thỉnh thoảng vỗ vai cọp, nói tiếng gì, không ai nghe được, nhưng cọp gật đầu.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Kéo Trúm:

Năm ấy tôi là một công tử vườn ở làng Đông Bình, vùng khi ho cò gáy, chưa khai hoang. Mỗi năm, có đến tám tháng nước mặn tràn vào rạch. Khi nước bắt đầu ngọt thì sanh ra một thứ tai nạn: muối bay từng bầy suốt ngày, dầu là lúc trưa nắng.

Đáng lý ra, với chút ít chữ nghĩa, tôi đã rời xóm làng, ra chợ Rạch Giá tìm sở làm cho ra vẻ thầy thông thầy ký. Nhưng tôi vẫn cương quyết bám lấy quê cha đất tổ! Thái độ hiên ngang ấy không phải là lòng yêu nước. Chẳng qua là tánh ham chơi, muốn làm ít, hoặc không cần làm mà vẫn có ăn, ăn ngon.

Suốt ngày suốt tháng, tôi dạo la cà từ xóm này qua xóm kia, hết ăn là nói. Nói cho bà con trong xóm nghe đại khái những mẩu chuyện Tam Quốc, Tiểu Lâm, Ba Người Lính Ngự Lâm Pháo Thủ. Lẽ dĩ nhiên tôi đã thu hút cảm tình của thính giả. Dầu tôi nói sai, thì chẳng ai cãi lại vì có ai biết chữ đâu mà đọc sách.

Thế mà có kẻ dám khuấy rối cuộc sống yên lành của tôi. Kẻ đáng xử tử ấy chính là ông Phô Nô. Tôi biết ông ta trong một trường hợp bất ngờ. Ông ta gửi một bức thư khá thân mật mời tôi đến tư thất để bàn về một vấn đề... sẽ cho biết sau.

Tư thất của ông Phô Nô là cái đồn kiểm lâm cách xa làng Đông Bình chừng mười cây số. Ông Phô Nô hơi già, ở trần khi chào tôi. Tôi hơi giận và bắt đầu khinh ông ta: trên ngực ông ta có xăm hình quá tục tũ, lổm đổm

vài miếng lác ước. Tôi sực nhớ đến nét chữ trong bức thư của ông ta: Tệ quá! Viết trật văn phạm, khó đọc, “con cua con còng” như tuồng chữ trẻ con lớp đồng ấu! Tôi nghĩ thầm:

- Chắc hồi ở bên “mẫu quốc” ông ta làm củi, ban bù... Sau vài phút ăn nói xã giao, tôi được nghe ông Phô Nô trình bày tiểu sử và thành tích chiến đấu. Hồi Âu Châu đại chiến 1914-1918, ông ta làm lính giữ súng đại bác 75 ly, rủi bị thương nhẹ nên ông tra trở thành “ân nhân của tổ quốc” được ưu tiên qua thuộc địa, lãnh chức kiểm lâm.

Ông ta gật gù:

- Ở đây sướng quá. Làm ít công việc mà ăn lương hơi nhiều.

Tôi hơi bực dọc, nói mơ màng:

- Đó là tình trạng chung. Xứ tôi, mọi người đều làm ít nhưng cũng ăn no đủ mặc dầu thiếu chất bổ.

Ông Phô Nô mỉm cười bí mật, mời tôi ở lại ăn cơm Tây: ngon quá, món nào cũng lạ miệng. Nhất là đồ gia vị nào hột cải, dầu ô liu, dấm tây trộn cải xa lách. Vừa ăn ông ta vừa hỏi đến sự sanh hoạt của nông dân. Tôi trả lời:

- Nói chung, ai nấy đều sung sướng.

Ông Phô Nô trở mắt:

- Thiệt vậy à? Họ chưa ăn bít-tết, ra-gu.

- Thưa ông, dân ở vùng nước mặn đồng chua có bốn thức ăn sang trọng. Đó là lươn, ếch, rùa, rắn! Cá, tôm, thịt bò, thịt heo là món hơi nhàm.

Ông Phô Nô gật đầu:

- Mấy thứ đó ở đây sản xuất khá nhiều. Hôm rày, tôi muốn tìm cách bắt buộc dân chúng đóng thuế.

Nghe qua, tôi cố gắng nín cười. Phải chăng ông Phô Nô liệt các loại lươn, rùa, ếch, rắn vào hàng thú rừng như cọp, heo, nai, voi.

Ông ta giải thích:

- Theo pháp luật, họ phải đóng thuế.

Tôi đưa ý kiến:

- Khi nào họ bán ra chợ Rạch Giá hoặc bán lên Sài Gòn thì sẽ đóng thuế. Theo chỗ tôi hiểu thì nhà nước thuộc địa đã thu thuế môn bài nhà vừa cá...

- Bên Pháp, vào rừng săn bắn là phải đóng thuế. Huống gì mỗi năm, ở làng nhiều người làm giàu nhờ lươn. Đây là bằng cứ: Tại làng Đông Bình, có tên... Năm Lươn cưới hai con vợ, nhờ nghề bắt lươn. Anh ta giàu lắm, mỗi tuần ra chợ Rạch Giá bán gần 200 ký lô lươn sống. Tên thật anh ta là Trần văn Lươn, vì bắt lươn quá giỏi nên dân chúng tặng biệt hiệu là Năm Lươn!

Cái tên Năm Lươn này như quen tai, nếu không lầm thì dường như tôi đã từng nhậu với anh đôi ba lần tại nhà người bạn quen nào đó. Anh ta ở giữa đồng không mông quạnh, bạn bè ít tới lui vì đường sá khó khăn. Hễ đi bộ thì thiếu đường mòn, cỏ mọc cao nghệu đầy cánh đồng, còn đi xuống thì nước ngập lế đế khỏi mặt đất chừng ba tấc.

Ông Phô Nô nói tiếp:

- Tôi nhờ anh điều tra tên Năm Lươn. Tại sao hăn sản xuất quá nhiều lươn như vậy. Hai trăm ký lô mỗi tuần, mỗi ký lô ba con, tức là sáu trăm con lươn.

Nghe đến công tác mà ông ta giao phó, tôi hơi phiền. Mặc dầu việc điều tra ấy có vẻ lịch sự không gây sự hiểu lầm nhưng tôi không muốn. Trót ăn bữa cơm Tây của ông Phô Nô rồi. Tôi hứa qua loa.

Trước khi chia tay, ông Phô Nô rỉ vào tai tôi:

- Năm Lươn là đứa bí mật, làm nghề thầy bùa. Coi chừng nó. Cực chẳng đã, tôi nhờ tới anh. Hồi tháng trước, hai người lính kiểm lâm tới làng Đông Bình theo dõi nhưng Năm Lươn không chịu xuất hiện. Ban ngày, nó nằm nhà. Thỉnh thoảng, nó tới mấy cái thềm địa, gò mả mà nằm ngủ hoặc ăn cơm một mình.

* * * * *

Tên tuổi Năm Lươn, ai cũng biết. Và ai cũng nhìn nhận anh ta đặt trúm rất giỏi, dùng thuốc men bí mật hoặc bùa phép.

Xin nói đôi hàng về con lươn. Hình dáng ra sao, thịt nó ăn ngon như thế nào, ai cũng hiểu. Muốn bắt, ta đặt trúm. “Trúm” tức là cái ống tre, dài hơn một thước tây, giống như khẩu súng ba-dô-ca, một đầu thì sẵn có cái mắt tre (đốt tre), đầu kia có gài một cái hom, giống như cái quặng (cái phễu). Lươn chui vào thì dễ nhưng trở ra thì khó. Muốn cho lươn chui vào phải có mồi nhử bên trong.

Mỗi người làm nghề bắt lươn sắm chừng một trăm ống trúm, đặt rải rác trên đồng cỏ mênh mông. Con lươn làm hang dưới đất, thở bằng mũi và mang. Khi đánh mùi ngon ngọt, lươn ra khỏi hang, tìm cách chui vào ống trúm để xơi mồi. Muốn đặt rải rác hàng trăm cái ống trúm, trên đồng cỏ dày bụi, mênh mông, phải sắm một chiếc xuồng, chở hàng trăm ống trúm. Rồi kéo chiếc xuồng lướt trên cỏ, cứ vài chục thước là đặt xuống một ống, tùy ý thích. Công việc nặng nhọc nhất là kéo chiếc xuồng khá nặng ấy, quanh co hàng ngàn thước. Và hôm sau, trở ra đồng cỏ, đem ống trúm về, không bỏ sót.

Do đó người bắt lươn được gọi là người “kéo trúm”. Gặp Năm Lươn là chuyện dễ. Anh ta tôi đã từng nghe biết!

- Ủa, cậu Ba! Bữa nay lên xứ này chơi hả?

Tôi đáp:

- Cậu Ba, cậu Tư gì! Kêu tôi bằng em cháu, bằng thẳng cũng được. Tôi nhỏ tuổi hơn anh Năm nhiều. Đêm rồi kéo trúm khá không?

- Chừng năm chục kí lô. Mệt thấy mẹ...

- Một mình anh làm ra tiền bằng hai người khác. Mệt mà có tiền, anh còn đòi chuyện gì bây giờ.

Năm Lươn cau mày, rủ tôi tới chòi uống rượu chơi. Anh ta chỉ về phía xa xa, giữa cánh đồng hoang.

- Nhà tôi ở bờ đìa. Nhưng mà ra cái chòi này, vui hơn.

Rồi anh ta day mặt, nhìn về phía mé rừng tràm. Dọc đường, tôi hỏi:

- Chòi nào nữa? Nghe đồn anh Năm có tới hai vợ. Đằng kia là nhà của “bà lớn”, phía rừng tràm là nhà của “bà nhỏ” hả?

- Bà nhỏ ở xóm đình. Chòi này dành riêng tôi ở một mình cho khỏe thân.

Bấy giờ, vào khoảng tháng Năm. Mưa khá nhiều nhưng đồng cỏ chưa nổi nước. Từng bầy cúm nùm bay bổng khi chúng tôi đến sát bên ố. Lát sau, chúng tôi vào căn chòi. Hàng trăm cái ống trúm chất đống, theo trật tự, giống như những gốc củi xếp đặt sẵn từng thước khối, chờ giao cho thân chủ.

Chòi không vách, tấm lá chằm ngăn đôi. Phía trước là bộ ván ăn cơm, phía sau là giường ngủ.

Lời ông Phô Nô vang dội trong tâm trí tôi. Năm Lươn là người bí mật, biết bùa phép. Gãi ra, tên do thám nào đó báo cáo cũng có lý. Xung quanh chòi, cây mua, cây lúc mọc um tùm. Kế bên chòi, một cái đĩa khá sâu, nước trong leo lẻo phản chiếu ánh nắng trưa. Thềm đĩa quá rậm rạp. Rau muống bò lan tràn. Chuột chạy tới lui như đùa giỡn với mấy con rắn nước đang há mồm.

Năm Lươn mở đầu câu chuyện:

- Không mấy khi, cậu lên chòi này chơi. Chắc là cậu muốn nói chuyện gì bí mật.

Tôi nhớ đến sứ mạng mà ông Phô Nô giao phó. Phải giữ kín mới được.

- Có gì mà bí mật. Tôi là dân nhậu mà, anh Năm.

Năm Lươn cười nheo mắt, hóm hình:

- Khổ lắm. Vợ tôi cũng chẳng muốn tiếp rước bạn bè. Bà lớn bà nhỏ gì cũng vậy. Hai bả cho rằng tại tôi ăn nhậu mà tốn kém tiền bạc rồi sanh sửa, gây thiệt hại cho gia đình. Làm ra bao nhiêu tiền, giao mấy bả giữ, rốt cuộc tôi còn hai bàn tay không. Muốn mua thêm vài lít rượu uống nhưng khổ quá, làm sao có tiền? Tôi mua chịu ghi sổ ở tiệm Chệt.

Tôi đi ngay vào vấn đề:

- Anh siêng là một việc nhưng nhiều người siêng như anh mà tại sao họ thâm huê lợi ít hơn? Nghe đâu anh kéo trúm bá phát bá trúm, mỗi ống đều có một hoặc hai con lươn chun vô nạp mạng...

- Ừ! Chuyện đó không chối cãi. Nhưng tôi chẳng muốn dạy nghề cho ai biết. Con lươn bí mật lắm. Ra ngoài này, tôi chỉ cho mà xem.

Đến bên thêm đìa, chúng tôi ngồi xuống. Gió thổi lồng lộng, lướt qua đồng cỏ hoang vu. Ngọn cỏ quá sung sức, quá cứng nên không gợn như bông lúa, vang lên điệu nhạc buồn buồn, như tiếng ve sầu.

- Kìa! Nó lấp ló đó!

Tôi chăm chú nhìn qua phía bên kia bờ đìa. Năm Lươn đè vai tôi. Cả hai nấp mọt, không dám thở mạnh. Từ trong miệng hang, một đốm màu vàng xuất hiện, mỗi phút một to.

Tôi buộc miệng nói khẽ:

- Cái gì?

- Con lươn đó. Loại lươn già, sống hàng chục năm, có người nói nó sẽ hóa ra con chồn.

- Thiệt vậy hả?

Năm Lươn nói khẽ:

- Cứ xem thì biết.

Đầu con lươn to cỡ bắp tay, mắt nó him híp như kẻ buồn ngủ, đặc biệt là hai cái lỗ tai nó hiện ra bằng ngón tay út. Giống như mặt con chồn, giống chừng tám chục phần trăm.

Tôi hỏi:

- Tại sao nó không có chân?

- Bộ tôi là con lươn sao mà cậu hỏi tôi. Chắc nó chẳng bao giờ mọc chân.

- Tại sao nó không bò ra?

- Cậu này kỳ quá. Về già, chắc nó mệt mỏi, nằm một chỗ. Thân hình của nó ngắn ngủn hà, cậu ơi. Như cái đòn bánh tét!

Làm sao nó bay nhảy như mấy con lươn nhỏ? Bởi vậy, nó biết thân, nó nằm một chỗ trong hang vắng, ngày hai buổi lộ mặt ra dòm mặt trời, mặt trăng. Hễ trời mưa, nó bò ra xem cỏ cây hoa lá...

Vậy thôi. Nó là con lươn già, thủ phận, vậy mà nhiều người cho rằng nó trở thành con chồn. Dóc quá. Ôi thôi.

Rồi Năm Lươn giải đáp câu hỏi thứ nhì của tôi. Theo ý kiến anh ta, tóc người chẳng bao giờ hóa ra cá trê hoặc con lươn. Hồi năm ngoái, tình cờ đào đất trên thềm địa, đụng nhằm miếng ván nắp hòm. Vì là vùng đất thấp nên khi cạy nắp ra, anh ta thấy toàn là nước lợng bõng, đen ngòm và mớ xương người. Trong vùng nước thịn người ấy, có chừng ba con cá trê, đôi ba con lươn nhỏ. Đó là cá và lươn từ ngoài địa chui vào để làm hang trong cái quan tài.

Lát sau, chúng tôi về nhà.

Tôi nằm trên bộ ván, tâm trí vẫn thắc mắc về kỹ thuật kéo trúm của Năm Lươn. Kéo quá hay, thâm quá nhiều huê lợi, chắc là dùng thứ mồi đặc biệt.

Anh ta ra sau hè, nói vọng lại:

- Năm đó chơi nghe cậu Ba. Tôi nấu mồi để kéo trúm. Khuya nay, cậu với tôi nhậ một cữ giải sầu. Năm đó chơi.

Câu nói thân mật ấy rõ ràng là một khẩu lệnh nghiêm khắc. Năm Lươn không muốn cho tôi tò mò, tìm hiểu cách thức nấu mồi. Hễ mồi ngon thì dĩ nhiên từ nơi xa lươn nhạy hơi tìm tới, chui vào trúm để thưởng thức rồi mắc kẹt trong đó. Gặp thứ mồi vô vị, lươn chỉ tìm đến khi nào quá đói. Tôi không chịu thua, nói to:

- Mồi gì vậy? Tôi nghe người ta nói muốn cho lươn vô trúm thì phải đổ thêm dầu cá sặc, dầu dừa vô mớ cá mồi.

Năm Lươn đáp:

- Kiểu đó xưa lắm. Mình xúc cá sặc, thứ nhỏ con, đem về luộc cho chín. Đủ rồi. Bộ cậu Ba biết kéo trúm nữa hả?

- Ở... biết sơ sơ. Gần nhà tôi, mấy ông lão chuyên nghề kéo trúm dùng thứ mồi bí mật, mua ở tiệm thuốc Bắc. Tôi hỏi hoài mà mấy ông không chịu tiết lộ. Có một thằng con nít kéo quá giỏi. Mỗi đêm nó kéo 20 ống, sáng ngày trút ống ra được lai rai 18 con lươn. Nghĩa là có hai ống thất bại mà thôi.

- Nó xài mồi gì?

Tôi nghiêm giọng:

- Bí mật lắm. Anh đừng cho ai biết. Nó dùng mồi cá thòi lòi, buộc chung với lá cách để lấy mùi thơm thơm. Ống trúm vừa đặt xuống là năm bảy phút sau, lươn bắt mùi cá thòi lòi chun vô nạp mạng...

Năm Lươn cười giòn:

- Đó là mồi của con nít. Dở lắm...

Nói xong, Năm Lươn đứng dậy, rồi vào trong chòi đem cái nắp vung khá to, đập lên trên cái nồi đựng mồi. Lúc tôi ra ngoài hè thì nồi ấy đã kín

mít, hơi cá chín bay thoang thoang.

Tôi nằm xuống hút thuốc trong khi Năm Lươn bỏ mồi vào ống trúm. Anh ta làm nhanh tay: mở cái hom ra, bỏ mồi rồi gài cái hom lại. Lát sau, hàng trăm cái ống chất lên, vun đống trong xuống. Anh ta bắt đầu kéo trúm, hai tay bám vào mũi xuống rồi day mặt về phía lái đi thụt lui. Chiếc xuống từ từ di chuyển kéo tới đâu là cỏ nằm rạp xuống. Thình thoảng anh ta dừng xuống, đặt một hai ống trúm rồi kéo tới, quanh co, khuất lẩn trong biển cỏ.

Còn lại một mình, tôi lợi dụng cơ hội để thám thính căn chòi hoang. Diêm quẹt đánh lên, châm vào thếp đèn dầu cá. Trong buồng, trơ trên cái hũ gạo. Tôi mở nắp hũ: Hai cái hộp cá mồi hiện ra, loại cá mồi nhập cảng, vô hộp tại xứ Ma-rốc. Hai hộp này còn nguyên. Một hộp thứ ba đã khai ra, còn sót hai con cá vàng lờm. Cá mồi hiệu Xu-ma-cô nổi danh.

Chuột chạy sột soạt. Tôi giật mình. Năm Lươn chưa về. Tôi ra sau hè. Cái nồi đựng cá mồi nằm đó. Gió thổi nhẹ đưa lên mùi cá hộp, mùi đặc biệt...

Trong một thoáng, tôi đủ hiểu tại sao Năm Lươn cố ý bắt buộc tôi nằm ở bộ ván trong khi anh ta nấu mồi. Nào có gì đâu. Trong mớ cá sặc, cá rô nhỏ xíu ấy, ta trộn thêm chút ít cá mồi hộp để gây mùi thơm. Mùi thơm của dầu ô-liu. Ô-liu là loại trái vùng ôn đới có dầu béo, như trái cà na, dầu ô-liu thơm ngọt, tẩm cá mồi hộp vì vậy cá mồi “Xu-ma-cô” nổi danh. Hấp dẫn và đặc biệt hơn mùi mỡ heo...

Nhờ mùi dầu độc đáo ấy, Năm Lươn làm ăn khá giả, cưới hai vợ và cũng vì muốn giữ bí mật nhà nghề nên anh ta mang tiếng là “phù thủy”.

Tôi tắt đèn, nằm im.

Lát sau. Năm Lươn về, mang theo hai con lươn. Anh gọi to:

- Thức dậy cậu Ba ơi. Nhậu chơi.

Tôi đáp:

- Mồi ngon quá vậy! Chưa chi mà lươn đã chạy vào ống trúm, làm tù binh.

Năm Lươn vào chòi, đốt đèn rồi mở nắp hũ gạo. Anh nghiêm mặt, trở ra:

- Hồi này tới giờ...

Để tránh sự hiểu lầm, tôi lên tiếng:

- Tôi đói bụng, muốn kiếm cơm nguội nhưng gặp hộp cá mồi của anh...

Năm Lươn thở dài:

- Kỳ quá. Hồi năm ngoái, có một người tới đây, giống như cậu, để dò thám, cho rằng tôi làm... quốc sự. Ông Tây Phô Nô biểu cậu lên đây hả?

Tôi im lặng, chưa trả lời. Năm Lươn ngáp dài:

- Đời sao khó sống quá. Mình thủ phận, làm ăn vất vả vậy mà họ cũng nghi ngờ. Họ muốn cái gì đây? Tôi như con lươn già trong hang. Tại sao thiên hạ không hiểu như vậy? Ở một chỗ cheo leo mà không yên. Bây giờ tôi nói thật đó. Mồi lươn của tôi có trộn cá mồi hộp. Thứ cá mồi có ướp dầu, hễ đặt xuống nước là dầu nổi màng màng, loang ra. Bao nhiêu lươn đều xúm lại chun vô ống trúm.

Tôi chợt nhớ đến buổi cơm Tây, tại nhà ông Phô Nô:

- Anh Năm đừng giận. Tôi giúp anh. Tôi tới nhà ông Phô Nô, ăn cắp chai dầu ô-liu đem về. Anh tha hồ mà kéo trúm. Mua cá mồi hộp tốn tiền. Ông Phô Nô có mua ở Sài Gòn một lít dầu ô-liu, tụi Tây trộn dầu này với giấm, rưới vào xà lách. Dè đâu...

- Cái gì?

Tôi theo dõi ý nghĩ riêng, dè dặt con cá mòi ở Địa Trung Hải và hương vị dầu ô-liu miền Bắc Phi lại là mồi ngon của lươn U Minh... Bên thếp đèn dầu cá, Năm Lươn ngồi đó, đập muối từng chập, hai tay chai cứng, bắp chân nổi gân như cọng rau muống. Tôi nực cười cho dư luận và bắt đầu xem ông Tây Phô Nô như đứa con nít, nói đúng hơn là như một con lươn sắp hóa ra chồn bên thềm đĩa, bên hè.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Lũ Trẻ Chăn Trâu:

Thằng Hon quỳ xuống cúi mọp đầu mà lạy.

Nó lạy đến lần thứ hai mươi. Ông hương cả Bạch vẫn giữ nét mặt lạnh như đồng. Và mĩa mai thay, trong lúc nó tiếp tục cử hành cái lạy thứ hai mươi mốt, ông hương cả từ từ đứng dậy, đi vào buồng.

Ngoài này, nó ung dung lạy lần thứ hai mươi hai rồi nói mếu máo với người phía bên kia vách buồng:

- Trăm lạy cả, ngàn lạy cả, xin cả tha tội cho con, con hứa tìm cách chuộc tội.

Ông hương cả Bạch quát to:

- Bộ mày hát bội cho tao nghe, phải không Hon? Mày kêu tao bằng thằng hương cả hả? Tao không biết gì ráo. Theo luật lệ, hễ mày làm mất của tao một con trâu, thì mày đền lại tao một con trâu. Tao ăn ở công bình, đâu có biểu mày đền hai con.

Thằng Hon im lặng, bắt đầu tin tưởng nơi lòng nhân đạo của chủ nhà. Biết đâu sau cơn nóng nảy quát tháo, ông hương cả sẽ hả giận: Từ thái độ im lặng đến thái độ chịu lên tiếng mặc dầu lên tiếng để chửi quả là ông hương cả bộc lộ tình cảm dồi dào. Biết đâu, mai chiều ông sẽ tha tội.

Thằng Hon lầm to.

Hồi lâu, ông hương cả nói tiếp:

- Một con trâu, con trâu pháo, trị giá một trăm gia lúa. Kỳ hẹn trong hai ngày, nếu mây không tìm lại được, tao bắt mây ở tù. Mây thông đồng với bọn ăn trộm trâu. Tại sao con trâu pháo đi lạc giữa ban ngày? Năm nay mây mười ba tuổi chớ đâu phải đứa con nít, còn bú? Trong lúc mây ở tù, cha mây ở nhà phải đền bồi đủ trăm gia lúa, nghe chưa? Tao biểu mây đi kiếm cho được con trâu pháo. Để quá trễ nải, nó đi lạc vô điền đất người khác hoặc tụi ăn trộm xẻ thịt phơi da nó. Mây quỳ ở trong nhà tao hoài hả?

Nghe đến chuyện ở tù, thằng Hon chết điếng. Cha nó đã qua xóm Xẻo Bàn đốn củi mướn. Biết nhờ cậy vào ai bây giờ? Ông hương cả bước ra:

- Ủa! Quỳ ở đó trừ nợ hả? Hay là mây muốn tao lay ngược để trả lễ cho mây! Cha chả! Mây mà sợ ai? Cực chẳng đã, thằng Hon đành xá dài, lui ra rồi đi thần thờ. Bầy trâu trong chuồng cứ dậm chân, mấy con ghé kêu lên “nghe ngộ” nghe thảm thiết. Từ hôm qua tới giờ này, ông hương cả đã niệt trâu trong chuồng, bắt buộc thằng Hon phải cắt cỏ đem về. Ông nói: “giao cho mây dẫn trâu ra đồng cũng như giao cho quân ăn trộm”. Trâu dậm chân kêu “nghe ngộ” vì đói, vì mեն thằng Hon, vì đòi chạy rong ngoài đồng.

Đôi mắt thằng Hon bỗng dưng rướm lệ. Nó nghĩ thầm:

- Trâu bị nhốt nhưng sướng hơn mình. Mình đi nghêu ngao như vậy chẳng khác nào bị ở tù.

Về đâu bây giờ?

Thằng Hon quyết định: Ra ngoài ruộng mà ngồi cho khỏe. Đến gốc cây mù u, nó sực nhớ đến nhiệm vụ cắt cỏ cho bầy trâu trong chuồng ăn. Nhưng nó quên đem theo cái liềm hái, chẳng lẽ trở vào nhà để gặp ông hương cả Bạch lần nữa.

Bên gốc cây mù u có ngôi miếu cổ dựng lên không biết từ đời nào, mái ngói rong rêu, mấy cây cột bị mọt ăn sập ngã quy xuống. Lúc rảnh rang, nó thường vô miếu ngủ trưa hoặc nặn hình ông Thổ địa. Rồi được lũ trẻ chăn trâu chọn làm nơi đùa giỡn, miếu Thổ địa gọi là miếu chăn trâu. Người qua lại thường khấn vái, thỉnh thoảng họ cúng nải chuối hoặc con gà.

Tại sao kẻ chăn trâu làm mất trâu lại không khấn vái nơi miếu chăn trâu để cầu xin?

Thằng Hon mỉm cười khi nghĩ ra biện pháp cuối cùng ấy. Nó bước vô miếu. Con cắc kè kêu vọng lên. Vài cánh dơi bay sập sập. Từ đám cỏ vàng úa dưới bệ, bầy muỗi bay vo ve.

Sau khi khấn vái, thằng Hon ngủ lim dim, chờ thần báo mộng.

Nặng xế dài. Nó chợt giật mình thức dậy vì bên vách có giọng nói, long trọng:

- Ta đây là Tổ sư chăn trâu. Này đệ tử Hon ơi! Chẳng hay đệ tử cầu xin điều chi?

Thằng Hon dụi mắt. Đó là giọng quen thuộc của thằng Kia. Thằng Kia thuộc vào bậc đàn anh trong làng chăn trâu. Nó nghiêm nhiên làm kẻ đầu đàn, bao nhiêu trẻ con chăn trâu trong vùng đều sợ. Nó lớn tuổi, điều ấy không đáng kể vì nếu cần đánh lộn chưa ắt nó mạnh khỏe, biết thế võ “xí múng” bằng mấy đứa khác. Có điều là thằng Kia tự xưng dòng dõi “chăn trâu nòi”. Mỗi khi bày trận đánh giặc hoặc xưng vương, thằng Kia ngồi chễm chệ trên chòi cây mù u. Đôi khi còn ngạo mạn, nhẩy trên bệ thờ trong miếu, tự xưng là thần thánh, bắt buộc mấy đứa khác quỳ lạy.

Thằng Hon nói:

- Anh Kia à, ông hương cả biểu tôi kiếm cho bằng được con trâu pháo. Kỳ hẹn hai ngày.

Thằng Kia hất hàm:

- Nếu kiếm không được thì có sao không?

- Thì tôi ở tù, ba tôi bồi thường một trăm giạ lúa.

- Thằng cha hương cả này bộ khiến chết rồi sao chứ? May mà con trâu pháo thuộc loại trâu đực. Nếu là trâu cái, chắc “thằng chả” bắt thường một ngàn giạ lúa, bỏ tù mấy chung thân khổ sai, đày ra Côn Lôn.

Nghe nói tới bản án chung thân khổ sai, thằng Hon xúc động, khóc nước nở. Thằng Kia cười to:

- Tao nói chơi vậy thôi. Mày biết tại sao một ngàn giạ lúa không? Trâu cái có giá trị hơn trâu đực. Thằng cha hương cả làm bài toán: trâu cái cứ hai năm đẻ một lần và mỗi lần đều phải sanh đôi cho vừa túi tham của “thằng chả”.

- Anh giúp tôi. Không hiểu con trâu pháo chạy lọt về đâu?

- Tao là dòng dõi “chăn trâu nòi”. Ông nội tao, cha tao, rồi tới tao, ai nấy đều nổi nghiệp chăn trâu. Tao nói đâu đúng đó. Mày đừng hỏi ông Thổ địa chi, tao có cách này: Mày rửa mặt, ăn no ngủ kỹ, rồi thì tai qua nạn khỏi.

Rồi thằng Kia đặt nhiều giả thuyết về trường hợp con trâu pháo đi lạc. Xưa nay, lời tục thường nói: “lạc đường dắt đuôi chó, lạc ngõ dắt đuôi trâu”. Nếu vì ham ăn cỏ non mà đi lạc, lẽ dĩ nhiên trâu nhớ chuồng cũ mà trở về. Nhiều người mua trâu từ nơi xa, sợ ý để sút dây vàm, trâu chạy trốn bốn năm chục cây số để “đáo lai” chuồng cũ.

Thằng Hon sốt ruột hỏi:

- Nhưng con trâu pháo bây giờ ở đâu?

- Ở gần đây chừng hai cây số mà biết không? Miệt này ai cũng nghe danh điền tổng Bồi. Ai muốn vô điền ổng thì phải xin phép trước, bằng không ổng bắt đóng trăn. Mấy con trâu của tổng Bồi đều có đóng dấu nơi sừng và bên hông. Ổng nướng con dấu bằng sắt rồi “ịn” vô. Con trâu pháo của mà nhất định đi lạc qua điền của ông tổng Bồi. Ổng tịch trâu rồi “ịn dấu”. Trời mới dám nhìn. Mây láng cháng tới đó, ổng bắt mây luôn. Con trâu pháo đã vô sổ bộ của ông.

- Để tôi trình cho ông cả Bạch hiệu đầu đuôi.

- Hừ! Hương cả Bạch là hạng người khôn nhà đại chợ. Oai quyền của ổng không bằng một sợi lông chân của tổng Bồi! Đừng lo. Tao là “chăn trâu nòi” mà! Mây cứ làm như vậy, như vậy, ra tay cho khéo. Mây về giả bộ lạy lục ông hương cả Bạch rồi xuống bếp xin cơm nguội mà ăn, nhớ nghe không?

Thằng Hon gật đầu, nói giọng bí mật:

- Dạ, tôi nhớ rồi.

- Nhớ chỗ đó kia! Phải đánh đúng chỗ “nhiệt” của ổng. Ngoài mây ra, không ai làm được chuyện đó.

- Dạ, tôi thấy mà. Chỗ đó tôi biết. Tôi thấy chỗ đó rồi.

Hai đứa cởi quần áo nhảy xuống vũng để tắm mát. Thằng Kia quả là người bạn tốt, xứng danh “chánh vì vương”. Nó cười ôm tôi:

- Tối nay tao làm công việc khác. Nhớ ra ngoài miếu này gặp tao, đầu canh tư. Nếu không gặp tao, mà nằm trong miếu mà chờ đợi. Cha chả! Vui

cha chả là vui. Biết đâu qua trận này, tụi mình có vợ ráo trọi. Nhớ cái chỗ
nhiệt (nhược) đó!

* * * * *

Trời tờ mờ sáng.

Ông Từ giữ nhang khói đình làng Khánh Van đã thức dậy. Tuổi già
sức yếu, ông có tật thức vào đầu canh năm rồi ngồi bên căn chái phía sau
đình.

Siêu nước sôi lên nghe vui tai. Tiết trời như lành lạnh. Lát sau ông pha
trà, rót ra một cái tô lớn. Mấy hộp đầu tiên đem cho ông Từ niêm ấm áp
nhưng hương vị của tô trà không mấy đậm đà.

Ông nhướng mắt nhìn vào đáy tô. Không có gì hết!

Ông hình hình lỗ mũi vừa hớp vừa đánh hơi.

“Lạ thật! Tô trà phảng phất mùi hôi hám gì khó chịu”. Quá tức giận,
ông giở nắp ấm, đổ tất cả nước sôi và xác trà vào cái chậu để phân chất.
Ông cau mày vì đã đoán lầm: nước và xác trà đều tinh khiết, đâu có lẫn lộn
chút phân chuột, phân dơi!

Gió thổi thoang thoang. Mùi ô trọc lại xuất hiện mơ hồ, bàng bạc đó
đây. Ông Từ đã hiểu: mùi ấy ở chỗ khác. Lập tức ông bước xuống đất,
khom lưng, nhướng mắt tìm cái xác chuột chết dưới gầm giường.

Gầm giường rất sạch sẽ! Bây giờ ông mới sáng sốt, mở toang cánh cửa
liếp. Mùi ô trọc bay lộng vào. Ông chạy ra sân, thấy trên bãi cỏ một đồng
phân người.

Vốn là kẻ hiền lành, ông ngẫm nghĩ:

- Ai thù oán mình mà họ bày trò vô lễ này? Mình nghèo khổ, làm tôi tớ quét dọn trong đình mà thôi.

Đột nhiên, ông nhớ đến thủ đoạn của bọn đạo chích. Sau khi rình nhà ăn trộm vài món lặt vặt, chúng thường phóng uế để “xổ xui” trước khi rút lui. Nhưng ngôi đình này đâu có gì quý giá! Lập tức ông ra trước sân rồi trở lại gian chái để tìm cái chìa khóa.

Ông trở lên mở khóa. Nhưng hỡi ơi! Cái ống khóa bị bẻ gãy tự bao giờ. Trong chánh điện, mất một con hạc bằng cây. Con hạc còn lại thì nằm nghiêng trên nền gạch. Trong hàng “lễ bộ” đã vắng dạng một cây kích, một cây chùy bằng cây. May phước quá! Bộ lư vẫn còn. Ngoài ra chẳng mất món nào khác.

Tại sao con hạc lại bay, với đôi cánh bằng cây? Và ai đã lấy trộm cây chùy, cây kích? Loại khí giới bằng cây ấy dành để cho kép hát bội dùng chớ ai sờ mó làm gì? Đây là vụ trộm có ác ý, có tổ chức.

Bấy giờ ông Từ sức nhớ tới trách nhiệm nặng nề của mình, hương chức làng sẽ khiển trách. Tại sao ăn trộm vào đình mà không hay biết? Ông nghĩ ra một kế: hốt sạch đồng phân rồi tất tả chạy đến nhà ông hương cả Bạch, vị chánh bái của đình. Suốt mười năm qua, ông hương cả giữ chức ấy và được giao cho trách nhiệm giữ “sắc thần” là cái bằng cấp, do triều đình ban cho để thờ phụng. Bình thường, sắc ấy cuộn tròn lại cất giấu kỹ lưỡng tại nhà ông cả. Tới ngày kỳ yên, hương chức thỉnh sắc ấy tới đình, lễ xong đem cất tại chỗ cũ sợ xảy ra trường hợp sắc thần bị trộm đem bán cho những đình làng chưa có sắc.

- Chuyện gì vậy? Làm gì mà tới sớm vậy?

Ông Từ đã nghiên cứu từ trước những lời lẽ mà ông phải nói để trút bớt trách nhiệm và tăng thêm phần long trọng:

- Trời ơi! Ghê gớm quá. Tôi năm chiêm bao thấy ông thần hiện về, râu tóc bạc phơ. Ông nói với tôi rằng cơ trời thay đổi.

- Thiệt vậy sao? Ông thần làng này linh lắm. Xưa kia ông làm tới chức cai đội trong cơ binh của vua Gia Long. Ông bị quân Tây Sơn xử trảm. Từ đó ông sống phảng phất trên trần gian này.

Ông hương cả vừa hỏi ông Từ, vừa liếc lên trang thờ, nơi ông đã cất giữ cái sắc thần. Nhưng ông chỉ nhìn từ phía sau trang thờ.

Giọng ông Từ thêm phần bi ai:

- Ông thần làng mình thật là linh thiêng. Ông nói, cơ trời thay đổi rồi lại đổi thay, như giấc chiêm bao.

Ông hương cả gật đầu, cau mày:

- Thay đổi rồi lại đổi thay, nghĩa là không có gì thay đổi ráo trọi. Giấc chiêm bao đó mơ hồ, khó tin.

Ông Từ cúi đầu nói khẽ:

- Nhưng trước khi từ biệt đình làng, ông thần liền hóa phép, đem theo một con hạc để ông cỡi rồi ông vung hai tay, cầm cây chùy và cây kích. Tôi giật mình thức dậy, lên chánh điện thì rõ ràng, mấy món đó mất dạng.

Ông hương cả Bạch sừng sốt đứng dậy, bước nhanh ra trước nhà, nơi phòng khách, để nhìn kỹ lên trang thờ, đôi mắt ông ròn xoe:

- Trời! Cái sắc thần đã mất. Ai lén vào đây ăn trộm vậy kìa! Chết cha! Phèn này... tội nặng lắm.

Ông Từ được trớn bèn kết luận:

- Ông thần cõi hạ bay đi thì làm sao cái sắc thần còn ở trên trang cho được. Rõ ràng, hai chuyện này dính dáng với nhau.

Nói xong, ông Từ vuốt râu mỉm cười, chua xót, thấy mình tuy có tội lớn với dân làng nhưng không “tày trời” bằng tội của ông cả Bạch.

Ông hương cả Bạch đã già trên sáu mươi tuổi. Trong phút giây ông chợt đoán ra phần nào sự thật. Để tròn trách nhiệm, ông nghĩ ra một ý kiến táo bạo:

- Truyền cho dân làng đánh mõ, đánh trống lên để tri hô, tìm bắt thủ phạm. Nó ăn cắp “sắc thần” rồi! Đình mà không có sắc thần thì tai họa xảy tới. Vái trời.

Ông Từ bươn bả ra cửa, vừa chạy vừa tri hô. Ông hương cả chạy theo. Bầy trâu trong chuồng dậm chân, trâu con kêu ghé ngoạ vì đói, hôm qua thằng Hon không thềm cắt cỏ! Lần đầu tiên từ mấy năm qua. Ông nói gằn, to giọng:

- Đ.m. nó!

Rồi ông kèm hãm cơn phẫn nộ:

- Phen này mình thua trí thằng con nít.

Độ mười phút sau, dân làng nhốn nháo đến mé rạch, bao vây các khu vườn, chặn xét những ghe xuống lạ mặt, cãi vã nhau, đặt ra hàng trăm giả thuyết về quá khứ vị lai:

- Chắc làng này có hạn hán, bão lụt, mắc ôn mắc dịch, hoặc hồi năm ngoái, hương chức định gian lận tiền lạc quyền, nên thần mới giáng họa!

Bỗng nhiên vài người la hoảng:

- Tại sao mình không bơi xuống rượt theo kẻ trộm. Nó ở dưới sông, mình kiếm trên bờ vô lý quá.

Ông hương cả Bạch chợt thấy hai cậu thanh niên đứng trong đám đông. Đó là thằng Kia thuộc giòng dõi “chăn trâu nòi” và thằng Hon, đứa làm mất con trâu pháo của ông. Hai đứa đứng ưỡn ngực, chống nạnh. Ông muốn nắm đầu tụi nó, đánh cho một trận, chưa chi chúng nó đã cút mất mạng? Ông muốn tố cáo thật to, nhưng với mớ tóc bạc, già dặn trường đời, am hiểu tâm lý dân làng, ông mỉm cười, giữ im lặng, tính toán cẩn thận:

- Rủi hai đứa nó giấu luôn cái sắc thần thì sao? Cái sắc thần quý hơn con trâu pháo. Mình cần giữ chức chánh bái trong đình để góp tiền cúng tế, góp tiền tu bổ đình hàng năm và để chết có danh. Mất con trâu pháo, mình còn sắm được con trâu khác, chớ mất sắc thần, mất chức vị chánh bái thì làm sao chuộc được.

Tiếng cười bỗng ồn ào lên, từ bờ rạch:

- Gặp rồi! Cái sắc thần, con hạc với cây chùy, cây kích nằm trên bè chuối. Tụi ác ôn nào đó thả ông thần xuống bè, để trù rửa làng mình. Chắc là mấy ông hương chức ở làng kế bên phá rối làng mình. Họ thấy làng mình có ông thần linh hiển rồi ganh tị.

Ông hương cả Bạch nói gắt:

- Không đâu. Dòi trong xương dòi ra.

Rồi ông chạy tới nơi. Cái sắc thần cuộn tròn chắc là còn để trong cái ống tre sơn son. Kế bên là con hạc bằng cây nằm nghiêng, vì đã gãy chân. Cây chùy, cây kích trơ trẽn quá! Chiếc bè chuối trôi lơ lờ. Một người lên tiếng:

- Ai dám vớt cái bè đó vô bờ. Rủi ông thần vạ họng thì sao?

Ông hương cả nói gần từng tiếng:

- Xưa nay, chỉ có mấy ông chăn trâu mới dám vớt bè. Mấy “ổng” là con cháu ông Thần Nông. Mấy ổng dám vớt bè tống ôn để ăn đầu heo, ăn gà vịt cúng tế. Bây giờ thì...

Nói tới đó, ông đưa mắt liếc vào đám người, thấy dạng thằng Kia và thằng Hon. Ông nói tiếp, giọng xa xôi:

- Bây giờ mời con cháu ông Thần Nông ra tay giúp dân làng.

Hàng trăm cặp mắt đổ dồn về phía thằng Kia và thằng Hon. Thằng Kia nói to, cố ý cho thằng Hon nghe riêng mà thôi:

- Để tao! Tao là “chăn trâu nòi”, tao có “cô hồn” hơn mày. Mày đứng đó, đừng lằng xằng hư việc hết.

Thằng Kia ưỡn ngực từ từ tiến về phía ông hương cả Bạch. Ông hương cả thiếu điều muốn ăn gan nó. Nó muốn cười thật to. Nó mím môi lại rồi nói như đùa giỡn:

- Chắc ở làng này con nít chăn trâu bị ăn hiếp nên ông thần mới bị phiêu bạt làm vậy. Ông thần đau xót vì con cháu ông Thần Nông gặp nạn. Ông nghĩ rằng ổng không còn linh thiêng hay là ổng giận nên ổng từ già làng này.

Ông Từ sực nhớ tới mùi “thoang thoảng” bên tô trà hồi sáng nên nói to:

- Thiên hạ hiểu rồi! Thịnh sắc thần lên đi cha nội ơi!

Thằng Kia đáp:

- Từ rày dân làng hứa ăn ở hiền lành với tụi tôi mới chịu vớt bè.

Nó cởi áo nhảy xuống rạch, nói với lại:

- Sau khi tôi vớt lên, phải cúng vái tạ tôi nghe không? Cúng đầu heo rồi thả bè cho tụi tôi vớt lên ăn chơi.

Ông hương cả nói to:

- Kia ơi là Kia! Tao lạy mày đây nè!

Rồi ông nhìn thẳng Hon:

- Hon ơi là Hon! Tao lạy mày rồi mà!

Hôm sau thằng Hon tiếp tục giữ trâu cho ông cả Bạch. Bầy trâu được thả ra đồng ăn cỏ. Ông hương cả chẳng nói nặng nhẹ tiếng nào cũng không nhắc nhở việc bồi thường con trâu pháo. Thằng Hon tiếp tục “nằm trâu, thối sáo mơ đời Thuấn Nghiêu” như câu ca dao đã truyền tụng.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Mây Trời Và Rong Biển:

Ở miền duyên hải Hà Tiên có trồng loại dưa hấu ngon ngọt, gọi nôm na là dưa Hà Tiên. Tôi đến viếng thăm miền thơ mộng ấy nhằm mùa dưa.

Mấy người làm rẫy gần chùa Hang thi nhau mời khách qua đường:

- Dưa Hà Tiên ngon bực nhứt nè! Mua ở đây khỏi lầm thứ giả.

Tôi ngạc nhiên vì làm sao có dưa Hà Tiên giả tại vùng Hà Tiên? Thật ra, đó là dưa hấu thông thường, ở đâu cũng có. Người địa phương đã chịu khó vào mấy hang đá, hốt phân dơi về bón. Phân dơi giàu chất “am- mô- nhắc” nồng nặc mùi nước tiểu. Có lẽ mùi ấy giúp cho dưa hấu ngon ngọt chẳng?

Nhìn người bán dưa, tôi hỏi gắt:

- Tại sao lầm thứ giả?

Anh trả lời:

- Muốn trồng dưa cho ngon phải có “hoa tay” (năng khiếu). Nếu mình thiếu âm đức, trái dưa không ngọt hoặc ruột dưa trắng bệch. Thí dụ như ông Hai đăng kia.

- Ông già Hai làm gì mà thiếu âm đức?

Anh nọ trả lời:

- Chuyện dài lắm. Mời ông...

Tôi chợt hồ nghi đó là thủ đoạn tranh thương bất chánh để giành giật mỗi hàng. Đã trót đóng vai kẻ du lịch tại sao tôi không dừng lại ăn dưa, để nghe chuyện.

Tôi ngồi bên tảng đá.

Trái dưa hầu đã xẻ ra, vỏ mỏng, ruột đỏ tươi, ráo mặt. Ăn xong, tôi lên tiếng:

- Chuyện ông già Hai ra sao? Tại sao kẻ thiếu âm đức chẳng trồng dưa ngon được?

Như để thanh minh cho lòng dạ ngay thẳng của mình, anh bán dưa trở tay về phía mé biển:

- Ông ngồi đó! Lát nữa thầy tới đó thì biết. Tôi nói xấu làm gì? Cả vùng này thiên hạ đều chạy mặt.

Người được gọi là “ông già Hai” tuổi hơn năm mươi, dáng điệu ốm yếu. Tuy cách xa hàng trăm thước, tôi thấy rõ mái tóc bạc và bộ quần áo lãnh đen, lấp lánh dưới ánh nắng mai. Gió ngoài biển khơi bắt đầu thổi lộng. Ông già Hai ra khỏi căn chòi nhỏ bé, lấy tay che bớt ánh nắng rồi nhìn khá lâu về phía tôi đang ngồi.

Anh bán dưa như đặc ý:

- Thầy thấy chưa? Ông già Hai hồ nghi tôi đang nói xấu ông.

Tôi bực mình: tại sao ở chốn thanh lâu u cốc mà lại xảy ra cuộc tranh chấp nhỏ nhen như vậy? Thế diện con người là cái gì? Nguồn lợi bán dưa có là bao? Và nếu ông già Hai đã phạm tội tà trời, lẽ ra ông phải ngồi tù.

Đàng kia ông già Hai đi tới lui như bực dọc rồi đi xuống trước chòi.

Anh bán dưa mỉm cười:

- Ông đang rình.

Tôi càng tò mò hơn:

- Rình cái gì?

Anh bán dưa nói:

- Lời thiệt khai ngay... Tôi đâu có vu cáo ông mà tôi sợ mang tội lỗ miệng.

Rồi anh ta kể chuyện. Câu chuyện sát nhưn mà tôi lược thuật như sau: Điều đáng chú ý là ông già Hai mãi ngồi lì trước sân, để nhìn về phía chúng tôi. Dường như ông theo dõi mọi động tác của anh bán dưa này.

Ông già Hai xưa kia làm tới chức phó tổng, cai quản chục mẫu vườn. Ông ta làm chủ ngôi nhà ngói duy nhất trong vùng.

Tánh ông ta rất khó thương, tiền bạc thì muốn gom vô chớ chẳng bao giờ cho xuất ra.

Tôi ngắt lời anh bán dưa:

- Thì tiểu phú do cần, đại phú do thiên, ông hà tiện là phải. Kiến tha lâu đầy tổ. Như vậy đâu phải là thiếu âm đức?

Anh bán dưa lắc đầu:

- Trời ơi! Thề với trời đất tôi chẳng bao giờ nói xấu ông. Thầy cứ ngồi ăn, không cần phải trả tiền dưa mà.

Trước thái độ chân thành ấy, tôi im lặng.

Anh bán dưa cho biết thêm. Vì muốn gom góp tiền bạc để làm vua một cõi, nên ông ta gìn giữ con gái thật kỹ lưỡng, chẳng thém gả cho bất cứ chàng trai nào trong vùng. “Ngọc lành còn đợi giá cao”.

Lâu ngày chầy tháng, cô con gái ông trở nên “lỡ thời”. Cô ta tên Ngọc.

Tôi hỏi nhanh:

- Chuyện có thiệt hay không? Thế gian này, nhà giàu kén rể là thường tình.

Anh bán dưa nói gắt:

- Lát nữa tôi dẫn thầy qua bên kia núi để xem bằng cứ. Cái miếu thờ oan hồn cô Ngọc.

- Ghê quá vậy? Tại sao cô ta chết sớm?

- Năm đó ông già Hai bày qua nghề làm ruộng nhà. Bọn tá điền trốn nợ, chọn nơi đất đai phì nhiêu hơn. Ông già Hai mướn nhân công, dân vùng này ghét ông, chẳng ai chịu làm mướn. Rốt cuộc, thằng Tú, chuyên nghề ăn cướp biển đến tình nguyện làm tôi tớ. Cái thằng này lạ. Nó bảnh trai, tuổi hơn hai mươi. Hằng ngày, ông già Hai bắt buộc làm việc không hở tay. Ban đêm nó ngủ bên chái nhà bếp, gần chuồng bò. Thiên hạ cười chê, nghĩ mà buồn cho thân phận chàng ăn cướp biển sung sức ấy.

Vài người đặt giả thuyết:

- Thằng Tú si mê cô Ngọc!

Lúc ăn giỗ hoặc lân la trong xóm, ông già Hai khoe khoang:

- Bà con đừng đàm tiếu, vô ích. Chuyện trong nhà, tôi biết hơn ai hết. Tôi đủ quyền lực giết nó mà! Nó muốn bỏ nghề bất lương, trở về làm ăn lương thiện. Tại sao tôi không cứu vớt nó.

Ông già Hai lắm to, thằng Tú đã yêu con gái ông. Lúc ban đầu, cô Ngọc tỏ vẻ lạnh lùng. Đôi ba lần thằng Tú đánh bạo:

- Cô ơi, cô...

Cô Ngọc cau mày:

- Nói gì thì nói phứt. Cha tôi khó lắm.

Thằng Tú đáp:

- Cô đừng sợ liên lụy. Tôi muốn nói ra. Mà thôi cô dư hiểu rồi? Nói ra thêm phiền. Rủi bẽ gì...

Thân hình mạnh khỏe, gương mặt khả ái trẻ trung của thằng Tú lắm lúc khiến cô Ngọc rung động. Lần hồi, cô nghĩ mà tội nghiệp cho đứa si tình:

- Anh nói đi.

- Tôi không sợ đòn bộng, tôi không sợ chết. Tôi sợ cô từ chối hoặc mắng nhiếc. Chừng đó, chắc tôi tự tử.

Cô Ngọc đáp:

- Anh nói kỳ quá hè! Tự tử làm gì, ích lợi cho ai đâu? Anh không còn cách xử trí nào khác cho xứng mặt anh hùng!

- Tôi sẽ làm nghề ăn cướp biển, giết người như rạ, giết tất cả đàn bà con gái để trả thù, cô chịu không?

Cô Ngọc im lặng mừng thầm vì chàng trai tỏ ra xúc động. Hồi lâu, chàng Tú cúi mặt:

- Thôi, tôi ra ruộng.

- Anh ở lại chút nữa.

- Không dám, tôi mắc cỡ lắm.

Cô Ngọc cười nheo nụ, nói đùa như giỡn với một con thú dữ đang bị trói:

- Ai làm gì mà anh mắc cỡ? Vậy anh mắc cỡ với ai vậy chứ? Anh biết chứ không?

Thằng Tú nói lấp vấp:

- Dạ, tôi biết đọc chứ không biết viết.

Rồi đêm thằng Tú nằm thao thức. Tỉnh thoảng nó chun ra khỏi chiếc nóp, đến sát vách lén nhìn vào phòng cô Ngọc. Cô Ngọc ngồi chống tay lên trán như suy nghĩ. Hồi lâu cô tắt đèn, lên giường nằm.

Thằng Tú mừng quỳnh như mở cờ trong bụng vì người đẹp chẳng ngủ được. Nàng lẩn qua lẩn lại rồi chọt ngòi dật đốt ngọn đèn chong, đem giấy mực ra viết, viết rồi lai đốt bỏ. Rồi nàng ngủ.

Tại sao nàng chưa chịu gởi thư riêng cho nó xem? Dường như ông già Hai chẳng lưu ý mảy may đến mối tình vụng trộm ấy. Nàng đóng kịch khéo léo. Bận nợ, lúc mưa chiều lạnh buốt ông chọt nhớ đưa đầy tớ:

- Ngọc à! Con đem chai rượu cho thằng Tú nó uống!

Ngọc cau mày, nói gắt:

- Cho uống nó lờn mặt. Nếu nghiện rượu thì nó xuất tiền túi ra mà mua. Mỗi tháng cha trả cho nó hai đồng bạc kia mà!

Ông già liếc nhìn con gái, chọt nhận ra một điều: Tại sao nó lại hà tiện và tàn nhẫn hơn mình! Mình đây đã tàn nhẫn và hà tiện đến mức rồi. Chắc

là...

- Tội nghiệp! Hồi nào tới giờ thằng Tú ngao du khắp ngũ hồ tứ hải, đi dọc về ngang. Trời mưa sóng biển ầm ầm như vậy, chắc nó buồn lắm.

Ngọc nói gắt:

- Có thương thì cha đem rượu cho nó đi. Con không ưa đám con nít ghiền rượu.

Ngồi bên chái nhà, thằng Tú nghe rõ cuộc đấu khẩu giữa người yêu và cha nàng. Nó xoắn xang tắc dạ. Ngoài kia biển dậy ầm ầm, mấy chiếc ghe lướt chạy phăng phăng vào bãi. Hồi còn theo nghề ăn cướp biển nó thích chí khi thấy biển động. Chính lúc ấy, nó giả vờ đến tiếp cứu mấy ghe bị nạn, rồi thừa cơ hội, nó ra lệnh cho bọn tay em nhảy qua cướp giật. Mấy chiếc ghe gần đó có thấy cũng không dám chạy buồm tới. Mỗi lần mưa gió là mỗi lần nó đủ tiền bạc ăn xài. Từ ngày yêu Ngọc đến giờ, thỉnh thoảng nó cũng nhớ tới biển khơi, nhưng người đẹp vẫn cầm chân khách giang hồ.

Nàng xem nó như đứa con nít! Và nó bị hạ nhục trong khi biển dậy, sóng gió ầm ầm.

Nó nhận lấy chai rượu của ông già Hai. Men rượu vừa cay vừa chua như vị nước mắt tủi nhục:

- Dạ, cảm ơn ông, tôi là đứa con nít. Tôi cứ uống rượu. Con nít mà uống rượu nên mới chịu đại dột.

Nói xong nó gục đầu xuống, ông già Hai trở lên nhà trên, quả quyết một điều gì!

Trời chạng vạng tối. Thằng Tú không muốn chui vô nóp. Nó nhủ thầm:

- Mình nên ngủ trần cho muỗi cắn chơi một bữa. Muỗi đâu dám cắn đũa say rượu. Nếu cắn, muỗi cũng say rồi ghiền rượu luôn.

Nó chợt nghe có tiếng chân người đi phía sau. Rõ ràng là Ngọc.

Không nói một lời Ngọc quay trở vào nhà, trong lúc đó có cái vỏ hộp quẹt rớt ngay trước mặt thằng Tú. Nó hiểu ngay. Trong cái vỏ hộp quẹt, một mảnh giấy khác ghi vắn tắt:

“Anh Tú, em thương anh lắm. Anh đừng hiểu lầm gì hết. Anh dám thề với em không? Tụi mình sống thì đồng tịch đồng sàng, chết thì đồng quan đồng quách”.

Bỗng dưng thằng Tú thấy yêu đời. Mấy chữ “sống thì, chết thì” do người đẹp viết ra khiến nó thêm sống và thêm chết. Người đời thường nói “trường tình biển ái”. Tại sao lúc trước nó dám vẫy vùng trên mặt biển đầy sóng gió mà giờ phút này nó rụt rè khi sóng gió của biển ái tình vừa dậy lên.

Nhanh như chớp, nó theo bèn gót cô Ngọc. Ngọc đi thẳng lên nhà trên.

Thằng Tú lách mình, bước vào phòng của người yêu, nhìn dáo dác để tìm hiểu địa thế rồi chui xuống khoảng không gian tối om dưới gầm giường.

Hồi lâu Ngọc vào phòng thay quần áo, vặn tim đèn lên cao. Nàng mở tủ đem giấy mực ra, ngồi xuống chỏi tay lên trán.

Nàng suy nghĩ hàng năm mươi phút rồi viết. Lâu lâu, nàng vò mảnh giấy, đốt bỏ.

Nó bò ra, xuất hiện đột ngột:

- Đứng!

Vừa nói nó vừa ra dấu hiệu như ngầm bảo cho người yêu đừng kêu rú sáng sốt.

Ngọc sợ, lại giận. Thăng Tú đem mảnh giấy mà nàng gởi cho nó hồi nãy, chỉ vào mấy hàng chữ, khi đặt lá thơ trên bàn:

- Sống đồng tịch đồng sàng.

Rồi nó áp miếng giấy lên ngực như ngụ ý:

- Mấy lời em nói với anh, cũng là mấy lời mà anh muốn nói với em, đêm nay.

Ngoài cửa có tiếng nói khẽ:

- Ngọc, con còn thức à!

Ngọc chết điếng! Cha nàng đã hay biết rồi chăng? Vô lý, chính nàng còn không dè Thăng Tú dám lên vào phòng này. Hồi chiều tới giờ, cha nàng đâu có ra phía nhà sau?

- Chưa cha, con chưa ngủ.

Với giọng chiến thắng, ông già Hai nói:

- Con đưa cho cha cái chai dầu gió, cha hơi mệt.

Thăng Tú trợn mắt nhìn Ngọc. Ngọc im lặng quan sát tứ phía.

Ông già Hai nói ôn tồn:

- Ờ, chưa gặp cái chai dầu gió hả? Lát nữa con tìm cho cha. Bệnh của cha không nặng gì đâu!

Nói xong ông già Hai đi nhanh. Nghe tiếng chân của cha rời rạc, nhỏ dần. Ngọc nhìn cái tủ đựng quần áo, mở cánh cửa tủ.

Thằng Tú sực nhớ những mẩu chuyện khôi hài mà từ trước tới giờ nó chưa được hân hạnh đóng vai người trong cuộc. Ông già Hai tăng hăng phía nhà trên.

Không bỏ lỡ cơ hội, nó bước vào trong tủ mà ngồi. Ngọc khép cánh cửa tủ, vặn khóa.

- Chai dầu gió đâu rồi con?

Ngọc nói:

- Dạ đây nè cha.

Nàng mở chốt cửa phòng. Ông già Hai cười.

- Con thức khuya quá vậy! Ủa. Hồi nãy cha nghe con gì chạy sột soạt trong này!

Ngọc run run nói không ra lời. Bàn tay ông già Hai từ từ hạ xuống mặt bàn để giựt mảnh giấy có mấy chữ “đồng tịch đồng sàng, đồng quan đồng quách”.

Ông ta nói:

- Con gì chạy sột soạt?

Ngọc như người mất trí, thấy cái chết gần kề. Cha nàng sắp thi hành thủ đoạn gì đây. Cánh cửa tủ vừa khóa chặt, im lìm.

- Thừa cha con chuột, con chó gì đó!

Tuy ngọt thờ, thằng Tú cố lắng nghe. Nó nghĩ thầm: “Chết trong này là đại đột. Mình đã từng ngao du trên biển cả. Tại sao mình không lên tiếng?”. Nghe người yêu so sánh với “con chuột, con chó”, nó không kiên

nhấn được nữa. Nó đập mạnh vào cánh cửa tủ. Ngọc đành run tay, mở cửa tủ.

- Thằng Tú đó hả? Tao giết mày?

Thằng Tú nói:

- Giết tại đây à? Ông vô ơn bạc nghĩa quá. Ông không cần dùng đến tôi thì trả tôi ra biển. Tôi muốn đi xa.

Rồi day qua Ngọc, nó cười nhếch mép:

- Con nít, rồi con chó, con chuột. Đồng tịch đồng sàng, đồng quan, đồng quách. Nói láo!

Ông già Hai nói:

- Đừng cãi vã. Bây giờ mày ra ngoài biển với tao. Ở ngoài biển có sẵn mấy chiếc ghe đánh lưới. Mày cứ giựt một chiếc mà đi cho khuất mắt. Chẳng lẽ tao giết mày tại nhà này cho dơ nền gạch.

Anh bán dừa nhìn về phía ông già Hai:

- Đó thầy thấy chưa, ổng theo dõi, sợ tôi nói xấu chuyện gia đình của ổng cho người khác nghe! Trời phạt ổng! Từ bốn năm nay, ổng ở ngoài chòi đó.

Tôi hỏi:

- Còn thằng Tú, còn cô Ngọc, còn gian nhà ngói?

- Để tôi nói tiếp: ông già Hai dẫn thằng Tú ra sân, nhưng ổng giắt cây dao nhỏ và bén, ở sau lưng. Chừng đến mé bãi, ổng chỉ một chiếc ghe, kêu thằng Tú lên đó mà đi cho biệt tích. Thằng Tú ngỡ thiệt. Dè đâu ổng đâm nó, lúc nó gần tách bến. Hay tin ấy, cô Ngọc phát điên, suốt ngày mở cửa

cái tủ áo mà nhìn vào khoảng trống. Rồi hôm đó, cô ta đập tấm kiếng soi mặt, lấy miếng kiếng mà nuốt để tự tử. Ông già Hai sợ quá... Sau khi cô Ngọc chết, ông ta không dám ngủ ở nhà, không dám ra biển. Làm ruộng thì không dám, đánh lưới cũng không dám. Bởi vậy ông xoay qua nghề trồng dưa hấu, mà dưa hấu của ông chẳng bao giờ đỏ ruột.

Tôi từ già anh bán dưa, đến bên cạnh ông già Hai. Ông ta lắc đầu, nhìn thẳng vào mặt tôi:

- Đời sao khó sống quá. Họ nói xấu tôi. Phải này giờ thẳng đó nói chuyện con Ngọc với thẳng Tú. Nó nói tôi thiếu âm đức. Thầy tin lời nó à? Tôi ngồi ngoài chòi này bốn năm nay rồi chưa đủ sao?

Nói xong, ông trao cho tôi một trái dưa và một cây dao:

- Mời thầy xẻ trái dưa để bói thử. Nếu dưa đỏ ruột, điều ấy chứng tỏ tôi không phải là dưa thất đức, còn nếu dưa màu trắng thì...

Tôi mạnh dạn xẻ trái dưa, thở dài, cố che giấu vì ruột dưa quá trắng. Tôi úp sát hai miếng dưa.

Ông già Hai quay mặt ra biển khơi. Có lẽ ông đã hiểu.

- Sao?

Tôi đáp:

- Ông cho cháu xin trái dưa này. Cháu muốn đem về, lát nữa mới ăn.

- Mà nó đỏ hay trắng?

- Dạ, hơi hơi đỏ, hơi hơi trắng.

- À, thẳng Tú, con Ngọc, tội nó còn báo hại thẳng già này. Thôi cảm ơn thầy, thầy đi đi.

- Chuyện có thật sao ông?

Ông già Hai ôm mặt. Gió ngoài thổi lộng. Từng gề rong biển tấp vào bãi. Và trên trời, mây trắng bay. Xác thằng Tú ở đâu? Hồn cô Ngọc ở đâu? Trên chiếc chiếu nào và cái quan tài nào? Chàng nằm trên nệm rong biển và nàng tới lui vẫn vợ trên trời cho đến bao giờ.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Một Chuyện Khó Tin:

Thời Pháp thuộc thực dân khoe khoang đã sửa đổi vùng bùn lầy Bến Nghé trở thành Hòn Ngọc Viễn Đông. Nhưng đồng bào ta xác nhận rằng bên cạnh Hòn Ngọc ấy còn nhiều vùng quá chậm tiến gọi là Hóc Bà Tó, Voi Bà Khệt, Cù Lao Heo, Rạch Ba Rộng Ba Hẹp, Đồng Chó Ngáp, chốn “khỉ ho cò gáy”, “chó ăn đá, gà ăn muối” và theo lời truyền khẩu, ở các vùng nói trên, đồng bào ta sống trong địa đàng, chưa chịu ảnh hưởng của văn minh Tây phương. Nhiều cụ già hơn tám mươi tuổi, tuyệt nhiên chẳng thấy một cái xe đạp nào cả. Rõ ràng là nếp sống của Trúc Lâm thất hiền theo nền “văn minh thảo mộc”, nhà cửa, giường chiếu, bàn ghế, ghe thuyền đều bằng nguyên liệu cây cỏ, chế biến ra.

Ở Rạch Giá, Cà Mau nổi danh chậm tiến là chốn U Minh.

Ở U Minh, thiên hạ ngán vùng U Minh Thượng hơn là U Minh Hạ.

U Minh Thượng đáng sợ vì các “nhân vật” ở rải rác trong rừng đều uống rượu khá nhiều, ăn nói huyền thuyên. Quan lớn Pháp gọi đó là thái độ đối trá của người Á Đông! Biết sao bây giờ! Nếu im lặng thì họ bảo là sự thâm hiểm khó lường.

Xóm người ở U Minh Thượng tuân theo các luật lệ do chánh phủ Pháp đặt ra và không đặt ra.

Người thốt câu nói ấy cho tôi nghe, là ông hội đồng Liệt, một chủ ruộng lừng danh gốc U Minh Thượng. Năm nay ông hội đồng đã bảy mươi

tuổi, cầm cự với chứng bệnh nan y, nhờ thỉnh thoảng hút vài điếu á phiện (theo toa đặc biệt của bác sĩ). Ông tản cư ra chợ từ năm 1946, hùn vốn mua bán.

Và để minh chứng, ông hội đồng mời tôi nằm xuống chiếc gối bằng sành để ngủ khổi. Ông cho rằng á phiện làm cho tâm hồn sáng suốt, bình tĩnh và người nằm bên cạnh (như tôi) sẽ bớt hoài nghi khi thấu nhận những chuyện khó tin xảy ra hồi mấy chục năm trước. Đời là hư vô!

Hồi gần cuối năm 1940 thì phải, ông huyện Hàm T kiêm chức cai tổng bỗng nhiên truyền lệnh cho chú hương ấp C:

- Phải bắt tất cả những người trốn thuế thân rồi giải họ đến nhà tôi! Kỳ hạn hai ngày.

Hôm sau chú hương ấp đến khúm núm xin gặp ông huyện Hàm:

- Bẩm quan, tôi đã tuân lời, đâu đó xong xuôi, đầy đủ.

Ông huyện Hàm sững sốt, rời chiếc ghế trường kỷ:

- Bộ mày giỡn với tao sao chứ? Bắt được mấy đứa?

- Dạ hơn hai chục.

- Họ ở đâu rồi? Tại sao không cho biết trước để tao giao cho mày vài chục cái còng?

Chú hương ấp càng sợ sệt, liếc nhìn phía bến sông rồi nói khẽ:

- Bẩm quan, tôi giải họ tới đây rồi. Họ ngồi lủ khủ trong chiếc ghe của tôi đậu tại bến. Vì thiếu còng nên tôi tạm buộc tay họ bằng dây bẹ chuối.

Nghe chưa dứt lời, ông huyện Hàm bước tới đóng cửa kín mít, gài chốt cẩn thận. Mặt chú hương ập tái mét, chú quỳ xuống lạy:

- Xin quan xét lại cho tôi nhờ!

Ông huyện Hàm chụp lấy cái chuông nhỏ, rung lên. Leng keng!
Leng keng!

Giọng của ông huyện nói xen vào tiếng chuông:

- Cậu Hai đâu? Nhốt thằng này trong chuồng khi lập tức.

Từ phía nhà dưới, cậu Hai đáp:

- Con đây. Có con đây. Hồi lâu, cậu Hai nói tiếp:

- Còn chú hương ập kia! Sao chưa chịu vô trong chuồng khi dưới này mà ngồi? Xuống đây!

Chú hương ập lồm cồm đứng dậy, đi rón rén xuống nhà dưới. Cái chuồng khi hiện ra trống trơn, đại khái giống như kiểu chuồng nuôi chồn, chung quanh giăng lưới dây kẽm.

Cậu Hai đi tới đi lui, cầm trái chuối vừa lột vừa ăn ngốn, mái tóc chải láng bóng. Cậu trợn mắt:

- Thì vô trong lồng đó cho cha tôi mát ruột. Lát nữa mình tính toán sau, chuyện dễ quá. Khi nhà bữa nay ra vườn dạo mát rồi.

Nghe qua hương ập mừng phấn khởi, toan ngỏ lời cảm ơn cậu Hai nhưng cậu đã bước ra cửa sau đi mất dạng. Hương ập tự ý ngồi xuống, mở gói thuốc rê, vẩn hút. Theo lời đồn đại của giới thân cận thì cậu Hai chỉ mang tật “rắn mắt”, ngộ nghịch, chó chưa đánh đập, chém giết ai bao giờ. Đối với cha mẹ, cậu vẫn ngang tàng như thường. Nghe đâu, phen đó cậu tập dượt võ nghệ ngoài sân, thường lệ vào mỗi buổi sáng,

rồi vào nhà xăm xăm đến sát bên cạnh bà huyện Hàm. Biết phận mình là kẻ mẩu, bà huyện sẵn sàng nêu gương ôn hòa, khoan dung để tránh tai tiếng không hay về mẹ ghẻ con chồng.

- Này cậu Hai! Cậu làm gì vậy? Khó coi quá.

Cậu Hai chống nạnh, ưỡn ngực nói:

- Gì mà khó coi! Tập nghề võ lai rai chơi vậy thôi mà bà!

- Nhưng cậu đã lớn tuổi, có vợ, có con. Cậu tha hồ tập dượt ngoài sân nhưng đừng kể bên tôi, xin cậu đường hoàng một chút.

Tức thì cậu Hai chụp cây kéo, nhấp lưỡi kéo thật nhanh để thị oai rồi kê lưỡi kéo vào đầu tóc của người dì ghẻ.

Bà huyện trẻ tuổi la rú lên:

- Trời! Ông nó ơi! Cậu Hai đòi cắt đứt đầu tóc tôi nè!

Từ trên dinh đường, ông huyện chụp lấy cây roi mây thật to, chạy xuống, đập túi bụi. Cậu Hai nhanh chân bôn tẩu, nói với lại với cha:

- Xí hựt! Ông dám đánh tôi nhưng nào trúng vào tôi! Xí hựt! Đây là đường quờn “chung cổ tề minh”. Chuông và trống kèn vang một lượt. Tay múa, chân đá!

Ngồi trong chuồng khi, chú hương ắp vẫn thêm điều thuốc.

Cậu Hai bước vào nhà nghiêm mặt:

- Này hương ắp! Nãy giờ ba tôi có xuống đây không?

- Dạ không.

- Chắc ông mê xem chuyện Phong Thần, Tây Hớn gì đó. Tôi long trọng cho phép chú bước ra khỏi chuồng khi để chờ coi ba tôi tính sao cái đã!

Tuy mừng thầm nhưng hương ấp vẫn dè dặt lắng tai nghe từng tiếng động ở nhà trên. Dường như cha con ông huyện nói qua nói lại khá lâu, nói nhỏ nghe xì xào. Chừng trở xuống mặt mày cậu Hai tươi rói:

- Ra mau! Mình có chuyện đi gấp. Ba tôi đã tha tội cho chú.

Chú hương đáp:

- Dạ, cảm ơn cậu Hai. Tôi có tội nhiều lắm.

Cậu Hai bỗng trợn mắt:

- Ông xạo quá! Ông biết tội gì không?

- Dạ tôi chưa biết tội của tôi.

- Chưa biết tội mà chịu tội thiệt lạ lòng như người không vay mà đòi trả nợ. Ba tôi phạt ông hai cắc bạc về tội gây náo động. Vào hừng sáng ông dẫn tới đây hàng chục người lực lưỡng. Để họ chạy ào vô ăn cướp nhà này hả?

- Tôi chịu phạt. Chẳng hay quan huyện dạy làm sao? Máy người đó quả tình chưa đóng thuế thân nên họ tới chịu tội.

Cậu Hai chụp lấy cái nón ni, đội lên đầu rồi day vào vách:

- Cầm cây dầm đó. Đi theo tôi.

Nỗi lo sợ càng ám ảnh chú hương ấp. Hai người bước ra cửa sau rồi đi vòng xuống bến. Đồi chục người thiếu thuế vẫn ngồi dưới ghe.

Họ ngưng tất cả câu chuyện. Kẻ gan lì nhất là anh chàng hút thuốc ngồi sau lái. Tuy vậy, khi thấy cậu Hai bước xuống cầu ván, cũng đành quẳng điếu thuốc cháy dở xuống nước.

- Này bà con nghe kỹ! Gần tết, ba tôi hiền lắm. Ông ra lệnh phạt mỗi người hai cắc. Có ai cự nự gì không?

Cả bọn im lặng. Cậu Hai hất hàm:

- Trả lời đi chớ?

Anh chàng hút thuốc khi nãy đánh bạo nói:

- Thưa cậu, phạt mà chừng nào mới đóng thuế chánh thức?

- Ba tôi tha bổng cho bà con về tội thiếu thuế thân vì tiền thuế là của Nhà nước Tây bày ra. Ba tôi làm việc cho Tây mà ghét Tây lắm. Khi nãy thấy bà con tới đây, ba tôi giận vì bà con đại khờ quá. Ai đời bị trói bằng dây chuối mà không chịu bứt dây để tẩu thoát? Hai cắc là tiền phạt về tội đại khờ đó!

Cả bọn thở phào, vừa mừng vừa giận, rồi từ từ vung tay, bứt toang mớ dây chuối khô héo, quá bờ.

Cậu Hai thúc hỏi:

- Anh em bơi ghe về U Minh Thượng, tự do. Hương áp nhớ kỹ tên họ từng người rồi góp tiền phạt, đóng trước Tết.

Chờ bọn người ấy bơi ghe đi khuất, cậu Hai cười to:

- Cho họ đi phút cho rồi. Để chần chờ, họ làm “reo” đòi ăn cơm trưa, tốn hao lắm. Tôi mà làm sao mắc mưu họ được!

Bước xuống chiếc xuồng nhỏ, hương ấp ngoan ngoãn ngồi sau lái mà bơi, đặt mái dầm thật nhẹ sợ gây tiếng động hoặc làm cho xuồng nghiêng.

Cậu Hai nói:

- Bơi mạnh tay lên. Mình cần đi theo tụi nó, để tụi nó tưởng mình tha bổng vì sợ sệt. Tụi nó đứa nào cũng có vết, có sẹo: thiếu thuế thân năm sáu năm liên tiếp, bị tình nghi chống nhà nước Pháp, tù vượt ngục, ăn trộm trâu, nên chẳng đứa nào dám ra chợ Rạch Giá mua bán hoặc sắm đồ tết. Bị phạt hai cắc thì tụi nó mừng như cha mẹ đẻ lần thứ hai. Bằng không thì bị giải ra chợ ở tù, năm sáu bản án chồng lại. Nè! Chú có nghe hồi nãy tôi nói tới hai tiếng “tự do” không? Tôi nói để “bắt nhãn”, để tụi nó hiểu ngầm rằng tôi biết lý lịch từng đứa. Đứa nào cũng muốn tự do.

Mái dầm của hương ấp khuấy nước đều đều. Một con muỗi đập ngay màng tang, cắn no máu; hương ấp chưa dám buông dầm đập muỗi e tiết lộ một cử chỉ khác thường.

- Chú hương ấp... thì lai lịch cũng giống hệt tụi nó thôi.

Giật mình, chú hương ngưng tay lại:

- Trời, tội nghiệp cho tôi mà cậu Hai! Tôi theo chánh phủ Pháp, trung thành.

- Giả ngộ hoài! Chú họ Lê, tên Mệt. Ma quỷ nó tin lời khai của chú chớ ai mà tin. Chú cũng dám là Nguyễn Văn Quyết, tù vượt ngục gì đó. Mà thôi, cứ bơi xuồng, bơi tự do kiểu mấy cha nội hồi nãy. Đ.m. mấy cha chơi “cuội” theo kiểu dân thất nghiệp rủ nhau đánh võ đài ăn tiền độ, chú là đồng lõa!

- Tội nghiệp tôi mà cậu Hai.

- Đừng giận tôi làm chi. Tuổi chú đáng cha đáng mẹ. Ủa! Bơi xuống mau lên chứ. Cốt ý của tôi là “hù” chơi cho chú sợ, để chú bơi lẹ hết tốc lực. “Mau lên!” “On”! “Đơ”! “On”! “Đơ”! Hễ tôi đếm tới “Troa” thì chú giống như tụi nó. Nguyễn Văn Quyết mà khai là Lê Văn Mệt! Bữa nào tôi dẫn chú ra chợ, cho Tây nhìn mặt, biết đá vàng với thiên hạ! “On”! “Đơ”!

Đến xóm giữa U Minh Thượng, họ dừng lại địa điểm gọi là Bảy Ngàn. Nhiều người còn quan niệm rằng: đồng bào ta chưa ý thức rõ rệt về không gian nên dùng những đơn vị đo đạc quá co giãn: xa hai doi đất một “nghìn”, đi nửa ngày đường. Địa danh Sáu Ngàn nói trên chứng minh điều gần như trái hẳn. Sáu Ngàn tức là khu vực cách xa bờ kinh Xáng cỡ ngàn thước tây.

Nhà cửa ở đây thưa thớt, đôi khi không vách.

- Bây giờ mình ghé nơi nào, thưa cậu Hai?

Cậu Hai nhìn mấy con chim già sói không lồ đậu phơi nắng trên ngọn tràm:

- Bậy quá! Hồi nãy tôi quên cây súng “cà líp xây”. Thôi, ghé lại nhà chú. Rồi mình đi dạo xóm. Tôi muốn ghé như vậy để gây thế lực cho chú.

Xuông ghé bến. Thím hương ấp cúi đầu chào cậu Hai. Nhà hai bên bờ rạch đều mở cửa, ai lo việc nấy. Cậu Hai ghé vào tai chú hương ấp mà nói khẽ:

- Tụi nó dễ người vì hồi nãy tôi tha tội, chẳng giam giữ đứa nào. Nhứt định tụi nó biết trước cuộc thăm viếng bất ngờ của tôi. Tụi nó muốn khiêu khích tôi.

Cậu nói thốt ra, tỏ rõ từng tiếng như hăm dọa. Thái độ của cậu Hai càng trở nên khó hiểu khi cậu gạt ngang lời kính cẩn của thím hương ấp:

- Tôi đâu mỗi chân hoặc đói bụng khát nước, nếu muốn nằm nghỉ, ăn uống thật ngon thì tôi đã nằm nhà. Cám ơn. Bây giờ chú hương dạo xóm với tôi.

Con đường dọc theo bờ kinh hơi sầm uất, cỡ năm mươi bước là phải nhảy qua mương nhỏ. Bỗng nhiên cậu Hai quát to:

- Anh kia! Dừng lại.

Chú hương ấp ngỡ ngác, chưa hiểu ắt giáp gì ráo; trước mặt cậu Hai chỉ có một ông lão đang hì hục đội mười bó rơm trên đầu. Nghe gọi bất thành linh, ông lão đứng nhìn.

- Ông biết ông có tội gì không? Ông già?

- Dạ không biết, thưa cậu Hai.

- Tội vô ý hủy hoại sanh mạng.

- Dạ sanh mạng của ai vậy cậu?

- Của ông chớ của ai? Rủi gặp kẻ gian ác, họ châm lửa đốt rơm thì ông hóa ra tro bụi. Tôi phạt hai cọc. Lát nữa, hương ấp lại nhà ông mà góp tiền nhớ chưa!

Chập sau, hai người đi qua cầu khỉ, dạo bên kia bờ rạch. Cậu Hai huýt gió bản nhạc Tây rồi chột cười vang:

- Coi kìa hương ấp, con mẹ ấy phạm tội sát nhân. Chân cậu bước nhanh rồi dừng nơi đầu cầu thang kiểu cầu mà đồng bào thôn quê bắc

thả xuống nước để rửa ráy và tắm. Ngồi khuất mình dưới nước, một thiếu nữ nhô đầu lên, ở trần nhưng kéo lưng quần che kín ngang nách.

Thấy chuyện hơi quá đáng, chú hương can gián:

- Thưa cậu, con gái tắm dưới sông. Nếu có gì vô lễ, cậu gọi lên nhà hoặc rầy la cha mẹ cô ta cũng được.

Cậu Hai nói gắt gỏng:

- Chú thấy cái gì không! Bộ chú tưởng tôi mê gái hoặc ăn nói thô tục sao chứ. Thấy cái gì lạ không?

Chú hương nường mắt nhìn thiếu nữ rồi nói ri vào tai cậu Hai:

- Dạ con nhỏ đó lớn bụng.

- Có chữa thì nói có chữa chứ gì mà lớn bụng. Tại sao chú nói nhỏ tiếng quá vậy? Chuyện đại sự. Chú biết điều nguy hại đó chưa. Tôi để chú nói trước, bằng nói trật tôi cách chức lập tức.

Là người lớn tuổi, hiểu rành cái phương pháp suy luận tẻo căng ngỗng của cậu Hai, chú hương ấp nói khẽ:

- Dạ, đàn bà có chữa mà ngồi ngâm bụng dưới nước như vậy, chắc chắn đứa nhỏ trong bào thai bị ngộp thở. Để tôi bắt buộc con đàn bà nọ đóng tiền phạt hai cắc cho cậu.

Gian phòng trở nên im lặng. Ông hội đồng Liệt tự ý ngưng nói. Tôi ngáp dài, nghĩ rằng theo đà tưởng tượng ấy, ông hội đồng sẽ thêm dật thêm hàng trăm câu chuyện cho đến sáng. Thời Nhật Bản đánh Trung Hoa tôi đã nghe nhiều tay nằm hút á phiện suốt ngày, đọc có một thứ nhật báo mà dám bàn tán thao thao bất tuyệt về tình hình quốc tế, về chiến lược quân sự như là ông Tôn Tử tái sanh. Ông hội

đồng này phải chẳng đã cố tình nói sai sự thật? Tôi nhìn lên trần nhà, theo dõi một con thằn lằn bạch đang rình mồi đớp muỗi. Qua những mẩu chuyện tôi chỉ thích thú khi nghe ông hội đồng nhắc đến cái cầu tắm dưới sông. Danh từ ấy đáng chú ý. Ở miền quá nhiều ao, đầm, sông, rạch thì cái phòng tắm, cái chuồng tiêu đều đặt trên dòng nước, muốn đến đó phải qua một cái cầu. Tôi liên tưởng đến quyển sách khảo cứu về các kiểu nhà ở vùng Đông Nam Á, một hình thức văn minh trên sông nước.

- Nãy giờ cháu nghe bác nói chuyện gì không? Bác nói toàn sự thật, dường như cháu chưa tin.

Tôi đáp nhanh để tránh sự hiểu lầm:

- Thưa bác hội đồng, cháu tin lắm. Vì bác sống vào thời xưa, trong cuộc.

Ông hội đồng trở mắt:

- Cháu nói sao? À, có lẽ cháu ngỡ rằng bác đây là ông hương ấp ngày xưa dẫn đường cho cậu Hai! Thói thường, làm kẻ nói hươu nói vượn để rớt cuộc khen ngợi mình một cách khéo léo. Ông hương ấp là ông hương ấp. Hội đồng Liệt này là hội đồng Liệt, hai người khác nhau đó cháu.

- Vậy lúc đó bác là ai? Bác ở đâu? Làm sao mà chốn U Minh Thượng lại nảy sinh được chức hội đồng sang trọng hơn chức “cậu Hai”, chức “huyện Hàm”. Thú thật với bác cháu chưa hiểu nên vô tình làm bác phiền lòng.

- Chờ một chút, bác sẽ trả lời vắn tắt, chắc phen này cháu lại càng không tin... Bác hút thêm một cặp mới được. Á phiện giúp mình giàu trí tưởng tượng để bày mưu kế hoặc nói dóc. Á phiện cũng giúp mình quên khổ nhục. À, bác nói tới đâu rồi?

- Dạ tới lúc cậu Hai phạt vợ cô gái ngâm cái bèo thai dưới nước, khi tắm.

- Đúng vậy. Phạt xong, cậu tiếp tục hành trình, mặt mày vênh vác.

Quá thắc mắc, tôi hỏi:

- Thưa bác, tại sao dân U Minh Thượng lại ngoan ngoãn chịu phạt vô lý như vậy. Người Việt Nam mình vốn nóng tánh, dám sống chết, liều lĩnh, ít ra họ cũng phản ứng lại.

Ông hội đồng vội ngắt lời tôi:

- Cháu đừng nóng nảy. Sau khi phạt cô gái nọ, cậu Hai và hương ấp đến căn chòi của bác. Hồi đó bác được dân trong xóm gọi là Tư Liệt. Tư Liệt này hồi đó thích uống rượu. Thuở đó, tôi đi suốt ngày trong rừng, làm nghề bắt trăn. Cháu nhớ: đốn củi thì đóng thuế, còn bắt trăn thì miễn thuế. U Minh Thượng thiếu gì trăn. Đến mùa, trăn được và trăn cái hội lại, mê man hưởng phút trăng mật. Mình gặp quả tang, bắt trọn gói dễ dàng. Da trăn lột bán rất mắc, họ xuất cảng để làm bóp đầm, dây nịt. Hôm đó, tôi bắt được bốn con trăn, bán gần hai đồng bạc bày tiệc ăn mừng với anh em bạn đãi món đặc biệt. Đó là hai hộp sữa bò và hai cân đậu xanh!

Ai nấy đều tán đồng. Họ cho rằng đời mình uống rượu đã nhiều nhưng thiếu chất sữa bò. Đối với đồng bào ở thôn quê thời xưa, khuấy sữa đặc vào nước sôi mà uống là điều vô lý, chỉ dành riêng cho con nít mới đẻ hoặc những cụ già đất xa trời, cơm cháo nuốt không vô. Và lại, sữa hộp rất hiếm, bán quá mắc.

Bọn chúng tôi lui cui đốt lửa, ngâm đậu, khui hộp sữa để thí nghiệm nôi chè đặc biệt. Ai nấy cười nói huênh hoang, bỗng nhiên cậu Hai và hương ấp bước vào.

Chúng tôi đứng dậy chào, cậu Hai nói:

**- Đường ở đâu? Tôi không thấy? Các cha này làm cái gì lạ quá!
Hồi cha mẹ đẻ tới từng tuổi này, tôi chưa thấy ai ngạo mạn như vậy.
Cha mẹ tôi sang trọng mà chưa dám xài phí theo kiểu của mấy cha đó!
Hồi sáng tới giờ, tội này là tội nặng nhất so với tội trốn thuế thân, tội
có thai mà tẩm. Cả bọn im lặng.**

Cậu lại nói:

**- À! Tôi biết rồi mấy người ăn uống sang trọng trước mặt tôi để
chửi tôi. Nấu chè với sữa hộp! Muốn làm vua xứ này hả?**

Tôi thay mặt anh em để trả lời:

- Thưa cậu, cậu suy nghĩ quá xa rồi.

Cậu Hai quát:

**- Câm miệng lại. Đừng vô phép, chưa chi đã cắt đứt lời nói của
tao. Tư Liệt! Mày biết tao muốn nói điều gì không? Đồ thâm độc! Mày
nấu đậu xanh với sữa bò thay vì nấu với đường để ám chỉ rằng gia
đình tao bực nhứt vùng này nhưng cũng chưa dám tiêu xài như vậy!**

Tôi đáp:

**- Tội tôi đâu dè cậu lên đây thăm viếng dân tình. Có lẽ cậu tức
mình, ganh tị với cái sung sướng! Còn bảo rằng tội tôi khoe tiền thì vô
lý quá. Lâu lâu bắt được vài con trăn, thử bày cách ăn uống này để bù
đắp cả một cuộc đời hẩm hiu.**

**- Mày nói tao ganh tị với mày hả? Đi theo tao mau lên. Lát nữa
mày trả lời với ba tao.**

Đến nhà ông huyện Hàm, tôi ngồi chờ hồi lâu. Chẳng hiểu cha con ông huyện bàn tán với nhau điều gì, chỉ biết là chập sau người nhà của ông đuổi hai con khi đột trong chuồng ra, rồi nhốt tôi vào đó thay thế. Tôi chưa tin rằng: Khi là thủy tổ con người. Vì vậy, ngồi trong chuồng khi, tôi đứng đưng, chẳng thềm suy nghĩ về lẽ tuần hườn, đầu thai. Hồi sau, cậu Hai xuống nhà gặp tôi. Cậu ta không cau có, la hét như tôi tưởng:

- Nay Tư Liệt, ba tôi nói đây là thể diện của nhà nước Pháp. Nếu, bọn người bất hảo ở U Minh Thượng đều ngỗ nghịch phạm thượng như chú thì lần hồi có loạn lạc, nhà nước Pháp kéo binh vô bản giết, tổn hao xương máu người An Nam mình. Ba tôi cũng chẳng muốn bỏ tù chú hoặc hành hạ thân xác chú. Ông bảo tôi tới đây khuyên nhủ chú nên liều mạng!

Nghe qua, tôi sáng sốt. Cậu Hai nói tiếp:

- Ủa, tôi nói thật. Làm liều chứ chưa phải liều mạng! Chú nên chuộc tội cho chú và chuộc thể diện cho tôi. Lát nữa, chú phải ăn một cục cứt khi! Dễ quá! Chết chóc gì mà sợ! Tôi cần có tiếng đồn đại trong xóm như vậy thôi! Rồi ba tôi tha tội cho chú về ăn tết. Uống thử đi, rồi muốn nấu chè với sữa bò hay sữa cọp, sữa nai gì cũng được. Đây là thể diện dòng họ tôi. Tá điền mà ăn uống sang trọng hơn chủ điền, đó là tội khinh quân.

Tôi mỉm cười. Quá giận, tôi trở nên tỉnh táo lạ thường. Đời là thế. Thánh nhân đã nói: sanh, lão, bệnh, tử là thế. Tôi gật đầu, kéo nài:

- Cám ơn cậu Hai, nhưng tôi nào phải là thánh nhân hoặc là anh hùng. Họ dám lãnh bưng chén thuốc độc lên môi để chết vinh. Đàng này, bưng chén cứt khi uống để mà sống nhục, khác xa nhau quá!

Cậu Hai cười giòn:

- Tư Liệt ăn nói nghe ngộ thật. Ăn cũng ngộ mà nói cũng ngộ. Chú muốn gì?

- Tôi muốn uống một “xì” rượu, để quên mùi trần thế trước khi chịu hình phạt.

- Dễ quá! Vậy mà nãy giờ chú nói xa nói gần, nói cái gì mà thánh nhân anh hùng. Rượu đây. Uống cái này rồi nhớ uống luôn cái thứ kia nghe cha nội! Gọi là... Hơi men khiến tôi ngà ngà say. Tôi uống nhanh cái chén đựng “cái thứ kia” rồi đi tắt ngang rừng tràm, về xóm Bảy Ngàn. Ai hỏi câu gì, tôi đều nín lặng. Sự nín lặng không là vàng, là bạc, là chì nhưng là thứ xấu xa nhất. Đoán chừng hai ba hôm sau cậu Hai sẽ cho người đến xóm Bảy Ngàn loan tin ấy để hạ nhục, tôi rút vào U Minh qua tận nơi giáp ranh với rạch thày Quơn mà cất chòi, đốt lửa. Lửa cháy rừng để lộ ra một giồng cao ráo, đào xuống là gặp mạch nước ngọt. Thế là đại phú do thiên, tiểu phú do cần. Tôi làm giàu, trở thành điền chủ là nhờ tai nạn ấy và nhờ thời vận.

Thuật chuyện tới đây, ông hội đồng Liệt lồm cồm ngồi dậy, rót nước trà đậm, rồi nằm trở xuống chiếc gối sành. Động tác của người ghiền á phiện “quanh quẩn mãi với một vài ba dáng điệu”, vì thiếu am tường về kỹ thuật chuyên môn tôi khó tả lại. Tôi từng nghe vài bạn quá quyết rằng: qua cách khai hộp nhựa, cách cầm tiêm, ta có thể phán đoán nội tâm của người bạn ghiền. Nãy giờ, dường như ông hội đồng Liệt bộc lộ nhiều cảm tình đối với tôi hơn trước. Mắt ông nheo nheo, “tay cầm tiêm như Triệu Tử cầm kích, mặt nhìn đèn như ông Không xem thơ, khói lên nghi ngút như Quan Công đốt núi” ngửi mùi khói thơm. Ông cầm cái que sắt, nướng chút gì trên ngọn đèn rồi vo viên, nhét chất đen đen láng láng ấy vào lỗ của dọc tẩu. Bỗng dưng, tôi mỉm cười, sức nhớ cái chất đen pha trong chén nước mà ông đã uống hồi xưa để thoát ra khỏi cái chuồng khí của cậu Hai.

Tuy nhiên, tôi cảm thông với nỗi lòng của riêng ông: dùng men rượu để đánh tan cái mùi hôi của phân khí, lập nên sự nghiệp bất thành lình. Rồi lạc lõng khi về già, đêm đêm nhờ mùi thơm của nàng tiên nâu mà gọi lại ký ức. Một cái vòng luẩn quẩn để giữ thể diện!

Ông hội đồng nói như thúc đẩy tôi:

- Sao im lìm quá vậy? Té ra cháu chưa tin nỗi khổ nhục của tôi hồi xưa. Cháu giống hệt mấy đứa con ngớ ngẩn, bất hiếu của tôi. Chắc là cháu hồ nghi tôi nói dối để giảng đạo lý.

Tôi đáp nhanh để ông hội đồng đừng giận:

- Dạ cháu tin lời bác lắm lắm. Những chuyện như vậy thiệt là...

- Thiệt là sao?

Tôi lúng túng:

- Thiệt là xứng đáng ghi vào loại sách Tang Thương Ngẫu Lục, Kim Cổ Kỳ Quan. Thú thiệt với bác, cháu chưa đọc mấy quyển sách đời xưa đó. Nhưng nghe qua cái tựa ngồ ngộ cũng đủ vui, đủ mệt rồi.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Một Người Hàng Xóm:

Vương An bưng mắt, lên tiếng. Đó là giọng rên bất mãn, khi cảm thấy đói. Năng chói vào, từ cánh cửa mở rộng. Vương An nhắm mắt lại, dễ giấc ngủ, nhưng cay mắt quá, bèn kêu lên vài tiếng nã nuốt, ư hự, ha... Xung quanh Vương An là khoảng trống, thế là tung chăn, ngồi dậy, bước chập chững như người say rượu, lần tay vào vách. Đến ngưỡng cửa, Vương An ngồi xuống, rú to lên để than van niềm cô đơn. Rồi nằm sấp, úp mặt xuống gạch, tay chân cựa quậy như con cua, như con nhện. Hai chân đập xuống, đụng vào gạch, càng đập mạnh, càng đau. Sau rốt, từ cửa miệng Vương An vang ra thứ âm thanh quái đản của con thú bị thương. Vương An trườn tới, hai tay chỏi lên, rồi buông xuôi.

Một bà lão bước vào, tay bồng đứa bé, tay nâng cái bánh bao to, trắng phếu, cái bánh nhưn thịt, có hạt vẹt, lạp xường. Vương An ngồi dậy, dựa lưng vào vách, bóp méo cái bánh, cắn một miếng, nhai thử rồi buông ra, nằm dài, rú lên.

Bà lão chạy tới, hươi tay đập mạnh vào hông Vương An rồi lột cái quần ướt mềm. Vương An ù lì, nằm tại chỗ, trong vũng nước nhầy nhụa, không kháng cự, nước mắt tuôn khá nhiều, mồ hôi lại chảy ra, chan hòa với mớ nước miếng. Năng cứ lên, phản chiếu. Vương An đột nhiên ngồi dậy, liếc ra ngoài cửa.

Tôi ngồi đọc báo, theo dõi chiến sự. Những màn biểu diễn đờm về “hiện sinh”, “hiện hữu” của Vương An chẳng còn gì là mới mẻ cả. Chú

Hai, cha của Vương An dừng ngang cửa:

- Chào thầy Hai. Thầy Hai ở nhà, chưa đi làm? Hồi sáng nghe nói nổ lựu đạn ở chợ Tân Định, lính bố ráp.

Tôi đáp:

- Lát nữa phải đi. Chú Hai về sớm?

- Bữa nay ngày mười bốn An Nam, bán đắt lắm, người ta mua đồ về ăn chay. Vợ tôi giữ cái sạp “chạp phô” để tôi về lo cho A Ổn.

A Ổn là tên gọi của Vương An. Chú Hai sanh trưởng tại vùng cầu Ông Lãnh, tên chú là Vương Tường, năm nay khoảng năm mươi tuổi. Chú là người lảng giềng trầm lặng, đóng cửa, ít cho con đi chơi ngoài ngõ hẻm. Người trong xóm khen ngợi: Chú đàn hoàng, chưa gây gỗ với ai. Tôi nhận xét: Chú là hạng người chí thú làm ăn, “chơi bời kỹ”. Hai vợ chồng chú thay phiên nhau bán hàng trong nhà lồng chợ Thái Bình, mấy đứa bé, tất cả năm đứa, được nuôi nấng đầy đủ, nhờ sự chăm sóc của người quản gia lớn tuổi. A Phò, gọi bà Phò. Năm ngoái, một đứa con gái của chú Hai nâng cái chén đầy cơm, vừa đi vừa ăn trước cửa, vô tình nó lúi vô mình tôi, chén rơi đổ. Chú Hai hay được, trách mắng đứa bé rồi đích thân gặp tôi xin lỗi, mời đến uống trà. Lần đầu tiên, tôi vào nhà chú Hai. Cả một sự bừa bãi: Như cái nhà kho chứa hàng: nào tàu hủ khô, củ cải muối, củ kiệu, muối bột, mỗi thứ chừng năm ba chục ký lô. Lại có năm ba khạp tương, hàng trăm chai tàu vị yếu, hàng chục hộp nấm đông cô, bún phơi khô... la liệt dưới gầm giường, trên gác, dưới bàn ăn cơm. Sách báo thì vô số kể. Chú Hai luôn luôn tích trữ hàng chục ký lô, đem về rọc nhỏ. Lúc rảnh rang bà Phò khuấy hồ, dán bao để gói hàng. Người trong xóm lo ngại, nhà chú Hai chứa toàn chất “bắt lửa”, rủi bề gì gây tai họa không đo lường được. Uống trà xong, chú tự giới thiệu bằng cách viết lên giấy, nhờ đó, tôi biết chú có năm đứa con, mỗi đứa mang cái tên khá đẹp, nếu đọc theo chữ Hán:

Đứa gái lớn là Vương Thái Phụng, gọi nôm na là Thờì Phùng, các em gọi nó là A Ché (tỷ là chị)

Thằng trưởng nam là Vương Khôn, gọi Khoánh, các em gọi là Tò Co (đại ca).

Đứa trai kế là Vương Xương là Vương An, gọi A Ổn. A Ổn, tức là nhân vật rắc rối mà tôi vừa mô tả phong cách ở phần nhập đề.

Ngoài ra còn có hai đứa con gái, ghi vào danh sách này cho sát với thực tế: Vương Kim Ngân, gọi A Ngân, Vương Thái Hồng, gọi Thờì Hùng. Trong tương lai, còn nhiều nhân vật bé bỏng khác lần lượt xuất hiện. Vợ chồng chú Hai sanh năm một và lấy làm hãnh diện với thành tích ấy.

Chú Hai ngập ngừng:

- Tôi về nhà, lo cho A Ổn.

- Cái thằng Vương An phải không?

- Nó đó, thầy ơi. Cứng nó lắm. Bữa nay nhõng nhẽo, hồi khuya chắc nó bệnh, tôi đánh nó mấy roi, bây giờ nghĩ lại, buồn quá. Nó mập mà đau hoài, tôi mua cái móng con cạp cho nó đeo. Nó biết nói chuyện cũng nhờ thầy “khai khẩu” giùm, thầy quên rồi sao?

Tôi trầm ngâm, sức nhớ hồi năm ngoái Vương An đi bác sĩ về, ngồi cú rữ, rên ư hự. Tôi chạy qua, đứng lại ngưỡng cửa, hỏi thăm. Chú Hai nói: “Nó không biết nói chuyện đâu, nói ít lắm, mang cái tật. Cái lưỡi nó lớn, hình vuông”. Tôi nhìn Vương An, hỏi thử: “Đi bác sĩ bằng xe gì? Xe xích lô hả?”. Bỗng dưng Vương An há miệng, trợn mắt, nói ra hai tiếng thật lớn, như cái máy “ra đô” vặn to:

- Xích... nô

Cả nhà vui mừng, chú Hai, thím Hai mua cua biển thật nhiều, hàng chục con, luộc chín để thết đãi bầy con và người có phép thần thông là tôi. Ăn xong một con cua khá to, Vương An cười mủm mỉm. Tôi dạy nó hai tiếng khác. Nó trợn mắt quát to: “Tắc xi”. Thật là kỳ diệu. Vợ chồng chú Hai hỏi thăm tuổi tác của tôi rồi nhìn nhau. “Thầy Hai tuổi Dần, con cọp. Cái tuổi Dần của thầy Hai... oai linh lắm, không như cái tuổi Dần khác”.

- Bữa nay chú Hai nhờ tôi chuyện gì? Tôi sẵn sàng. Làm đơn xin nhà nước giảm thuế?

Chú Hai ngập ngừng:

- Mời thầy Hai qua nhà.

Wương An vẫn nằm dài, trên nền gạch. Chú Hai rót nước trà, nói giọng kính cẩn:

- Thầy... khoán cái bùa giùm.

Tôi làm thầy bùa hồi nào mà ngày nay chú Hai phong chức cho tôi như vậy? Tôi muốn từ chối, chưa kịp mở lời là chú nói:

- A Ổn bịnh cái miệng.

- Tôi đâu biết khoán bùa.

- À, cái đó dễ lắm. Cái tuổi Dần, con cọp của thầy Hai...

- Thế gian này, trong xóm này, con nhiều người tuổi Dần.

- Nhưng mà cái tuổi Dần của thầy oai linh lắm. Cọp có nhiều thứ, cọp hiền, cọp dữ, cọp đen, cọp trắng, cọp... đi tu lâu năm. Thầy Hai hồi đó ra đời nhằm giờ... con cọp linh.

Nói xong, chú Hai kéo ngăn tủ nhỏ, đem ra cây bút lông, thổi mực, cái nghiên, rưới nước, bắt đầu mài:

- Lát nữa thầy khoán giùm hai cái bùa ở hai bên gò má thằng A Ổn.

Vì quan niệm đó là trò đùa vô thưởng vô phạt, tôi nhận lời, cầm bút lông múa máy, như viên dũng tướng cầm kiếm:

- Khoán bùa kiểu gì, chú dạy tôi đi.

- Thầy biết chữ Tàu mà. Vẽ chữ hồ, là con cọp đó. Tôi nhúng mớ lông thỏ mềm mại vào nghiên mực, viết thử vào lòng bàn tay. Chú Hai khen ngợi:

- Được rồi. Thầy là con cọp linh, thầy viết lên gò má A Ổn một bên một chữ hồ. Làm vậy, nó nói chuyện mau. Nhờ thầy mà mấy tháng rồi nó nói chuyện nhiều quá.

A Ổn cười hề hề, nhưng khi bút lông cọ vào má, nó nhảy dựng khóc ré lên. Chú Hai nắm tay nó, bồng nó:

- Xúi chấy, Xúi chấy. (Thằng nhỏ không tốt).

Tôi thối chí vì nó lắc đầu lia lịa. Chú thò vào túi, đem ra tấm giấy 20 đồng, nhét vào tay. Nó cầm lấy, nhưng cứ phản đối. Tôi thở dài. Chú giải thích:

- Thầy đừng buồn. Nó sợ cái con cọp của thầy đó.

Sau rồi, tôi đem hai đồng bạc tặng cho nó, nó chịu ngồi yên. Tôi viết xong hai chữ hồ là chú khen:

- Tốt lắm. Tốt lắm.

- Vậy là xong.

Nhờ thầy vẽ thêm hai cái vòng tròn ở ngoài cái chữ hổ, như nhốt con cọp trong chuồng.

Lát sau, chú Hai buông A Ổn ra. Nó chạy mất ngoài đầu hẻm, mang theo tiền bạc. Chú Hai nhắc bà Phò:

- Coi chừng A Ổn. Đừng đánh nó. Đi theo nó mà coi chừng.

Sau khi thị oai với con nít, tôi về nhà, sửa soạn đi dạo phố. Khi về, được hay tin: A Ổn đã nhập học, tại trường tư thục Chí Thanh, vào buổi xế. Máy người dì, người chú của A Ổn đã chọn ngày lành tháng tốt, mua sắm cho đứa cháu cưng nào giấy, vở, cặp da, thêm cái “kết” bằng vải ka ki. Bà Phò cho biết:

- Thầy Hai ơi, “xí chảy” đi học rồi. Nó vui lắm, bận quần áo tốt lắm.

Tôi ngạc nhiên, chẳng hiểu tại sao A Ổn còn có tên là “xí chảy”, bèn viết lên giấy, mấy chữ Vương An, bà Phò lắc đầu, mượn cây viết viết nhanh lên giấy, hai chữ “tiểu tử”.

Đồng hồ trên vách gõ bốn tiếng. Vì có ý chờ đợi nên thỉnh thoảng tôi nghiêng mình, trông ra cửa sổ, từ bên nhà tôi. Bà Phò nói vọng qua:

- Năm giờ, xí chảy mới về. Còn một giờ nữa, tôi đi rước nó.

Bỗng đứng ngoài đầu hẻm, tiếng khóc nhừa nhựa vang lên, mỗi lúc càng to. Đúng là A Ổn, tại sao cậu ta lại khóc ré trong lúc chưa tan học? Thím Hai - mẹ nó - mặt mày hầm hừ, nắm tay mà kéo lết nó. Trông A Ổn thật buồn cười, thiếu não: đầu đội kết, gấn ngôi sao trắng kiểu Quốc dân đảng, như ông tướng, hai chân mang loại vớ khá cao tận gối, nhuộm từng khoanh đen đỏ xanh vàng, kiểu vớ dành cho “anh chị” múa lân dịp tết. Hai sợi dây treo quần sắp tuột, còn vướng víu trên vai. Và rõ ràng là không gài nút quần.

Lũ trẻ trong ngõ hẻm xúm nhau bao vây A Ổn và thím Hai.

A Ổn dừng lại, hươi tay. Thím Hai quát to:

- Tụi con nít này làm gì kỳ khôi vậy? Chặn đường không cho người ta đi. Ngộ lắm hả?

Hai bên gò má A Ổn còn mấy lần nguyệt ngoạc của chữ hổ, đã lem lấm vì nước mắt. Lúc A Ổn đi ngang nhà, tôi ẩn lánh để khỏi e thẹn. Rõ ràng tôi chẳng có chút oai linh nào cả.

Bà Phò cởi quần, bắt buộc nó tắm rửa. Nó phát chạy, trần truồng. Thím Hai nắm nhanh tay nó, kéo vào nhà rồi chụp lấy cây roi mây. Nó chửi rửa vu vơ, thím đập túi bụi. Nó té xuống, hai chân cựa quậy, tung tăng đôi vớ màu “dã thú”. lát sau, hai tay nó bị trói, đầu dây buộc vào chân bộ ván. Nó ngồi xuống, chịu phép. Thím Hai quát to như phân trần với hàng xóm:

- Mày chạy hả? Tại sao mày ngồi học trong trường rồi mày chạy băng qua đường? Xe hơi nó cán mày. Mày coi xe hơi là đồ bỏ, mày không sợ chết hả. Tao làm ăn mua bán trong nhà lồng chợ, kiếm tiền nuôi mày ăn học, mày biết không? Tại sao trong chợ tao kêu mà mày chạy, người ta đập nhằm, mày lòi ruột. Tao lớn như vậy mà chạy đua không kịp mày hả? Giỏi lắm, cái chân nào chạy đâu. Chạy hay lắm! Hay lắm!

Một tiếng hay lắm được điểm bằng một ngọn roi khá mạnh tay. A Ổn cựa quậy, đập đầu vào chân bộ ván, xuống nền gạch. Bà Phò can gián, toan giũt roi, nhưng thím Hai đánh thêm:

- Hay lắm. Cái chân này hay lắm. Trói mày luôn trong nhà. Tao ra ngoài chợ lo công việc mua bán. Tại tao đánh mày mà tao bỏ bê công chuyện hết... Xúi chày.

Thím Hai vừa ra, bà Phò khép cửa lại. Tụi trẻ con còn lẩn quẩn nhìn vào. A Ổn nói to:

- Đ.m. tội bây. Tội bây cũng ngu như tao vậy đó.

Bộ tội bây hông có bị đòn lần nào hả?

Một đứa trẻ hỏi:

- Bộ mày mới đi học?

A Ổn đáp:

- Hông vui. Học kỳ cục thấy mẹ.

Tôi đến gần cửa sổ, nói đùa:

- Vương An. Biểu bà Phò mở trói cho.

Nó lắc đầu:

- Cái gì mà Vương An. Kỳ cục thấy mẹ.

- Vương An là cái tên A Ổn đó.

- Không có cái tên gì hết. Không biết cái tên. Hồi chiều cô giáo kêu cái tên tao, rồi đánh đít tao, đau quá.

Mười phút sau, chú Hai về.

Mưa lất rắt, bóng đêm lan tràn quá sớm. Trẻ con chui vào nhà, ngỗ hém mất vẻ náo nhiệt. Ăn cơm chiều xong, tôi ngồi bên cửa sổ, nghe tin tức chiến sự.

A Ché, chị của A Ổn, bước vào:

- Thầy ơi, ba tôi kêu kìa.

“Kêu” có nghĩa là mời mọc. Tôi hứa:

- Về đi, lát nữa chú qua. Ba làm gì bên đó? Ăn cơm chưa?

- Ăn rồi. Ăn con cua luộc.

Nói xong, A Ché chạy mất, tôi phập phồng, chẳng hiểu lát nữa ăn nói ra làm sao, đóng kịch gì. Chắc chú Hai muốn bàn việc gì quan trọng chứ nào phải mời ăn cơm. Buổi cơm đã tàn, như A Ché cho biết.

Qua nhà chú Hai, tôi thấy A Ché, A Khoánh, A Xén, A Ổn... ngồi trên bộ ván, giành nhau mở bắp nướng và đậu phộng rang. Chú Hai, thím Hai ngồi đối diện, mừng ra mặt:

- Mời thầy Hai.

Tôi cười gượng:

- Vẽ bùa con cộp cho A Ổn hả? Nó đi học mà tôi không hay. Tại sao nó bỏ lớp, về nhà? Ngày mai, cho nó đi nữa, cho quen.

Thím Hai lắc đầu:

- Thằng đó... ăn không hề.

Chú Hai nói, nghiêm nghị:

- Coi vậy chứ nó giỏi lắm. Nhờ cái bùa, nhờ thầy Hai.

Rồi chú rót nước trà đậm, đem kẹo gừng mời tôi ăn cho ấm, lúc trời đang mưa nhỏ. Câu chuyện cũng khá vui. A Ổn thích đi học, và đòi đi học từ hồi năm ngoái. Vô lớp, nó vui lắm, nói chuyện om sòm. Cô giáo hỏi tên để ghi vô sổ học. Nó nói: “A Ổn, A Ổn mà”. Nghe không được, cô giáo hỏi ba bốn lần, vì nó trả lời ngọng. Nó la lớn: “A Ổn, bộ không biết sao mà hỏi hoài vậy?”. Cô giáo dạy nó: “Muốn đi tiểu tiện thì lên cho cô hay, xin phép đàng hoàng.” Nó cười. Cô giáo sắp đặt cho nó ngồi gần chị nó, anh ruột nó

là A Ché và A Khoánh... Trường tư, cái gì cũng dễ hơn trường nhà nước... Vô học, chưa cần nạp khai sanh.

A Ché cho biết:

- Cái thằng Ổn nó ngồi, nó cười, nó nói mỗi chân. Nó chạy lên xin cô giáo đi đá. Cô giáo ừ. Nó chạy ra sân chơi, lâu lắm rồi trở vô. Chừng cô hỏi thì... nó đâu có đá.

A Ổn cười, quơ tay về phía A Ché:

- Nói bậy hoài.

Tôi hỏi A Khánh:

- A Ổn học được chữ nào không?

A Khoánh nói đồng dục:

- Thằng đó kỳ cục lắm. Đi đá rồi lát sau nó nói với cô giáo: “Cho nó đi ngoài sân chơi, coi xe hơi được không?”. Học trò đứa nào cũng cười lớn. Nó mắc cỡ, chửi cô giáo. Cô giáo đòi phạt quỳ gối. Nó chạy ra ngoài sân, vô nhà lồng chợ kiếm ba tui, ba tui cứng nó lắm. Không thôi thì... xe hơi đụng nó rồi, nó chạy qua hai con đường lặn.

Cả nhà cười vang lên trong khi A Ổn nổi giận, nhào lăn xuống nền gạch, chú Hai bước theo, nắm tay nó, vuốt ve nó. Nó nói:

- A Pà. Làm con ngựa... cho tao cỡi đi.

Chú Hai ngoan ngoãn khom lưng. A Ổn nhảy thót lên, thích chí thúc hai chân. Tôi đứng nhìn. Chú Hai trở thành con búp bê cho con đùa giỡn. Đây là đời tư, là sanh hoạt gia đình. Không cần có người ngoài làm khán giả. Thím Hai, bà Phò, anh và chị cả A Ổn ngồi xúm xít, rọc xấp báo cũ,

dán bao giấy. Tôi đến đầu ngõ hẻm uống cà phê. Lát sau, gió thổi mạnh, mưa nặng hạt. Trở về, thấy chú Hai đang đứng gần cửa:

- Thầy về nhà sớm hả? Chắc... ông trời mưa sáng đêm. Có máy bay. Thầy nghe không? Đêm nào nó cũng bay tiếp viện. Thằng A Ổn ban ngày thấy máy bay, nói máy bay giống như con cá. Nó không phải như người lớn mà biết lo. Chừng này mà nó ngủ trong mùng rồi.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Ngày Hội Ba Khóa:

Hồi tháng trước, Năm Hinh thua cờ bạc sạch túi. Về nhà, anh năn nỉ vợ:

- Mình đập con heo đất ra, lấy hai chục đồng bạc bỏ ống dó cho tôi đi làm vốn.

Vợ căn nhắc:

- Dem đi đâu? Làm vốn miệt nào lận? Bộ ở đây làm ăn không được sao?

Năm Hinh trả lời:

- Đi qua Rạch Giá, xuống miệt biển Xẻo Lát, Xẻo Lúa gì đó. Tôi làm bài toán cho mình nghe. Nè, tôi mua vài thiên bánh tráng, vài yến đường, đậu phộng, dân ở biển thèm đồ ngọt. Tôi bán kẹo, bán chịu, họ cứ ăn, khi nào đánh lưới được cá gộc thì thật là nhứt bốn vạn lợi.

Vì nể uy chồng, người vợ đành trao mười tám đồng bạc. Năm Hinh xuống xuống, cụ bị theo nào là nóp, nôi, cháo, gạo. Qua chợ Long Xuyên, mua bánh tráng, đường đậu phộng rồi bơi xuống, quên ăn cơm. Ban đêm, anh không muốn ngừng tay. Tết trung thu ở miền đồng quê Rạch Giá nào kém phần thú vị. Lung sen, bãi sậy, bờ dừa nước, hớn hở, xao động lên, chào đón gió biển trắng rừng. Riêng con tim lữ thứ của Năm Hinh là ít nhiều khô héo! Thôi thì tạm thời buộc chặt chiếc xuống ba lá nọ vào bến

của quán chạp phôi, bên dòng rạch ngoằn ngoèo. Rạch Xẻo Lá là đây rồi, đặt tên như vậy vì nhiều lá dừa nước, lá lợp nhà. Bao nhiêu người dân chài lưới đang cau mày soi mặt vào ly rượu “công xi”, để tìm hình dáng chị Hằng. Mây đen trôi qua từng chạp, lững lờ. Có kẻ hờ hững nhìn trời, thử thu nhặt những sợi tơ trắng ấy, uốn nắn lại trên phím tre cho hợp với lời ca vọng cổ...

Lò kẹo của Năm Hình bắt đầu hoạt động. Mưa tầm tã không ngừng. Nước ngọt chảy cuồn cuộn, lấn ra biển. Dân Xẻo Lá ngồi cú rũ trong nhà. Biển động, cá tôm đâu mà đánh? Họ nhìn đồng lưới cao ngùn ngụt, chất trên bộ ván giữa nhà; mùi tanh của mớ lưới trộn lẫn vào hơi ẩm ướt, mốc meo của giường chiếu.

Thình thoảng vài người khoác áo tơi chạy nhanh, dầm mưa, cầm đầu ngay hướng ông già Hy, nơi anh Năm Hình ở trọ để thắng đường, làm kẹo đậu phộng. Nhờ lớp bánh tráng bên dưới nên đường thắng hơi lỏng cũng không sao.

Những ngày ra mắt thân chủ, Năm Hình rắc thật nhiều đậu phộng lên:

- Bà con ăn thử. Ngon lắm. Ở Long Xuyên, dòng họ tôi sống bằng nghề này, cha truyền con nối từ mấy đời rồi, xưa kia ông cố tôi ở Biên Hòa lận.

Có người nói:

- Hèn chi ngon thiệt.

Đắc ý Năm Hình nói tiếp:

- Chưa ngon đâu! Ở miệt tôi, không ai xài đậu phộng, rắc hạt điều mới đúng điệu.

- Hạt điều ra sao?

- Đó là hột của cây điều, tức là cây đào lộn hột. Hột đó dính dưới đất trái đào. Hình dáng như trái cật của con heo... Theo phong tục người mình thì cây đào lộn hột rủ quên ma quỷ...

Có người cười lớn:

- Chắc là ma... thứ ma ăn thiếu chịu.

Năm Hình bình thân:

- Bà con cứ vững lòng ăn. Mai chiều đánh lưới làm cá khô trả lại cũng được. Quen biết với bác chủ nhà thì cũng như quen với tôi.

Ông già Hy mỉm cười. Thân chủ nói thêm:

- Vậy thì dễ quá. Anh đưa vài miếng kẹo nữa để tôi đem về cho sắp nhỏ nó ăn.

Ngày lại ngày, lò kẹo của Năm Hình “nổi” lên nhanh chóng, đến mức anh phải thức đêm mà thắng kẹo. Nguyên liệu hao hụt, anh nhờ Chệt Kỳ đi chợ “bổ” hàng giùm. Ông già Hy, chủ nhà, thỉnh thoảng nhắc nhở anh:

- Ngủ sớm một bữa đi chú Năm. Làm quá cũng vậy. Cỡ này coi mò biển động lâu lắm. Mình dưỡng sức ăn thua về lâu về dài.

Năm Hình nói:

- Bác mệt thì ngủ trước.

Ông già Hy suy nghĩ, gật đầu:

- Mình nên làm việc gì cho đúng hơn. Nghề của chú lụm cùm như mấy ông già. Già như tôi... tôi cũng không làm như chú... Thà là dầm mưa ra mé biển đắp bờ, làm ruộng...

Rồi ông già Hy nằm xuống. Muỗi bu lại như trấu. Chập sau ông gãi chân, gãi tay, cắn nhẩn vài tiếng rồi chun vô nóp... Tư bề, lạnh lẽo quá. Sóng biển gào thét triền miên. Gió lộng vào như giúp sức thổi bếp lửa. Năm Hinh hút thuốc, quơ qua quơ lại chiếc đũa bếp, rang đậu cho đều. Vài người kêu cửa, mua thêm ít miếng kẹo. Quần áo họ ướt mềm, anh nghĩ thầm:

- Dân chúng ở đây không biết lo xa, ít chịu khó. May mà mình tới đây thu tóm mỗi lợi này. Thứ kẹo đậu phộng ai mà không làm được. Tại sao họ không làm? Hèn chi họ nghèo...!

Bốn mươi mấy ngày trôi qua là bốn mươi mấy ngày mưa gió, khách đến mua kẹo rất nhiều nhưng chưa ai trả tiền.

Năm Hinh đem cuốn sổ nhỏ ra, cầm cây viết chì đề lại tên mấy người thiếu nợ: Tư Ái ba cắc, “Hai nhà mới” bốn cắc bảy, ông Tư tám cắc, Năm Chòi Mò một đồng... Tổng cộng đến chừng năm chục người, nghĩa là hầu hết xóm Xẻo Lá này. Trăm đồng bạc nợ, trị giá gần một tạ khô cá gộc, đem về Long Xuyên bán rẻ mạt cũng được hai trăm. Từ mười tám đồng bạc vốn mà gầy dựng một số tiền to gấp mười lần. Năm Hinh nghĩ mình đã lập được thành tích hiếm có. Nhưng bao giờ mới thu được? Nhìn lưới mưa đang bủa vây khắp bầu trời, anh hút thuốc, thở dài.

Ông già Hy bơi xuồng đi thăm ruộng về, tất tả chạy lên nhà:

- Nguy quá chú Năm ơi! Nước tràn bờ ven rồi. Năm nay đói, đói...

Năm Hinh bước ra:

- Nước ngoài biển tràn vô hờ bác?

- Nước từ trong ruộng tràn ra chớ! Mưa gì mưa quá đỗi. Mình tính làm ruộng chắc ăn hơn làm lưới. Dè đâu, trời báo nạn, lưới cũng chết mà ruộng cũng chết.

Năm Hình rầu nét mặt nhớ tới món nợ không biết rồi đây chòm xóm neo số tiền ấy, đợi đến bao giờ mới trả? Anh hỏi:

- Bao lâu nữa trời mới êm, đánh lưới?

- Chú Năm giỡn sao chứ! Mai chiều tới mùa giông Nam, chú chịu khó ở tới tháng Mười Một, chờ gần tết về xứ một thể.

Bao nhiêu hình ảnh đau buồn hiện ra. Anh nhớ tới người vợ hiền Long Xuyên mà hơn tháng rồi không nhận nhe thư từ gì được. Anh thở dài:

- Làm sao bây giờ. Hồi đó bác nói: Phải thời thì vài ngày họ trả hết. Cứ bán chịu...

Ông già Hy đáp:

- Nhưng chưa gặp thời... Ai muốn dùng dằng làm gì! Đất địa này, không bán chịu, ai mà mua. Chệt Ky bán chạp phô đàng kia dám cho bà con thiếu chịu hai ba năm mà không than phiền... Như vậy mới được.

Năm Hình hơi bực tức:

- Chệt Ky nhà cửa ở đây. Phận tôi thì xứ xa mới tới lần đầu... Mẹ già, vợ yếu, con thì dại. Điều này, mai một tôi đành bơi xuống không mà về.

- Đừng giận chứ, chú Năm. Lúc nào dân xóm này cũng sẵn sàng trả nợ. Bây giờ, không có khô cá gộc, trả bằng thứ khác.

- Thứ gì bác?

- Ba khía chứ gì? Bá khía muối để dành ăn. Ở Long Xuyên biết ăn con đó không? Món ăn bình dân, đem về bán lẻ để hơn khô cá gộc. Chịu thì tối nay tụi tôi kiếm cho chú vài lu chớ khảm xuống ăn thua. Nó là một thứ cua, dành cho nhà nghèo. Chú mượn bốn cái lu để đựng... chùng nào đem trả

cũng được. Xứ này cần lu để đựng nước ngọt. Dễ dãi như vậy là tới mức rồi...

Dịp may để Năm Hình rút lui khỏi con rạch Xẻo Lá oan nghiệt này. Anh đồng ý. Vừa chạng vạng, ông già Hy bơi xuồng lại quán Chệt Ky mua chịu chừng hai chục cây đuốc bằng dầu chai. Ông đi xuồng với Năm Hình dài ra phía vàm biển mà kêu réo:

- Ai bắt ba khóa thì đi. Bắt ba khóa trừ nợ kẹo nè!

Có đèn chai sẵn rồi.

Chập sau, hàng chục xuồng bơi nhanh theo ông. Đêm ba mươi, trời tối như mực. Nước ruộng chảy tràn qua bờ ven biển. Rừng cây mẫm đen ngòm trước mặt như bức tường thành. Muỗi bay vo ve. Gió thổi nhẹ. Ai nấy đốt lên, đỏ rực.

- Ba khóa ở đâu sao không thấy? - Năm Hình hỏi.

Ông già Hy kéo tay anh, chỉ ngay gốc cây mẫm trước mặt, hàng trăm con ba khóa bao quanh gốc cây, lúc nhúc. Ông nói:

- Mấy gốc cây mẫm kể bên đó, đằng kia nữa... cũng vậy.

Năm Hình nhìn kỹ: lũ ba khóa nợ quá đông nhưng hiền hậu làm sao, không quơ cànngẩng đầu lên để kẹp tay kẻ khác mà tự vệ. Hơn nữa, chúng phân chia từng cặp, con đi sau ráng chạy hơn con trước.

- Tụi nó đánh giặc với nhau, hở ông?

Ông già Hy cười:

- Tụi nó hội. “Hội” nghĩa là hẹn hò nhau tới đây mà bắt cặp tình tự. Cứ vài tháng một lần.

Vừa nói, ông già Hy quơ tay chụp bắt, thả vào cái giỏ tre lớn. Ham quá, anh Năm bắt chước, mó tay vào. Ông già Hy nói:

- Chụp lẹ tay nó! Chậm là nó kẹp. Làm như thiên hạ kìa!

Năm Hinh nhìn chung quanh ánh đuốc phản chiếu dưới bãi bùn đen, chói ngời, tiếng “xạt xạt” trỗi lên như một bản nhạc lạ lùng. Hàng trăm, hàng ngàn con ba khía bị ném vào giỏ, nhip nhàng đều đều.

Ông già Hy reo to:

- Được rồi, anh em ơi! Bắt nhiều quá mang tội.

Về nhà trên mười giỏ ba khía gom lại, ba cái lu lớn chở tới, khiêng đặt xuống xuống của Năm Hinh. Họ để nước muối nửa chừng lu. Con ba khía sống nhả bị nhốt vào. Đây nắp kín.

Đêm ấy, ông già Hy thức suốt đêm làm bài toán để Năm Hinh so sánh. Với giá trung bình, bán sỉ, số ba khía này trị giá gấp hai số tiền nợ kẹo đậu phộng. Mấy cái lu thì cho mượn, ông khuyên chở về đây trả, đừng đi luôn mà mang tiếng oán.

Năm Hinh gật đầu. Hôm sau anh xuống xuống, mượn cây chèo của ông già Hy. Giờ tạm biệt, anh vui trong lòng... Nhưng xóm Xẻo Lá trở nên buồn. Ngày mưa tháng gió, họ đành rút vào nhà mà chờ cơn rồi ngủ.

Năm bữa sau, nửa đêm, ông già Hy bỗng giật mình. Có tiếng ngoài cửa. Rõ ràng giọng Năm Hinh:

- Bác ơi!

- Gì vậy? Ủa, sao trở lại. Bán dọc đường hết rồi hả? Năm Hinh bước vào sắc mặt buồn bã:

- Dạ nó trở mùi... Tới Long Xuyên chắc là thúi hết. Cháu về đây tìm phương kế...

Ông già Hy nói:

- Bởi vì muối lạt quá. Không sao đâu. Thêm chút muối. Sáng mai, lại tiệm Chệt Ky mua vài cân đường, thảng cho gần tới rồi trộn vô... Chú chờ đi gấp bán mắc bán rẻ trong vài ngày. Nghề gì làm ăn cũng khó...

- Nghề bán kẹo đậu phộng của cháu cũng vậy. Bác coi công lao từ mấy tháng nay.

Ông già Hy nói:

- Buồn mà chi. Nói thiệt, bác mới xuống xứ này cũng bán kẹo đậu phộng như chú em. Rồi làm lưới, sang qua làm ruộng. Mình vui vì muốn làm được chuyện khó hơn! Bán kẹo, bắt ba khía dễ quá, ở đây không ai làm, không phải tại làm biếng đâu. Bãi dài, biển rộng... thà chịu cực đánh lưới hoặc đắp bờ làm ruộng. Nhờ vậy rạch Xẻo Lá này lần hồi mới thành hình... Mai chiều có vui thì chú trở lại đây luôn cho ấm cúng. Biết chữ nghĩa biên chép nhiều như chú thì làm tới chức cai tuần ở xóm này.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Ngày Xưa Tháng Chạp:

Lầm rầm mà mình lưu lạc trên bốn mươi năm. Ủ! Để nhớ coi. Ấp Thiện Tâm tám năm, xuống Ba Láng, Cần Thơ hai năm. Còn lại hai mươi lăm năm, mình phá rừng ở rạch Chà Tre miệt U Minh Hạ này.

Ông Ba Hò suy nghĩ như vậy, thở dài rồi cúi mặt xuống. Mặt trời thoi thóp, gác bóng trên mé rừng tràm mà ông nào hay. Bóng đêm đổ xuống, pha màu nước rạch đen ngòm. Bầy cò trắng bay về gom lại, lượn vòng quanh mấy ngọn tràm, kêu lên “cót cót”. Ba bốn tháng rồi, ông không màng đến cảnh vật bên ngoài nữa. Mười công ruộng, lúa đã chín ngã, ông cũng không chịu khó đi thăm.

Ông chỉ nhớ rượu, đòi rượu. Mỗi cữ ít nhất cũng phải hai xị, nghĩa là nửa lít. Hỏi uống để chi, ông đáp: “Dụng tửu binh đã phá thành sầu”. Nhưng cái thành sầu của ông, thật là cao ngất, dài dằng dặc. Trời còn cho ông sống mười năm nữa là cùng: Mười năm tàn tạ ấy, với hai bàn tay run rẩy, làm sao ông hạ nổi kẻ địch thủ ẩn núp trong thành sầu kia. Đó là sáu năm lúa ruộng lấy lời nhập vốn chạy nhằm hai trăm tám chục gạ. Đó là sáu mươi lăm đồng bạc thiếu chịu ở vài tiệm tạp hóa. Mỗi năm, đến lúc năm cũ bước qua năm mới là lũ địch thủ ấy sung sức lên, công khai đánh hạ ông đúng theo phép nước lệ làng.

- Già mà làm biếng, biết ăn sao không biết trả?

- Đất này của Tây cho tao khẩn. Năm tới tao cào nhà này bỏ...

Nhưng đau đớn nhất là:

- Tối ngày lo hò với hát chuyện trai gái huê tình. Già vậy là già sao?

Nhè cái tài hoa nghệ thuật của ông mà họ mĩa mai! Ông day mặt che giấu hai giọt nước mắt chịu thất thủ. Vì vậy mà năm nay, ông quyết bỏ xứ Chà Tre này, ra đi phiêu bạt, trước tết. Không còn mấy ngày nữa. Nửa tháng rày há chẳng có từng đàn cu ngói kêu thúc giục inh ỏi bờ tre. Lát nữa, chắc chắn thằng Tịnh, đứa học trò mền nhất của ông sẽ đến, nghe ông dạy bảo lần chót.

Tay cầm cục mực, cây viết vàng

Vẽ phụng vẽ loan

Vẽ Tiết Đình San

Vẽ chàng Lâm Sĩ

Vẽ bông hoa thị

Vẽ chữ Đại Tường

Dem về cắm trước đầu đường.

Kẻ đi qua thấy một chữ kim tương.

Người đi lại xem tường văn võ

Trách lòng ai chặn ngõ lập truông,

Ngăn mây đón gió để con bạn nó thua

Buồn vì tiếng thị phi...

Tiếng hát của thằng Tịnh nghe mỗi lúc càng gần. Câu hát lạ mà quen hồi nào tới giờ ông chưa từng dạy nó.

Thằng Tịnh bước vô. Ông hỏi:

- Ở đâu vậy cháu? Của mấy người gặt ở miệt Cần Thơ đem xuống phải không?

Nó đặt chai rượu trước mặt ông:

- Ông hay quá. Con nhỏ đó gặt kể bên tôi hồi chiều, hò đối đáp một hồi, nói là ở Phong Điền mới xuống.

- Phải. Biết rồi. Câu hát đưa em trong nhà, chớ nào phải câu hát hò. Hồi nãy bác nghe cháu hò giọng lơ lửng. Ở miệt mình, riết rồi cái gì cũng trở thành buồn.

- Con nhỏ đó chê mình ở đây không có câu hò nào ngộ đó ông Ba. Ông làm ơn cho cháu một câu.

- Ủ, được. Ngày mai cháu rao lên như vậy là nó hết đường gở:

Anh thương em, anh sắm cho em một bộ áo dài màu cà, màu huyết. Anh đây nói thiệt chẳng phải nói càn. Anh đây sắm cho em một cây kiềng vàng chạm chữ tòng chữ bá, một bộ cà rá chạm đủ cửu long hườn. Anh sắm cho em áo lụa đủ màu, lụa Hà Đông, lục soạn. Còn anh, anh sắm cho anh chỉ có một cái nón đáng giá hai đồng xu. Ăn cơm rồi hút thuốc rê vắn lá chưng bầu. Miễn cho anh đừng tình chồng nghĩa vợ, cực khổ gì anh chẳng có than.

Nghe lần đầu thằng Tịnh đã nhớ, hát lặp lại gần đúng. Thấy nó sáng dạ, ông Ba hết sức vui. Nhưng vui thoáng qua. Mai mốt này, ông xa nó. Nói trước, e nó buồn. Không nói thì không được. Ông rót rượu ra chén, chộp một chút, nghe đặng lạ thường. Bóng dáng thằng Tịnh in dài trên vách lá.

Ánh nắng xuyên nóc nhà, soi xuống thềm đất. Hai ba con thằn lằn tắc lưỡi rồi im. Ông Ba rùng mình. Ngoài sân kia hàng cây bình bát như không còn nữa. Sương xuống trắng đục hay là mắt ông yếu lòa? Cũng may là trong nhà không đốt đèn. Thằng Tịnh thấy ông ngồi cú rữ như mọi khi chớ nó nào thấy vầng trán của ông nhăn lên thêm một nếp nhăn.

- Làm sao cho họ ngán mình ông Ba?

Ông Ba giật mình:

- Cháu nói gì?

- Dạ làm sao cho họ biết ở rạch Chà Tre này cũng có thầy hò như ở miệt trên? Con nhỏ đó coi bộ ngạo nghễ, kén chọn lắm...

Ông Ba cười:

- Ông đây hỏi đó không ngạo nghễ sao? Cháu bây giờ cũng ngạo nghễ vậy. Phàm nói chuyện hát chuyện hò, người sành điệu không bao giờ căn cứ theo một, hai câu bóng bẩy nào đó mà xét đoán. Đời bây giờ, hò lộn xộn quá, chớ hồi đó, hò có lớp lang đầu đuôi. Thầy hò phải giỏi như thầy tuồng. Mới vô là câu dạo đầu. Chúc mừng lẫn nhau, chúc mừng chủ ruộng, tạ ơn Thần Nông. Điều đó ai cũng đạt được. Thiếu một hai vắn, hò thiếu hơi chưa phải là dở. Thầy hò đôi bên chưa cần trổ tài. Họ để cho học trò của họ múa xem trước như tuồng hát vậy.

Bước qua chương tâm tình. Bên trai như cầm dây tơ buộc vào, bên gái phải khéo léo gỡ ra. Nhưng gỡ ra đừng cho rối, cho đứt. Rồi hai bên hẹn nhau làm đám cưới. Trước khi đó phải về hỏi ý kiến mẹ cha, cậy mai mối... Màn này có thể kéo dài. Nhưng thầy hò của đôi bên để dành tài năng của mình màn ăn thua chót. Đó là lớp nghèo.

Thằng Tịnh trở mắt:

- Vậy sao? Hồi nào tới giờ tưởng hò là để bắt duyên trai gái. Hò nghèo là sao?

- Là hò than nghèo. Một bên trai hay gái tự xưng mình là giàu có, bạc nén vàng ô, nhà lầu cửa sắt, lập tức bên kia bèn tả cái cảnh nghèo của mình cho tới mức. Trai nghèo làm sao cưới được con gái nhà giàu? Con gái nhà giàu, một khi thương con trai nhà nghèo thì có dám cãi lệnh mẹ cha chăng? Vợ nghèo chồng sinh lòng phụ rẫy. Cha mẹ già yếu, con gái làm sao xuất giá. Trả lời được là mình xứng danh thầy hò. Ông đây, hồi đó có tám tiếng là nhờ đặt ra nhiều câu mà không ai đối ổn thỏa:

Chàng xa thiệp như cột xa kèo.

Cơm đói nghèo chẳng thấy vãng lai

Lúc túng hụt không tiền không gạo

Nàng thất vận, ôi thôi ảo não

Dạ âu sâu, ai bảo chi lo

Chàng nói gạt em rằng dưỡng nuôi sẵn sóc

Mấy thu chà, em bù lăn bù lóc

Nay vợ gặp chồng, ôi lẽ khóc lẽ cười

Làm gái như ai, chớ làm gái như em, dầu một hột tằm mắt không cho sai, dầu một sợi tóc mai không cho dờn dỗi.

Em sợ trai như chàng ra chơi cùng anh em bạn, thấy người ta quần lãnh áo hàng, khăn bàn dọn bánh. Anh trở lộn về nhà thấy gái như em đây một người nghèo nàn cực khổ, mặc áo rách, đội cái nón rơm... anh không thương.

Còn câu nữa, nghe luôn lần chót.

Gẫm phận thiếp như thuyền kia không bánh

Thân vì muốn lập thân mà ngại nặng gánh gia đình.

Chàng ơi! Tại cảnh gia đàng em có một ông cha già đành cỡi hạc châu tiên.

Còn bà mẹ hiền như trái chín cây trên cành chờ khi ướm rụng:

Chàng ơi! Em ra đây, gặp chàng em hỏi thiệt:

Trai chàng tính cho em ở vậy hay là em cất bước thượng trình tòng phu.

Chàng ơi! Tại cảnh gia đàng của em, mấy ống tre ngã xiêu ngã tó.

Mấy tấm vạt cau rớt lên rớt xuống, ai ngó vào cũng chặt lưỡi lắc đầu, hời ôi cho phận thiếp. Anh kết nghĩa lương duyên với em tình chồng nghĩa vợ. Anh em bạn của anh đứng ngoài xa, miệng kêu, tay ngoắt. Bớ Tư ơi! Người sao không khác chi chị Thoại Khanh thuở trước khảy đờn tầm bạn mà kết nghĩa ái ân làm gì?

Ông Ba hò dứt câu. Giọng già khàn khàn nhưng còn đủ hơi để ngân dài. Nghe buồn quá! Thầy ơi! Nó đoán chừng: có lẽ ông bữa nay có tâm sự gì buồn thảm lắm. Mấy câu hò này mắc mỏ quá. Phải là người có gia thất, từng chịu bầy nổi ba chìm mới trả lời xong.

- Gặp bên gái rao như vậy; mình làm cách nào ông Ba...

- Mình tạm viện lý này lý kia. Cái thứ hò nghèo mà. Hò qua hò lại, tới rồi công ra về mà không dứt. Cứ như vậy ngày này qua ngày kia, mùa này qua mùa khác. Không ai giỏi hơn ai mà hòng gỡ rối cho ai... Đó là cuộc đời. Người ta mượn đồng ruộng làm sân khấu, mượn sân khấu để nói

chuyện trai gái. Mà chuyện tình trai gái là chuyện gay cấn vì giàu nghèo mà ra. Người hò huê tình chưa ắt là người có thói chim chuột. Chẳng qua là họ muốn nói chuyện với đời với trời đất với ngọn cỏ lá cây, từ trước đến giờ không có vị bạo chúa hôn quân nào cấm đoán họ nổi...

- Tại sao vậy ông Ba.

Ông Ba im lặng. Nhà thiếu cửa, vách nát, sương lấp đầy nhà như ngoài trời. Từ trên đầu xông nhà, một tàu lá rớt xuống kể bên ông, ông không ngó lại, không giựt mình.

- Tại sao vậy hả? Tại vì nhà nước không sợ mấy thằng cha thầy hò. Nhà nước Lang Sa có binh rông tướng mạnh. Cháu hiểu chưa? Đánh giặc kỳ rồi, A-lơ-man còn thua Lang Sa nữa kia. Lui hụi mấy thằng thầy hò như ông đây cũng tự nhiên nghèo mạt bỏ xứ mà đi... Nói này giờ như trăn trối với cháu. Kỳ hạn trong vòng tháng Chạp này ông đi trốn nợ luôn.

Thằng Tịnh giật mình nghe đau điếng trong lòng. Hồi năm ngoái năm kia, hồi tháng Sáu tháng Bảy năm nay, nó đã nghe ông Ba Hò nói cả trăm lần về chuyện bỏ nhà. Mấy lần trước, nói là nói vậy chứ không có thiệt. Nhưng đêm nay, chắc chắn rồi. Bằng cớ là này giờ ông bàn bạc nhiều quá về câu hò nghèo. Sáu bảy năm nay, ông dạy nó từng câu hò một chớ nào nói đến trọn cái cảnh ảo não, rộng rãi cả kiếp người. Nó thương tiếc, nhưng làm cách nào cầm chân ông Ba ở lại rạch Chà Tre này? Không lẽ nó dạy ngược lại ông là người làm ăn giỏi hơn nó, tuổi tác cao hơn cha ruột nó.

- Nán một mùa nữa nghe ông Ba. Thế nào cháu cũng gặt lúa giùm ông. Ra Giêng, cháu đốn lá lợp nhà lại, tới sa mưa, cháu hứa phát giùm ít nhất là năm công đất... Ông đi, cháu còn biết ở với ai...

Ông Ba cười:

- Đừng tài khôn! Cháu thương ông, ông biết. Nhưng mà cái gánh của ông đây nặng lắm. Người xa lạ khuyên ông như vậy, ông chửi cho một

chập. Ông đâu làm biếng như người ta tưởng lầm... Nói cho cháu nghe: Cánh đồng này hồi đó là một tay ông đây khai phá. Hồi đó ông cất nhà kê táng nữa kia. Hồi đó tới mùa hạn, mấy gốc năm sáu con rùa vàng. Mùa khô, địa cạn nước, cá gom lại nổi đầu khít rịt như trái mù u rụng. Heo rừng nanh dài cả tấc mà ông dám cầm mác xông ra cự đương. Cọp trong rừng, có một mình ông đào hầm đặt bẫy... Ồ! Hồi đó cháu biết không, trong rừng có nhiều nhánh nhiều gốc cây ngô lăm. Giống hình thù con nai con rồng. Ông đốn về bào chuốt lại để chưng dọn nhà cửa. Lăm khi ngồi một mình vui quá, ông hò với rừng với bụi... Hồi đó cây cỏ chim chóc như biết nghe, gật đầu đáp với mình.

Thằng Tịnh thở dài:

- Bây giờ cháu xin ông nói thiệt? Chừng bao lâu ông về đây, đi đâu? Để cháu biết chỗ tới thăm ông. Thân ông một mình, lại thêm già yếu.

- Đất nước này còn chỗ dung thân. Phận ông bây giờ tạm yên. Chỉ sợ cho phận cháu trong mai hậu.

Thằng Tịnh không hiểu:

- Cháu còn ở đây tạm sống. Còn sức lực, còn làm mướn được. Năm tới, tính làm thêm năm công...

Ông Ba Hò hớp miếng rượu cuối cùng rồi đứng dậy:

- Cháu chưa biết... Không lẽ chưa gì hết mà ông khóc trước giùm cho cháu. Giọt nước mắt đây nè! Làm thế nào lưu lại cho cháu đôi mươi năm sau mà nó không khô. Năm nay có thể cháu làm ăn khá lắm. Rồi đây cháu vĩnh rêu mà khen. Đời phải đời thịnh trị, cuộc phải cuộc văn minh, như ông hồi năm nào. Nhưng mà máy tạo vẫn xoay. Ngày cuối tháng Chạp như vậy, một năm nợ cháu phải bỏ xứ mà đi như ông bây giờ. Chừng đó, ô hô! Cháu không còn đất để mà trốn. Đất chỗ nào cũng có người làm bá chủ rồi! Dầu là hòn đảo giữa biển, dầu là chót núi cheo leo. Chừng đó cháu quay

mòng mòng như thằng say rượu ôm gốc cột mà ngao du vòng vo một chỗ. Cháu không còn tìm được, nhà cửa xập xệ, nát vách lung nóc như nhà bác bây giờ. Chừng đó cháu thấy hạt lúa của cháu làm ra không có ý nghĩa gì hết. Đời sống con người phải thay đổi.

- A ha! Lửa cháy đầy trời, cát bay mịt đất. Nhà không người ở. Ruộng thì cỏ hoang. Giếng thì có nước đục. Phạt khóc giữa trời. Người sống thành xác chết. Xác chết đội mồ hóa người sống. Ở đâu cũng có hồn oan...

Vài năm sau trong vòng tháng Chạp năm xưa đó, ông Ba Hò ra đi biệt tích. Chủ đất thì mừng, vì đã mặc nhiên tổng khứ được một tên tá điền cứng đầu. Chủ tiệm tạp hóa thì chửi rủa chê trách tại sao không chịu trả chút ít nợ, vài cắc vài đồng gọi là ơn nghĩa. Ba năm sau này, có kẻ bảo rằng ông đã chết bở chết bụi vì say rượu. Kẻ thì phao tin: ông ra hòn Cổ Tron cất am, lập một môn đạo mới có kinh kệ riêng, đọc tên nghe khó hiểu nhưng giọng khi trầm khi bổng như hò như hát. Sự thật ra sao? Đến như thằng Tịnh cũng không hiểu. Nó đâm ra biếng nói biếng cười. Mãi đến một năm đó cũng vào tháng Chạp, nợ nần nhiều quá, nó trốn đi ra chợ Rạch Giá để làm cu li, vác lúa cho nhà máy xay ở ngoại ô.

Có lẽ vì vậy mà bây giờ ở rạch Chà Tre vùng U Minh Hạ tuyệt nhiên không còn ai biết hò đúng điệu có lớp lang như hồi xưa nữa.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Ngó Lên Sở Thượng:

Trong sách Trang Tử Nam Hoa kinh, có truyện Tiêu Dao Du, tạm dịch là Đi Tiêu Dao. Thoạt nghe qua, danh từ ấy đượm vẻ huyền bí, siêu hình. Nhưng suy đi gẫm lại, Tiêu Dao là thánh hiền ngày xưa cũng đồng nghĩa với “đi bát phố”, “đi phất phơ”, “thả tà tà” hoặc lêu têu kháng chiến, “cà nhõng chống xâm lăng”. Mỗi thời thế, con người đi tiêu dao tùy khả năng tài chánh và phạm vi cương tỏa của mình.

Vào năm 1948, thời kháng Pháp, tôi được dịp đi tiêu dao nhiều phen. Con người tôi bẩm sinh yếu ớt, luôn luôn có bệnh trong lục phủ ngũ tạng, hễ đến bác sĩ hoặc y tá là luôn luôn được chứng nhận... sắp ho lao đến nơi. Thật ra, tôi là người “mình dây”, ốm nhưng dẻo dai lắm, đi bộ lai rai suốt ngày cũng không thấy mệt; thuốc lá, cà phê, trà tàu là món “xăng nhớt” cần thiết hơn là cơm canh.

Tôi đến quận Long Phú, tỉnh Sóc Trăng thì nghe tin mừng: Thăng Đỉnh, bạn đồng học ở Cần Thơ hồi thời “tiền khởi nghĩa” bây giờ sống trong cảnh sung túc, cưới vợ giàu tại làng Long Phú.

“Dịp may hiếm có, bỏ qua rất uổng. Tại sao ta chẳng đến nhà bạn, trước là thăm viếng, sau là ăn chơi vài ngày”.

Tôi dò đường đến nhà thăng Đỉnh, cách đồn giặc Pháp chừng ba cây số. Vừa thấy dạng nó từ xa là tôi nhận ngay: nước da đen ngòm, lỗ mũi cao và cái lưng tôm. Hồi học tại trường Phan Thanh Giản (Cần Thơ) thăng

Đình nổi danh hào hoa phong nhã, ăn xài như nước và đánh lộn rất giỏi. Nó đang lui cui... cửa cây, một khúc cây gòn quá to.

Vừa gặp tôi, thằng Đình hò reo.

- Hay quá ta! Thời buổi này, gặp nhau là điều sung sướng. Làm chức gì rồi?

Tôi đáp:

- Ở không, chơi lai rai. Còn mày?

- Cũng vậy thôi. Miễn là không theo Tây. Vô nhà chờ!

Nhà giống như căn chòi, cất tạm nhưng bày biện khéo léo. Thằng Đình cho biết:

- Mới dời về đây chừng hai tháng. Bề ngoài coi vậy chớ... nội dung còn bảnh lắm.

Vừa lúc ấy, một thiếu nữ xinh đẹp, mang thai bước ra chấp tay chào. Thằng Đình giới thiệu cô vợ cưới hồi năm ngoái. Cô ta có vẻ “con nhà giàu”, đi đứng khoan thai, tay chân trắng nõn. Bỗng dưng thằng Đình chạy ra sân, vác vô một khúc cây gòn, dựng đứng trên mặt đất:

- Tốt không? Đây là ghế ngời, xinh đẹp vô cùng. Mình để như vậy thì cái da cây gòn xanh tươi mãi. Giống như cấm đôn của nhà vua, phủ gấm xanh.

Tôi phục thầm sự tính toán ấy. Cây gòn thuộc vào loại dễ trồng, chặt nhánh cắm xuống là mọc nhanh. Gốc cây gòn này đặt trên nền sẽ lấy hơi thổ mà sống lai rai, tuy không chầm rãi ra lá nhưng tế bào của nó lâu chết. Không sợ ai trộm cắp. Không sợ Tây đốt phá.

Chúng tôi ngồi trên hai khúc cây gòn mát rượi, uống trà “chéo xụi”. Vợ thằng Đinh lui cui nấu cơm, bắc nước làm thịt gà. Và trong khi chờ đợi, chúng tôi uống lai rai rượu chát trắng, ăn vài con khô lóc. Đúng là kiểu “văn minh nhàn rỗi”. Rượu mua ngoài vùng tạm chiếm. Đêm ấy chúng tôi nằm gần nhau, kể chuyện hàn huyên từ thuở rời mái trường. Đại khái đưa nào cũng khoe khoang mấy lần chết hụt vì bom đạn và tự phong cho mình hai chữ trường thọ, phước đức. Mãi đến khuya, chờ khi vợ thằng Đinh ngủ say, ngáy khò khò trong buồng, tôi mới hỏi:

- Tại sao mày phiêu bạt tới xứ này? Hồi xưa, tao nhớ rõ ba mày làm đại điền chủ ở Bạc Liêu.

- Sự tích còn dài dòng lắm. Năm 1946, tao theo Thanh niên Tiền phong rồi mang bệnh tại xóm này, nhờ bà con của vợ tao bây giờ đó nuôi nấng. Họ cảm mến tao, vì tao hiền như cục bột, ăn rồi ngủ, họ ngạc nhiên vì tao là đứa nhu mì thế gian ít có.

- Mầy mà nhu mì? Ăn gỏi nằm nhờ ở nhà người ta mà phách lối thì chết đói luôn. Mầy đóng kịch nhu mì tạm thời phải vậy không? Mầy sợ chết, sợ người ta điềm chỉ cho Tây bắt.

- Lẽ dĩ nhiên. Nhưng còn lý do khác.

- Sau khi nhờ bà con săn sóc, sức khỏe bình phục, tao nghĩ cách đền ơn. Nhưng đường xá xa xôi, giấy tờ không có, tao không dám đi. Tao nhờ người bà con bên vợ mang bức thư tới Bạc Liêu. Người bà con đó trở về, hoảng hồn vì cha mẹ tao giàu quá mức.

Thằng Đinh liếc buồng ngủ của vợ rồi nói khê:

- Giàu bằng mười ông già vợ tao bây giờ. Đúng lý ra, còn giàu hơn nữa.

Giọng nói thẳng Đinh im bật. Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng nó không khoe khoang. Hồi đi học, tôi đã nghe một học sinh ở Bạc Liêu cho biết: cha của thẳng Đinh nổi danh ăn chơi hào hoa phong nhã, nuôi một con cạp bên nhà để cho ai nấy xem chơi. Cạp này suýt sút chuồng mấy lần... khiến đám tá điền báo động, đánh trống đánh mõ.

Tôi hỏi:

- Ông già mầy cho bao nhiêu?

- Ông đồng ý cho tao cưới vợ nhưng tiền bạc thì ông xiết hầu bao. Trong gia đình ai nấy phiền hà xem tao như đứa con bất hiếu nên chia đứt khoát một phần gia tài cho tao hưởng. Đó là bầy trâu ở Vĩnh Thạch. Tao lập tức tới liền, bán đống bán tháo tất cả 250 con trâu. Mấy người tá điền hoan nghênh quá xá vì tao bán hạ giá. Ai mua ba con trâu thì được tặng thêm con trâu thứ tư. Rồi họ đãi tiệc, ca ngợi tao là “cậu út” biết giác ngộ. Tao ẵm gần 20 ngàn đồng về Long Phú cưới vợ linh đình. Tiền đó tao đưa cho vợ tao cất giữ, gọi là làm vốn. Bấy giờ bà con bên vợ thấy tao là đứa đàn ông nên cho tao ăn lời...

Gà gáy điếm canh ba. Thằng Đinh lồm cồm ngồi nhúm lửa nấu chè đậu xanh. Tôi ngăn cản:

- Ăn nhiều bệnh chết. Tụi mình còn lâu ngày, cứ ăn lai rai.

Thằng Đinh cười lại:

- Bậy nè! Thời giặc già mình nên hưởng thụ trong phạm vi có thể. Sau khi làm xong phận sự thì tráng sĩ được quyền ăn uống no say!

- Thôi đi mầy ơi! Mầy làm phận sự gì?

- Bộ mầy tưởng tao làm chức nhỏ hả? Tao vừa lãnh chức trong ban giáo dục, chống nạn mù chữ hai ba làng.

Tôi lắc đầu:

- Dóc hoài! Giao một làng cho mây, mây làm không xong. Có lẽ nhờ mây mà dân chúng thêm người dốt. Thí dụ như thằng con nhà mây sắp sanh ra...

- Bậy nè! Thời thế tạo anh hùng. Giáp ranh với làng này, còn hai làng đặc biệt lắm, toàn là người Miên, làng Tài Văn, làng Liêu Tú... Tao coi sóc hai làng đó nhưng chưa biết làm sao, còn chờ kế hoạch...

Tài Văn, Liêu Tú hai địa danh nghe lạ tai quá. Tôi năm mơ màng thử hình dung khung cảnh. Chắc là có tre xanh, cây thốt nốt, có chùa.

- Ở đó vui không?

Thằng Đinh trả lời:

- Tao chưa đi tới. Gần bót Tây, đi lang bang là nạp mạng. Ruộng trống trơn hễ mình chạy thì ngoài đồn Ngạn Rô, Tây bắn liền. Nghe nói đồn Ngạn Rô có “thằng xếp” bắn đại tài. Nó có cây súng lạ lùng, gắn ống dòm. Hễ cái bóng của mình lọt vô ống dòm là nó bóp cò, bá phát bá trúng.

Nồi chè sôi ùng ục. Thằng Đinh quạt lửa. Bỗng nhiên một tràng súng liên thanh nổ giòn giòn lắm. Tiếp theo là tiếng “mọt chê”, tiếng súng “mút” rời rạc. Thằng Đinh vẫn ung dung mở tủ.

- Đường cát trắng. Nấu chè ngon một phen.

Tôi bắt đầu lo ngại:

- Súng gần quá. Tụi nó vô bắt tử thì làm sao? Có ai canh phòng, đánh mõ đánh trống, thổi tù và không?

- Cần gì! Xóm này chẳng còn ai là nhân vật quan trọng trừ ra tao với mây. Bây giờ thì ăn. Và tiếng súng hồi nãy nhắc nhở bọn mình nên ăn gấp.

Tôi cầm đũa nhắc nhở:

- Kêu vợ mầy ăn cho vui.
- Thôi. Gần sanh đẻ, nó mệt. Hơi đau mà lo.

Nồi chè khá to, mỗi đứa ăn ba chén mà chưa cạn. Thằng Đình vét nồi, múc cho tôi:

- Con người tử sanh hữu mạng. Trước sau gì cũng chết. Kẻ giàu sang, quyền cao tước trọng cũng như bọn mình thôi...

- Cái triết lý của mầy nghe nhàm quá rồi. Thằng Đình cau mày:

- Tao muốn tuyên bố rằng: Tử thần viếng ta bằng một trăm nẻo đường. Nếu cẩn thận thì ta chỉ đề phòng được chín mươi chín nẻo. Luôn luôn tử thần có sẵn một nẻo trống trải để viếng thăm bất ngờ bất cứ ai.

Tây vô! Tây vô!

Vài người chạy ngang nhà thằng Đình đánh thức nó. Tôi ngơ ngác đứng trước sân, vừa sợ sệt, vừa xấu hổ. Rủi mà bị Tây bắt sống phen này thì... như danh trong sử sách! Nụ cười vẫn nở trên môi thằng Đình. Nó chạy lại đầu xóm rồi trở về, hơ hải.

- Nguy rồi! Một cha nội ở trong này trốn ra ngoài đồn chỉ đường chỉ nẻo cho thằng Tây Ca Rê.

- Ca Rê là ai?

- Là xếp đồn Long Phú. Tụi mình nên lánh mặt, bằng không thì bị nhìn mặt.

- Mình chạy theo anh em ở đằng “cơ quan” chứ?

Sau vài phút suy nghĩ thẳng Đỉnh nói khẽ:

- Mấy ông là nhơn vật quan trọng mình chạy theo thì chết chùm. Chi bằng mình giả dạng thường dân, chạy cà nhổng ra sau ruộng, chắc ăn hơn. Chẳng lẽ tui nó kéo đại đội hùng binh ra ruộng để bắt hai đứa tay không, ồm nom ồm nhách như tui mình?

Rồi nó nắm tay tôi, thúc hối:

- Đi là vừa. Tui nó gần tới rồi đó. Tui nó bơi xuồng, chừng 20 chiếc.

- Còn vợ mầy?

- Vợ tao là dân của... đồn Tây, có lãnh giấy “lách xê”, dán hình đảng hoàng. Thời buổi giặc giã, đàn bà con nít với người già là... sướng nhất. Hơn nữa, vợ tao có chửa, bên vợ tao thiếu gì người làm việc ở tại dinh quận Long Phú của tui nó.

Súng nổ thừa thớt. Ngoài ruộng, mấy người nông phu ung dung đánh trâu về phía “hậu cứ”, càng xa mé sông càng tốt. Họ ngoắt, mời chúng tôi hút thuốc. Nhưng sau khi nói vài câu khô hài thẳng Đỉnh tạm biệt họ:

- Đừng tập trung, dუმ năm dუმ bảy. Tui nó thêm nghi ngờ. Nhứt là con trâu này. Tui nó ngựa tay, bắn con trâu rồi lạc đạn làm hư giò hư cảng bọn ta.

Chúng tôi bắt đầu chạy trên bờ ven nhỏ. Đến gốc cây tràm, thẳng Đỉnh dừng lại, trèo lên rồi nói:

- Quá xá rồi! Nó đổ bộ kéo ra ruộng...

- Thiệt vậy sao?

- Chạy nữa! Mau lên. Cứ theo tao!

Tôi chẳng hiểu tại sao thằng Đinh lại đâm đầu về hướng đồn Ngạn Rô. Cách đồn ấy không xa, dường như còn đồn Bàu Biển. Ghê quá. Từng hàng tre xanh tươi giăng ngang trước mặt, như bức tường thành. Bên kia hàng tre là đồng trống hoang, giáp đến mé sông Hậu Giang, vùng kiểm soát của giặc Pháp.

Người ở xứ xa mới tới như tôi làm sao dám cãi về chiến thuật quân sự với thằng Đinh, ông thổ công ở vùng Long Phú? Lát sau thằng Đinh dừng lại, ngồi xuống bên bụi dứa gai, bên bờ con rạch nhỏ đầy ô rô, cóc kèn. Tôi hỏi:

- Chờ cơ hội “chém vè” hả?

Nó đáp:

- “Chém vè” làm gì, dơ quần dơ áo. Đứng đây chờ thời, được rồi. Mày biết tại sao có danh từ đó không?

- Thì mình giả như con cua đinh, con cần đước...

- Chưa đúng. Con cua đinh với con cần đước khác nhau. Cua đinh có cái vè mềm, giống như xương sụn, ở xung quanh có mai. Nó vùi xuống bùn thật nhanh, nhờ cái vè chém bùn đó.

- Hiểu rồi. Nhưng tại sao mình không vô xóm nhà sau hàng tre đàng kia kiếm nước uống chơi. Xóm nào vậy?

- Đó là làng Liêu Tú, đàng kia là làng Tài Văn mà tao nói hồi tối đó. Tao lãnh trách nhiệm giáo dục trẻ em, người lớn. Ngặt tao chưa làm quen với bà con. Mình vô xóm đột ngột, họ nghi ngờ. Mày biết tiếng Miên không?

- Làm sao tao biết! Thôi thì đành ở ngoài này.

Chúng tôi hút thuốc liên miên, nhìn vòng quanh. Đồn Bàu Biển. Ngạn Rô đến đồn Long Phú, rặng tre xanh và con rạch Long Phú, nhà thằng Đình. Dường như chúng tôi bị bao vây vòng tròn. Nắng chang chang. Súng vẫn nổ. Thằng Đình dọn một chỗ cao ráo, dưới gốc bụi dứa gai, ngắt bỏ mấy cái lá lòng thòng rồi bảo:

- Nằm xuống cho khỏe lưng. Tao canh chừng tụi nó. Sướng quá, lần đầu tiên tới thăm, mày gặp một kỷ niệm vui vui... Tao chạy như vầy chừng vài chục bận rồi. Lần này, mình chạy... có lý. Đôi khi tao chạy “xịt” vì chẳng có Tây tà nào vô xóm. À! Ở đầu xóm, thằng cha Tư Đông nè đặt tên con là thằng Tây cho đúng điệu Đông Tây Nam Bắc. Bữa đó, thằng chả kêu réo đứa con: “Tây ơi! Tây!” Cả xóm ngỡ là Tây vô, chạy ẩu... Rồi cả xóm bắt buộc thằng chả sửa tên con là thằng Hai...

- Ngộ quá. Chuyện khôi hài đó đáng ghi sổ tay...

Nói xong, tôi ngáp dài ngủ thiu thiu để dưỡng sức. Đêm rồi, thức đến quá canh ba. Mấy ngày trước lại phí sức lực hơi nhiều, cuộc bộ non trăm cây số, dầm mưa, đường sinh lầy, nháy qua mương...

Đến xế chiều tôi giật mình thức giấc. Thằng Đình đứng thẳng người, quát to:

- Nó đốt nhà. Ngay cái nhà của vợ tao! Thây kệ.

Tôi dụi mắt, hỏi nhanh:

- Tụi nó gan quá vậy? Chừng này mà chưa về đồn, lo ăn uống.

- Múa gậy vườn hoang mà. Có người điềm chỉ, cho tụi nó biết rõ xóm này ai hiền, ai dữ, ai theo kháng chiến... và tất cả đều đánh giặc với hai bàn tay không.

- Vậy tụi mình về xóm, về gần đó cho biết. Xế rồi. Đêm nay tụi nó ngủ tại đâu? Nếu muốn trú quân thì tụi nó ngủ đại gì đốt cái nhà ngói ông già vợ mày?

- Trời ơi!

Tiếng kêu la phẫn nộ gọn lỏn ấy vừa phát ra khỏi cổ họng thằng Đỉnh là tắt nghẹn, dường như thằng Đỉnh còn muốn nói nhiều hơn. Nó chỉ ngón tay:

- Cháy nhà của vợ tao rồi. Vợ tao có chữa, không biết nó chạy kịp không? Bữa nay, Tây làm lộng quá. Chắc thằng đó điếm chỉ tao là trưởng ban giáo dục hai ba làng. Tao về. Về gần nhà... Hay là vợ tao thất lạc, gặp tai nạn. Mọi khi vợ tao ngồi lì tại nhà rồi trình giấy “lách xê” khi tụi nó hỏi tới. Mày ở đây, tùy cơ ứng biến. Nhớ đi về phía nhà tao. Tối mai tao chờ.

Nếu rú thằng Đỉnh ở lại thì tôi là đưa quá hèn hạ. Trời chuyển mưa. Giữa đồng không mông quạnh, còn một mình tôi. Phía rạch Long Phú, lửa cháy đen mịt, hết nhà này nối qua nhà kia. Cả xóm bị đốt rồi. Súng vẫn nổ và ngọn lửa cháy ngùn ngụt như đầu máy xe lửa chạy trên con đường sắt vô tận.

Mưa đổ hột. Tôi thấy ớn lạnh, ho vài tiếng. Hể đói bụng thì chịu lạnh không kham. Tôi rút hai tay lên ngực. Lại mưa to. Túng thế, tôi chạy vào hàng tre xanh trước mặt, địa phận làng Liêu Tú.

Đại khái, làng này gồm chừng bốn năm giồng cát, rời rạc, như một quần đảo. Trên mỗi giồng tập trung chừng hai mươi nhà. Mỗi nhà đều có tre bao quanh, những bụi tre um tùm thiếu sắc. Tôi đánh bạo vào xóm. Đất khá cao ráo, trơn trượt vì mưa. Toàn là người Khơ-me. Từ nhà này qua nhà kia là đường, quanh co. Tôi dừng bước trước gian nhà ở đầu giồng. Một ông lão đang cầm búa, đập cành chạch vào

cái miệng lon, lon đựng thức ăn, đồ hộp của nhà binh Pháp. “Chắc là ông ta làm quen với nhà binh Pháp nên xin mớ lon ấy về sửa lại làm ống dặt dũa, làm lư cắm nhang”. Tôi qua nhà khác, dầm ba đĩa bé ngồi dưới đất, bốc cơm ăn. Thức ăn là một chén me, trái me tươi dầm nát trộn với muối ớt. Nhà kế bên rộn rịp hơn. Vài người uống rượu, đánh bài. Đường như chẳng ai quan tâm đến tôi. Họ xem tôi như là chú lái heo, một người vớ vẩn, một bóng ma.

Làm sao bây giờ? Nếu trở ra khỏi giếng liệu tôi còn nhớ phương hướng để trở về xóm nhà thằng Đình? Đường xa, tối om. Bụng lại đói. Tôi đánh liều bước tới. Đột nhiên từ trong căn chòi, vang ra mấy tiếng lạnh lót:

- Ngó lên Sở Thượng thêm buồn.

Muốn chăm cội rễ, ngắt đường xa xôi.

Tôi dừng lại. Tại sao trong xóm Miên này lại có thể vang ra câu hát đó, câu hát của đồng bằng sông Cửu Long. Câu hát gợi tình, sang trọng thuộc vào loại chọn lọc, tuy bình dân nhưng ít ai biết. Thật vậy,

Sở Thượng là con sông nhỏ, từ bờ Cửu Long chảy vô Đồng Tháp Mười, gần biên giới Việt-Miên. Sở là cá, những “lô” đồng ruộng mà từ hồi đời vua Tự Đức nhà cầm quyền cho đấu thầu khai thác nguồn lợi cá tôm. Mấy người lái rủ nhau lên Sở mà mua cá về, bán tận Sài Gòn.

Từ trong gian nhà, câu hát được lặp lại:

- Sở Thượng thêm buồn, ý a... thêm buồn...

Tôi cúi đầu, cố nhìn bên trong. Chiếc võng đưa kẽo cà kẽo kẹt. Một thiếu phụ vụt rời võng, đốt đèn. Tôi mạnh dạn bước vào.

- Thưa cô...

Thiếu phụ cúi đầu; hai bàn tay thô kệch xoa vào nhau:

- Chú đi đâu...

- Dạ tôi lỡ đường.

Thiếu phụ cười tủm tỉm, đôi mắt đen lánh:

- Ở dưới rạch Long Phú hả? Gan dữ da! Dám đi tới đây hả?

Tôi quay mặt, sắp sửa co chân chạy trốn. Nhưng thiếu phụ nói:

- Đừng sợ. Xóm này ai nấy làm ăn vui vẻ. Đói bụng không?

Tôi gật đầu. Thiếu phụ vo gạo, nấu cơm. Tôi yêu cầu:

- Cô khép cửa lại giùm. Từ đây ra đồn...

- Hai ngàn thước. Gần mà. Nhưng lính Tây vô đây làm gì. Xóm này ai lo phận nấy. Tại sao chú dám vô nhà tôi?

Tôi đáp:

- Dạ tôi nghe câu hát. Tại sao cô biết câu hát đó?

- Chú nằm chiêm bao hả? Tôi là người “An Nam” ở Châu Đốc. Xóm này có “một mình ên” là người An Nam. Tôi lấy chồng người Khơ-me tại đây hơn bốn năm rồi. Chồng tôi ra chợ Sóc Trăng bán lúa, hai ngày nữa mới về. Lát nữa chú ngủ trên bộ ván. Tôi ngủ trong buồng, không sợ ai hết.

Súng nổ từng loạt ngoài đồn. Tôi giật mình. Thiếu phụ cười:

- Tin tôi không?

- Dạ tin chớ. Bằng không thì tôi chạy lui đầu vô tre gai rồi.

- Nằm xuống. Thôi, đừng nói chuyện nữa, người ta nghe.

Nói xong, thiếu phụ đóng cửa lại. Nồi cơm sôi lên, xông hơi. Lát sau tôi ăn cơm. Nhưng suốt đêm ngủ chẳng được. Buồn buồn vô cố. Để rồi lúc hừng đông, tôi dụi mắt bước ra, trở về nhà thẳng Đình, theo hướng mà thiếu phụ chỉ.

Từ đó tôi yêu kính ca dao. Ngoài giá trị văn chương, địa lý, phong tục... nó còn là lá bùa cứu khổ cứu nạn thời kháng chiến. Vài người đã sáng tác ca dao kim thời cải cách. Trong trường hợp này, nếu thiếu phụ hát loại ca dao cải cách thì chưa ắt tôi dám vào nhà, xin tá túc. Vì biết đâu đó là cạm bẫy của bọn gián điệp.

Ca dao sống trong không khí riêng, khó tả. Dầu trí óc ta quên, nhưng nó còn đó. Như trăng sao tạm thời lu mờ chỉ vì mây mưa che phía dưới thấp.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Người Đi Đêm:

Tôi đến chợ Vĩnh Hưng để thăm người cậu ruột. Từ ba năm qua, vì bận sinh kế nên người một nơi kẻ một ngả. Cậu đón tiếp niềm nở, cầm tôi ở lại:

- Cháu ăn cơm? Tối nay, ngủ đây cho vui. Hổm rày, có chuyện buồn.

Tôi hỏi:

- Dạ, chuyện gì?

Cậu tôi im lặng hút thuốc liên tiếp. Lát sau mâm cơm dọn lên. Tôi ngồi ăn. Cậu cầm đũa gắp cái chân gà, nhậu rượu đế.

Đồng hồ trên vách thong thả điểm chín tiếng. Bỗng dưng Ngọc - con gái của cậu tôi - từ nhà bếp đi rón rén tới kéo ghế ngồi bên cạnh tôi rồi run run cầm đũa.

Cậu tôi lờm Ngọc:

- Mới ăn hồi chiều, bây giờ còn đói nữa sao?

Ngọc bẽn lẽn, giọng uất ức:

- Dạ, chín giờ rồi.

Cậu tôi thở dài:

- Mọi khi chừng này nhà cậu đóng cửa ngủ. Chợ Vĩnh Hưng buồn lắm. Cháu tới thăm cậu dịp này...

Ngọc cúi mặt như muốn giải thích điều gì.

Nàng liếc nhìn lên chiếc đồng hồ, kéo ghế đến sát cạnh tôi rồi gục đầu, đưa hai tay che mặt.

Cậu tôi gắt:

- Ngọc “điên” rồi hả? Riết rồi nhà này chẳng còn thể diện gì hết.

Rồi day qua tôi:

- Lát nữa cháu thấy.

- Dạ, chuyện gì vậy cậu?

- Khó cắt nghĩa lắm.

Ngoài sân có tiếng nói lao xao. Tôi muốn tìm hiểu sự thật Ngọc sợ nỗi gì? Đây là chợ Vĩnh Hưng, tuy là chợ làng nhưng tấp nập, có an ninh trật tự. Trong bóng tối, đôi ba chục người sắp hàng dài dọc theo bờ kinh sáng. Họ ở trần, mặc quần ngắn. Lại còn thêm những ông già bà cả gần đất xa trời. Một ông lão khoát tay. Bọn người nhìn nhau rồi đồng hè ngồi xuống.

Tôi hỏi cậu tôi:

- Họ làm gì, như là bao vây nhà mình vậy?

Cậu tôi vắn tim đèn xuống rồi nói:

- Ngọc! Con dọn cơm xuống bếp. Rần rật như vậy, ăn uống làm sao được?

Tôi hỏi:

- Ai rần rật? Họ toan hành hung đập phá à! Để cháu ra sân xem thử.

- Úy, không nên.

Ngoài sân tiếng xôn xao nổi lên, bàn cãi qua lại:

- Thấy tới kìa!

- Đừng lớn tiếng. Rủi bề gì, thường nhưn mạng!

Không kiên nhẫn được nữa, tôi chạy ra đường cái. Từ xa, một người tiến tới. Hắn che cây dù, đi khoan thai dưới bầu trời không có mưa, kỳ dị hơn nữa là hắn ở trần, mặc quần đùi. Tôi chợt hiểu:

- Thằng điên!

Nhưng mấy người ngồi sắp hàng bên lề đường vội vã khoát tay như ra lệnh cho tôi giữ im lặng:

- Nó không điên đâu!

Tôi vào nhà, nói với cậu tôi:

- Tại sao lại sợ thằng điên đó? Nó xách cây dù chớ nào phải súng ống dao búa. Cậu đóng cửa lại là xong.

Vẻ sầu thảm hiện trên gương mặt cậu tôi. Cậu nói:

- Mọi lần cậu đóng cửa. Nó không thèm ghé nhà khác mà chỉ muốn ghé nhà này thôi.

Người nọ dừng ngay ngoài sân, sập cây dù xuống. Tôi nhìn kỹ. Hắn như chẳng cần chào hỏi đáp lễ, mặc dầu tôi chào hắn trước.

Hắn nói lảm nhảm:

- Mưa gió, mặc cho mưa gió. Rồi hăn quỳ xuống đất:

- Ngọc ơi! Đêm nay em ngủ yên không? Trời lạnh lắm. Em có đắp mền cho kín không? Coi chừng ho đó em. Em đành lòng nào im hơi lặng tiếng? Anh thề ở đây hoài, chờ em cho đến xế chiều.

Nghe qua, tôi tự cho rằng mình đã am hiểu tình thế. “Hăn” mang bệnh thần kinh, gọi nôm na là bệnh “mị” theo khoa học gọi là “mộng du”. Thay vì nằm chiêm bao trên giường thì hăn đi, mắt mở trao tráo nhưng chẳng thấy chung quanh, cứ sống trong thế giới riêng. Hăn tưởng là hùng sáng nên chờ khi xế chiều. Như vậy có nghĩa là hăn ngồi chầu chực trước sân suốt đêm nay!

Tôi nói với cậu:

- Mình đóng cửa lại là xong.

Cậu tôi lắc đầu:

- Khó lắm, hăn sẽ tự tử, nhảy xuống rạch!

- Dễ quá! Mình nhờ bà con coi chừng, đưa hăn hoặc bắt trói, khiêng hăn đem về nhà.

- Mình mấy hăn lạnh ngắt, rui hăn đứt hơi thở thì sao?

Hăn bước đến bực tam cấp nhà cậu tôi, để cây dù ngoài sân, rồi dậm chân như chùi cho sạch. Hăn nói:

- Mưa hoài, chân tôi dính bùn. Xin bà con cảm phiền.

Hăn vào nhà. Lần này tôi lắng tai nghe kỹ: Hăn ngáy ngủ đều đều. Mắt hăn cứng ngắt như đôi mắt vẽ trên pho tượng bằng cây mà bọn phù thủy dùng làm ông tướng.

Tôi kéo ghế:

- Anh bạn ngồi đây cho khỏe!

Cậu tôi lắc đầu:

- Nó đâu có nghe mà hòng nói chuyện với nó?

- Đừng la lớn. Nó té sấp rồi nhập hơi thổ, mắc nhân mạng cả đám bây giờ.

Đúng như lời, hăn chếp miệng, đôi mắt mơ màng, rồi trong một thoáng liếc vào phía cửa buồng.

- Ngọc ơi! Vì em mà anh xông pha nơi mưa gió.

Vừa nói hăn vừa đặt chân lên bộ ván gỗ đi tới đi lui, tưởng như bộ ván là mặt đất.

Người hiếu kỳ bao vây quanh nhà. Họ đưa ý kiến:

- Sao cô Ngọc không ra cho hăn gặp mặt?

Bây giờ tôi mới vận dụng tất cả sự hiểu biết của mình để tìm ra một lối thoát cho gia đình. Ngọc đã lớn tuổi, nếu nàng ra ăn nói, giả vờ đóng vai người tình nhân của thằng điên thì dư luận sẽ ra sao? Đời Ngọc kể như tàn tạ, ai dám hỏi nàng làm vợ? Tôi nói to:

- Ờ, anh về đi. Cám ơn anh có lòng tốt tới thăm viếng em.

Hăn nhảy nhót như đứa trẻ:

- Ngọc đoán tưởng đến anh rồi hả?

Khách bên ngoài cười âm lên vì chàng điên si tình kia chẳng phân biệt được giọng nói ồ ề của tôi với giọng dịu dàng của Ngọc! Và hăn chẳng

buồn, day lại trách mắng cử tọa.

Được trốn tôi nói tiếp:

- Anh về đi. Sáng mai em đến thăm anh.

Ngọc nói khê:

- Hănh tên là Thuận. Tại sao sáng mai? Anh nên nói ngược lại chớ!

Tôi nói to:

- Anh Thuận đừng buồn, tối này tôi đến thăm anh.

Hănh múa tay:

- Nếu vậy thì đời anh hạnh phúc như kẻ lên trên mây rồi hả em? Nhớ tối nay. Anh chờ.

Tôi đáp:

- Chào anh. Anh về cho sớm kéo trời mưa.

Hănh mỉm cười, rút trong túi đem ra một cái lược, chải đầu, trợn trợn mắt nhìn vào tấm kiếng bên vách.

Xong xuôi hănh đáp vợ vẫn:

- Đời ta như trên mây.

Đến cửa hănh cầm cây dù giương lên để che trận mưa trong tưởng tượng. Bây giờ ai nấy bước ra xa như để nhường bước cho kẻ anh hùng.

Tôi nói khê với cậu tôi:

- Đuổi nó ra kiểu đó được không cậu? Cậu nên đóng cửa lại, kéo nó trở lại một lần nữa. Tôi đóng kịch không quá tệ.

Ngọc chạy tới bên tôi ngỏ lời trách mắng:

- Anh nói bậy nói bạ quá!

- Nhưng thiên hạ hiểu hoàn cảnh của em. Chuyện rõ như ban ngày. Chính anh tình tứ với hấn mà!

Cậu tôi chẳng đưa ra ý kiến nào hết. Người ngoài đường xì xào:

- Hồi nãy nó thấy trời mưa, nó vui sướng như kẻ “lên mây”. Chết cha. Phen này mới lên ruột, mới có “nhơn mạng”.

Cậu tôi ra sân thay vì đóng cửa. Tôi đứng ngơ ngác, chưa hiểu tài ngoại giao của mình thất bại ở điểm nào? Ngọc cũng ra sân. Bóng tối lan tràn. Đám người hiếu kỳ trở lại bờ rạch rồi ngồi xuống như tuân theo một hiệu lệnh chung.

Họ ngóng lên nóc nhà của cậu tôi.

Bây giờ tôi mới rờn tóc gáy, hiểu rõ hai tiếng “lên mây” của hấn. Hấn trèo lên ngay đỉnh nóc nhà từ bao giờ, tay này nắm cây dù che khỏi đầu, tay kia đánh “đồng xa”, hai chân chạy thoăn thoắt. Đến gần đầu tường, hấn dừng lại đưa một chân ra ngoài khoảng không tưởng chừng như hấn sắp té tan xương nát thịt. Nhưng hấn vẫn đứng vững như tròng, đưa tay lên sập cây dù, đặt xuống nóc nhà.

Rồi như pho tượng bằng đồng đen, đen hơn nền trời không trăng, hấn co tay, làm động tác hô hấp kiểu Tây phương. Ghê quá! Bây giờ tôi thấy hấn tài tình hơn kẻ đi dây trong buổi hát xiếc. Hấn đứng rất lâu, cười ha hả, rồi tuột xuống, ra mé rạch.

Tôi nhanh chân chạy theo, cậu tôi cản lại:

- Để cho nó về ngủ, đêm nào nó cũng hát xiệc một trận như vậy! Nhàm lắm rồi! Để nó về ngủ cho gia đình này khỏi mang tai tiếng.

Tôi đáp:

- Thưa cậu, tại vì nó “ngủ” nên mình mang tai tiếng. Cháu phải theo dõi để trừng trị khéo léo, cho nó “thức, thức mãi mãi”!

Hừng sáng hôm sau, tôi tìm hiểu thêm về lý lịch người điên ấy. Hẳn tên là Lý, làm giáo viên tư thực, học đến sơ học, gia đình khá giả nhờ của phụ ấm, còn sống độc thân. Khi tôi đến thăm thì hẳn còn ngủ dưới gầm giường. Đứa ở nói:

- Lát nữa, thầy tôi mới thức.

Tôi ngồi uống nước trà. Hồi lâu, nghe đồng hồ gõ chín tiếng.

Có tiếng ngáp dài như khoái trá. Tôi hỏi đứa ở:

- Thầy giáo thức rồi đó. Em mời thầy ra đây nói chuyện chơi!

Đứa ở trở mặt:

- Khó lắm. Bây giờ thầy tôi chẳng muốn nói chuyện với ai cả!

Cửa phòng vụt mở, giáo Lý ra nhà bếp, sau khi chào tôi. Hẳn chải tóc, rửa mặt, thay quần áo rồi đi vụt ra ngoài cổng.

Tôi nhắc chừng đứa ở:

- Mời thầy vô đây!

Nó lắc đầu:

- Tôi không dám. Vì thầy ưa làm công chuyện riêng. Mà ông theo dõi thầy tôi làm gì? Thầy tôi hiền lắm. Tội nghiệp! Thầy làm toàn những chuyện hiền từ.

Tôi thuật lại chuyện thầy giáo Lý đến thăm Ngọc đêm rồi và trò hát xiệc của thầy trên nóc nhà.

Đưa ở mím cười:

- Thầy tôi chưa làm việc gì hại cho ai cả.

Rồi đưa ở kể thao thao bất tuyệt cho nghe vài thành tích lẫy lừng, thơ mộng của thầy Lý: Phen đó thầy ôm sách vở, nói là đi vào lớp học nhưng đi biên biệt đến sáng hôm sau chưa thấy về. Cả vùng chợ Vĩnh Hưng náo động lên. Học trò tha hồ trửng giỡn. Ông giám đốc tư thực bèn “cố” cho nhà cầm quyền hay biết. Cha thầy giáo bèn mướn mấy anh thợ chài để bủa lưới, lặn hụp dưới rạch Vĩnh Hưng, họ gặp toàn là cá, tôm. Mấy ông chủ tàu dò lắc đầu. “Chẳng bao giờ thấy thầy giáo Lý xuống tàu cả”. Dè đâu lúc đó thầy ngồi ngủ trong một bụi tre gai tận ngoài bờ ruộng.

Tôi chận lời:

- Bị ma giấu chớ gì? Thầy ta giả bộ điên khùng để che mắt thiên hạ.

Đưa ở vội thanh minh:

- Xin ông đừng nghĩ oan cho thầy tôi. Thấy tại trận một lần ông mới hiểu rõ. Thầy tôi ngồi ở tuốt chính giữa bụi tre gai. Ai nấy xúm lại coi, chẳng hiểu thầy tôi làm cách nào chui vào cho được trừ phi có thánh thần giúp đỡ. Phải dùng dao búa và câu liêm chặt gai rồi mời thầy tôi về. Gần đây, thầy tôi ưa thức đêm, tới lui thăm viếng cô Ngọc như ông thấy.

Tôi hỏi gắt:

- Thầy Lý si tình hay mang chứng bệnh đặc biệt! Có lẽ thầy năm chiêm bao, thấy người bạn mời du lịch.

Đứa ở lấy tay che miệng:

- Ban đêm thầy đọc sách rồi viết sách. Tôi là đứa ở làm sao dám hỏi công việc riêng của chủ. Có bận đó, thầy tôi trốn biệt suốt hai ngày ở ngoài bãi tha ma đói rã ruột, thầy tôi vẫn cười mà nhai suốt từng cục đất sét. Có lẽ ai rủ thầy tôi đi ăn giỗ.

Cậu tôi đi ngang qua, lên tiếng:

- Cháu về nhà nghỉ, lát nữa ăn cơm. Hơi đâu mà lo chuyện thiên hạ. Thằng nhỏ này đâu phải thầy bùa hoặc bác sĩ?

Tôi cáo từ, hẹn trở lại. Cậu tôi nói:

- Cháu về trước đi, cậu đi chợ mua thêm miếng thịt quay.

Ngọc đứng sẵn ngoài ngưỡng cửa, vui tươi hơn bao giờ hết. Nàng hỏi:

- Anh ở nhà thầy Lý?

- Ờ, khó hiểu quá. Thầy ta khéo sắm một đứa ở. Thằng nhỏ đó cũng bí mật như thầy ta. Không khéo hai thầy trò phát điên.

Ngọc vào nhà:

- Anh vô đây.

Rồi nghiêm mặt:

- Chừng nào anh về? Anh có gặp ba tôi ngoài chợ không?

Tôi đáp:

- Đúng ra lát nữa tôi về nhưng tối nay tôi phải ở lại theo sát thầy Lý.

Ngọc thở dài:

- Anh nên về là hơn, đừng làm khổ những người đã khổ.

Tôi nói gắt:

- Ai khổ? Thầy Lý à? Hãn gieo nỗi khổ cho bao nhiêu người khác.
Ngọc chẳng nghe dư luận bên ngoài sao?

Ngọc cúi đầu:

- Người khổ là thầy Lý mà cũng là em.

Rồi nàng cúi đầu, vào phòng, ngoắt tay như bảo tôi vào. Nàng mở cái hộp bằng thiếc, trong hộp có ba bốn phong thư rồi mỉm cười.

Như chợt tỉnh giấc mơ, tôi hỏi nhanh:

- Thế là Ngọc yêu thầy ta?

Ngọc đáp:

- Yêu thì không hoàn toàn yêu nhưng anh Lý làm thơ giỏi lắm. Thơ lục bát, thơ bát cú có vần có điệu. Rất tiếc em khó lòng cho anh xem.

Tôi giựt một phong thư màu xanh trong tay Ngọc, Ngọc toan chặn lại nhưng lắm bẫm:

- Anh đọc thử. Đừng cười, tội nghiệp anh.

Trong phong bì có miếng giấy màu tím và mấy chữ:

“Em Ngọc! Sáng nay anh bận rộn quá không biết viết gì hơn. Anh xin tặng em hai câu này, tuy là thơ xưa nhưng hay lắm. “Ngọc xem trang trọng

khác vời, khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang”.”

Ngọc chụp bức thơ, giành lại:

- Anh Lý đâu phải điên khùng như thiên hạ lầm tưởng. Anh mắc bệnh mộng du, thiên hạ nói vậy nhưng em chưa tin. Ảnh thỉnh thoảng đến đây, che dù, rồi bí mật nhét lá thư ở dưới chậu kiếng, chỉ riêng em mới thấy. Đó là mưu trí.

Tôi đáp:

- Cô này lẩn thẩn quá. Không chừng cô bị truyền nhiễm tật mộng du của hẳn!

Ngọc chạy xuống nhà bếp vừa chiên cá vừa nói:

- Em thì chắc ắt lẩn thẩn. Như anh, như tất cả xóm này mới là kẻ bị truyền nhiễm.

Rồi Ngọc trợn mắt. Trong một thoáng, tôi thấy đôi mắt nàng trợn trắng, đứng trông giống hệt mắt của giáo Lý. Nàng nói:

- Người ta làm gì thầy kệ người ta. Mấy người sao cứ tò mò hoài? Xóm này, có mấy thằng con trai nó mê tôi, nó không biết làm cách nào để gởi thơ cho lọt. Tụi nó ức rồi nói xấu, găm đi găm lại, tụi nó đại dột hơn anh Lý.

Vài năm sau tôi trở lại. Ngọc và Lý đã thành chồng vợ và sanh được một con. Cha mẹ thầy Lý giúp tiền bạc, xây cho ngôi nhà ngói. Lý vẫn ngâm thơ. Ngọc nói cho tôi rõ: Chồng nàng đã hết chứng mộng du nhờ đi nhà thương Chợ Quán, bác sĩ cho uống thuốc đặc biệt. Trước đó có rước mấy ông đạo ở Bảy Núi tới, điều trị không xong. Nhưng tôi nghi ngờ quá. Giáo Lý đi guốc, hai chiếc hai thứ quai khác nhau, một chiếc của anh ta,

một chiếc của Ngọc. Lâu lâu anh ta vỗ về thằng bé: nó ngủ mơ màng nhưng đôi mắt mở trao tráo, để thách thức những kẻ ngủ nhắm mắt, khác với nó.

- Thế gian này, ai thức? Ai ngủ?

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Qua Hiệu Sách:

Thi sĩ và kẻ trộm có một điểm giống nhau: ở bất cứ nơi nào, họ cũng tưởng như là đang ở nhà của họ.

(Honoré de Balzac)

Như thường lệ, sáng hôm ấy Huệ đến trước cửa hiệu sách Hoa Hồng từ hồi bảy giờ năm chục phút.

Đúng bảy giờ năm mươi lăm ổng khóa bắt đầu khua động. Cánh cửa sắt rít lên, xếp lại, chừa đủ khoảng nhỏ để thân hình mảnh mai của Huệ lách vào trong. Suốt đêm mấy ngọn đèn nê ông vẫn để sáng, giữa tủ kiếng mấy bộ sách bách khoa in màu, chiếu ngời đủ ánh xanh, đỏ, tím, vàng. Trên bìa sách láng bóng, hình mấy con cọp, sư tử... linh động, nhe răng suốt đêm. Các nữ minh tinh vẫn cười duyên, không bao giờ ngủ, ở bìa trước và mặt sau tạp chí điện ảnh.

Chiếc đồng hồ trên vách ghi bảy giờ năm mươi tám phút. Chị lao công lau chùi nền gạch đã xong. Bà chủ hiệu Hoa Hồng đi dép xuống thang lầu tỏ vẻ hài lòng vì Huệ đã đến đúng giờ. Trong khi bà đi rảo một vòng quan sát các tủ kiếng, Huệ cố sức bình sanh đẩy mạnh cho hai cánh cửa sắp xếp gọn gàng. Bà chủ ngồi trên chiếc ghế nhỏ, ngay tủ tiền rồi gặt giọng với người lao công:

- Này chị bếp.

- Dạ, thưa bà...

- Lên bảo cô Hai xuống đây coi chừng trộm. Chừng giờ này đã quá tám giờ rồi mà còn ngồi trang điểm! Mùa tựu trường, lát nữa khách đông lắm, mỗi năm có một tháng tựu trường...

Huệ cầm cây chổi lông gà, tới lui quét bụi ngoài tủ. Thỉnh thoảng, nàng liếc nhìn ra đường. Người qua kẻ lại còn thưa thớt trên hè phố.

Đúng tám giờ, cô Hai mặc áo dài tím, đi chậm rãi đến tủ tiền, ngồi thay thế cho mẹ đang ăn điểm tâm.

- Con thức từ nãy giờ, lúc chị bếp lên gọi, con đang ăn sáng.

Trước khi trở về từng lầu trên, bà chủ căn dặn lần chót:

- Con phải cẩn thận. Thưa lúc đông khách, bọn bất lương ưa lên vào ăn cắp sách. Hồi hôm qua, ở tiệm X, có đứa bị bắt quả tang đang đánh cắp bộ sách giá hai trăm đồng.

Cô Hai ngạc nhiên:

- Rồi giải nó ra tòa chớ? Bọn đó là ai vậy mẹ? Hèn chi hồi tháng trước, thỉnh thoảng tiệm mình cũng mất vài quyển sách, vô lý. Thôi mẹ yên tâm. Ở dưới này, con và Huệ cố gắng xem trong xem ngoài.

Sau khi bà chủ đi khuất, bầu không khí trở nên thân mật, dễ chịu. Huệ và cô Hai vốn là bạn thân hồi còn học trường Gia Long, giữa hai người tuy là kẻ chủ, người làm công nhưng mỗi tình bạn ngày xưa còn thăm thiết.

Huệ hỏi cô Hai:

- Làm thế nào mình nhận ra kẻ ăn cắp sách được? Mỗi ngày, hàng ngàn người ta vào lựa chọn, một mình em đâu đủ sức theo dõi... Hơn nữa đó là vấn đề xã giao, mình cần chiêu hàng.

Cô Hai đáp:

- Nghe cô Y thuật lại thì chúng nó ăn mặc sạch sẽ, còn sạch sẽ hơn đa số học sinh. Lúc vào tiệm chúng mang theo một cái “classeur” bìa cứng bên trong để sẵn vài quyển sách. Chúng giả vờ chọn lựa, rồi thừa lúc người trong tiệm không chú ý, đưa một vài quyển sách vào trong “classeur”. Đâu đó xong xuôi, chúng bình thản bước ra.

Đôi mắt Huệ sáng lên:

- Tài thật, nhứt định là chúng đánh cắp những quyển sách đặt trên kệ, cao ngang ngực... Vậy thì từ nay về sau em chú ý những chàng mang “classeur” vào tiệm...

- Em đã có ý nghĩ không tốt rồi đó. Suy luận như em, tiệm mình sẽ bị ế khách. Cứ để họ tự do lựa chọn.

- Em chưa hiểu làm cách nào. Em mới tập tành nghề này.

- Còn nữa... Lắm khi chúng vào tiệm với một quyển sách trơn, cầm trên tay. Tức quá! Phen đó chị nghi nhưng rốt cuộc chị vẫn bắt không được... Hẳn tỏ vẻ lương thiện, mới bước vào tiệm là đặt quyển sách của hẳn ở kệ sách phía ngoài, rồi với tay không, hẳn vào mấy tủ kiếng phía trong, lựa chọn đôi ba phút hoặc lâu hơn nữa, lúc ấy chị quên chú ý. Thế rồi hẳn trở ra, liếc nhìn chị rồi xin lại quyển sách mà hẳn gửi khi mới bước vào. Chập sau, thì chị mới biết là hẳn đã ăn cắp một quyển sách. Huệ biết hẳn làm cách nào không?

Huệ ngạc nhiên:

- Hẳn là một tay ảo thuật em chịu thua.

- Thì hẳn lấy luôn quyển sách đặt dưới quyển sách của hẳn. Thay vì lấy một cuốn, hẳn nhanh tay kèm thêm một cuốn nữa rồi bước ra khỏi cửa,

đi lẫn vào đám đông lập tức.

Câu chuyện đang vui vẻ, sôi nổi bỗng nhiên cô Hai dịu giọng... Năm ba khách hàng lần lượt bước vào, kẻ tìm sách học, người lật mấy tờ tạp chí Âu Mỹ để xem hình. Không muốn lợi dụng tình bạn, Huệ trở lại địa vị người làm công: nàng định áp dụng những lời chỉ dạy của cô Hai. Nhưng khi nàng vừa quay mình, cô Hai cản lại:

- Ở đây nói chuyện chơi. Mình đừng quá theo dõi khách hàng, họ không thích, cho rằng lối tiếp đãi của chúng mình kém nhã nhặn. Để họ tự do lựa chọn mà! Nên tránh cái thái độ tò mò... Mình đâu là thám tử, phải không Huệ? Nhưng kìa... Huệ xem ra đường, cái anh thắt cà vạt tím...

Đúng như lời cô Hai. Huệ thấy một người trạc bốn mươi tuổi đang đứng ở sạp bán thuốc lá, ngoài vỉa hè, sát gốc me, cách cửa tiệm chừng vài thước. Trong số người hơi đông đảo, chỉ riêng hắn là thắt cà vạt. Hắn móc trong túi áo một đồng để mua hai điếu thuốc lá.

Cô Hai nói khẽ:

- Huệ hãy xem, nhứt định hắn vào đây, chị đoán không sai mà!

Nhưng sau khi cầm cây nhang đốt thuốc, người nọ đi thẳng.

- Chị đoán sai rồi. - Huệ nói.

Cô Hai mỉm cười:

- Nhứt định ông ta trở lại đây! Chắc là đi qua “coi cọp” ở tiệm sách kế bên.

Huệ vào trong gói sách, ghi phiếu cho vài ông khách, rồi sắp mở sách cho ngay ngắn. Nàng đang chăm chú lựa vài quyển quốc văn cho khách hàng, bỗng nhiên thấy chiếc cà vạt màu tím bay phất phơ trước mặt... Nàng

nực cười, khen thầm sự dự đoán của cô Hai khi nãy. Khi gói xong quyển quốc văn, nàng đem đến tủ tiền. Cô Hai thối tiền, chờ khách bước ra khỏi tiệm rồi nói:

- Đổ đồng mỗi tuần lễ, ông ấy đến “điểm sách” ở tiệm mình chừng mười bốn lần!

Một bài toán hiện ra trong trí của Huệ. Nàng vẫn thắc mắc:

- Mình mở cửa suốt tuần, trừ chiều chúa nhật, tất cả chỉ mười ba buổi thôi.

Cô Hai vẫn cười:

- Ngặt nhiều buổi, ông ta đến viếng hai lần liên tiếp. Huệ hơi khó chịu. Nàng nhận thấy câu nói của cô Hai ngụ ý mỉa mai, tàn nhẫn đối với ông khách vô tội.

- Nếu vậy thì ông ta viếng cả mười lăm, mười sáu! Biết đâu buổi chiều chúa nhật hoặc lúc hừng sáng, đêm khuya, lắm khi, ông ta đi ngang Hoa Hồng thư quán này, dừng lại đôi phút trước cánh cửa sắt đã khép lại, để “coi cộp” trong tưởng tượng, phải không chị?

Nhờ bản chất ít nhiều thông minh, giàu lòng nhân đạo nên cô Hai cau mày chột hời hận trong phút giây. Huệ vừa cảm thấy mình vừa đắc thắng, thắng một trận nhỏ. Nàng đã gợi ý cô chủ, gợi khéo léo vài ý niệm luân lý mà cả hai hấp thụ ở nhà trường về sự công bình và lòng nhân đạo. Để cô Hai khỏi nhột nhạt, Huệ quay mặt, đi vào phía trong với sự hãnh diện còn con: nàng vừa bênh vực một kẻ vô danh! Rồi với tinh thần vô tư, nàng bắt đầu theo dõi ông khách không bao giờ mua sách nợ. Tuổi của ông cũng tạm xứng đáng cho nàng gọi bằng chú, bằng bác. Ông ta đọc chăm chú tất cả các loại sách Pháp, sách Việt, thơ, tiểu thuyết đến các sách mỹ thuật, hội họa... Sau khi xem vài trang, ông ta cẩn thận xếp sách, sắp đặt ngay ngắn đúng vị trí cũ. Đối với những quyển sách quý, bọc giấy bông, dán kín mít

bốn phía, ông ta cũng tỏ ra nhả nhận, tuyệt nhiên không mó tay vào, nghĩa là chỉ nhìn nó bằng đôi mắt tò mò...

Ngày qua ngày, hình dáng ông khách “coi cộp” trở nên quen thuộc với Huệ, nàng thấy rằng những lời nhận xét của cô Hai đối với ông ta nào có gì quá đáng! Bắt đầu, Huệ bực mình vì con người gan lì, mặt chai mày đá nọ. Nhất là những buổi sáng vừa mở cửa tiệm là ông ta đã “xông đất”, mở hàng trước. Có lẽ để bù trừ lại, nên nhiều hôm đến tám giờ tối, lúc tiệm gần đóng cửa, ông ta vẫn đứng lăm lăm xem nán một trang quảng cáo diễn huyền về dầu thơm hoặc “quần áo phụ tùng” của phái yếu đang ở trang gần chót các tạp chí Âu Mỹ. Đôi khi, ông vào chớp nhoáng, như giông, như gió, tìm quyển tự điển, lật nhanh, tra vài chữ rồi xếp lại, trở ra, sau khi nói bâng quơ mà không nhìn thẳng vào mặt Huệ hoặc cô Hai: “Cám ơn”. Phiền nhất là buổi sáng chúa nhật, thân chủ quá đông, người ra kẻ vào chen chân khó lọt, vậy mà ông ta cứ đứng mãi mê xem liên tiếp năm sáu trang sách triết học. Thình thoảng ông sờ vào túi, đem thuốc ra hút, phun khói, rồi cau mày suy tư khiến người lân cận ho hen, sặc mũi. Mỗi lần đi qua lại, Huệ đành nói khẽ: “Xin lỗi ông” rồi nàng bĩu môi. Ông thấy lạnh lùng dường như châm, diếc và mù đối với riêng nàng! Quá bực tức, nàng muốn nguyên rửa lên thật to: “Ông nên coi cộp quyển “Phép tắc xã giao” hoặc quyển “Đắc nhân tâm” là hơn. Loại sách ấy, chữ Pháp chữ Việt đều có: “Nhưng rồi thôi, ông khách ra đi tự bao giờ, Huệ nào hay! Quá mười hai giờ trưa hôm ấy, trên đường về, Huệ gặp ông ta lần nữa, đứng lóm thóm chờ xe ô tô buýt, tay cặp mớ sách khá nhiều nhưng mua ở lề đường, gói kỹ lưỡng với thứ giấy báo cũ chớ nào phải loại giấy đặc biệt in rõ ràng nhãn hiệu của một thư quán tăm tiếng...

Mưa gió lê thê từ giữa tháng đến cuối tháng. Mùa bán sách tự trường hầu như chấm dứt. Ông khách cố cựa văng bóng ba hôm liên tiếp. Lúc rảnh rang, Huệ đến bên cạnh cô Hai để tán nhảm:

- Chắc ông bệnh rồi! Cả nhà tôi, già trẻ bé lớn đều bị bệnh cúm, huống hồ là ông...

Cô Hai như sực nhớ điều gì:

- Hồi hôm qua, lúc Huệ ra nhà sau, ông lại đến, mua của tiệm mình hai quyển “Phép trị bệnh gà toi”. Nhứt định ông về quê nuôi gà! Mô Phật! Vái trời cho ông về luôn.

“Người bê tha lêu lổng như thế ấy mà nuôi gà!” Huệ toan cãi lại nhưng chưa tìm ra lập luận nào cụ thể, vững chắc. Ngoài lẽ phở, bỗng nhiên, nàng thấy ông ta xuất hiện với chiếc áo sơ mi ca-rô:

- Cô Hai? Ông kìa! Trời ơi! Bữa nay ông theo “đợt sống mới”.

Trố mắt, cô Hai buột miệng nói nhanh:

- Ủa ông thiệt. Ông đi song song với con Ti bán sách đằng tiệm Hoa Lý. Hay là con Ti cưới ông mà chưa cho đăng mình hay biết.

Vừa đến tiệm, ông khách cũ đi xăm xăm vào kệ phía trong, lật tới lật lui từng quyển sách mới phát hành và xem qua tất cả các loại tập san, như người đời lâu ngày gặp miếng ăn ngon.

Tại tù tiền, cô Hai hỏi nhanh, giọng hài hước:

- Cô Ti đi đâu vậy? Có chồng rồi ư?

Ti ngạc nhiên:

- Nói giỡn hoài! Có chồng thì mình gởi thiệp mời đám hoàng chó. Để tôi nói phứt rồi trở về tiệm liền bây giờ.

Huệ sốt ruột:

- Chuyện gì?

- Ông khách đó nhứt định đòi mua cho kỳ được mấy bộ Địa Tạng kinh, Phật thuyết A di đà kinh, thêm hai bộ Cao ly đầu hình, Diển cầm tam thế, sách coi quẻ, coi tử vi.

Cô Hai nói nhanh:

- Ở đặng Hoa Lý hết rồi sao Ti?

Ti trả lời:

- Nhưng ông đòi mấy bộ kinh in lần thứ nhất do hòa thượng Trí Huệ phát hành đầu từ hồi Bảo Đại mới lên ngôi! Tôi nhớ chắc chắn đặng này còn vài bộ kinh xưa đó, nghe bà chủ nói rằng năm xưa có dự trữ trên lầu chừng hai mươi bộ. Cô tìm thử.

Cô Hai vội vã lên lầu. Dưới này Huệ chăm chú nhìn ông khách...
Bất chấp thế sự, ông ta mãi mê khảo sát...

Nàng trêu gheo Ti:

- Chị có quen ông đó hả?

- Đâu có. Ông là anh em bạn cũ của ông chủ tiệm tôi, bạn học hồi hai mươi năm trước, hôm nay họ mới nhìn ra được tung tích. Ông khoe với ông chủ tôi rằng bây giờ ông nhàn rồi lắm, ăn no rồi thì đi chơi tối ngày để đọc sách của thiên hạ. Ông khen với ông chủ tôi về cách tiếp đãi lịch sự, vô cùng nhã nhặn của các cô bán hàng ở tất cả tiệm sách to, nhỏ thuộc đất Sài Gòn! Đó là... “Thư trung hữu nữ nhan như ngọc”.

- Chị Ti bữa nay nói chữ nho nghe điếc con ráy...

- Ông nói chớ đâu phải tôi. Theo lời ông thì câu đó nghĩa là “trong sách vở thánh hiền có người con gái tuyệt đẹp”, tức là tinh hoa của tư tưởng nhân loại, hoa thơm cỏ lạ gì gì đó. Nhưng chập sau, ông nói khẽ với ông chủ tôi: “Thư trung hữu nữ nhan như ngọc” cũng ám chỉ rằng... ở bất cứ tiệm sách nào cũng có nhiều cô bán hàng đẹp như ngọc, dễ yêu.

Huệ mỉm cười:

- Ông ghé đây hoài... Té ra ông... ba mươi lăm, tuổi mùi!

Ti cười còn day lại che miệng, dòm chừng ông khách rồi nói khẽ với Huệ:

- Huệ cưới ông đi. Tớ gả cho đó! Coi bộ ông là người biết điều.

Huệ cau mày, đôi má đỏ ửng vì giận dữ, vì tức cười. Trao thân gởi phận cho con người đáng chú bác kia, thà tự tử còn hơn. Cả bốn điều kiện: đẹp trai, con nhà giàu, sạch sẽ, không ăn cắp vặt... ông ta đều thiếu bảo đảm cả. Nàng nghe ớn lạnh trong xương sống! Một mai, thí dụ như chuyện đời éo le đến mức ấy, chắc Huệ sẽ khổ tâm gấp ngàn lần hơn khi công chúa Huyền Trân nằm chung chăn chung gối với Chế Mân. Dầu sao đi nữa là người đàn ông thì cũng phải lo làm ra tiền sắm sóc vợ con. Ai lại như ông ấy! Lười biếng quá!

Cô Hai từ trên lầu vừa xuống thang vừa thổi mạnh vào lớp bụi phủ dày lên bộ Địa tạng kinh. Biết rằng nhiệm vụ trung gian của mình đã làm xong, cô Ti bước nhanh về Hoa Lý thư quán.

Sách đã gói để trên bàn tử tiền. Ông khách đến hỏi về tiền phải trả. Trong đôi ba phút, mặt của ông và mặt của cô Hai, của Huệ gần kề nhau hơn bao giờ hết.

Hơi ngượng cô Hai nói nhanh:

- Cám ơn ông. Ông mua mấy bộ kinh này làm gì? Toàn là chữ nho không có giảng nghĩa thì làm sao mà hiểu đạo lý?

Ông khách cười mỉm môi rồi nói một hơi dài:

- Tôi mà tu hành gì! Tôi mua dùm người bà con ở lục tỉnh. Tôi nào làm điều gì quá tội lỗi với ai đâu mà cần đi tu sớm! Về già họa chẳng đi tu.

Huệ và cô Hai trố mắt, nào dè ông khách “coi cộp” nọ lý sự quá giỏi! Nhưng ông khách ngỡ rằng hai người đẹp đang hiểu lầm.

Ông tiếp tục thanh minh:

- Thời giờ rảnh rang, tôi đi dạo đó đây, hết ngồi quán cà phê thì đi rảo từ tiệm sách này qua tiệm sách nọ. Ấu cũng là một cách giải trí lành mạnh.

Cô Hai nghĩ thầm: “Ông này quên rằng tiệm Hoa Hồng do tư nhân sáng lập, hàng tháng phải trả tiền đèn, tiền phố, tiền nhân công”. Như thông cảm nỗi thắc mắc chính đáng của cô, ông ta giải đáp:

- Ở thư viện công cộng được ngồi ghế, sách nhiều thật nhưng mình có cảm giác sống trong tháp ngà. Coi sách ở tiệm mặc dầu đứng mỗi chân nhưng mình thấy ấm áp, gần hơi thở của cuộc đời, của nam thanh nữ tú.

Ông ta tiếp tục nói, công khai thú nhận rằng việc xem sách cộp ở tiệm là phương pháp luyện chí rất sống động - đó là một nghề nghiệp của ông. Rồi đặt vào địa vị của một chủ tiệm sách, ông ta không ngượng miệng dạy bảo cô Hai và Huệ như dạy bảo người làm công mới tập sự cho ông ta:

- Bán sách là chức vụ cao quý. Lúc rảnh rang cô hãy đọc sách, ít nhứt là đọc qua tựa sách. Xin lỗi, bút máy động rùng, tôi xin kể lại câu chuyện: Hôm đó, tôi vào tiệm sách đó, chợt nghe một thân chủ bước vào hỏi cô bán sách để tìm quyển “Mái Tây”. Cô bán sách vào trong, lục lạo suốt năm ba phút rồi trở ra nói thản nhiên: ở đây không có “Mái Tây” chỉ có quyển sách dạy về “Mái dầu cặn”, “Mái trần-si-to”.

Cô Hai chận lời:

- Dạ tôi biết quyển Mái Tây tức là Tây Sương Ký do Nhượng Tống dịch, áng văn bất hủ của Trung Hoa.

- Thật vậy à? - Ông khách hỏi nghiêm nghị.

- Dạ thật chớ, trong Mái Tây có nàng Thôi Oanh Oanh yêu chàng Trương Quân Thụy - Cô Hai đáp.

Đằng kia bà chủ bước xuống thang. Bỗng dừng bà đứng lại cau có chưa hiểu vì sao Huệ đứng bên tủ tiền với ông khách nọ trong khi hàng chục thân chủ khác đang ngơ ngác tìm kiếm người trong tiệm để hỏi han về các loại sách mà họ chưa tìm ra.

Biết giờ phút nguy ngập đã đến, Huệ nói nhanh:

- Cảm ơn ông. Thỉnh thoảng mời ông ghé viếng chúng tôi.

Huệ bước nhanh vào trong. Tuy cầm quyển Địa Tạng kinh, Cao ly đầu hình... đã gói xong, đã trả tiền xong nhưng ông khách vẫn nói mớ miệng với cô Hai:

- Thì tôi ghé viếng tiệm Hoa Hồng này hoài, quý cô cần gì mời! Tự cổ chí kim, ở nước văn minh nào cũng vậy, bán sách vốn là nghề tao nhã, tôn trọng sự tự do của thân chủ. Đuối khéo chưa chắc người ta đi.

Mời duyên chưa chắc người ta đến. Phức tạp lắm, cô ơi! Tôi biết suy nghĩ lắm. Đây cô còn trẻ quá mà.

Giọng của ông khách ngậm ngùi như giọng đọc bài văn tế. Khách ra đi từ lâu rồi mà nỗi bức dọc của cô Hai, của Huệ vẫn kéo dài như một cơn mưa dai dẳng. Đôi ba ngày sau, năm bảy ngày sau, tiệm Hoa Hồng vắng bóng ông khách nọ, mặc dầu thỉnh thoảng cô Hai và Huệ còn thấy ông ta đi ngang qua, lúc cửa tiệm đang mở thật rộng. Theo dõi thì cô Hai mới hiểu đạo này ông ta ưa lân la đằng tiệm Hoa Lý, nơi cô Ti đứng bán. Đôi khi đi cặp kè với người bạn nào đó, ông để cho người bạn vào tiệm Hoa Hồng một mình. Riêng ông thì đứng ngoài lề phố mà chờ, mặc cho trời mưa lớt phớt ướt áo, thấm xuống đôi vai gầy yếu.

Cô Hai thở dài, lần đầu tiên cảm thấy mình hơi vô duyên, phàm tục, không còn là đề tài đối với một kẻ khác. Kẻ ấy đã gan lì để giữ vững niềm tin bé bỏng riêng tư trong thời khói lửa. Hiệu bán sách có thể là nơi ẩn náu cuối cùng của nhân nghĩa, của tình người.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Trong Lòng Bàn Tay:

Từ bảy tháng qua, Bạch lấy làm thỏa mãn vì đã được đổi nghề. Chàng nghỉ dạy học, đến làm thợ kỹ cho nhà máy xay lúa gạo Hiệp Hưng, cách tỉnh lỵ chừng hai mươi cây số. Nghề ghi chép lật vật ấy giúp Bạch rảnh rang thời giờ, tuy nhiều khi bận rộn suốt chúa nhật. Chàng ngồi bàn “bua rô”, đón nhận những thân chủ từ thôn quê chở lúa đến xay. Lúc nhà máy nghỉ chạy, chàng tha hồ đi tới lui, hút thuốc nhìn khung cảnh quá nhàm: vài gốc me cổ thụ, con đường mòn và dòng rạch hiền hòa. Lẽ dĩ nhiên, khung cảnh ấy lắm khi tươi hẳn lên nhờ bóng dáng mấy thiếu nữ. Bạch mở học tủ, đem ra bộ truyện Phong Thần và quyển sách coi chỉ tay. Chàng lựa chọn rồi quyết định:

- Trong lúc chờ cơm trưa, mình nên trau dồi nghệ thuật coi chỉ tay. Đó là một khoa học. Nhiều nhà bác học tỏ vẻ tin tưởng khoa coi chỉ tay. Đến như ở Pháp Quốc, ông hàn lâm Mô-roa đã xác nhận giá trị thực tiễn của khoa này. Người biết coi chỉ tay thì nghiêm nhiên trở thành “giáo sư”, sang trọng hơn mấy thầy coi quẻ mai rùa.

Chàng cầm quyển sách, gật đầu hứng thú:

- Sách coi chỉ tay với truyện Phong Thần đều giống nhau ở điểm: mơ hồ, vu vơ nhưng kẻ phàm phu thất học đến giới trí thức thượng lưu, ai cũng thích.

Chàng ôn lại chương thứ nhất, nói về hình dáng bàn tay. Đúng quá, loại bàn tay vuông tiêu biểu cho tánh khí khái, cộc cằn. Mấy hôm trước,

chàng đã chứng minh điều ấy khi xem cho thầy hương quán! Đây này chương thứ hai nói về đường sanh đạo hoặc mạng đạo. Trên mạng đạo, cái ô hình vuông là điềm chết bất đắc kỳ tử. Oi! Tuyệt diệu. Hồi năm ngoái, Bạch gặp dịp may mắn lạ thường. Một ông lão bị chết đâm vì ghen tuông. Bạch đến gần ông ta rồi xem chỉ tay thử cho biết: Đường mạng đạo ghi rõ hình vuông tiền định.

Bạch mỉm cười một mình. Có lẽ một ngày nào đó, lúc thất nghiệp chàng sẽ dùng khoa học coi chỉ tay làm kế sinh nhai. Cứ đến nơi đám tiệc, đám giỗ, chàng giả vờ xem chơi cho vài người, tán tỉnh vớ vẩn. Họ sẽ năn nỉ chàng xem giùm rồi đền ơn bằng một số tiền đủ ăn cơm hoặc uống cà phê cho tới ngày hôm sau. Nghe đâu nhiều người chuyên nghề coi chỉ tay đã sống dư dả, mua nhà cưới vợ hoặc hút thuốc phiện.

Ngoài cửa bỗng có tiếng cười khanh khách. Bà chủ Hiệp Hưng nói một hơi:

- Cha chả, tới đây hồi nào vậy? Có chồng chưa vậy? Ở hai cháu.

Bạch giật mình, đem bộ Phong Thần và sách khoa học huyền bí bỏ vào học tủ. Mỗi khi bà chủ “Hiệp Hưng” gặp khách quý, Bạch hiểu mình nên đi nơi khác để bà tiếp chuyện riêng. Trước khi quay mặt, Bạch liếc nhìn: Đẹp quá! Tất cả ba mẹ con. Người mẹ tuổi non bốn mươi, hai cô gái cỡ 17, 18 xuân xanh. Lạ thay, người mẹ vẫn trẻ về hình thức, thoát trông qua ngỡ là ba chị em. Ban nãy bà chủ Hiệp Hưng lên tiếng hỏi “có chồng chưa vậy?”. Điều ấy khiến Bạch vui mừng khôn xiết. Rõ là người mẹ ấy đã có chồng nhưng giờ phút này sống ly thân, Bạch được quyền yêu thầm, chiêm ngưỡng người bạn của bà chủ.

Người mẹ bước vào với hai cô con gái. Bạch vẫn đứng lắp ló xem.

Bà khách chào hỏi vài câu qua loa:

- Mới tới hồi này và tôi tới đây thăm chị. Sao? Hôm rày làm ăn thế nào?

Bà chủ Hiệp Hưng đáp:

- Ngày mưa tháng gió, công việc nhà máy cũng nhờ trời mà phát đạt hơn mọi năm.

Rồi hai người bàn bạc rất lâu về những người bạn riêng của họ. Bạch bực bội vô cùng. Nàng tên gì? Đã có ai ghé thăm chưa? Chàng thả hồn theo giấc mơ riêng tư, quả tim nhảy thình thịch trong lồng ngực. Môi nàng đỏ lợt màu hoa anh đào, lúc nói cũng như lúc cười, đôi má để lộ hai lúm đồng tiền xinh xắn. Chàng giả vờ đi qua đi lại phía sau nhà để ngắm kỹ hơn. Tuy mê mê, chàng vẫn đủ trầm tĩnh để làm bài toán:

- Con gái lớn chừng mười bảy hoặc mười tám tuổi, nghĩa là người mẹ vào khoảng tuổi ba mươi sáu, thí dụ như nàng có chồng vào tuổi mười tám. Mười tám cộng với mười tám là ba mươi sáu.

Chàng mỉm cười, nhủ thầm rằng năm nay mình ba mươi bốn tuổi, nhỏ hơn nàng hai tuổi. Gái hơn hai trai hơn một. Cô khách của bà chủ Hiệp Hưng bỗng nghiêm mặt, nhìn vào phía Bạch.

Hoảng hốt, chàng day một bên. Cô khách hé môi. Trong một thoáng Bạch nín thở. Trông chờ cho nàng hỏi là chàng lộ mặt ra để làm quen với người đẹp.

Hời ôi! Làn môi xinh xắn và đôi má đồng tiền ấy lại nói qua chuyện khác:

- Hồi này, ghé nhà cô X. vui ghê. Lâu lâu tới đây một lần, ai cũng quở sao tôi chưa chồng.

Bà chủ Hiệp Hưng nói:

- Bền gan như chị, giỏi thật. Nhớ hồi nào, mình học chung một trường.

Bạch thở dài, vì cô nọ quá đầy đủ bản lĩnh. Nàng đã từng gặp quả tang hàng trăm chàng trai rình trộm như vậy. Nàng biết đê nén sự hãnh diện. Nhờ vậy vẻ đẹp của tuổi xuân muộn càng lộng lầy, bí mật hơn.

Bạch hơi thất vọng vì người đẹp đã xem chàng như một kẻ nhảm nhí, chẳng có tí gì đáng chú ý hết. Chàng tự an ủi:

- Mình đừng đòi hỏi nhiều. Thôi thì mình rút lui phía sau nhà. Nãy giờ mình đứng nơi sáng sủa mà người đẹp chẳng đoái hoài tới. Yêu được nàng, chuyện xa xôi quá. Nhưng bỏ qua cơ hội hi hữu này, liệu năm bảy năm nữa, còn gặp người khác đẹp như vậy không? Như một thi sĩ thời tiền chiến đã cúi đầu mô tả một người đẹp trong cõi xuân muộn: “Bèo nổi nước trôi, em vẫn trẻ. Cái già như sợ cái hồng nhan”. Hai chữ “cái” tuy thô kệch nhưng được dùng đúng nơi, đúng lúc.

Phía trước, bà chủ Hiệp Hưng đứng dậy đưa tiễn cô khách.

Tan vỡ giấc mộng rồi!

Bạch chạy theo, người đẹp và hai cô gái đã khuất ngoài cổng.

Bà chủ Hiệp Hưng đến bên cạnh:

- Ủa! Thầy làm gì mà ngơ ngẩn vậy?

Như kẻ trộm bị bắt quả tang, Bạch bẽn lễn:

- Dạ, ai vậy bà?

- Bạn của tôi. Hồi nhỏ, học trường bà xơ ở Sài Gòn chung một lớp.

- Dạ, cố ở đâu? Chồng của cố, sao tôi không thấy? Cố tên gì?

Bà chủ Hiệp Hưng hơi bực mình:

- Cái thầy này, bữa nay sao rắc rối quá.

Bạch yên lặng, trở ra đứng bên bàn “bua rô”. Bà chủ như hối hận vì trót nặng lời với người làm công. Từ hồi lãnh việc đến giờ Bạch tỏ ra siêng năng, tận tụy, chẳng gian lận tiền bạc lần nào cả. Bà cau mày, chột cười giòn khi bắt gặp lần thứ nhì gương mặt thiếu não của kẻ si tình vật. Bạch đứng tần ngần mất cả tinh thần, thở nhẹ nhẹ, im lặng như tiếc nuối chút hương thừa thoang thoảng, mà mái tóc cô khách còn lưu lại.

- À! Tôi quên trả lời. Cô bạn đó tên Thêu, làm giáo viên ở Gò Quao. Cổ vui lắm.

Bạch sáng mắt lên, nói thẳng những ý nghĩ ấp ủ tự nãy giờ. Chẳng lẽ chàng bị đuổi vì chuyện cô giáo Thêu: Bà chủ Hiệp Hưng xưa nay thường tỏ ra độ lượng khi thấy Bạch chọc ghẹo những bạn hàng đến xay lúa.

Chàng nói nhanh:

- Trời! Phải hồi nãy bà chủ giới thiệu với tôi.

- Giới thiệu để làm gì? Tôi đâu dè thầy “tệ” quá vậy. Thầy thiệt là... tui tham không đấy.

Bạch muốn cãi lại. Bản chất của tình yêu là sâu thẳm, không bao giờ có đáy nhưng ngại làm phật ý bà chủ, chàng nín thinh.

Bà chủ nói, an ủi:

- Tôi biết làm sao bây giờ. Cô Thêu khó tánh lắm. Lát nữa cố trở lại.

Tình yêu khiến con người chủ quan, u mê trong cái thế giới bé bỏng nhưng nó làm cho kẻ si tình vô cùng sáng suốt. Bạch chột nhớ sở trường của mình, khoa coi chỉ tay. Chàng mở lời:

- Tôi muốn xem chỉ tay cho cô Thêu. Tôi mong bà chủ tạo hoàn cảnh. Được vậy, tôi...

- Thôi đừng nói nữa. Được rồi. Bữa nay tôi mới biết thầy là ma quỷ hiện chân tướng.

Bạch nhận những lời trách mắng thân mật ấy. Chàng hỏi tiếp:

- Dạ, chừng nào cố trở lại? Lát nữa là chừng nào? Thưa bà.

- Chừng nửa giờ. Thiệt, cái thầy này dở hơi quá.

Nói xong bà chủ vào phòng. Ngoài này Bạch ngồi hút liên tiếp ba bốn điếu thuốc. Hạnh phúc biết bao! Lát nữa, nửa giờ nữa thôi, chàng sẽ có diễm phúc nắm tay người đẹp. Chàng khen lấy mình:

- Quả là một thời gian kỷ lục. Vừa gặp mặt là mình đã hưởng cái vui sướng, thơ mộng như có thi sĩ giải bày: “Với bàn tay ấy ở trong tay, anh muốn quên đi hận tháng ngày”. Lắm kẻ si tình đa mưu túc trí mà vẫn chưa nắm được bàn tay người mình yêu. Mặc dù đã tốn công theo đuổi tán tỉnh suốt mấy tháng trời rỗng rã. Vạn tuế khoa học coi chỉ tay!

Hơn mười năm qua, từ khi ly dị, Thêu vẫn ở vậy nuôi con. Đã nhiều nơi đến dạm hỏi, ngặt nàng chán ghét bọn đàn ông. Dường như bọn đàn ông lớn tuổi chẳng bao giờ nói thật, họ chỉ thành thật khiêm tốn, tỏ vẻ đạo đức trong phút giây nào đó để hòng chiếm đoạt quả tim nàng. Chừng xem kỹ, toàn là kẻ xấu. Nhất là bọn có vợ con đùm đẽ rồi mà còn đóng kịch “ta đây trẻ trung”, công khai ca ngợi luân lý phong kiến. Thêu nhớ lần nọ nàng gặp vị Đốc phủ sứ tuổi gần lục tuần, chống gậy. Ông ta nhắc lại câu ca dao để bào chữa trường hợp của mình:

- Thú thật với em, anh đã có vợ nhà. Vợ thì mặc vợ anh xử hòa thì thôi.

Cách đây chừng hai tháng. Thêu lại gặp một ông Phán góa vợ chưa con. Ông ta hứa bảo đảm hạnh phúc cho Thêu và lập tờ chúc ngôn để chia sản ruộng đất. Thêu chưa dứt khoát nhận lời. Đôi khi soi gương mỉm cười với bóng, nàng chưa dám tin nơi nét “hường nhan” của mình, “người đẹp vẫn thường hay chết yểu”. Nàng chưa chết, còn yêu đời, lúc này chưa yêu thì đợi lúc nào nữa. Đêm đêm nằm lạnh một mình, nàng chợt nhận ra, sống kiêu hãnh với tuổi xuân là khờ dại. Kiêu hãnh trong cô độc có sung sướng gì? Chẳng khác bức tranh tố nữ chết cứng! Người đời ngắm xem bức tranh thiếu máu nóng.

Ban nãy, Thêu đến thăm bà chủ Hiệp Hưng để thăm dò về cuộc chấp nối sắp tới. Bà chủ đáp:

- Tôi còn khổ hơn chị nhiều. Chồng tôi thường đi mua bán phương xa, mỗi tháng về không được một lần. Tôi hứa giúp ý kiến thêm. Chúng ta vẫn xem nhau là bạn thiết như từ hồi còn đi học kia mà!

Thêu trở lại thăm bạn.

Nàng bước vào cửa, theo sau là hai đứa con gái. Bà chủ Hiệp Hưng đón chào, đưa sang phòng khách cho có vẻ trịnh trọng:

- Này chị Thêu, ở đây có người xem chỉ tay hay lắm. Thêu nghĩ ngay: Tại sao không nhờ người đó tiên đoán cuộc tình duyên của ta với ông Phán như thế nào?

Nàng nói khê:

- Ở ai vậy? Coi trúng không?

Vì thương xót kẻ làm công, bà chủ cố tình nói hơi sai sự thực:

- Người em họ của tôi. Nó nghiên cứu dữ lắm. Sách coi chỉ tay nó đọc hàng chục cuốn. Nó ít khi chịu coi cho ai lắm. Bà con vùng này khen nó vì

thỉnh thoảng nó nói rất đúng chuyện quá khứ vị lai.

Thêu mừng thầm. Bấy lâu, nàng dang dở tình duyên chỉ vì thời vận chớ đâu vì kém “hường nhan”. Nhiều cô bạn xấu xí, học dở nhưng họ gặp ông chồng giàu sang, sống trong nhung lụa, trở thành “mệnh phụ phu nhân”. Nhiều bà vợ bác sĩ, vợ quan chủ quận kém nhan sắc hơn nàng! Nên gặp ngay ông thầy coi chỉ tay để giải đáp điều đó.

Bà chủ bước ra ngoài phòng, gọi nhanh:

- Mời, ông thầy vô!

Nhưng Bạch đâu rồi? Bà chủ hơi giận: rõ chàng thư ký si tình này là kẻ khôn nhà dại chợ.

Bạch lên tiếng, đôi mắt giả vờ ngơ ngác:

- Dạ.

Vừa gặp Bạch, Thêu đưa bàn tay ra. Bạch hơi đau xót, chàng nghĩ:

- Cô này kiêu hãnh, chẳng thèm chào hỏi hoặc cười duyên với mình. Hai núm đồng tiền trên má cô ta để dành cười với kẻ khác. Mình đã có cách.

Chàng nắm tay Thêu và khéo léo đè mạnh ngón tay cái vào lòng bàn tay nàng. Mấy ngón tay búp măng bỗng co lại vì nhột. Thêu trợn mắt:

- Coi tay này hay tay kia cậu?

Bạch cười thầm. Nàng gọi mình bằng cậu, xem mình như đứa em khờ dại. Được rồi! Mình sẽ trở tài đem bao nhiêu kinh nghiệm ra để nói, nói thật đúng. Không cần đến sách vở, mình phải “lòe” để nàng xem mình là kẻ đủ tư cách để yêu nàng.

Bạch nói, nghiêm giọng:

- Dạ coi đủ hai tay. Theo sách ra thì nữ hữu. Theo phương pháp Bắc Nam của giáo sư người Đức thì tay trái thuộc về thiên mạng, tay mặt thuộc về nhân định. À! Cô là người nhất, sợ ma.

Thêu giật mình. Thầy xem đúng. Bạch tuôn ra mớ lý luận:

- Người sợ ma thì lòng bàn tay nhạy cảm. Hồi này tôi đã thí nghiệm.

Bà chủ Hiệp Hưng cau mày: cái tật ưa nói nhiều của Bạch có thể làm mất lòng người bạn. Nhưng bà chủ quá lo xa. Chàng giả vờ nhìn từng lằn nét trong lòng bàn tay của người đẹp lấy lệ. Người đẹp cúi đầu xuống, chờ phán quyết. Chàng vội ngẩng mặt lên:

- Hồi thuở nhỏ cô thường đau yếu, nhờ phước đức ông bà, cô thoát nạn dễ dàng.

Bà chủ Hiệp Hưng nhắc nhở khéo léo:

- Chừng nào cô Thêu khá giả?

Bạch nói qua nẻo khác để chứng tỏ là thầy coi chỉ tay theo lương tâm nhà nghề, tôn trọng khoa học:

- Xin lỗi cô năm nay bao nhiêu tuổi?

Thêu đáp:

- Ba mươi chín.

- Từ bốn mươi tuổi trở lên cô mới khá được. Cô có tài mà chưa gặp thời. Giờ đây hạnh phúc sắp tới kìa.

Thêu nghĩ đến cuộc tình yêu vụng của ông Phán góa vợ. Nàng nhờ “thầy”:

- Cậu xem thử tôi sắp có hạnh phúc gia đình không?

Bàn tay nàng xoay trở trong lòng bàn tay Bạch. Chàng như bay bổng tận cung trăng, nhìn thẳng vào mắt Thêu. Nàng thẹn thùng vì chuyện ông Phán già nhưng chàng thì ngờ nàng có lẽ bắt đầu yêu...

Chàng nói:

- Hạnh phúc gia đình, rõ rệt quá. Dưới chân ngón trỏ của cô nổi lên chữ thập.

- Chắc không ông?

- Chắc lắm, bảo đảm đúng chín mươi chín phần trăm. Thí dụ như bàn tay tôi. Cái chữ thập đã hiện từ lâu. Tôi đang chờ một thứ hạnh phúc tương tự, cô xem thử.

Thêu trở bàn tay để đóng vai thầy bói. Bạch cảm thấy nóng bừng khi người đẹp sờ vào tay chàng.

- Tay cậu tốt quá. Ở sẵn dịp tôi hỏi luôn. Cậu nhắm chừng nào tôi có tiền vô?

Bạch nói, không ngần ngại:

- Hiện giờ, đã gần rồi. Người ta yêu cô ngật cô quên họ đó thôi.

Câu trả lời lạc đề ấy khiến bà chủ Hiệp Hưng sốt ruột. Thầy ký Bạch đang si mê. Nên đánh thức cho chàng ta trở về nhiệm vụ. Ngoài sân, bạn hàng xay lúa tới tấp nập. Họ đứng lóng ngóng chờ nạp tiền cho nhà máy Hiệp Hưng mà chàng thư ký còn coi quẻ.

Bạch nói mơ màng.

- Người ấy yêu cô, cô quên người ấy. Cô thấy mặt người ấy sơ qua, cô không để ý. Người ấy khổ tâm vì cô. Thêu mỉm cười, nghĩ đến cuộc gặp gỡ với ông Phán. Nụ cười ngọt ngào quá. Bạch thấy người đẹp chánh thức dành riêng nụ cười ấy cho chàng. Không thể kéo dài tình trạng bất lợi ấy, bà chủ Hiệp Hưng liếc nhìn hai đứa con gái của Thêu, hai cô bé ấy như cười như giận.

Bà chủ hạ một câu:

- Cậu Bạch à! Cô Thêu sắp về nhà ông Phán X đó! Nãy giờ cậu đoán đúng quá.

Như bị sét đánh, Bạch buông tay Thêu ra:

- Thiệt vậy hả cô?

Thêu cười bí mật:

- Đời này thiệt cũng như giả, giả cũng như thiệt.

Rồi nàng đứng dậy, cảm ơn Bạch. Bà chủ Hiệp Hưng đưa Thêu đến tận ngoài cổng. Hai người nói chuyện rất lâu, vỗ vai nhau, cười từng chập, giọng cười trong trẻo như của hai nữ sinh thuở nào. Bây giờ Bạch mới thấy chua chát. Té ra lúc nãy người đẹp không có cảm giác gì ráo khi đặt bàn tay vào lòng bàn tay chàng! Tình yêu chẳng bao giờ nở được khi bên này rung động nhưng bên kia thì lạnh nhạt. Nàng xem chàng như một tên thầy bói. Cũng giống như nàng đưa bàn chân để cho thợ đóng giày. Thế thôi! Bỗng dưng, Bạch nảy ra ý tưởng:

- Phải đẹp nghề, đốt tất cả sách coi chỉ tay, khoa học ấy giả dối! Trong lòng bàn tay người đẹp, đã có đường trí đạo khá dài chạy xuống phía cườm

tay! Đó là dấu hiệu của kẻ rộng lượng, nhiều tình cảm. Căn cứ vào đường chỉ ấy, chàng đánh bạo dò xét tim nàng. Nhưng trật rồi. Nàng quá ác nghiệt.

Bạch đi tới đi lui, mắc cỡ thắm. Ván bài xem chỉ tay này quả là do mình bày để gây khổ cho mình. Chẳng hiểu người nào xưa kia bày ra xem chỉ tay. Vô lý quá. Chàng đã xem lòng bàn tay của nhiều con khi. Nó cũng có đủ tâm đạo, trí đạo và chữ thập hình tam giác, con ốc tay, đường du lịch...

Kìa! người đẹp sắp sửa rời cổng. Nàng cười, day lại như cúi đầu - cúi rất khê - để chào Bạch. Bạch thở dài. Mơ hồ quá. Vẻ đẹp sắc bén của nàng đã vượt thời gian như bức tranh tổ nữ. Nàng tổ nữ ban bố đồng đều nụ cười cho tất cả mọi người.

Ý nghĩ lẩm cẩm ấy vẫn chưa đem lại sự bình thản cho Bạch.

Cái máy xay ở bên cạnh chạy ầm lên. Bà chủ Hiệp Hưng nói át tiếng động cơ:

- Thầy lo làm việc đi chớ! Máy chạy rồi. Thùng thặng rồi tôi định liệu cho. Dường như thầy giận ai điều gì!

Bạch ngoan ngoãn cầm viết. Chàng muốn trả lời với bà chủ một câu nhưng chưa dám thốt ra. Sợ mất sở làm:

- Tức quá! Quả tim tôi là cái máy cũ sét nhưng nó vẫn chạy rầm rầm. Tiếc cho cái máy yêu đương của ai kia còn tốt quá, đủ xăng nhớt mà chết im một chỗ.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Tục Lệ Ăn Trộm:

Cuối tháng Chạp năm ấy, Thiệp mặc nhiên trở thành người nghèo túng nhất của làng Đông Yên. Anh trồng ba công dưa hấu, một sáng kiến táo bạo, liều mạng, với số vốn 300 đồng: 50 ngày sau, bán được 3 ngàn đồng. Sau khi trang trải vài món nợ lật vặt, anh sắm ngay cái nón nỉ rồi ra chợ Rạch Giá để mua cái đồng hồ đeo tay. Rủi thay, trước khi đến tiệm để mua, gặp sòng bài cào, anh tin vào thời vận đang đỏ, ngồi xuống chơi khoảng nửa giờ là... không còn đủ tiền đi tàu đò về quê.

Đến xóm, bẽn lễn như kẻ trộm, buổi trưa nóng nực, anh ra giữa ruộng, nằm vắt chân chữ ngũ trong căn chòi giữ dưa dạo trước.

Có tiếng kêu réo:

- Anh hùng mặt lộ đang tính chuyện lấp biển vá trời hả?

Thiệp tức giận: Mình đã biết thân phận, lánh mặt bà con cô bác, cứ sao họ chẳng buông tha cho mình. Anh nói to:

- Thằng này què quặt rồi. Không có lấp, không có vá cái quần cái áo gì hết.

- Em cháu bữa nay nói chuyện hơi khó nghe. Bộ thua me rồi gỡ bài cào hả? Bác đây mà Thiệp.

ThIỆP sững sốt, ngồi dậy, vuốt mái tóc cho ra vẻ đứng đắn. Nguy quá rồi, anh vừa phạm tội vô phép với ông hương thân Chi. Ông này hiền lành, vui vẻ lắm. Đứa con gái độc nhất của ông lại càng hiền hậu, vui vẻ hơn.

- Nói chuyện đi chợ Rạch Giá cho bác nghe chơi. Ở ngoài đó, đầy đủ hàng hóa. Cam tàu, chà là năm nay bao nhiêu một ký mà chú Kíp đem về đây, “đập” tới bảy các rưỡi.

Với cử chỉ thân mật, ông hương đưa gói thuốc rê cho Thiệp:

- Rút một cục, vấn vài điếu để dành. Đừng buồn. Thua cờ bạc, thế gian sự thường, chẳng có gì xấu hổ hết, nhứt là trường hợp của cháu.

Đôi mắt Thiệp vụt sáng lên. Rõ ràng ông hương thông cảm hoàn cảnh của anh, rất rộng lượng.

Vậy mà hai ngày rày họ cười chê, gặp mặt cháu, họ nói “hoạnh tài bất phú”. Độc hại hơn, họ xâm xì: Thiệp là thằng ăn trộm gặp ăn trộm. Thú thiệt với bác, cháu buồn, chảy nước mắt thầm.

Để an ủi chàng trẻ tuổi dễ thương, tháo vát, siêng năng ấy, ông hương giải thích:

- Cháu là đứa có tài trồng tỉa. Tụi nó không dám trồng, hoặc trồng thất bại, thiếu kinh nghiệm rồi ganh tị với cháu. Cháu là đứa ăn trộm, nhưng là... ăn trộm lộc nước ơn trời. Thật đáng khen ngợi. Nếu suy luận kiểu đó thì bác đây làm ruộng từ đời ông, đời cha lại là hạng ăn trộm chúa, thuộc dòng họ ông Thần Nông, gặp lúc lúa đầy bồ.

Sau vài câu tâm sự, khuyên nhủ, ông hương đưa Thiệp về nhà. Trước sân, cá lóc, cá sặt đã muối phơi nắng, xông mùi nồng nực, ruồi bu từng cụm xanh lè, mặc dù Huệ con gái ông hương ra sức un khói. Huệ mừng rỡ khi thấy Thiệp đến chơi với cha của cô. Mọi khi, anh ta đi thăm lén, phía sau vườn, hoặc đón đường khi cô ra chợ làng mua thức ăn.

Ông hương nói:

- Quạ kia. Con Huệ này thiệt là vô ý vô tứ. Quạ ham ăn cá...

Thiếp cố bình vực cho người yêu:

- Đàn bà con gái đuối, quạ đâu sợ. Để lát nữa cháu đem cái giàn thun tới, bắn tĩa vài con, rồi bêu xác tòn teng. Mấy con khác lấy đó... làm gương.

Ông hương cau mày:

- Làm vậy, tội chết. Gần tết, mùa cá, quạ bu lại kiếm cá khô mà ăn cho đã thèm. Cũng là một kiểu ăn trộm gặp ăn trộm.

- Bác nói hơi lạ, cháu chưa hiểu.

- Thì cũng như cháu vậy thôi. Bác tát đìa, ăn trộm cá của trời đất, vì cá chẳng ai nuôi, trời sanh. Rồi quạ rình mò, ăn trộm trở lại. Sẵn đây, bác chỉ bảo điều bất lợi nhân cái ý kiến bắn quạ, lấy xác quạ mà bẹo. Vô ích. Bác làm thử rồi. Quạ bu lại càng nhiều hơn, kêu la nhức đầu nhức óc.

Thiếp hơi ngạc nhiên:

- Tụi nó thương tiếc...

- Đâu phải. Tụi nó giành nhau cái xác con quạ chết để ăn thịt, có lẽ ngon hơn cá khô. Rốt cuộc, con quạ chết còn treo lủng lẳng, quạ sống thì cấu xé, lãnh thương tích.

Vào ngưỡng cửa, Thiệp lại ngạc nhiên khi ông hương đối xử như bực thượng khách:

- Cháu kéo ghế ngồi tự nhiên.

Rồi nhìn ra sân:

- Huệ ơi. Rót hai tách nước. Khách quý tới nhà mình. Chạm bẫy gì đây? Ông hương thân mật, đến mức khó hiểu. Hay là Huệ hơi lớn tuổi, ông muốn già nhanh cho anh, trong năm nay. Hoặc là ông muốn gây cảm tình, để hỏi vài bí mật về nghề trồng dưa hấu, làm thế nào cho dưa lớn trái, ít tốn tiền mua phân. Anh tưởng tượng lát nữa Huệ sẽ rón rén, bước ra cúi đầu chào, anh đáp lễ, trước sự hiện diện của ông Hương. Nhưng thời khắc trôi qua im lặng, ông hương hơi bực dọc:

- Con nhỏ này kỳ lạ. Hay là mắc cỡ. Huệ đâu rồi?

Từ phía ngoài sân, ông hương hào Ngọc bước vô:

- Con Huệ hả? Nó xuống xuống của tôi để xách mấy con rùa cha tôi tặng ăn tết cho sống dai như rùa. Mùa này, rùa còn ít.

Biết vai trò của mình bắt đầu lu mờ, Thiệp đứng dậy, qua bộ ván sát vách mà ngồi. Hương hào Ngọc vội nắm tay anh, kéo lại:

- Ngồi chơi cho vui. Bác tới đây đâu phải để đuổi cháu về nhà. Gần tết, mình nói chuyện... tự do, bình đẳng, bác ác với nhau như nhà nước Pháp đã dạy. Nghe đồn rằng cháu... bị ăn trộm hả?

Khổ tâm biết bao nhiêu. Thiệp ghét cay ghét đắng tất cả mọi người ở cái làng nghèo nàn, xa xôi này. Lòng ganh tỵ còn hơn miệng hùm nọc rắn. Tại sao người lớn tuổi, nhiều kinh nghiệm trường đời mà lại tin vào lời đồn đại ấy? Anh mong ông hương thân giải thích giùm cho ông hương hào rõ.

Nhưng kìa, Huệ bước ra, bưng cái khay, có ba tách nước. Huệ chào từng người khách, đặt tách nước dành cho Thiệp thật xa, ở góc bàn.

Ông hương thân nói:

- Con nhỏ này không khéo lại làm bể tách. Bộ tay của thằng Thiệp dài như tay con vượn thì nó mới với tới.

Huê bẽn lễn, chạy nhanh xuống nhà bếp. Bây giờ, hương hào mới vỗ vai Thiệp:

- Cháu có tài quá, bực nhứt xóm này. Bác biết rồi. Cháu trúng dưa hấu, làm giàu hơn thiên hạ.

Thiệp hứng chí, nói đồng dạc:

- Dạ, suốt năm cháu ở không, đi chơi. Tới tháng Mười, cháu ra sức một đôi tháng, thức luôn ban đêm để thu huê lợi bằng kẻ khác cày sâu cuốc bẫm lai rai trong một năm. Họ ghen tức.

Hương hào gật đầu, day qua chủ nhà là ông hương thân:

- Hơi đâu mà giận. Theo cổ lệ ông bà, bắt đầu từ ngày này trở về sau, ăn trộm không còn là tội, nhiều khi lại là danh dự.

Một người có quyền lực trong hương chức hội tề lại ngang nhiên xúi giục ăn trộm. Thiệp há miệng, chập sau, hương hào mới chịu giải thích. Tuy sống vào thời buổi văn minh Âu Tây nhưng người Việt Nam còn giữ thói ăn nết ở thời đàng cữ. Thời xưa, hàng năm, đúng ngày 25 tháng Chạp, nhà vua ra lệnh cho tất cả quan lại, từ trên xuống dưới, phải ngưng mọi công việc nước, để ăn chơi suốt một tháng, tới ngày 25 tháng Giêng. Quan phủ, quan huyện phải chùi ẩn cho sạch, bỏ trong cái hộp, chờ tháng sau mới xài.

Thiệp thắc mắc:

- Thưa bác, gặp trường hợp sát nhân, cướp của thì sao?

- Thì quan trên tạm thời giữ nó lại. Nếu liệu bề nó không trốn đi đâu xa thì cắt đầu tóc, cạo đầu nó để làm dấu hiệu riêng, đợi tới cuối tháng Giêng sẽ tính. Bởi vậy, những ngày gần cuối năm ăn trộm nổi lên lung tung. Ăn trộm ghe xuồng, lu hũ, ăn trộm nồi thịt kho, cái nồi bánh tét trên

bếp sôi sùng sục. Năm hết tết tới, kẻ lữ vận đâu còn cách nào chạy ra tiền, ai dám cho họ mượn. Họ lợi dụng tình trạng không luật lệ, không ai cai trị để làm “lung”, mùa gậy vườn hoang.

Ông hương thôn phục thăm trí nhớ và sự hiểu biết khá rộng của ông hương hào. Ông moi trí óc, đưa ra vài ý kiến, chứng tỏ “ta đây nào kém tri thức”.

- Nước đục thả câu. Ngày đầu năm, người trong xóm tránh gậy gỗ, kiện tụng. Nếu bắt được thủ phạm, nhiều khi họ bỏ qua, vì lòng nhân đạo. Ăn trộm trong dịp quan trên treo ấn là điều vạn bất đắc dĩ. Mình nên thương họ. Họ là người Việt Nam như mình. Biết đâu ông bà họ xưa kia sống nghề ăn trộm, bây giờ họ báo hiếu ông bà bằng cách đó.

Đến lượt ông hương hào sừng sốt:

- Anh hương thân nói gì? Cái kiểu báo hiếu đó khó coi quá. Nghe nói hồi xưa có “ăn mày lễ”, con cháu phải đi ăn mày vài bữa nếu ông bà thời trước sống với nghề đó. Lễ là thói quen, lệ cũ, phải noi theo.

- Tôi kể cho anh nghe, chuyện nhân tiên. Hồi năm tôi làm ruộng sạ ở Mốp Giăng, đến 29 tháng Chạp, làng xóm la óm tởm vì có kẻ trộm đi ngao du từng nhà. Lạ thay tên “đạo chích” ăn cắp sơ sơ vài món kỳ cục, nào chổi cùn, guốc đứt quai, quần rách. Kẻ trộm đó quần áo lành lẽ, túi đầy tiền, mặt mày trắng trẻo, xưng làm chức “cựu cai tổng” ở tỉnh lân cận. Bị thiên hạ mắng chửi, ông thú thật: “Hồi xưa, ông cố tôi làm nghề ăn trộm, bị nhà vua lưu đày vô Nam, làm lính đồn điền. Bây giờ giàu rồi, nhưng hằng năm tôi muốn ghi ơn cốt nhục sanh thành của tổ tiên bằng cách đi ăn trộm, theo lệ. Bà con tha thứ cho tôi, tôi không rở tới những món quý giá, tôi là đứa dư ăn mà. Bằng không, bà con cứ chửi rửa thậm tệ, chửi nhiều chừng nào tôi được tiếng hiếu thảo chừng nấy”.

Ai nấy cười vang, Thiệp gãi đầu, nheo mắt, chột nghĩ đến sáng kiến táo bạo. Mấy ông hội tề này vừa nói rằng suốt một tháng trước sau tết, ăn trộm là vô tội, là hiếu thảo. Nếu vậy mình nên thừa dịp này, ăn trộm một món, món đó quý giá đối với cuộc đời mình còn hơn tiền bạc dịp năm hết tết đến.

Ông hương thân nói:

- Thiệp à, cháu thấy chưa, đi quăng đàng, học sàng khôn, tội tình gì mà nằm chèo queo ngoài chòi giữ dưa. Đừng buồn tủi vì tiếng thị phi “ăn trộm”. Kê thất phu chưa hiểu cổ lệ ông bà. Lát nữa, ở đây ăn cơm nghe, có gì ăn nấy. Bây giờ thì... (hương thân nói nhỏ với hương hào) anh em mình đánh cờ tướng vài bàn.

Thiệp cúi đầu, ra sân rồi len lén trở xuống nhà bếp.

Huệ đang lui cui luộc mấy con rùa. Anh đến bên cạnh:

- Em nhớ anh không?

Huệ giựt mình, bước lui:

- Kỳ quá hè. Thiệt là “ba sơn ba sắc”. Ông xuống bây giờ. Cỡ này, ông hay quạu bất tử lắm. Chờ mai mốt, hện chỗ khác, bộ chết sao mà nóng nảy dữ vậy.

Thiệp đắc ý:

- Cỡ này, ba của em “xả cản”. Chờ cuối tháng giêng, ông mới làm khó dễ thẳng con rể này.

- Nói dóc hoài. Đứng dang xa ra, bằng không em chạy lên nhà méc ba bây giờ.

Thiệp mạnh dạn nắm tay Huệ:

- Vô ích. Ông mê đánh cờ tướng với ông hương hào. Mấy ông cho phép anh làm nghề ăn trộm, vì gần tết rồi.

- Nói giỡn hoài. Anh giỡn nhây rồi đó.

Thiếp đến sát bên Huệ. Huệ xô anh ra. Anh cười hề hề:

- Ông già có câu truyền lại rằng: Thương thì hót cổ, choàng lưng. Việc ấy xin đừng, phải có mẹ cha. Anh luôn luôn giữ lẽ phải, chớ chưa dám đá động tới “việc ấy”.

Bỗng dừng căn nhà bếp này như có sấm nổ, rung chuyển:

- Việc ấy là việc gì? Nói mau. Đi ra khỏi nhà tao lập tức. Cái thằng Thiệp này. Còn con Huệ nữa, lớn rồi mà không nên nết.

Ông hương thân hơi cây ba-ton, môi run run như sắp tuôn ra loạt si và thứ nhì. May sao, ông hương hào đã chạy đến, giựt cây ba-ton rồi cười:

- Bớt nóng giận, ông anh ơi. Thằng Thiệp chưa có phạm tội gì hết.

- Nó mang tiếng... ăn trộm. Thiên hạ đàm tiếu, chê bai nó. Tôi tội nghiệp cho nó, dè dàu...

Ông hương hào cười:

- Dè dàu nó tới nhà tôi, dờ thói ăn trộm. Nhưng ăn trộm như nó, tội tình gì trong mấy ngày cận tết này, nhứt là... ăn trộm hái hoa tươi.

Chợt thấy thằng Thiệp đang co chân chạy ra sau vườn, ông hương thân nói khề:

- Phải dẫn mặt nó như vậy mới được. Tôi đâu ghét nó. Mình tiếp tục ván cờ, chờ rượu, chờ mấy con rùa luộc.

Đến nhà trên, hương hào đặc ý:

- Tôi là người khách, cho tôi nói thêm cho đủ lời. Theo ý tôi, bông hoa là món đẹp của tạo hóa ban cho mọi người. Ăn trộm hoa cũng như ăn trộm dưa hấu, lúa gạo, cá tôm của trời đất. Nghề nào cũng có công phu, vinh nhục. Thằng Thiệp đáng được tha tội. Và lại, chính ông anh là chủ nhà... xúi giục nó bẻ hoa.

- Tôi cho phép nó xuống bếp để ve vãn con Huệ hồi nào? Gia phong ở đâu?

- Ông anh nói đó là cổ lệ ông bà, có kiểu ăn trộm để báo hiếu. Hồi nhỏ, tụi mình cũng ngộ nghịch như nó. Thói ăn trộm bẻ hoa đã có từ thời thiên địa sơ khai. Mai chiều đây, nếu xuôi chèo mát mái, thằng Thiệp báo hiếu cho cha nó một đứa cháu nội, con Huệ thì báo cho anh một đứa cháu ngoại.

- Thôi nín đi. - Ông hương thân nói gọn.

Ông hương hào chưa chịu buông tha:

- Thằng Thiệp giỏi, dám làm ăn, không như gà què ăn quần cối xay. Nhỏ mà khí phách như người lớn. Nếu sợ dư luận, tôi mời chánh lục bộ với xã trưởng làm tờ hôn thú cho tụi nó. Con mộc ở hội tề làng mình còn giữ, theo luật của Tây, đâu cất giấu như hồi đàn cựa. Vui vẻ mà.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Vệt Lục Bình:

Hai Cầm vào bếp chụm lửa nấu cơm, chợt nghe giọng quen thuộc của lão Ngươi:

- Ráng chịu cực vài ngày nữa, rồi thì có vợ có con như thiên hạ.

Hai Cầm đáp:

- Cháu chán cái cảnh sống một mình, một nhà như vầy. Ngặt vì xứ lạ quê người, tứ cố vô thân, thiên hạ chê cháu nghèo, chẳng ai thèm gả con.

Câu nói của Hai Cầm ngụ ý hờn mát. Trước đó vài tháng, người bạn già của lão Ngươi từ rạch Tràm Trốc tới thăm, mua mằm ruốc và ba khía, đem về xứ bán lại. Bạn già ấy tên là Khâm, đi với đứa con quá tuổi cập kê tên là Hiếm. Hai Cầm thương mến cô gái miền “gạo trắng nước trong”, khen ngợi nết na của cô Hiếm với lão Ngươi rồi nói e dè:

- Phải chi cô Hiếm xuống đây mỗi tháng vài lần thì vui lắm. Xứ mình nào rừng tràm, nước mặn, muối mòng ai cũng chê.

- Được rồi, thùng thặng, bác lo liệu thử. Bác nói với lão Khâm, họ chưa trả lời ngay được, nhưng thế nào cũng nhắn tin, để bác cháu mình đi Tràm Trốc, thăm nhà đàng gái.

Giờ đây, lão Ngươi muốn dành cho Hai Cầm sự ngạc nhiên thích thú. Chờ khi Hai Cầm vo gạo xong, lão nói:

- Dừng tay lại. Cháu chịu khó “rinh” cái cà ràng, cái nôi cơm đó xuống xuống để đi du lịch đường xa.

Hai Cần chưa hiểu:

- Vô rùng ăn ong hả? Mùa này, đâu còn ong mật.

Lão Ngượng vẫn điếu thuốc rồi cười:

- Không trúng. Cho cháu nói thêm một lần nữa.

- Hay là bác cháu mình vô rùng đốn củi lậu thuế.

- Càng trật. Hôm nay, bác rủ cháu đi một việc hiên ngang, đầu đội trời, chân đạp đất, đúng theo lễ giáo ông bà truyền lại. Minh tới Tràm Trốc thăm bác Khâm, sẵn dịp ra mắt cô Hiếm. Người ta mời mình. Cháu nên đi một chuyến để biết sự đời.

Quá mừng rỡ. Hai Cần lại lúng túng:

- Đi như vậy, coi kỳ quá. Mua cái gì cho người ta chớ?

- Đi chơi, như là tình cờ. Thôi, mau bưng nôi, cà ràng xuống xuống.

- Xuống của ai. Xuống bác hay xuống cháu?

Lão Ngượng như suy nghĩ, đắn đo:

- Đi xuống của cháu tốt hơn, dọc đường khỏi tạt nước, từ đây tới Tràm Trốc bảy tám giờ đồng hồ, gay go lắm.

Tuân lệnh, anh bưng cà ràng, nôi, củi xuống xuống của mình nhưng lão Ngượng lại thay đổi ý kiến:

- Như vậy... đi với chiếc xuống của bác. Xuống bác xấu xí mục rồi, mặc kệ nó.

Hai Cầm thắc mắc. Phận mình nghèo, ra mắt đàng gái, lần đầu thì nên phô trương, không khéo gia đình cô Hiếm chê anh nghèo chí tử. Chiếc xuồng quá cũ giống như chiếc áo rách dễ gây dư luận không hay cho chòm xóm.

Lão Ngược trông theo ngọn nước lớn đang chảy hăng rồi quyết định:

- Cháu cưới vợ chớ đâu phải chiếc xuồng cưới vợ. Dọn cà ràng qua xuồng của bác, cho kịp con nước, ăn cơm dọc đường.

Vừa mở sợi dây phía mũi xuồng của lão Ngược, Hai Cầm vừa phân vân: điềm dị đoan, mê tín gì đây? Chắc lão Ngược chọn chiếc xuồng là mạng Mộc, xuống sông là mạng Thủy, xuất hành đúng giờ Thìn, giờ Ty gì đó, nào đại kiết, sát chủ, lung tung khó hiểu quá.

Nước chảy xoáy cuộn ở đầu doi. Lão nói:

- Bác điều khiển một mình, cháu nấu cơm.

- Dạ để cháu chèo lái, còn trẻ, sức lực dẻo dai mà.

Từ đây tới Tràm Trốc, xa dữ không bác?

- Xa chớ. Muốn thử sức, chèo lái.

Gió thổi mỗi lúc càng mạnh, nước chảy xuôi nhưng gió ngược. Trên sông Cái Lớn, sóng dấy lên, bở vôi, bọt trắng xóa, như ngoài biển khơi. Hai Cầm hơi thổi chí. Từ bé đến giờ, anh quen bơi hoặc chống xuồng nơi lau sậy mịt mù, cạn nước, hoặc trên bãi bùn giữa ruộng, có con đường làng cong queo. Thỉnh thoảng anh “quá giang” ghe lưới ra Hòn Tre, làm quen với biển và mấy con nậu. Anh nghĩ thầm:

- Cọp sấu trên rừng, cá mập ngoài biển mình không nao núng, lẽ đâu lại ngán sóng gió ở con sông nhỏ này. Nhưng gió vẫn làm chúa tể

cả bầu trời. Mỗi mái chèo có thể đưa chiếc xuồng lướt tới năm bảy thước, nhờ nước xuôi, nhưng sức gió cản lại quá mạnh, mặt nước gồ ghề, đôi khi sóng đập mạnh vào mũi xuồng, nước văng lên ướt mặt mày lão Ngượ. Nhìn lên cây cối bên bờ, Hai Cầ thấy rõ là chiếc xuồng như dừng một chỗ.

Lão Ngượ cười:

- Theo cái điệu này, ngàn năm nữa bác cháu mình vẫn chưa tới nơi tới chốn. Cháu ghé vô bờ, ngay gốc bần bên kia sông.

- Cháu đủ sức chèo nữa mà.

- Ấy, ghé giây lát thôi.

Xuồng vừa tới bờ, lão Ngượ xách cây búa nhảy lên bãi, lựa cây bần khá to, đốn nghe “cum, cum” vào gốc. Dưới mắt Hai Cầ, dường như lão ta đang làm chuyện ngược đời. Gốc bần bị đốn phía trong bờ, lát sau nghiêng nghiêng rồi đổ xuống, rãng rãc, rớt nguyên xác xuống sông.

- Làm gì vậy? Để cháu vớt nó lên. Coi bộ nặng nề, nhánh nhóc lung tung.

- Đừng nóng. Cháu lấy sợi dây ở mũi xuồng buộc vô gốc cây bần này cho thiệt chắc. Nó trôi theo dòng nước rồi nó kéo chiếc xuồng mình đi tới, khỏi chèo cho mệt.

Chiếc xuồng trở mũi ra giữa sông, lão Ngượ ra lệnh:

- Cháu ngồi xuống mà cầm lái, đừng làm gì cho cản gió. Thấy chưa, gặp nước xuôi mà gió ngược thì ta “chạy buồm dưới nước”. Cây bần này trôi, kéo chiếc xuồng, nó là một cánh buồm.

Hai Cầm thích chí, khen ngợi sáng kiến của lão Ngượ, nhưng đưa ra lời phê phán:

- Ngộ quá, như có con trâu nước hoặc con sấu, con thường luồng lội tới, kéo xuống. Gốc bần càng to, nhánh nhóc càng nhiều thì xuống đi càng lẹ. Ngặt xuống khẳ, phía trước mũi.

- Ủ, lại thường xảy ra nguy hiểm. Rủi “con trâu nước” đụng vô cột hàng đáy, đụng ghe xuống của người khác thì thiên hạ bồi thường. Mũi xuống ghịt tới, khó cầm lái cho vững.

Lâu lâu, lão Ngượ quát to:

- Coi chừng đụng. Đừng ai lại gần...

Vài chiếc ghe từ miệt trên chạy buồm phăng phăng, ngược chiều, họ nhìn, chỉ trỏ ngón tay, như thán phục kẻ có sáng kiến lúc nước xuôi gió ngược.

Đến xế, tới vàm rạch Nước Trong, queo qua nhánh nhỏ, bên trái. Trên chặng đường này, tình thế đảo ngược lại: gió thổi xuôi nhưng nước chảy ngược. Anh ta hỏi:

- Để cháu ra sức chèo. Nãy giờ, nhờ trời. Bây giờ, nếu chiếc ghe to, có buồm, khỏe biết mấy.

Lão nói:

- Để coi. Bày cách khác, miễn là con rạch đừng quá hẹp. Lời tục thường ví “Một năm gió bằng ba bó chèo”. Bắt đầu từ đàng kia, cháu lãnh công việc nặng nhọc một chút.

Lão cho xuống ghé lại bãi, tìm một tàu lá dừa nước khá to, vừa ý:

- Hai Cầm. Ngồi trước mũi, dựng tà lá này lên cao, cho nó bọc gió. Tháo dây, bỏ cây bần cho Hà Bá đi. Nãy giờ nó kèm chiếc xuồng mình, làm mất trớn.

Sáng kiến thứ nhì này đem cho Hai Cầm niềm vui mới. Anh ta ngồi xếp bằng ở giữa xuồng, ôm phần gốc của tà lá, dựng thẳng lên cao. Gió thổi mát mẻ, phía sau lưng, từng luồng mát lạnh, sức cầm giữ của anh có hạn, đôi khi tà lá đảo qua đảo lại, chiếc xuồng chao đảo, nước tạt vào.

Lão ra lệnh:

- Coi chừng nó nghiêng rồi chìm luôn. Mắt nên nhìn phía chót tà lá, coi hướng gió.

Chiếc xuồng lướt nhanh chóng hơn khi nãy được kéo với gốc cây bần, cứ phóng tới, mũi xuồng như sôi bọt khi rẽ nước. Mây trắng trôi trên nền trời xanh thẫm. Lão lẩm bẩm:

- Ráng chịu cho quen tay. Nhiều người lạnh tay, vừa giữ tà lá, vừa cầm lái, tùy làn gió mà quơ qua quơ lại như ông tướng phát cờ ra trận.

Khoảng bốn giờ chiều, tới Xẻo Nước, nước ngưng chảy, gió im bật, lâu lâu, vài luồng hiu hiu. Tà lá dờn nước chẳng còn vai trò gì cả. Lão hút thuốc, loay tin:

- Giỏi thì nửa giờ thôi, mình tới Tràm Trốc, khỏi ăn cơm dọc đường.

Hai Cầm mừng ra mặt, lát nữa, gặp cô Hiếm, hai người chào nhau chắc bẽn lẽn, thẹn thùa. Lão Khâm đang chờ đợi, biết đâu cô Hiếm đang nhổ lông vịt, mời vài bạn gái tới tiếp cơm nước.

- Mình bỏ tàu lá, nghe bác.

- Quảng đi, để làm gì cho nặng chiếc xuồng.

- Hồi nãy gió thổi mạnh, tàu lá này đong đưa, mấy lá nhỏ tua tủa ra, như rằng cây lược thưa. Người ta hát ví: Gió đẩy đưa, lược thưa uốn éo.

- Cháu nhớ dai quá. Nay mai sanh con đầu lòng, hát câu đó cho con nít nghe, êm tai, nhưng hát như vậy mới đúng: Gió đẩy đưa, đọt đưa uốn éo, không phải lược thưa. Đọt đưa hầu, lúc mới trồng, bò lan ra, ngóng lên trời, gặp gió tết nhẹ nhẹ. Cảnh đó coi hay lắm. Bây giờ, nghỉ lâu rồi, để bác chèo cho giãn gân cốt. Cháu ngồi dưỡng sức, lát nữa làm công việc khác, khá nặng nhọc.

Trong phút giây, Hai Cầm nhớ tới những việc mà chàng rể nào cũng đảm nhận, khi thăm viếng bên vợ, lúc chưa làm lễ cưới. Gặp gì làm nấy. Nào bữa củi, gánh nước, làm cỏ vườn, xay lúa, hoặc gặt hái, tùy mùa. Phía sau lái, lão Ngượng ra sức chèo, rõ ràng là lòng tốt của bực cha chú, đối với một thanh niên đơn chiếc, không họ hàng.

- Chừng bao lâu nữa tới Tràm Trốc? Lo cơm chớ, sợ bác đói bụng.
Đủ gạo, củi, nước mắm, mấy con khô lóc và rượu.

- Sách có chữ “nhập giang tùy khúc” tùy doi vịnh, gió nước.

- Hết gió nước xuôi ngược, còn gì mà lo nữa đâu?

- Còn chớ. Trước mặt mình, đằng kia, không còn là con sông trời xanh. Nó thẳng băng. Cái kính xáng của Tây hồi xưa, dùng xáng múc. Ngặt nghèo lắm. Lát nữa, tới đó coi thử. Ở đây nước linh bình, lớn cũng như ròng.

- Để cháu chèo thay bác.

Lão nhìn mấy giề lục bình khá to, như bè trong ao tù đọng.

Bởi vì linh bình, nên lục bình mới là báo hại. Thò tay xuống nước, anh nắm giề lục bình, đem lên xuồng. Lão nói:

- Xứ mình, gần biển, gặp nước mặn, lục bình chết, ở đây nước ngọt. Nhiều người kêu nó là sen Nhứt Bồn. Nghe đâu nó tràn qua xứ mình hồi bão lụt năm Thìn, người thì nói Tây đem qua để trồng làm cây cảnh cho đẹp mắt. Lần hồi, nó sanh sôi nảy nở tràn đồng, tràn mương. Trước mặt mình, trên kinh xáng, nó gom lại dày bịt. Nhà ông già Khâm với con Hiếm ở phía trên đó, chẳng xa xôi gì.

Hai Cầm đứng dậy, quan sát. Đằng kia, lục bình chặn ngang con kinh, bề dài cỡ bảy tám trăm thước, hoặc ngàn thước. Anh ta ước lượng: mỗi giề nặng hơn kí lô, quỳ xuống trước mũi xuồng để lấy thế, mỗi lượt hai bàn tay vệt (vạch) ra được hai giề, quăng ra gần đó, miễn là trước mũi không gì ngăn cản, chiếc xuồng vượt lên được một thước, đầu đuôi, vệt chừng một ngàn lần, khom lưng một ngàn lần, đủ sức chịu đựng.

Lão Ngựet hỏi:

- Bày thử mưu kế gì lạ coi. Tới đây, bác hết biết cách... chạy buồm rồi.

Lão Ngựet như chịu thua, ắt là khó. Anh tỏ ra dè dặt:

- Ở xóm mình mùa hạn, kiếm một nhánh không ra, nó tàn lụi hết.

- Xứ này nước ngọt quanh năm, bốn mùa xuân hạ thu đông; nó sống lưu niên. Một giề tách ra hai giề con.

Hai Cầm nhay miệng:

- Ba giề đẻ ra sáu giề.

- Trật rồi, cháu ơi. Đẻ ra cỡ chín giề, phải cộng thêm ba giề mẹ, nghĩa là một ngàn giề, trong nửa tháng, ra mười ngàn giề có dư. Như chuột, như con dòi.

- Nhưng tại sao nó không cuốn ra biển khi nước ròng? Đông dài lắm. Chỗ này kêu là “giáp nước”, do Tây đào kinh xáng gây ra. Nước lớn phía Cần Thơ dồn qua, nước lớn phía Rạch Giá dồn lại. Hai ngọn nước gặp nhau tại đây. Suốt ngày đêm, nước đứng tại chỗ. Xa biển, ngoài biển vừa ròng, thỏm nỏm, chưa rút hết thì đứng lại, rồi nước lớn. Bởi vậy, từ mấy chục năm rồi, nó sanh đẻ tại chỗ, dày bịt, qui tụ nào xác chó, rắn nước, cá tôm. Giống như cái tráp ở U Minh, trên mặt cứng, phía dưới nước lỏng bồng, coi như bơi xuồng được, nhưng rốt cuộc là chịu thua, sa lầy.

- Rồi thiên hạ làm sao qua khỏi cái giáp nước này?

- Ghe xuồng thứ lớn thì đi vòng ngả trên, đường xa hơn, nhưng chắc ăn. Còn xuồng nhỏ, họ khiêng lên bờ kinh xáng, đi bộ, hơi nặng vai, tới đầu kia thả xuồng xuống nước, tiếp tục. Thôi, hai bác cháu mình, người mũi, kẻ lái như thiên hạ.

Khó định đoạt quá. Lão Ngược chịu cực khổ để làm mai mối cho anh. Đường dài vượt chín phần mười rồi, chẳng lẽ phần chót, nở lòng nào để lão khiêng vác. Xuồng này, thêm nồi chén, dao, củi lung tung, đầu nhẹ.

Hai người nhìn nhau. Lão lên tiếng trước:

- Cháu tính sao?

Hai Cần hỏi ngược lại:

- Bác thấy sao?

- Bác muốn khiêng lên bờ.

- Bác ngồi sau lái, nghỉ ngơi, cháu ra trước mũi, quỳ gối khom xuống, lấy tay mà vệt.

Lão Ngượng mỉm cười, bí mật:

- Bác ngồi, thêm nặng. Chi bằng bác đi bộ lại nhà... đàn gái, báo tin trước cho họ yên tâm, gặp cháu, họ khỏi ngỡ ngàng, ban đêm, họ thả đèn đuốc, vài người gần nhà, qua chơi cho ấm áp.

Hai Cần mừng thầm. Là người mang dòng máu “lên rừng xia rặng cọp, xuống biển hốt trứng sấu”, anh nhứt quyết trở tài cho nhà gái biết mặt. Chưa ai dám lập kỳ công ở khu vực giáp nước ác hại này. Cây trên rừng, thiên hạ còn lần hồi đốn sạch, cỏ ở U Minh có thể lần hồi nhổ hết, huống gì mớ lục bình nhẹ cân, lêu bêu không căn cội gì trên mặt nước. Ta nắm chóp từng giề mà quăng bỏ, như con nít đùa giỡn.

Trước khi lên bờ. Lão Ngượng căn dặn:

- Nhà ông Khâm khỏi dám lục bình này, bên kia chừng mười công đất, phía tay trái. Một căn hai chái, trước sân trồng bốn cây dừa lùn. Cả nhà chờ cháu tới ăn cơm chiều, nghe không. Đêm nay có trăng sáng.

Cởi áo ra, Hai Cần tới mũi xuồng, khom lưng, vệt lục bình, ném từng giề, quăng lên cao và thật xa. Xuồng nhích tới nhanh chóng. Mặt trời còn khá cao. Sức anh còn thừa. Hồi lâu, xuồng đến một phần ba vùng giáp nước. Anh lau mồ hôi trán, bụm hai tay, múc nước uống. Bóng dáng lão Ngượng khuất dần, khuất dần trên bờ kinh, năm sáu chiếc xuồng được vác đường bộ, kẻ mũi người lái, thêm trẻ con phía

sau, xách nóp, bưng thúng. Vài người trông xuống kinh, với thái độ ngạc nhiên, bàn tán qua lại. Trước mặt chừng năm chục thước, có chiếc xuồng đang... vệt lục bình như anh, họ day lại, đưa tay ngoắc, như khích lệ. Hoặc họ chờ anh tới tiếp sức, với mưu mẹo gì đó. Anh khom lưng, cố sức nhưng mỗi lúc dường như mỗi giề lục bình nặng gấp ba, gấp bốn, dính chùm với nhau. Vừa kéo lên một chùm là hàng chục chùm ở chung quanh tràn tới, che kín hẳn mặt nước.

Anh bực tức: Tại sao mình không nhảy xuống, nường vào chiếc xuồng mà kéo. Mặt nước hơi cứng cứng, mềm mềm như mặt đất. Lại thất vọng, bị lún ngang gối, anh vội trèo lên, e chìm lìm, khó trôi đầu, vệt lục bình để thờ. Nhìn trở lại, mới vượt chừng một phần ba đoạn đường, phía trước, muốn vượt một thước, mệ gấp mười lần.

Lão Ngựt ngồi nhậu với lão Khâm, nói chuyện thời tiết, khá tương đắc. Ở nhà bếp, cô Hiếm nửa mừng nửa lo. Bước qua canh hai rồi, sao chàng trai trẻ chưa tới. Cơm cá trên bếp lạnh tanh, rau sống sắp sửa héo. Lão Khâm khuyên chờ, để lát nữa ăn cơm một lượt cho vui.

Lão Ngựt hỏi:

- Máy giờ rồi?

Lão Khâm đáp:

- Ai biết, nhắm chừng khoảng 10 giờ. Con nít người lớn trong xóm ngủ hết rồi. Tại sao...

- Chắc nó lạc đường. Tôi dặn kỹ rồi mà: nhà một căn hai chái với bốn cây dừa lùn... Từ đây tới chỗ giáp nước chẳng xa gì. Mình đốt đuốc, đi trở lại kiểm thử, hay là...

Vừa ra tới hàng rào trước sân, lão Ngượng trố mắt, nhận ra một bóng dáng đứng lóm thóm bên cây dừa:

- Ủa, Hai Cần tới hồi nào. Sao chưa chịu vô. Chờ nãy giờ... gần chết. Tới đây bằng cách nào?

Vào nhà, chấp tay chào hỏi, anh thấy mệt là người, chẳng còn che giấu gì nữa:

- Dạ thưa hai bác, cháu bỏ chiếc xuồng trong đám lục bình rồi lên bờ đi bộ. Một mình, vác xuồng không nổi. Sợ hai bác chờ đợi thành ra cháu mang tiếng thất lễ.

Cô Hiếm dọn cơm ra. Chưa chi Hai Cần cúi đầu ăn lua láo, quá đói. Lão Ngượng nói lai rai:

- Thôi đừng buồn. Vậy là giỏi. Năm xưa, nhớ coi, ông Lơ Pheo khẩn đất gần đây đâm đơn kiện hãng Xáng, con kinh ác hại gây ra cái giáp nước, nước ngọt vô ruộng, làm ăn khá, nhưng tá điền khó đem lúa đong cho ông.

Lão Khâm nói xen vào:

- Nói chi cho xa, mới đây hai năm thôi, nghe đồn võ sĩ vô địch là Sáu Cường từ Trà Vinh tới, thử chạy như bay qua chỗ lục bình, bị sụp, tưởng chết luôn, hồi lâu mới trời đầu lên để thờ.

Ăn xong hai chén, Hai Cần đã tỉnh táo, vuốt mái tóc:

- Cháu xin hỏi, lục bình nhiều quá, tại sao mình chưa xài nó vô việc này việc nọ, thưa bác.

Lão Khâm mừng rỡ, vì chàng rể tương lai rõ ràng chí thú làm ăn, muốn khai thác kinh tế, bất cứ nơi nào. Ông đáp:

- Có ông bác vật tới giáp nước, đem vài giề lục bình về chợ Cần Thơ thử làm giấy hút thuốc. Ông đi mất dạng luôn, nhờ vậy mà Nhà nước chưa cấm... ăn cắp lục bình. Lại có ông “đốc từa” khuyên dân xứ này ăn thử lục bình, hái đọt, luộc chấm mắm, vì đầy đủ chất tươi. Có thầy nọ rí tai với dân: Đừng nghe đại, lục bình độc lắm, ăn nhiều bị... mục xương, thà rằng ăn bông súng, củ lá họ, rau dứa. Thêm một điền chủ ở Xà No muốn lập trại nuôi heo, tới đây, đem con heo Ma-ni, heo ăn thử một vài giề, vài ngày sau, kêu la ốm tởm, heo đòi ăn... cháo heo.

Hai Cần tự an ủi, dầu cho thất bại trong vụ vẹt lục bình anh đã được “ông già vợ tương lai” và lão Ngượng ca ngợi, xem ngang hàng với chủ hãng Xáng, bác vật, “đốc từa”, điền chủ. Bỗng dưng, anh thấy lo lắng nghĩ tới chuyện về. Chiếc xuồng nọ giờ này ra sao?

Lão Ngượng nói:

- Cháu ngủ mà dưỡng sức, qua bộ ván bên kia, lát nữa, con Hiêm giăng mùng cho.

- Sáng mai, nhớ kêu thức sớm, cháu trở lại, kiểm thử chiếc xuồng của bác.

- Thôi bỏ luôn đi. Ai tới đó mà lấy, lấy rồi làm sao đem chiếc xuồng ra khỏi vòng vây. Hồi ra đi, bác đoán trước cái tánh hăng hái của cháu. Nó hư rồi, đem về mất công. Sáng mai mình mượn chiếc xuồng của bác Khâm mà về. Bác Khâm hứa tới xóm mình một lần nữa và cháu còn trở lại đây một lần nữa cho xong xuôi...

Lão Khâm nói khẽ:

- Mai mốt, nên nhà nên cửa, còn khó bằng mười lần cái vụ qua chỗ giáp nước này. Rốt cuộc qua được nhưng... nhập giang tùy khúc, chuyện vợ chồng tát biển Đông cũng cạn là vậy đó cháu.

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Vạc Nước Giỡn Trăng:

Điệu mới đến ngọn rạch này từ sau ngày rày. Anh chưa có nghề gì sanh sống, không ai quen thuộc để dạy bảo những bước đầu tiên trên đường đời. Cha mẹ anh nghe đâu mất sớm. Ông Năm Lượng nghĩ vậy mà thương, gọi về ở chung nhà, cho ngủ trên cái vạc tre, phía trước.

Gặp những công việc lặt vặt như nấu cơm, rửa chén, bửa củi thì anh khỏi mó tay vì đã có cô Hậu - con gái ông Năm Lượng đảm đương giùm.

Tháng Giêng, buổi chiều thật là êm ả, nếu quên đi chuyện muối mòng. Mùi lúa chín từ đồng khơi đưa về nông ảm. Nước giựt xuống thấp, cây rừng bày gốc rễ trông cao lớn hơn mọi lần. Mớ lá khô nằm đó, vàng sẫm như lót đường cho chim cò, rùa rắn. Ngọn rau muống từ giã bờ rạch, bò lên mé rừng, dây ồm tong teo nhưng dẻo dai, lá nhỏ cuốn tròn bên mấy chùm bông tím đang rũ xuống, kết trái, thứ trái nhỏ tròn như cái nút áo. Bướm bướm bay tung tăng, đậu trên đó. Rồi bướm bướm lại bay, màu cánh vàng chan hòa trong nắng hoàng hôn. Lát nữa, khi đêm về tràn ngập, bướm bướm sẽ về đâu? Bướm bướm có ngủ không? Hay là cứ bay như vậy mãi? Điệu băng khuâng, tự hỏi.

Ông Năm Lượng cất tiếng:

- Sao ngồi đây cứ rũ hoài vậy cháu? Tháng tốt mà! Nói chuyện này chuyện nọ cho vui. Suy nghĩ gì đó?

Điệu trả lời:

- Dạ, ở không hoài sinh buồn bực, phải có công chuyện gì làm ăn như thiên hạ thì mới vui.

Ông Năm Lượng thấy cậu trai nọ là người tốt.

“Ở không hoài sanh buồn bực. - Phải có công chuyện làm ăn như thiên hạ thì mới vui”. Thánh hiền ngày xưa dạy “nhàn cư vi bất thiện”, gẫm lại cũng chẳng hay ho gì hơn câu nói nôm na ấy.

- Thằng này coi bộ được.

Ông Năm nghĩ như vậy, khoái chí:

- Cháu siêng năng lắm. Bác khen cháu. Ngặt xứ này làm lúa muộn. Ngoài đồng lúa chín vàng mơn, trong nhà mờ con mắt là cảnh này đó. Cứ ở không mà chờ. Chịu túng thiếu.

Điệu trả lời:

- Cháu muốn làm nghề gì cho hợp với xứ này. Nhờ bác chỉ dạy giùm.

- Xứ này có cả trăm nghề: đốn củi, bắt rùa, bắt rắn, ăn ong, gặt lúa. Nghề gì cũng học tại trận mới nên; ngồi nói tầm phào đâu được. Biết nghề gì bây giờ? Năm một chỗ, tháng Giêng, bác dạy cháu một nghề này hay lắm. Cái nghề hát huê tình!

Điệu nửa mừng nửa lo. Mừng vì anh được dịp tiêu khiển. Lo vì khó bề ăn nói. Trong nhà, còn có cô Hậ, con gái ông Năm, chưa chồng cũng như anh chưa vợ. Hát huê tình, mắc cỡ miệng quá, sợ bị hiểu lầm.

Anh hỏi:

- Hát huê tình để không bác. Đó là một nghề sao? Lạ quá.

- Gì mà lạ. Học ăn, học nói, học gói, học mở. Ăn nói là điều trời phú cho, ai cũng nói ra tiếng, vậy mà còn phải học, hà huống chuyện hát huê tình đối đáp. Tóm lại, nó như nghề hát bội. Mà có lẽ nó khó hơn vì không có sách, không có bản tuồng.

Điệu tò mò, đi sâu vào vấn đề:

- Sao vậy bác? Mình đâu cần múa men tay chân, hoặc hát theo nhịp kèn nhịp trống.

- Chưa ắt. Làm sao học thuộc lòng như hát bội được? Người hát huê tình không theo bài bản nhất định. Lúc lom khom gặt lúa, mình làm cho thiên hạ hiểu rằng mình đang chèo ghe hoặc ở lầu cao gác tía hay là hóa phép như Tề Thiên Đại Thánh.

- Khó như vậy, làm sao cháu học được?

- Đừng ngại. Phàm người Việt Nam ai cũng có tài về môn đó. Mới lọt lòng ra đã nghe hò hát rồi.

Điệu nói:

- Đó là hát đưa em.

- Hát đưa em với hát huê tình không khác nhau. Đưa em ở trong nhà. Hò hát ở ngoài đồng ruộng. Nhưng nguồn gốc của nó là ở ngoài đồng. Tỷ như người thất tình nọ than thở với mớ dây rau muống ngoài đồng.

Chờ em cho mãi kiếp chờ.

Chờ cho rau muống vượt lên bờ trở bông.

Câu đó được đưa vô nhà để đưa em ngủ. Nhưng người ta đem nó trở ra đồng ruộng để... hát huê tình. Có người trả lời:

Rau muống trở bông, lên bờ nó trở.

Ai biểu anh chờ, anh kể công ơn!

Rồi thì nó trở vô nhà, dùng để đưa em, từ một câu sanh ra hai câu.

Chợt thâu nhận một bài học ngồ ngộ. Điệu cười tươi. Ông Năm Lượng cao hứng vì gặp người biết nghe, chịu nghe.

- Nè! Bớ chiếc ghe sau, chèo mau anh đợi.

Kẻo giông gió đến, rồi bờ bụi tối tăm...

Bên gái trả lời:

- Bờ bụi tối tăm, anh quơ nhằm cái tộ bể.

Cưỡi vợ có chửa về, thổi lửa queo râu.

Rốt cuộc, mấy câu hát huê tình trở thành câu hát đưa em. Câu hát đưa em trở thành câu hát huê tình. Nhà lạc nghiệp, tha hồ bỏ ngõ, trăng gió ra vào không có trăng gió nào là của riêng ai. Cháu thấy rõ chưa? Nhờ hát huê tình mà lòng dạ con người thơ thối, khỏe khoắn. Ngồi trong chòi chớ mà đầu óc bao trùm trời đất. Đứng giữa trời đất đầy nắng mưa giông tố mà thấy ấm áp như trong chòi hẹp.

Điệu muốn học sớm chừng nào hay chừng ấy để kịp thi thố tài năng, vào cuối tháng Giêng.

- Tập tành bao lâu là xong, thưa bác?

- Học mau lắm. Như đứa con nít mới đẻ nhờ bà mẹ động đầu xuống đất, đánh một cái bốp thì là nó khóc ré lên. Đó là nói sơ qua chớ nói kỹ lưỡng thì không cùng. Cái chuyện thơ của con người, tới ngày nay mấy ông thầy thuốc cũng chưa rành nữa kia. Bằng cố là còn lắm thứ bệnh ho mà

thuốc bổ phế, dưỡng lao trị không xuể. Chờ lát nữa, con Hậu rảnh tay, dạy cho cháu mấy lối hát huê tình. Nó hát khá lắm đó...

Cô Hậu dẫn giải rằng hát huê tình gồm ba loại. Loại thứ nhất là “truyện”, dùng sự tích trong truyện Tàu để so sánh với tình cảm người đời nay.

Kế là loại “văn”, dùng cách ngôn thánh hiền, trích trong sách Minh Tâm Bửu Giám.

Thông thường hơn hết - và khó hơn hết - là loại “mép” tức là nói mép, chuyện con chó, con gà, bụi chuối, trận mưa...

Cô đưa ra vài thí dụ:

Bên trai hát:

Văng vẳng bên tai, tiếng ai như tiếng con Điêu Thuyền?

Anh đây là chàng Lữ Bố kết nguyên thủa xưa.

Bên gái đáp:

Thiện xử ngã, chẳng qua duyên gió. Lòng tương tư nhớ đến bạn vàng. Thôi thôi, anh đừng có nói lời thêu. Từ đây, tôi với đó kẻ một nơi, người một nhà...

Hoặc bên trai mở lời:

Phòng loan trải chiếu rộng thình.

Anh lăn đụng gối, tưởng bạn mình, anh hun.

Bên gái trả lời:

Phải chi em được ở chung.

Thì đâu có ra nông nổi anh phải hun gói gòn.

Điệu giựt mình, bẽn lẽn, không dè cô Hậu ngỗ nghịch bạo ăn nói đến nước đó. Anh liếc ra sau nhà, trông chừng ông Năm Lượng. Ông ngời chế cười, lại nói lớn:

- Con nhỏ này kỳ cục. Đã dạy thì phải dạy kỹ lưỡng, cho hết lời. Tại sao ngập ngừng?

Cô Hậu thưa:

- Con sợ dạy chưa đúng, nghe kỳ quá.

Ông Năm nói ôn tồn:

- Không kỳ gì hết. Thằng Điệu mới học, con nên dạy nó hát mép như câu hồi nãy. Đừng đem tích Lữ Bố, Điêu Thuyền ra làm chi cho cầu kỳ. Dùng tích xưa, khó mà đúng, lắm khi nghe nhức xương nhức cốt. Ghét nhất là mấy người hát chạy tới chạy lui: Tiết Nhơn Quý thành ra Tiết Ung Quý, Võ Văn Thành Đô thành ra Võ Văn Ùng Đô! Cứ lựa mấy câu hát mép mà “môi” ra thêm, hoặc “bẻ” cho đúng với tình cảnh. Đó mới là cái hay cái dở của nghề.

Cô Hậu mũi phập phồng. Điệu ngời bên người đẹp thẹn chưa dám nhìn tự nhiên vào đôi mắt cô. Mấy tiếng “ở chung”, “hun gói gòn” còn vắng vắng, ngọt ngào bên tai.

Như hiểu tâm trạng của chàng trai, cô Hậu tìm những câu hát ít số sàng hơn:

- Anh à! Hát huê tình cần nhất là tùy cơ ứng biến linh trí, sắp sẵn trong bụng nhiều chữ bắt vần với nhau. Như nàng, gươm vàng, phụng hoàng, viễn tẩu khá nan tàng...

- Chi vậy cô?

- Để khi bí lối, mình hát rao lên vài phút. Miệng mình hát lấp đáp câu này để cho đầu óc rảnh rang tìm ra câu kia:

- Tin ve chai năm nay sứt giá. Tôi bán không khá. Tôi trở về Rạch Giá chở một chuyến khoai lang. Tôi xuống chợ Trà Bang... để tìm con bạn ngọc, tôi thở than đôi lời. Phải chi tôi đừng lên trời. Hỏi thăm duyên nợ đời đời về đâu?

Điệu hỏi bối rối:

- Cô bắt nhiều vắn lung tung, làm sao tôi nhớ kịp?

Cô Hậu mỉm cười:

- Chỉ cần nhớ hai câu chót mà thôi. Khúc đầu: khoai lang, Trà Bang... không quan trọng. Nói mà nghe chớ tiếng nào mà không quan trọng. Mấy câu đầu giống như tranh sơn thủy. Câu chót là tình ý của riêng mình. Giống như con chim đậu trên nhánh cây. Nhánh cây tốt, có trổ bông thì con chim càng đẹp.

- Còn “môi” là làm sao?

- Là như vậy đó!

- Như vậy đó là làm sao chớ?

- Để tôi nói rõ cho anh nghe thêm... Câu hát này cộc lốc quá:

Chim kêu nhiều tiếng lạ lùng. Kêu cho quân tử nghe cùng, phải duyên thì đẹp, phải lòng thì ưng...

Người hát phái “môi” nó trở lại, cho lãnh lót như tiếng chim kêu:

Con chim (nhỏ nhỏ, mỏ đỏ xanh lông, đỏ mồng xanh kiếng, nó) kêu (xao xuyến) nhiều tiếng lạ lùng. Kêu (sao? Kêu lại) cho quân tử nghe cùng. Phải duyên, quân tử kết: phải lòng quân tử ưng...

Điệu nói:

- Tôi hiểu rồi. Đó là “môi”. Còn “bê” câu hả! Nghĩa là sao?

- Là sửa lại mấy câu hát cũ, sẵn có. Thí dụ như ở Sài Gòn người ta khoe khoang:

Xứ đâu thị tứ bằng xứ Sài Gòn.

Dưới sông tàu chạy, trên đường ngựa đua.

Thì ở miệt rừng U Minh, mình bẻ lại là:

U Minh, Rạch Giá thị quá sơn trường.

Dưới sông sấu lội, trên rừng cọp đua.

Như đặc ý, cô Hậu bèn hát khe khẽ một câu quá dài:

Anh thấy em bệnh chắt, anh chạy lại ông thầy thuốc bắc, anh hốt một thang thuốc về sắc hai chén còn lại bảy phân. Tay bưng chén thuốc, anh vượt ngực chung tình. Chung tình ơi! Chén thuốc kia nóng mà có khi còn nguội, huống chi hai đứa mình giận nhau.

Điệu há miệng ngạc nhiên. Cô Hậu vội nói tiếp:

- Còn nữa. Câu hát buồn bã ấy có thể trở thành khôi hài, vô cùng tận như sau:

Em thấy anh tương tư bệnh chắt, em rước ông thầy thuốc bắc, em sắc hai chục chén còn lại một phân. Bỏ thêm một lát gừng sống, một đồng

gừng lùi, một nùi chuối hột, một hộp đơn qui, một ky trái táo, năm sáu chục trái cà na, thần sa một lượng, khoai sượng một chục, măng cụt một trăm, rau răm một đám, cám một bao, con gái rao rao mười hai đứa, sữa lửa vài trăm...

Huỳnh liên huỳnh bá huỳnh cầm...

Uống ba thang mà anh không mạnh thì em đào hầm chôn luôn!

Nghe qua Điệu cười như nắc nẻ. Ông Năm Lượng và cô Hậu cũng cười theo.

Điệu nói:

- Câu hát đó “bê” thiệt hay mà “môi” thêm cũng tài!

Ông Năm Lượng thích chí:

- Vậy là cháu hiểu cách hát huê tình rồi đó. Vô nghề đi. Dễ lắm. Nhưng thủng thỉnh rồi cháu thấy nó khó vô cùng tận. Còn nhiều câu “ế tử” không ai đáp nổi. Phải là tay đẫy đủ khí phách mới mong qua khỏi cơn gió độc hiểm nghèo. Ờ. Câu gì năm ngoái đó Hậu?

Cô Hậu ngập ngừng, cười rồi cúi mặt:

- Dạ cái câu: Lỡ chân em té xuống bùn. Áo quần lem lấm, anh hun chỗ nào?

Ông Năm Lượng hỏi:

- Đâu! Thằng Điệu mà trả lời thử coi. Nghe qua mà phát nóng lạnh. Chẳng lẽ bọn con trai thua trí một cô gái?

Điệu ấp úng:

- Dạ không biết... mà cháu cũng không dám lên tiếng.

Ông Năm cười giòn:

- Người con gái kiêu hãnh, khinh khi bọn đàn ông. Đàn ông nên tỏ ra rộng lượng khoan hồng cho cô gái ngán. Mình giữ lại như vậy: Cô ơi! Đừng nói thấp cao, thân cô lem lấm chỗ nào tôi cũng hun!

Điệu buộc miệng:

- Hay quá. Nhưng mà ghê quá!

- Cái gì mà ghê? Hát huê tình phải vậy đó cháu. Ở ngoài ruộng, trời mây bao la gió thổi mạnh, trong sạch lắm. Người ta xúm nhau thách đố, cười thật lớn, châm chọc thật đau, cho qua cơn mệt nhọc. Để rồi quên tất cả. Như diễn tuồng hát bội: người trẻ đóng tuồng làm cha của người già tuổi hơn. Huê tình là chuyện ngàn xưa ai ai cũng có, cũng ưa. Nó như ao bùn có bông sen. Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn. Chỉ ngại là: khi về nhà, ngồi một mình trong phòng the cửa kín mà nghĩ chuyện xằng bậy. Để bác nhớ thử. Dường như ông vua Thành Thái đã răn phạt một bà cung phi chỉ vì bà ta vô ý hoặc cố tình hát câu này “ngồi buồn vọc nước giỡn trăng... Nước xao trăng dọn biết rằng về đâu?” Hai đứa bây hiểu chưa, thằng Diệu con Hậu?

Đôi trai tơ gái lứa nghiêm mặt, lắng lắng nghe ông Năm Lượng nói tiếp:

- Vua Thành Thái có lý lắm. Bà cung phi có ý mơ ước tình ái viễn vông với một người khác, phụ bạc nhà vua. Câu đó gồm những chữ tao nhã trong sạch. Nhưng hát không đúng lúc thì nó chứng tỏ người hát mang tâm địa xấu xa. Thanh hay tục là do lòng người chớ nào vì câu hát. Bùn không có tội. Bông sen không có tội. Câu hát huê tình cao siêu lắm. Bởi vậy thiên hạ gìn giữ nó hoài hoài...

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Hình Bóng Cũ

Hồi cuối năm 1949, tôi tản cư ra chợ Rạch Giá, ăn nhờ ở đậu tại xóm Sân banh, sát mé biển. Ở tỉnh nhỏ, thật khó kiếm một chân giáo viên tư thực hoặc thơ ký hãng buôn, vì vậy suốt ba bốn tháng trường, tôi cứ nằm nhà mà tập tành việc văn chương, gửi những bài thơ thuộc loại “đồng quê” cho hầu hết các nhật báo, tuần báo ở Sài Gòn với hy vọng sẽ được các nhân viên tòa soạn lưu ý nâng đỡ. Đôi ba lần tên tôi được nêu trong mục Cánh nhận bốn phương với kiểu trả lời: “Bạn Hoài Hương: nhận được tác phẩm của bạn. Rất tiếc vì nội dung cưỡng ép, kỹ thuật hơi vụng... nên chúng tôi hy vọng vào những sáng tác về sau. Chúc bạn cố gắng”. Có bạn phụ trách mục Cánh Nhận, Thư Tín vô tình hay cố ý gọi tôi là cô Hoài Hương và (điều này chắc họ vô tình) đã loan tin nhận được một thiên tiểu thuyết của tôi với nhan đề quá lạ vì chưa bao giờ tôi gửi đến báo ấy thiên tiểu thuyết nào cả. Thế rồi “hết cơn bão tới hồi thối lai”, đến bài thơ thứ mười lăm, tôi hân hạnh được giới thiệu trong mục Vườn Hoa. Họ trích đăng vài câu, kèm theo đôi hàng bình luận, liệt nó vào xu hướng “tiến bộ, lành mạnh” - những danh từ quá khái quát mà tôi chưa hiểu rõ nghĩa. Tháng sau, vài bài thơ của tôi được đăng trọn, đóng khung, bên góc lại thêm bức tranh con trâu ăn cỏ, cô gái gặt lúa. Trong làng thơ, tôi tự nhận rằng mình đã bắt đầu có chỗ ngồi. Những bài ấy tôi cắt ra, dán kỹ vào quyển Nhật ký. Đêm đêm, tôi thao thức, sáng tác thật nhiều, hy vọng đến năm sau sẽ hoàn thành một tập thơ khá dày chứa đựng nhiều đề tài độc đáo, phong phú. Vài người bạn cận đã quở trách:

- Cỡ này sao chú hút thuốc vàng móng tay, đầu tóc rối nuôi, quần áo ít giặt. Coi chừng bệnh đa. Xóm Biển này nhiều âm binh khuấy rối.

Tôi khoe khoang công trình làm thơ của mình, trình bày những kết quả cụ thể đăng trên báo. Ai nấy tỏ thái độ nghi ngờ. Hai chữ Hoài Hương có gì bảo đảm đó là bút hiệu của chính tôi. Tôi quyết trả lời cụ thể cho họ biết. Tuần sau, bài thơ nhan đề “Một trăm thiếu một” in rành rành trên mặt báo “Tiến” trước khi vào bài có hàng chữ xiên: Gửi về các bạn Xóm Biển và dưới bút hiệu Hoài Hương còn ghi chú thêm: 137, lô A Xóm Biển, Châu Thành, Rạch Giá, địa chỉ căn nhà mà tôi đang ăn đùm ở đây.

Nhờ địa chỉ ấy, người trong xóm nể trọng ra mặt, gọi tôi là thầy Hai thi sĩ. Họ thúc hối tôi gửi thơ đăng báo để họ hưởng lây chút danh dự. Hỡi ôi! Dường như nguồn cảm hứng cạn dần, loại thơ “đồng quê” của tôi quanh đi quẩn lại chỉ nói về “mồ hôi thấm lưng cày”, “máu thấm chan hòa mạch đất”, “lúa xanh vươn lên” rồi “lúa vàng vàng, lúa chín giữa ngày mùa thơm ngát”. Hoặc cô lái đò hồn duyên túi phận, ông lão buông câu bên gốc dừa, dưới ánh trăng thanh. Sáng hôm nọ, tôi viết liên tiếp trên hai mươi câu thơ rồi xé bỏ, lơ đãng nhìn ra khung cửa. Trong ngõ hẹp này, ai hay là cả một bầu trời thơ mộng! Vài ông chủ nhà thiếu công ăn việc làm đang rủ nhau đánh đáo lạt, người thua cuộc phải công kẻ thắng trên lưng. Vài người tuổi hơn bốn mươi, có cháu nội, cháu ngoại mà vẫn đam mê vùi đầu vào trò chơi trẻ con ấy một cách hồn nhiên. Bên cạnh họ, trong khi chờ đợi mẹ đi chợ về, lũ trẻ xúm nhau bên đồng rác, rình rập bắt từng con ruồi như hồi nào trước khi tản cư, chúng bắt chuồn chuồn, bươm bươm ở miền quê. Vài đứa tinh nghịch hơn, tìm dây nhợ, tìm giấy bìa để tẩn liệm rồi cử hành đám táng của một con chuột sinh dưới đường mương. Có tiếng nói thơ Vân Tiên vang ra nảo nuột từ căn nhà của lão Tư Hiếm. Tôi qua đó. Lão gật đầu chào trước:

- À! Cỡ nào rảnh, thầy dạy cho tôi cách thức làm thi phú.

Tôi đáp:

- Dạ, bác cứ lựa những chữ có hơi lên hơi xuống giống như câu hát đưa em, như thơ Vân Tiên là được.

- Nhưng còn vài điệu ngâm khác ngộ hơn. Ngày xưa, tôi đờn cò, võ trống cơm cho họ lên xác ông, xác bà. Lâu lâu nghe vài câu tứ cú, bát cú gì đó. Vui lắm. Hồi đó tôi làm ăn khá, nhà rộng, bàn thờ to lắm, đâu như bây giờ.

Giữa nhà lão, cái thùng thông lơ lửng, mí trên đóng đinh sát vào cây đòn dông sần sùi. Mái nhà quá thấp, chỉ cần đứng trên bộ ván để vói tay lên cắm nhang vào cái lon sữa bò đã sét vì mưa tạt. Tấm giấy hồng đơn dán trên trang có bốn chữ Thái Thượng Lão Quân, nhưng nét mực đã nhòa rồi.

Lão nói tiếp:

- Hồi đó, ở nhà tôi thờ hơn mười nơi: Thái Thượng Lão Quân, Ông Quan Đế, Bà Cửu, Thổ Chủ, Tài Thần, Ông Táo... chưa nói đến ông bà và các bài vị khác của thân chủ. Bây giờ, giảm bớt chỉ còn trang thờ trên kia. Điều quan trọng là mình nên tôn kính; lư nhang tuy thô kệch nhưng mình cần giữ đúng nghĩa: trong cái lon sữa bò, tôi đổ gạo lúc để cắm chân nhang cho chắc. Gạo là nền móng...

Nói xong, lão vói tay kéo từ nẹp vách đem ra một cái ống điếu dài, có u có nần - kiểu ống điếu bằng cây ớt hiểm rừng, dài cỡ bảy tấc tây, bóng láng vì xài quá lâu năm. Lúc châm thuốc, lão để một đầu ống điếu chỏi sát mặt ván, lưng lão thẳng, đầu hơi cúi xuống, giống như người hút thuốc lào. Chòm râu bạc, mái tóc bạc, hàng chân mày bạc lẫn lộn khuất lấp trong màn khói thuốc mù mịt. Dáng điệu lão giống như một nho sĩ ngồi dưới cội tùng, trong bức tranh cổ Trung Hoa, nếu lão còn giữ cái búi tóc như hồi bốn tháng trước. Và nếu tấm vách lá đừng quá rách loang lỗ như từng cánh cửa sổ khép hờ, để lộ bối cảnh ngoài kia: không là núi nhưng là biển - mặt biển xanh như chàm lấp lánh nắng, Hòn Tre nổi lên như con rùa rút cổ, đôi ba chiếc tàu sắt trắng bạc như vôi, treo cờ tam sắc.

- Mau đi! Vợ tôi về rồi kia! Khòm lưng xuống cho tôi công! Anh còn thiếu tôi hai công. - Một người nói ngoài sân.

Đối phương của anh ta đáp nhanh:

- Tôi khòm lưng đây. Hai công kia, anh cho tôi đình lại. Coi như huề. Hồi chiều hôm qua, anh thua tôi liên tiếp hai bàn cờ tướng, nhớ không?

- Để đó! Đáo lạc tính theo đáo lạc. Cờ tính theo cờ. Tôi đánh cờ tướng quá dở. Nếu gặp cờ gánh hoặc cờ chó, tôi hạ anh sát ván. Tội mình còn ở không ăn chơi nhiều ngày mà. Mai hãy tính.

Hai người đàn ông giải tán cuộc chơi, chạy ngang cửa. Lão hút điếu thuốc thứ nhì, phun khói rồi thở dài:

- Ngao ngán quá!

Tôi hỏi:

- Ngao ngán nỗi gì? Vài năm nữa, thế nào cũng hết giặc. Nhưng tại sao họ giỡn hoài như vậy hả bác! Rồi họ lấy gì làm tiền mà mua gạo hàng bữa? Hăng hái lên mới được chớ!

- Ở tỉnh nhỏ khó kiếm công việc làm. Lóng trước họ vác lúa cho nhà máy Tư Đà. Bây giờ cặp rằng bảo họ tạm nghỉ, chừng có việc làm hãy hay. Họ mới bắt đầu chơi giỡn từ nửa tháng nay, cam phần giữ nhà để cho vợ đi mua bán tăn tảo. Hồi mới nghỉ việc, họ siêng năng bươn bả, tối ngày trông mong kiếm sớ làm. Tối về, họ khuyên vợ con nên tiện tặn rút bớt việc chi tiêu.

“Nhưng thầy ơi! Có giới cần hột muối ra làm hai làm ba, hoặc làm tư thì lụi hụi hai ngày hoặc bốn ngày cũng ăn hết hột muối. Tiết kiệm nỗi gì! Rầy rà khuyên răn vợ con làm gì? Điều quan trọng là làm sao tạo thêm năm mườì hột muối... Tôi thấy vợ con họ bây giờ giống như mấy bà hồi xưa thắt

lưng buộc bụng, gánh gạo đường xa để nuôi mấy ‘ông đồ’ cho dài lưng tốn vải. Thôi! Đèn nhà ai nấy sáng. Thầy làm thơ đăng báo, còn có ngày bay nhảy xa xôi tới Sài Gòn, Chợ Lớn. Phần tôi thì nói thơ Vân Tiên chờ ngày về xứ như họ. Chán ngán quá!”

- Xin lỗi, quê quán của bác ở đâu?

Ngần ngại lắm tôi mới dám hỏi môi hỏi ông Tư Hiếm một câu mất lịch sự như vậy. Quân đội viễn chinh Pháp còn đồn trú khá nhiều tại chợ Rạch Giá. Nhiều người từ thôn quê tản cư ra chợ, họ giấu giếm tên tuổi, họ hàng và quê quán vì lý do này hoặc lý do khác.

Ông Tư Hiếm mỉm cười:

- Tôi xin giấy “lách xê” rồi. Tôi ở làng Mỹ Lâm.

- Gần núi Ba Thê?

- Sao thầy biết?

- Tôi thấy trên bản đồ. Hồi xưa đi dạo Hà Tiên, tôi có qua ngang đó. Xứ coi bộ buồn quá. Bùn lầy nê địa...

- Nhưng là xứ lâu đời! Nhà tôi ở xóm Mộp Giăng. Cây mộp mọc giăng ngang xanh um, tứ thời mát mẻ, đào xuống đất là gặp mạch nước ngọt. Hàng cây mộp thiên niên đó chính là bờ biển ngày xưa. Bây giờ cày ruộng lâu lâu người ta gặp tượng Phật bằng đá, hột chuối hổ phách, chén đá, lưỡi tầm sét hoặc chiếc ghe biển có chèo, cột buồm, đặc biệt là dây đôi ghe, sợi lớn hơn cườm tay, mục như bùn nhưng còn thấy từng thớ gai xe lại... Người ta nói hồi ngàn năm trước, xóm tôi vui như chợ Rạch Giá bây giờ: cũng ở sát mé biển, tàu bè tứ xứ ra vào mua bán tấp nập. Rồi gặp thiên tai đại họa gì đó, bãi biển bồi lan ra xa, năm này qua năm khác hơn chục cây số.

Tôi phụ họa vào để kéo dài câu chuyện, chờ buổi cơm trưa:

- Đại khái, xóm Mộp Giăng của bác văn minh hơn chợ Rạch Giá ngày nay. Nó ở sát mé biển. Ngặt vì năm tháng trôi qua...

Ông Tư Hiếm đặc ý, vói lấy ống điếu kê xuống ván nhồi thuốc rồi trở bộ xếp bằng, đánh diêm quẹt:

- Bãi biển hóa ruộng dâu... Chừng vài trăm năm nữa, đất bồi lấp cái eo biển sau lưng mình, nối liền đường bộ ra tới ngoài Hòn Tre kia.

Thật ra, tôi ít tin tưởng vào những dự tưởng như vậy. Hồi cuối thế kỷ thứ XIX, nhiều thuyền trưởng Pháp đã tiên đoán thế nào rồi đây mũi Cà Mau cũng nối liền tới Côn Nôn, Tân Gia Ba, căn cứ vào số lượng đất phù sa do sông Cửu Long tuôn ra biển. Nhưng đến nay, chưa xảy ra điều gì quan trọng về mặt địa lý.

Tôi đáp:

- Cách đây tám mươi năm, ông Nguyễn Trung Trực đổ bộ ngay chỗ xóm mình để đánh đồn Kiên Giang. Từ đó tới giờ, dường như đất chưa bồi ra thêm được mấy thước. Biển vẫn còn là biển, thưa bác.

Lão Tư Hiếm cười khì:

- Nhưng đất vẫn bồi. Xứ mình như vậy đó. Nếu trời đất không bồi thì mình bồi để mà sống. Thầy chưa hay rằng...

Lão tạm ngưng câu nói. Tôi nhìn dáo dác, e rằng lão muốn ám chỉ chuyện “quốc sự”, “vá trời lấp biển” kháng Pháp. Nhưng lão gật gù:

- Xóm Biển của mình đây hồi năm ngoái còn là bãi bùn; cây bần, cây vẹt mọc um tùm. Tuy sát bên chợ nhưng ban đêm vẫn nghe tiếng âm binh

kêu rú, Mới hôm qua, một cái xác chết trôi tấp vô, thối om rã xương mà ông Cò chẳng thèm hay biết.

Bỗng nhiên, phía trước nhà tôi, dường như thấp thoáng bóng người trạm đưa thư. Tôi phập phồng, liên tưởng đến số tiền nhuận bút của nhà báo từ Sài Gòn gửi xuống, theo địa chỉ.

Tôi đứng dậy nói với lại:

- Có ai kiếm tôi kia... À, chắc ông Cò biết chuyện thầy ma chết trôi đó chứ, nhưng ông bỏ qua. Ở bót mé sông, hằng đêm Tây giết người rồi thả xuống.

Lão Tư Hiếm giựt mình:

- Điều đó, tôi nghe dân chài lưới nói lại chứ tôi nào dám đề quyết, vu oan cho Tây... Thôi, thầy về ăn cơm hả? Đừng nhắc tới nhắc lui chuyện đó cho người khác nghe, tội nghiệp tôi. Tôi đâu dám kích bác ai... Nói mà nghe vậy thôi.

Ngồi trong quán cà phê tôi liếc nhìn chiếc đồng hồ: 11 giờ thiếu 25, rồi mở bốp ra, đem bức thư đọc lại, vừa vui sướng, vừa hồi hộp:

Kính gửi thi sĩ Hoài Hương,

Hân hạnh được thưởng thức tài nghệ của ông qua những vần thơ điêu luyện trên tuần báo X. Thấy địa chỉ của ông đăng ở cuối bài thơ Một trăm thiếu một, tôi vội vã viết thư này, hy vọng nó sẽ đến tận tay ông. Mong ông nhín chút thời giờ đến biệt xá của tôi, số 23 đường Mé Sông vào khoảng 11 giờ sáng, trong tuần này càng sớm càng hay vì vợ chồng tôi đang có việc cần ông hợp tác về mặt văn nghệ. Xin ông chớ từ chối.

Ông Bà Henri Nguyễn văn Nhan.

Kim đồng hồ chỉ 11 giờ thiếu 15. Tôi nghĩ thầm: “Mình lên đường là vừa”. Từ quán cà phê đến nhà ông Henri Nguyễn văn Nhan, khoảng đường dài chừng hơn năm trăm thước. Đến đây quá trễ, e ông bà hiểu lầm cho tôi lập dị hoặc thiếu đứng đắn. Đến quá sớm, biết đâu họ đánh giá tôi quá thấp. Tôi rảo bước, con đường quá quen thuộc, hơn nữa hồi hôm qua tôi đã tìm biết rõ số 23 đường Mé Sông này một lần rồi. Một ngôi biệt thự, xung quanh có sân rộng. Điều đáng chú ý: cách đó chừng bốn căn nhà là tới đồn Pháp, đa số gồm lính Lê dương, canh gác cẩn thận. Ít ai dám đi ngang qua cái đồn Lê dương nổi tiếng hung dữ ấy. Thời buổi loạn lạc, sống chết bất thường. Lính Lê dương đi tới lui, tốp ra chợ, tốp về đồn, mặt mày hầm hừ đỏ khé vì nắng, vì rượu. Tôi yên tâm hơn bao giờ hết, với tấm giấy “lách xê” trong túi và nhứt là với bức thơ của ông bà Henri Nhan, một tài liệu cho phép tôi bén mảng đến gần đồn vì lý do chánh đáng, theo lời mời của một nhân vật tăm tiếng có quốc tịch Pháp.

Tiên đoán những câu hỏi sắp tới của ông bà Henri Nhan, tôi chuẩn bị sẵn những câu trả lời. “Hợp tác về mặt văn nghệ”. Mơ hồ quá, biết đâu ông bà muốn bỏ vốn ra để xuất bản thơ. Hoặc cùng hợp soạn một tuyển tập.

Nhìn kỹ tấm bảng ghi số 23 trước biệt thự, tôi mạnh dạn bấm chuông. Chị ở trong nhà chạy ra:

- Ông kiếm ai?

- Tôi muốn gặp mặt ông bà.

- Ông đi vắng rồi.

- Chị cứ nói có khách đến, chuyện cần.

- Dạ tôi không dám, hay là ông đợi lát nữa.

Tôi nhanh trí, đưa bức thơ hôm nọ và luôn cả phong bì cho chị ở:

- Chị mang vào cho bà. Tôi đứng chờ ngoài này.

Chị ở ngạc nhiên, vừa đi vừa liếc phong thơ đã xé. Chập sau, chị kéo nhẹ cánh cửa sắt:

- Mời ông vô.

Qua một cái sân khá rộng trải đá mịn, tôi đứng ngượng ngùng trước bực tam cấp. Phòng khách vắng hoe.

- Mời ông ngồi. Bà tôi lát nữa ra bây giờ.

Tiếng dép kéo nghe lẹp xẹp, ngày càng gần. Một thiếu phụ nhanh nhẹn khoát màn:

- À! Ông là Hoài Hương.

Tôi đứng dậy cúi đầu chào:

- Thưa phải...

- Ông cứ ngồi.

Ngồi xong, tôi cảm thấy lúng túng lạ thường vì bà chủ nhà vẫn đứng dựa lưng vào vách, bên khung cửa sổ. Tuổi bà trạc ba mươi, vóc dáng cao ráo, hai bàn tay ngón thon, móng thoa màu hồng dịu; cườm tay no tròn lộ ra thành thoir trong tay áo lụa quá rộng phủ xuống vừa khỏi cùi chỏ. Bà day lại, mỉm cười để lộ hai nóm đồng tiền và một cái răng vàng:

- Nhà tôi vừa đi khỏi, chừng nửa giờ nữa mới về. Thôi, chắc ông mừng lắm, ông đến đây thiệt hợp thời.

Chị ở bưng ra một tách nước trà hơi nguội. Bà nói tiếp:

**- Ông cứ uống tự nhiên một mình. Chẳng mấy khi... thi sĩ đến nhà.
Một thi sĩ hữu danh.**

Tôi cúi mặt, đưa tay vói tách nước.

- À, này ông...

Giật mình, tôi buông tay xuống. Cũng may tôi chưa nâng tách nước. Bằng không chắc chắn nó sẽ rơi xuống nền gạch bông quá bóng láng.

- Ông uống tự nhiên đi. Tôi đứng đây, luôn thế... chờ nhà tôi về. Tôi muốn nói điều gì bây giờ. À... quê quán của ông ở quận An Biên, nếu tôi không lầm.

Tôi trở mắt ngạc nhiên, phục thềm tài nhận xét của bà Henri:

- Dạ, sao bà biết? Hay là quê của bà...

Bà vội cướp lời tôi:

- Xin lỗi để tôi nói trước. Qua lời thơ của ông, tôi chú ý câu: “Mười con sông nhỏ song song, Chảy về một biển mà không giao đầu”, tôi quả quyết ông là người Miệt Thứ, nơi có mười con rạch nhỏ, từ rạch Thứ Nhứt đến rạch Thứ Mười, giáp rừng Cán Gáo. Với lại “Lòng đất sục sôi, hoa trắng soi mình trong màu đỏ”! Mới nghe qua thì ghê rợn xương máu, nhắc nhở chiến tranh.

Tôi sượng sùng, toan thanh minh trường hợp “tình ngay lý gian” ấy. Nhưng bà Henri lại khéo biện hộ giúp tôi:

- Thật khiêm tốn, hiền lành, cái miền quê An Biên! Ông tả đúng quá. Đất xộp, mưa thấm xuống, cứ đào là gặp mạch nước chảy tuôn.

**Thứ nước chát, đồ bầm vì nhuộm màu vỏ trà, dây choại, dây dớn;
bông trắng, màu bông cây trà.**

**Bên đồn, lính Lê dương bỗng rộ lên cười hát ồm tởi... Tôi liếc qua
cửa sổ bên trái: hai họng súng “ô buýt” vừa ló ra cách nhà chừng hai
chục thước.**

Bà chép miệng:

**- Chừng này sao nhà tôi chưa về? Ông quan tư Ca Rê là bạn của
nhà tôi. Họ đang uống rượu bên đồn. Ông ráng chờ vài phút. Tới giờ
lính ăn cơm rồi. Ông Ca Rê học giỏi lắm, xuất thân trường Thuộc địa,
rành về tâm lý các dân tộc Đông Phương, nhất là Ấn Độ. Ông thích tìm
bạn Việt Nam... để điều tra thêm... Vì vậy, nhà tôi cần gặp một thi sĩ
Việt Nam để tiếp tay.**

**Nỗi lo âu hiện lên. Tôi ngồi im, cố gắng che giấu sự thất vọng. Tâm
lý các dân tộc Đông Phương, Ấn Độ, Việt Nam? Những môn mà tôi
chưa từng chú ý. Ông bà Henri Nhan quả thật đã gõ lằm cửa khi biên
thơ cho tôi. Chẳng khác nào ông bà xúi biếu một ngư ông ở đồng bằng
đi săn cọp tận đỉnh Hy Mã Lạp Sơn! Những bức hoành phi cần xa cừ,
cái lục bình cao hơn tám tấc ở bàn giữa, cái ghế bành lót nệm màu
xanh dương, đôi chim hoàng yến treo ngoài cửa cái, không khí mát mẻ
trong phòng khách, pho tượng Phật Quan Âm trên bàn thờ riêng biệt,
tất cả như mai mĩa sự có mặt của tôi tại đây. Tôi toan đứng dậy, cáo từ
bà chủ nhà để trở về gian nhà Xóm Biển rồi nằm trên bộ vạc tre, kê
đầu lên chiếc gối bằng cây mốp, tìm nàng thơ đang đi lờn vờn bên cạnh
những em bé bắt ruồi, hoặc lão Tư Hiếm với chiếc ống điếu cổ lỗ.**

Bà chủ nhà nói nhanh:

**- Ý mà quên! Nãy giờ tôi quên mời ông hút thuốc. Thuốc điếu, ống
quẹt... ở trong cái hộp cây sơn mài trước mặt ông đó. Ông cứ tự tiện**

mở ra.

- Dạ tôi... không ghiền thuốc.

- Không ghiền thuốc, làm sao cảm hứng được? Kìa! Nhà tôi về.

Rồi bà đổi giọng, day ra ngoài cửa sổ:

- Ông có mượn giùm tôi mấy cuốn Paris Match đó hả? Nãy giờ, thi sĩ tới chờ đợi ông rã ruột.

Ông Henri Nguyễn văn Nhan bước nhanh vào:

- A! Chào thi sĩ.

Tuổi ông trạc năm mươi, da mặt hồng hào. Tuy mặc bộ quần áo kaki vàng nhưng chân ông mang dép sần-đan với đôi vớ trắng.

Ông bắt tay tôi rồi trao xấp báo cho bà vợ trẻ:

- Bà à, ông Còm-măn-đăn Ca Rê hứa giải quyết gấp cái “áp phe” điền đất của mình ở Mỹ Lâm. Báo thì tôi mượn về mấy tờ đây cho bà.

Bà vợ liếc xem ngay bức hình màu ngoài bìa báo, trả lời vắn ngắn:

- Ông hứa từ mấy tháng rồi...

- Ấy, lần này tôi nói gặt với ông. Ông hứa sẽ thi hành gấp trong tuần này, với điều kiện là tôi giúp ông tài liệu... Chẳng biết người mình kêu bằng cái gì... cái monographie vùng phụ cận núi Ba Thê, từ khi người Pháp mới sang và những phong tục hồi xưa còn sót lại trong dân chúng.

Day qua tôi, ông tiếp:

- Ông giúp tôi phần ấy được chứ! Viết bằng chữ Việt Nam để tôi căn cứ vào đó dịch ra chữ Pháp. Văn chương của ông được đăng báo. Theo ý kiến của nhà tôi thì ông thuộc vào hàng trên mức trung bình. Nhà cửa, quê quán ông ở đâu? Học lực tới lớp nào? Từ mấy năm nay ông đã làm gì?

Cơ giận lại nổi lên ngấm ngấm. Tay tôi hơi run run. Tôi quên rằng thời chiến tranh mỗi chủ nhân cần điều tra lý lịch của bất cứ người làm công nào, nhứt là trường hợp ngôi nhà của chủ lại ở sát đồn bót. Tôi đứng dậy, nói lập vập:

- Thưa ông, tôi chưa từng soạn thảo những quyển địa phương chí lần nào cả. Viết tổng quát về lịch sử, địa lý, thói ăn nết ở, nguồn lợi kinh tế của một vùng... tưởng việc ấy dành riêng cho những nhà chuyên môn, học cao hơn. Rất tiếc vì tài mọn, tôi khó làm vừa lòng được. Xin...

Mấy tiếng “kiểu từ ông” chưa thốt ra khỏi miệng tôi là ông Henri Nhan đã chặn ngay:

- Đừng ngại, chuyện cần gấp lắm. Tôi sẽ chỉ biểu rành mạch đầu đuôi gốc ngọn tất cả công việc; ông cứ noi theo lời tôi mà thi hành. Tôi đã trình bày với ông quan tư Ca Rê: Lịch sử vùng Mỹ Lâm tức là lịch sử của tôi! Tôi ra công khai phá vùng ấy hơn ba chục năm trường, lập đình chùa, làng xóm. Tôi hiểu từng cọng cỏ. Tôi đã gặp nhiều di tích xưa, trước khi người Pháp đến đào xới kho tàng Óc Eo ở núi Ba Thê mà họ cho rằng quan trọng, đánh dấu sự gặp gỡ với Tây Phương từ đời Thượng cổ ở Đông Nam Á. Chung qui công việc mà ông thi sĩ sắp làm chỉ là viết tiểu sử của tôi, theo kiểu tiểu sử các bậc danh nhân, công thần trong quốc sử.

Tôi giữ thái độ im lặng mặc dầu tôi biết lão Tư Hiếm có thể giúp tôi nhiều tài liệu về phần đất ở Mỹ Lâm. Nhưng tôi cố tìm lời lẽ để rút

lui vĩnh viễn, thề chẳng bao giờ đặt bước trở lại căn nhà khó thở này. Bà Henri Nhan như nóng nảy, nháy mắt, khoát nhẹ bàn tay búp măng, ra dấu hiệu bảo tôi cứ gặt đầu.

Tôi đáp:

- Thưa ông, tôi suy nghĩ lại, trả lời sau.

Bà Henri Nhan cười giòn, bước tới vịn vai chồng:

- Dường như thi sĩ đồng ý rồi đó. Thôi bây giờ cũng đã trưa, để ông ấy về nghỉ rồi sáng mai trở lại nhận việc.

Ông Henri Nhan lẩm bẩm, nhìn tôi:

- Được, tôi nhức hai bàn chân quá. Chịu phiền nghe ông bạn. Tối nay tôi thảo kế hoạch để công việc tiến hành gấp rút. Tâm lý người Âu Châu... kỳ lắm.

Ông ta vào phòng.

Tôi đứng dậy, cúi đầu chào bà chủ. Bà đi trước.

- Để tôi mở cổng cho ông về.

Tiến tôi đến khỏi bậc tam cấp, bà nói khẽ:

- Công việc chẳng long trọng, to tát như ông nói đâu! Cứ nhận lãnh đi, ông đừng quá khiêm tốn. Ban này, dường như ông hơi phật ý.

Cơ buồn giận của tôi đã bắt đầu dịu xuống:

- Dạ, tôi đâu dám phiền ai.

- Một hai ông muốn trở về điền đất cũ ở Mỹ Lâm. Thật là khuấy nước giỡn trăng! Tôi khuyên ông nên bỏ hết, vợ chồng đi lên Sài Gòn

tìm huê lợi khác. Rầu quá. À, ban nãy tôi quên hỏi...

- Thưa bà...

- Ông ở Miệt Thứ, thuộc xóm nào? Chú ruột tôi là ông hội đồng X, chắc ông biết.

- Dạ ông hội đồng là bạn của ông dưỡng tôi.

Bà Henri tiếp:

- Tôi ít về quê lắm. Đi học Sài Gòn từ nhỏ tới lớn.

Đến cổng rào, bà kéo nhẹ cánh cửa sắt, đứng nép một bên, sờ vào túi:

- Đây, tôi gửi sờ phí ông về xe. Ngày mai nhớ trở lại nghe. Chừng một tuần lễ thôi. Về tiền bạc, tôi lo liệu để ông được bề rộng rãi.

Tôi lưỡng lự hồi lâu. Bà mỉm cười, trao tấm giấy một trăm đồng tận tay tôi. Tôi nói bẽn lẽn:

- Cám ơn bà.

Bà từ từ khép cổng rồi nở nụ cười thành thật:

- Nhớ trở lại, dịp may cho ông đó. Đừng buồn điều gì ráo!

Đến chiều hôm ấy, tấm giấy một trăm đã tan manh mún, chỉ còn chừng mười đồng: năm chục đồng đền ơn cho bà chủ nhà, mười đồng gói thuốc thơm, mười đồng mở thuốc Gò Vấp. Và tôi xài linh tinh. Giấy trắng, mực, viết chì tôi mua dự trữ sẵn để dành làm thơ. Hơi gió biển thổi mát rười rượi. Tôi hút thuốc, tưởng đến dung nhan quý phái của bà Henri Nhan. Hồi còn ở quê nhà, cha tôi nhiều lần nhắc đến ông hội đồng X. mà bà chủ Nhan bảo là chú ruột. Tôi tin rằng bà không nói

dối. Cha tôi thuật lại: Ông hội đồng X. ăn xài sang trọng như Tây, phòng khách của ông trưng bày nhiều thứ lạ, thí dụ như pho tượng cẩm thạch tạc kiểu người đàn bà khóa thân đang giương cung bắn con nai, hoặc chàng lực sĩ Tây Phương đánh sư tử; ông hội đồng gửi thơ qua tận bên Pháp mua một cái đồng hồ đặc biệt, cứ đúng mười lăm phút một đĩa bé bằng đồng bước ra cầm dùi nhỏ, gõ tự động vào cái chuông. Tóm lại, những kỳ quan - so với cách sống của đa số điền chủ quê mùa khác ở vùng U Minh. Ông nhận một đứa cháu gái đem về làm con nuôi. Cô này nghe đâu học ở Sài Gòn, sau khi rời nhà trường về chợ Cần Thơ, kết nhân tình với một ông y khoa bác sĩ trẻ tuổi. Rồi cuộc hôn nhân bất thành, ông bác sĩ tự tử bằng thuốc ngủ. Phải chăng vì lẽ ấy mà cô ta chẳng muốn nói rõ lý lịch cho tôi nghe? Và cuộc gặp gỡ giữa cô ta với ông Henri Nhan chỉ là do tình thế loạn lạc đưa đẩy?

Tôi qua nhà lão Tư Hiếm. Lão lồm cồm ngồi dậy, quét bộ ván.

- Hồi sáng thầy đi đâu quá sớm?

- Sao bác biết?

- Thì tôi qua mời thầy uống rượu, chẳng gặp ai.

Nghĩ rằng trước sau gì mình cũng cần nói thật với lão, tôi bắt đầu vào chuyện:

- Số là vợ chồng ông chủ Henri Nhan đọc báo thấy mấy bài thơ của tôi, ổng bả hăm mộ tài nghệ, mời tôi tới, nhờ vài việc.

Lão Hiếm sừng sốt:

- À, ông chủ Nhan, đại điền chủ ở Mỹ Lâm phải không?

- Dạ phải.

- Ông nhờ thầy làm công việc gì?

- Ông muốn tôi viết lại những sự tích ngày xưa ở Mỹ Lâm, để... in thành sách cho quan Tây đọc chơi. Ông kể câu chuyện, tôi viết lại cho có đầu có đuôi.

- Thầy nhận lời chưa?

- Chưa dứt khoát. Tôi muốn nhờ những người sống cổ cựu ở Mỹ Lâm như bác giúp tôi tài liệu. Nhà bác hồi xưa chắc ở trong điền ông?

Đôi mắt lão Tư Hiếm mấp máy. Lão gãi đầu rồi vói tay vào vách, tìm cái ống điếu... Sự bối rối hiện rõ rệt quá! Ngón tay của lão cầm que diêm, run run châm đôi ba lần mà vẫn không cháy điếu thuốc. Đóm lửa tắt. Lão đánh cây diêm thứ nhì, cố nín hơi lâu rồi mới kéo thẳng một hơi, nhưng đứt đoạn.

- Ruộng ông cò bay thẳng kiếng, trên ba ngàn mẫu. Tôi ở đất ông trên bốn chục năm. Tá điền ông hồi xưa trên hai trăm gia đình. Bây giờ còn chừng hai chục, phần lớn thất lạc như tôi đây chẳng hạn.

Ngừng một chập, ông nói nhỏ:

- Ông có hỏi tên tôi không? Bà vợ của ông hiền lắm. Vợ chấp nôi.

Tôi hơi ngạc nhiên:

- Ông nào biết bác ở Xóm Biển gần nhà tôi.

- May lắm. Giữa tôi với ông, tôi muốn đừng ai nhắc tới tên ai nữa. Tôi già rồi. Tôi chẳng thiếu nợ ông đồng bạc nào, hột lúa nào. Tôi chẳng hề ở ác với ông. Quê xứ tôi buồn lắm. Ai làm ruộng đâu mà góp lúa ruộng? Nhà binh Tây chê xứ tôi, chẳng thèm đóng đồn bót. Mấy “ông” Việt Minh thì ở đâu xa xa. Tận trong núi Ba Thê.

- Hồi nãy bác nói còn chừng hai chục gia đình tại đó.

- Thì họ ở lấy lệ nhưng suốt ngày ra đồng sống bằng nghề khác như hái lá sen, bắt ốc, câu cá, gài bẫy chim chớ đâu làm ruộng như xưa. Để tôi nhớ coi... chắc chắn là mười sáu gia đình, trong đó có gia đình một bà già mù, một gia đình cùi. Nghĩa là còn mười bốn. Với một cái miếu thờ Chúa Ngung, Ma Nương.

- Chúa Ngung, Ma Nương là vị thần gì? Tôi ít nghe nói tới.

- À, điều đó ông chủ Nhan rành hơn tôi, ông bày ra cái miếu đó. Thôi để thầy ngủ sớm, sáng mai đi làm.

Tôi lững thững ra cửa, hơi buồn vì lão dường như muốn đuổi khách. Lão bước xuống bộ ván, gọi theo giọng nhỏ rí:

- Xin lỗi thầy... tôi muốn...

Vì tôn kính người lớn tuổi, tôi vui vẻ trở lại, lão lăm bắm:

- Đối với chủ Nhan, thầy nên cẩn thận trong công việc làm. Nhứt là đừng bao giờ nói có bất cứ người tá điền nào của ông ở xóm này. Tôi nghiệp tôi.

- Bác khỏi lo. Tôi hứa điều đó. Tối mai tôi qua gặp bác. Tôi chỉ muốn làm thơ. Thời buổi giặc giã...

Đêm ấy, tôi lại suy nghĩ liên miên. Thái độ lão Tư Hiếm làm cho tôi áy ngại. Dường như lão quá sợ. Lần thứ nhứt lão nài nỉ tôi đừng tiết lộ chuyện lão nói xấu Tây. Phen này, lão hết hoảng khi nghe đến chuyện ông đại điền chủ Henri Nhan muốn sưu tầm chuyện cổ tích. Nỗi lo sợ đó thật khó hiểu. Trong phút giây, tôi muốn từ khước công việc làm mà ông Henri Nhan sắp giao phó. Nhưng tôi cần tiền, chẳng lẽ tôi bắt buộc ông chủ nhà phải nai lưng đạp xe ba bánh từ tháng này

qua tháng kia để nuôi dưỡng một thanh niên tay chân đầy đủ như tôi. Nàng Thơ sống chẳng cần cơm áo, nhưng muốn tao ngộ với nàng, kẻ phàm tục cần sống nhiều năm bằng cơm áo tối thiểu để chờ đợi phút giao cảm, ngàn năm một thuở. Hơn nữa, tôi tin tưởng nơi bản chất hiền hòa và sự ân cần của bà Henri. Khách yêu thơ chẳng lẽ nhẫn tâm giết thi sĩ! Trên con đường tranh danh đoạt lợi, bà ta chẳng cần đạp lên trên xác chết của tôi và xác chết của lão Tư Hiếm mà làm gì.

Mặt trời mọc cao hơn một sào khi tôi giật mình thức dậy.

Đằng kia lão Tư Hiếm đi tới lui trong ngõ hẻm như ngóng chờ tôi. Thay quần áo xong, tôi hối hả lên đường, sợ trễ mặc dầu hồi sáng hôm qua bà Henri Nhan chưa nói rõ giờ khắc làm việc. Lão Tư Hiếm tặng hăng rồi ho lớn. Tôi đến bên lão để trấn an:

- Tôi hứa chắc mà, bác vững bụng đi. Bác cũng đừng cho chòm xóm biết tôi có công việc làm tại nhà ông ấy. Ngày hôm qua, tôi nói dối chủ nhà rằng tôi mới lãnh chút ít tiền của nhà báo từ Sài Gòn gửi xuống. Chưa chắc ông Henri mượn tôi làm việc lâu ngày đâu! Không chừng lát nữa ông ta đuổi tôi. Sáng nay, tôi như người đi dạo mát để giết thì giờ.

Lão gật đầu, mím cười:

- Đâu phải vậy. Thầy gặp cơ hội tiến thân, tôi mừng, cầu chúc thầy gặp may mắn, tiền bạc khá giả chớ! Tôi nào dám ngăn cản thầy.

Lại một sự hiểu lầm nữa. Hết sợ ông cò Tây, lão sợ ông Henri Nhan rồi giờ đây lão sợ đến tôi. Chẳng lẽ đứng lì ở đây để thanh minh một trường hợp chưa rõ rệt? Tôi lại kiêu từ, đi phăng phăng đến đường Mé Sông.

Lần này chị ở nhanh nhẹn mở cổng, dẫn tôi đi thẳng vào dãy hành lang khá rộng nối liền biệt thự xuống nhà bếp.

Bà Henri Nhan ngồi dựa lưng trên chiếc ghế mây, nhìn tôi nhưng tay vẫn nâng tờ báo.

- À, chào ông, ông làm việc tại chỗ này cho mát mẻ. Chị ở chằm cà phê đem lên bây giờ. Nè ông, kỳ này báo Paris Match hay quá.

- Dạ, tin tức mới mẻ về chiến sự Việt Nam, thưa bà.

- Tôi ghét giặc giã lắm. Dầu là phim hát bóng nói về giặc giã. Tôi chú ý điều khác vui vẻ hơn... Vợ chồng quận chúa Anh Quốc rủ nhau hưởng tuần trăng mật tận giữa rừng già Nam Phi Châu, nơi loài người chưa đặt chân đến lần nào. Một vị tù trưởng nọ huy động dân bốn xứ xây cất một cái “thum” khá to cheo leo trên ngọn cây. Trong “thum” sắp đặt một cái giường nệm, bàn uống rượu, máy thu thanh, máy hát và tư bề có giăng lưới mảnh mảnh để ngăn cản lũ muỗi sốt rét tsé-tsé... Thổ dân đem vài con ngựa rằn, buộc vào chân cây để làm mồi. Tối đến dưới ánh trăng rằm, vợ chồng quận chúa uống rượu, vặn máy hát nghe hòa âm Beethoven, thỉnh thoảng liếc mắt xuống chân cây ngắm từng cặp sư tử đang gào thét để tranh nhau ăn thịt ngựa rằn. Đêm về khuya, bọn sư tử vẫn còn nằm đó mơ màng. Có lẽ chúng nó say mê âm hưởng nhạc cổ điển hồi thế kỷ mười tám của Beethoven. Phóng viên nhà báo đã sẵn được những bức ảnh ly kỳ ấy, ghi chú là “Beethoven giữa rừng Nam Phi Châu”.

Ly cà phê đã mang đến. Bà mời tôi rồi nói tiếp:

- Bà quận chúa năm nay bốn mươi tuổi mà trẻ măng như mình tinh mần bạc. Bà có tật thích ăn nho tươi, thứ nho đen trồng tại Tây Ban Nha. Bà quận chúa cười, lộ hai núm đồng tiền... rõ ràng.

Tôi vừa nghiêng đầu tới phía trước cho gần trang báo hơn, chợt nghe chị ở nói:

- Thưa ông, ông tôi mời ông nói chuyện riêng.

Bị giựt mình vì lối xưng hô bất lợi ấy, tôi nghiêm mặt, nói với chị ở:

- Chị cứ gọi tôi bằng “thầy” cho tiện. Tôi làm công như chị chớ đâu phải làm chủ mà kêu tôi bằng ông.

Bà Henri Nhan thăm ý, cười mùm mím:

- Ông thi sĩ ưa thắc mắc quá. Ừ, ông vào trong phòng xem nhà tôi nói gì.

Bấy giờ tôi mới hiểu cái tật mang vớ kính niên của ông Henri Nhan. Ông ta thú nhận mắc bệnh tê thấp từ hơn mười năm, rồi than phiền thời vận nước nhà, nhân tình thế thái, người Pháp chưa hiểu rõ hoàn cảnh của dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, ông cố gắng tranh đấu tới cùng để giữ... “thể diện dân tộc”.

- Ông thi sĩ hãy noi theo khuôn mẫu quyển sách này, đọc kỹ dàn bài. Còn đây, miếng giấy nhỏ tôi ghi chú ngày sanh tháng đẻ, bước đường lập thân tiến thủ của tôi lúc nhỏ. Ông ra ngoài bàn, thảo vài trương, lát nữa trình cho tôi xem.

Thật là mệt trí, khó xử. Suy nghĩ hơn mười phút rồi mà trí óc của tôi ngày càng tối om. Quyển tiểu sử làm mẫu nọ nhan đề “Từ Dũ Hoàng Thái Hậu truyện” của Nguyễn Liên Phong, phụng lược dịch, do nhà F.H. Schneider in từ năm 1913. Bìa sách trình bày lối xưa có hai con rồng châu; hai câu đối được ấn công sắp từng chữ, từ trên xuống dưới theo kiểu viết liễn:

Cội nền vững chắc, nước Nam Việt trường xuân

Tánh nết hiền lành. Phật Quan Âm tái thế.

Trước khi vào bài, người biên soạn đã sắp xếp một loạt năm sáu bài tựa, viết theo lối biên ngẫu.

Bà Henri nói nhanh:

- Để ông làm việc. Ông nhái theo sách xưa cho êm chuyện. Đừng suy nghĩ nhiều mất công. Cứ viết đại cho vừa lòng ông. Ông thấy thế nào?

- Dạ, làm sao so sánh công đức của ông nhà với bà Từ Dũ được? Bà Từ Dũ, mẹ của vua Thiệu Trị, đã dạy vua Tự Đức trở thành đấng minh quân. Vả lại, tiểu sử của đàn bà khác với tiểu sử của đàn ông, thời xưa khác với thời nay.

- Ông cứ liệu chừng vậy; theo ý kiến riêng của tôi, đàn ông đàn bà đều như nhau, bất luận xưa hay nay. Đàn bà lần lần giống như đàn ông, đàn ông lại giống như đàn bà về thói ăn nết ở, công danh sự nghiệp. Xã hội ngày một tiến mà. Ông tùy ý.

Nói xong, bà Henri lên phòng khách. Tôi ngồi trơ trẽn một mình, nhìn lơ đãng ra ngoài vòng rào bên kia. Vẫn hai cái họng súng đen ngòm; vài tên lính Lê dương tới lui. Nhưng tiếng ho sù sụ trong phòng nhắc nhở tôi trở lại nhiệm vụ. Chắc hẳn ông Henri Nhan đang nóng lòng chờ đợi. Tôi căn cứ vào mớ tài liệu của ông, cúi đầu viết thao thao lấy lệ.

- Xong rồi chứ?

Tôi day lại:

- Thưa ông, chưa xong hẳn. Mới viết tạm vài trang để chờ ông sửa lại.

Ông Henri ngồi xuống chiếc ghế bành bằng mây, châm điếu thuốc:

- Cứ đọc nghe thử.

Tôi lần lượt trình bày:

- Quyển sách sẽ lấy nhan đề “Mỹ Lâm nhân vật: Ông Henri Nguyễn văn Nhan” mở ngoặc: 1897 đến năm... chấm, chấm, chấm... đóng ngoặc lại (1897...) Vì ông vẫn còn sống.

Ông Henri hé nụ cười:

- Đắc co!

- Mở đầu ở trang 5, tôi dẫn hai câu châm ngôn: Muốn là được (Vouloir c'est pouvoir) và “Người đời muôn sự của chung. Hơn nhau một tiếng anh hùng mà thôi”.

- Hay lắm. Một câu Pháp, một câu Việt Nam. Tây Phương và Đông Phương hòa hợp với nhau. Ông ghi rõ câu trên của Victor Hugo, câu dưới là ca dao thuần túy Việt Nam.

- Phía trước hai câu này, thưa ông, tôi muốn để hai trang trắng dành cho người đề tựa.

- Được quá, danh dự đề tựa ấy tôi xin trao cho quan tư Ca Rê.

- Và đây, phần tiểu sử: Ông Henri Nguyễn văn Nhan sanh vào ngày... tháng... âm lịch Ất Dậu... tính dương lịch nhằm mười sáu Avril năm một ngàn tám trăm chín mươi bảy. Thân phụ của ông là Nguyễn văn Mão ở làng Đức Mỹ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam vào lập nghiệp ở Bình Dương (Gia Định) kết hôn cùng bà Vương thị X., rồi hạ sanh ông tại Tân Lộc Thôn, nay đường X, Sài Gòn.

Vì cha mẹ đều qua đời quá sớm, năm chín tuổi ông được người cô đem về làm dưỡng tử cho học chữ nho. Năm ông mười hai tuổi cô đến

Cần Thơ mua bán, ông vào tiếp tục học trường bốn quốc Cần Thơ đến năm thứ hai ban Trung học...

Bàn tay ông Henri Nhan khoát nhẹ, ra dấu bảo cho tôi ngưng lời. Thật ra trang giấy cũng chẳng còn chữ nào mà đọc; ông lắc đầu, cau có:

- Chưa được! Về quê quán và trường hợp vào đất Gia Định của cha mẹ tôi, ông thi sĩ hãy tự ý tô điểm thêm, rồi nói rõ: vì lý do yêu nước, chống Pháp hồi thế kỷ vừa qua. Người Pháp bây giờ muốn làm bạn và nâng đỡ những người Việt Nam thuộc dòng máu khảng khái đã dám chống đối họ trong quá khứ... Hơn nữa, lúc đi học, tôi phải tỏ ra thông minh hơn các bạn đồng môn. Và tôi phải bỏ học nửa chừng vì lý do làm quốc sự, cho “ngon” một chút!

Tôi lộ vẻ ngạc nhiên:

- Thưa ông, như vậy e phật ý nhà cầm quyền Pháp. Rủi bèn gì ông còn có người che chở; riêng tôi thì mang vạ lây. Ông hồi đó theo gương chí sĩ nào?

- Thi sĩ này ngớ ngẩn quá! Cứ viết rằng tôi chống Pháp hồi năm một ngàn chín trăm hai mươi sáu gì đó theo tài liệu lịch sử cách mạng Việt Nam.. để ông quan tư Ca Rê hãnh diện. Còn bây giờ, đối với quân đội Pháp, sau Đệ nhị Thế chiến...

Có người bấm chuông ngoài cửa. Chị ở mang vào tắm danh thiếp. Ông Henri lập tức đứng dậy, nói với lại:

- Tôi qua ông quan tư Ca Rê có việc cần. Cái “áp phe” ở điền Mỹ Lâm của tôi sẽ thành công trong vài ngày. Để nhà tôi đến chỉ dạy ông thêm. Nhớ viết gấp lên. Phần thứ nhì của đời tôi mới là quan trọng, quyết định. Nãy giờ, chỉ mới là cái phần giáo đầu tuồng... Ông phải cố gắng, tranh thủ thời giờ.

Từ nhà trên, bà Henri trở xuống mân mê tờ báo Pháp:

- Công việc tiến hành như vậy được chứ! Ông thi sĩ đừng cãi với nhà tôi làm gì. Ban nãy, dường như ông thi sĩ cãi một đôi lần. Nguy lắm. Nhà tôi chẳng bao giờ chịu nhìn nhận rằng mình kém thông minh hơn một kẻ khác. Ông thi sĩ chứ nên nói câu nào đá động tới vấn đề chánh trị, rồi nhà tôi vui miệng rồi tên tuổi của ông lại thấu tai nhà binh Tây. À, trưa rồi, ông cứ về nhà viết tô đậm thêm, khen ngợi... cho ông xong cái “áp phe”. Tôi nhức đầu lắm.

Gương mặt khô sớ, dần vật của lão Tư Hiếm đột nhiên hiện ra. Tôi linh cảm mơ hồ rằng cái “áp phe” này khá rắc rối. Các ông đại điền chủ thường núp oai của nhà binh Pháp để bảo vệ cái tài sản “cò bay thẳng kiếng” của họ. Tuy không sống bằng nghề nông, tôi vẫn cảm thông mơ màng với nguyện vọng “có đất cặm dùi” chánh đáng của nông dân. Biết đâu tôi sẽ tìm thêm nhiều thi tứ mới: những cô thôn nữ tươi vui hơn, những con trâu tơ mập mạp hơn... Nhưng khó hiểu quá! Đứng về quyền lợi thực tế mà xét, nếu tá điền ở Mỹ Lâm đều tản lạc, còn chừng mười lăm gia đình - theo lời lão Tư Hiếm - thì ông Henri Nguyễn Văn Nhan vận động với nhà binh Pháp để hưởng huê lợi gì. Thưa lúc bà Henri Nhan lơ đãng, tôi giả vờ hỏi, vô tình:

- Thưa bà, ở Mỹ Lâm bây giờ chắc sung túc lắm?

Bà cười giòn:

- “Khi ho cò gáy” chứ sung túc! Còn một cái miếu thờ một pho tượng đá, ông chúa bà chúa gì đó. Ruộng bỏ hoang đâu hồi năm ngoái năm kia. Ông quan tư Ca Rê muốn khảo cứu cái pho tượng đá xưa đó tại chỗ, luôn dịp sưu tầm phong tục dân chúng cũng tại chỗ cho xác thực, khoa học. Nhà tôi muốn nương cơ hội ấy xây dựng thanh thế, nhờ Tây đóng góp... cho tá điền biết mặt! Tôi can ổng hết lời. Thà đi Sài Gòn mua bán xuất nhập cảng gì đó làm giàu mau hơn, ít nguy hiểm

hơn... Một đồng bạc Đông Dương ăn tới mười tám quan. Thôi ông về, viết theo ý của nhà tôi, nếu chiều nay trời mưa ông cứ viết tiếp phần sau. Đại khái, rời nhà trường, nhà tôi thấy vùng đất Mỹ Lâm, xóm Mộp Giăng còn âm u hoang dại, đầy chuột, đầy bưng sen, bưng bông súng... vân vân. Ông cứ tự do làm thơ ở phần đó.

Bà đứng dậy, trao cho tôi năm tấm giấy một trăm đồng rồi gọi chị ở mở cổng. Tôi lưỡng lự muốn trả bớt lại hai trăm, nghĩ thầm rằng lãnh tiền càng nhiều, lương tâm càng bức rức. Tôi liên tưởng đến những câu hỏi thăm dò của lão Tư Hiếm khi gặp mặt vào trưa nay. Gương mặt lão chắc chắn trở nên lo âu, bí hiểm với nụ cười gượng gạo, gợn chút gì mỉa mai rõ rệt.

- Ông muốn xem số báo này à? Báo bên Pháp gửi riêng cho ông quan tư. Tôi sẵn sàng cho mượn, ngại bất tiện cho ông. Người lối xóm, họ dòm ngó. Cái xóm Biển, lô A của ông hẻo lánh quá, từ đây tới đó hơn một ngàn thước mà chẳng bao giờ tôi dám tới, bởi vậy hôm trước tôi phải gửi thơ cho ông theo đường bưu điện. Báo kỳ này hay lạ: “Nhạc Beethoven giữa rừng Nam Phi Châu”. Lá tử vi của ông bà quận chúa Ảng Lê tốt thật. Không hiểu họ sanh nhằm giờ nào, ngày nào, năm nào, cung nào? Phần tôi, hồi nhỏ đã có lần đem đĩa nhạc Beethoven hát inh ỏi ở Miệt Thứ, ở Mộp Giăng, giữa rừng tràm, muỗi mòng, khi, rần, cá lóc... Tạm gọi là “Nhạc Beethoven ở U Minh, ở Mộp Giăng” được không ông thi sĩ?

... Hăm ba tháng Mười, mưa dai gió may

Ngoài khơi Hòn Tre, chiếc tàu tuần chạy tới lui qua lớp mưa thưa, màu cờ tam tài lu mờ chỉ còn hiện lên một đốm đỏ lợt lạt. Đoàn ghe lưới nằm lúc lắc trên bãi bùn, con mắt sơn trước mũi ghe trông phờ phạc như con mắt cá chết. Sóng đánh từng hàng dài trên mặt biển dâng cao, gợi hình ảnh những luống cày quanh sườn đồi... Trước khi

**tan vỡ trên bãi bùn, bọt sóng vung ra, rơi lấm tấm trên ngọn mây cây
bùn đã bị ngập mất gốc mất cành.**

**Nhà của lão Tư Hiếm day mặt theo hướng gió xuôi, cửa cái vẫn
mở; lão bắc ghế ngồi sát hàng ba, làn khói thuốc tuôn thoản thoắt
vươn mạnh lên bầu trời quá thấp.**

**Nhà của tôi bên này đâm ngang lưng gió, mưa hắt thỉnh thoảng
đưa từng luồng ướt át. Tôi vói tay khép cửa lại. Chắc hẳn lão thừa
hiểu rằng tôi đã về nhà. Đúng ra, tôi phải đích thân đến gặp lão từ hồi
trưa, liền sau khi rời khỏi nhà ông Henri Nhan. Nhưng gặp để nói
chuyện gì? Kế hoạch trở về Mỹ Lâm của ông Henri Nhan chưa có gì rõ
rệt, quan tư Ca Rê sẽ áp dụng chiến thuật nào? Vào ngày giờ nào? Tất
cả thuộc về phạm vi bí mật quân sự. Biết chừng đâu quan tư Ca Rê
hứa ầu để làm vừa lòng một “nhân vật bốn xứ”; lực lượng Lê dương
cần được sử dụng ở những trường hợp thiết yếu; “đại sự” hơn. Và lại,
lão Tư Hiếm chẳng còn tài sản nào ở Mỹ Lâm cả. Một mình lão tài nào
chống nổi, nếu muốn chống lại.**

**Trận mưa dai dẳng bên ngoài đem tới cho tôi một duyên cớ để trì
hưỡn việc gặp mặt lão Tư Hiếm. Lật qua lật lại mấy trang giấy hồi
sáng, tôi hút nốt đuôi một lượt ba điếu thuốc rồi viết sạch sẽ cho xứng
đáng với số tiền nhận trước năm trăm đồng.**

**“Ông Henri Nguyễn văn Nhan sanh ngày... năm... Thân phụ là cụ
Nguyễn văn Mỗ, người làng Đức Mỹ, huyện Đại Lộc, tỉnh Quảng Nam,
đậu Cử nhân kỳ thi Ất Mão tại trường Tứ Quảng, sung Cấm Y Vệ Thị
Lang, sau thuyên chuyển vào đất Gia Định nhận chức Vệ úy trong cơ
binh của quan Tổng đốc Nguyễn văn Mỗ. Nhon thành Gia Định thất
thủ, ngài Vệ úy treo ấn từ quan, ẩn sĩ qui điền không chịu hợp tác với
tân trào, về mở trường dạy học tại Phú Cường, Bình Dương. Dịp này
cụ sánh duyên cùng bà Vương Thị... hạ sanh được một đứa con trai**

duy nhất đặt tên là Nguyễn văn Nhan, tự Nhàn Vân, biệt hiệu Nhật Luân.

Lúc còn nhỏ, ông Nguyễn văn Nhan tỏ ra thông minh dĩnh ngộ hơn người, mới tám tuổi đã thuộc lòng Tam Tự Kinh, Minh Tâm Bửu Giám . Trong hoàn cảnh mồ côi cha mẹ quá sớm, ông luôn luôn phấn đấu lập thân, tiết kiệm tiền ăn quà để mua sách vở cố theo chương trình sơ học tại tỉnh nhà (Bình Dương). Ông Đốc phủ sứ Trần văn M. bạn đồng môn của ông hồi xưa còn nhớ lại một giai thoại kỳ thú: Phen đó, thầy giáo bày cuộc thi thủ công, đầu đề: chiếc tàu thủy. Các học sinh được dịp trở tài. Đứa này đóng tàu bằng giấy bồi, dùng keo dán mấy kẽ hở, cắt ống trúc làm ống khói. Đứa kia - con nhà khá giả - được cha dẫn ra tiệm bán sắt tây, bày kiếu cho thợ đóng tàu nhỏ bằng thiếc, trong tàu có bố trí cái nồi “sốt de” tí hon, khi đốt ngọn đèn cầy lên, nước sôi thổi hơi ra đẩy chiếc tàu tiến tới.

Ngày chấm thi, thầy giáo đặt một chậu nước khá rộng giữa sân. Chiếc tàu bằng giấy bồi lần lần chìm vì keo rã. Riêng chiếc tàu chạy bằng hơi nước đáng chú ý hơn hết nhưng các học sinh nhao nhao phản đối vì nó do người lớn tuổi chế tạo. Đến lượt ông Nguyễn văn Nhan trình bày chiếc tàu của mình. Thân tàu chỉ là một khúc cây mốp (gỗ nhẹ) tiện sơ sài. Thầy giáo phê phán: “Nó không chìm, nó được chính tay học sinh tạo nên nhưng nó không xô dịch được”. Tức thì ông Nguyễn văn Nhan móc trong cái lon thiếc đem ra một con tôm còn sống nhăn. Ông cắm cái gai to lớn ở đầu con tôm vào phía sau lái tàu. Ai nấy trở mắt; chiếc tàu vừa thả xuống, tức thời con tôm nọ búng mình... mũi tàu phóng tới rẽ sóng, xấn vào vành cái thau, dội trở lại, chuyển qua hướng khác rồi vẫn xấn tới. Các học sinh vỗ tay, hò reo tán thưởng kiếu “tàu... con tôm”, chạy máy tự động ấy. Thầy giáo phải mệt nhọc lắm mà không kéo các học sinh trở về vòng kỷ luật được. Quan đốc học hoảng hốt chạy tới, thay vì rầy la các học sinh, ông tìm cậu Nguyễn văn Nhan, khen ngợi nức nở: “Trò đây quả thật là ông trạng

Lương Thế Vinh tái sinh. Ngày xưa Lương Thế Vinh lúc còn bé đã biết đổ nước xuống lỗ để đem trái bưởi lên. Ngày nay, trò sáng chế ra kiểu tàu... tự động này, tài trí đâu kém?”.

Khi theo học năm thứ ba ban Cao tiểu, ông Nguyễn văn Nhan tuy thường được ghi tên vào bảng danh dự của toàn trường về đạo đức, về năng lực nhưng ông lại tỏ vẻ tư lự, dăm chiêu. Ông bắt đầu làm thơ, gởi đăng các báo ở Sài Gòn với nội dung thán phục các vị anh hùng cứu quốc kim cổ, từ Đông sang Tây: Gởi chiến sĩ mười bốn Juillet phá ngục Bách Ti, Vịnh ông Tôn Văn, Tâm sự Thủ khoa Huân... Như phong trào lạc quyên ủng hộ các học sinh Đông Du do quan phủ Gilbert Trần Chánh Chiếu đề xướng, ông Nguyễn văn Nhan đã nhận ăn quà sáng, gởi giúp được một đồng bạc trong thời kỳ giá lúa mười lăm xu một gia.

Nhà cầm quyền thực dân đâu để yên cho chàng thanh niên giàu nhiệt huyết ấy. Sở Mật thám Pháp gây áp lực, khiến quan giám đốc ra lệnh đuổi ông Nguyễn văn Nhan khỏi trường. Chán nản, ông đi ngao du sơn thủy, lê gót lãng du khắp Hà Tiên, Bạch Mã, đảo Phú Quốc... tìm cơ hội khác hầu giống hồi chuông cảnh tỉnh bé nhỏ, khiêm tốn nhưng hữu hiệu cho quốc dân...”.

Mưa chưa tạnh. Ăn xong cơm chiều, tôi nằm im nghe sóng biển vỗ ầm ầm lên bãi. Ngọn đèn dầu leo lét bỗng phụt lên cao hơn ống khói, gió biển tạt mạnh qua khe cửa hé mở.

Lão Tư Hiếm bước nhanh vào, vuốt mấy giọt nước trên mặt:

- Ở nhà một mình buồn quá, tôi qua đây thăm thầy. Mưa gì mà mưa hoài. Ở miền biển, thầy thấy điều gì đặc biệt không? Nước mưa trên mặt mình, nó mặn đắng như nước biển.

Tôi đáp:

- Có lẽ chất mặn của mồ hôi thấm lâu đời trên trán mình, thưa bác.

Lão gật đầu, cúi mặt xuống tránh ánh đèn, hồi lâu mới nói:

- Bữa nay, thầy làm việc rồi chứ? Ông chủ Nhan muốn thầy viết chuyện đời xưa ở Mốp Giăng, ở Mỹ Lâm thiệt sao?

Tôi ái ngại, che giấu một tiếng thở dài rồi cố ra vẻ hồn nhiên:

- Dạ, thiệt chứ. Chiều nay tôi ở nhà viết. Ông căn dặn tôi tả lại vùng đất hoang ở Mốp Giăng ngày xưa, nào chuột, nào bưng sen, cảnh nê địa trước khi ông tới khai khẩn. Nếu còn nhớ rõ cảnh xưa, nhờ ông giúp tài liệu. Tôi viết nhằm chừng, hồi nào tới giờ chưa từng tới Mốp Giăng.

Đột nhiên, lão day mặt lại:

- Vùng Mốp Giăng đã trở thành “đất thuộc” từ lâu rồi. Ông tới làm chủ lúc sau này. Ông chẳng bao giờ thấy chuột bầy, thấy bưng sen gì ráo! Miệt Mốp Giăng xưa kia do nhiều người tứ xứ tới mạnh ai nấy khai phá, cắm ranh, khai diện tích sơ sài rồi đóng thuế cho làng... Dè đâu... Thôi... tôi nói ít, thầy ăn học nhiều, chắc hiểu rộng hơn. Nếu tôi nói lỡ lời, thầy bỏ qua cho.

Lại chuyện cường hào ý thế thực dân Pháp, cường chiếm đất đai! Thời xưa, lắm tay mưu sĩ lên Sài Gòn xin khẩn những “lô” đất chưa có ai đứng tên trong địa bộ quản hạt rồi họ mượn người chuyên về trắc địa đến quy định ranh giới. Lô đất ấy nghiêm nhiên thuộc về quyền sở hữu của họ. Đứng về mặt pháp lý thực dân phong kiến, mảnh vườn đất nhỏ của người nông dân “tiền phong khai hoang” mặc nhiên bị sáp nhập vào đồn điền của kẻ đến sau nhưng hiểu rành về quy chế điền địa hơn.

Tôi đánh tan bầu không khí oi bức nọ, đưa câu chuyện trở lại địa hạt khác, êm dịu hơn:

- Thưa bác, chuột ở Mộp Giăng hồi xưa hồi xưa chắc nhiều lắm? Máy bưng sen còn không? Mỗi bưng rộng bao lớn? Nhiệm vụ tôi là viết chuyện đó cho ông.

- Thầy cho tôi điều thuốc. Hồi tôi còn nhỏ, tôi thấy dân chúng Mộp Giăng sống nhờ chuột. Mùa nước nổi, chuột cắn đuôi nhau nối liền thành một sợi dây dài, chẳng biết nó từ xứ nào tới để đi về đâu. Tụi nó lội chập chững, con này nương sức của con kia... Mỗi tháng, mình gặp năm sáu bầy như vậy. Nước giựt xuống, chuột làm ổ, trời sa mưa, cỏ non mọc nhú lên, tha hồ xây rọ mà bắt. Cứ dùng đặng sậy bao chung quanh một vùng cỏ lớn rồi lần lần mình siết vòng vây... bắt hàng trăm con. Mình ăn thịt chuột trừ cơm. Chuột bị chặt đuôi, lột da nằm dài trông thật giống con heo con... Thôi thì chuột rô ti, chuột băm nhỏ xào lá cách lá lốt, chuột kho tiêu. Ăn không hết, mình bày ra khô chuột, treo lủng lẳng hàng trăm con từ trên kèo nhà. Lại còn mắm chuột nhận đầy lu, mỡ chuột thắng đầy hũ. Đèn thắp bằng mỡ chuột, sáng lắm... Nghe nói lâu lâu có người gặp con chuột bạch ngậm trong miệng “hột ngọc chuột” sáng ngời... Ôi thôi! Chuyện con chuột kể tới sáng thầy nghe không hết.

- Còn cái bưng sen ngày xưa?

- Nó còn hiển hiện đó. Rải rác đôi ba mẫu đất, đầy loại sen bạch, sen hồng. Cuối mùa mưa, gương sen cần cỗi, hột sen khô nổi linh bình đen mặt nước; mình cứ đem thúng mà xúc, mỗi người xúc một buổi sáng hằng năm sáu chục lít đem bán cho Huê kiều... Nhưng dân mình ưa làm ruộng hơn là xúc hột sen.

- Dạ thưa bác, tại sao bây giờ hết chuột?

- Mấy năm sau thiên hạ làm ruộng nhiều nơi, chuột chia nhau tứ tán kiếm ăn, mỗi bầy đi một chỗ. Hồi xưa chuột đói vì ít ai làm ruộng. Đám ruộng nào bị tụi nó bu lại, kể như còn rơm trơ cọng.

- Còn sen? Tôi tưởng mình nên để vài lờm xem chơi. Sen mọc nhiều, hao đất quá.

- Nó là thứ xa xỉ. Muốn trừ sen, thêm đất làm ruộng, mình phải đào kinh cho nước rút bớt... Nói chí miệng, ông chủ Nhan hồi đó muốn mở mang đất đai lắm, ngặt ông ít vốn. Ông hứa với tá điền: nếu ai nấy đều góp lúa đầy đủ cho ông, ông mua thêm vài chục ngàn mẫu đất nữa cho bằng điền Tây của ông Kho... Ngặt vì... vợ lớn của ông chết, ông buồn. Hai vợ chồng không con. Rồi cưới bà sau này, cũng không con...

Lão chép miệng, hút điếu thuốc nữa:

- Thôi tôi về, khuya rồi. Lát nữa sợ mưa lớn.

Thấy câu chuyện còn hấp dẫn, tôi mời lão ở nán. Lão từ khước:

- Hút thuốc vẫn không quen, để tôi về bên hút ống điếu cây ớt núi. Tháng rộng ngày dài, mai chiều tôi nói thêm. Chỉ sợ thầy không muốn nghe. Còn nhiều chuyện ở Mộp Giăng, ngậm ngùi lắm!

- Bác cứ nói. Tôi đi lấy cái ống điếu qua đây cho bác. Hay là tôi qua nhà bác cho tiện.

- Phải à! Thầy qua bên tôi đi. Hồi chiều tới giờ mùng lo nói chuyện, tôi quên thập nhang.

Mưa cứ rơi đều đều. Đèn đường phía chợ ửng sáng một vầng quá rộng. Biển đen ngòm, bãi bùn, sóng nước và Hòn Tre lẫn lộn dưới vòm trời thiếu trăng. Lão Tư Hiếm vào nhà trước. Tôi bước vào chậm hơn, đưa tay đóng cánh cửa lại cho bớt lạnh. Lão nói nhanh:

- Ban đêm đóng cửa nói chuyện rì rào trong nhà, thiên hạ hồ nghi.
Cứ để vậy.

Thắp nhang xong, lão hút thuốc uống trà, hớp từng hớp một.

- Tôi còn câu chuyện cổ tích này, liên quan tới cái ngôi đình làng không bao giờ xây cất ở làng Mỹ Lâm, trong điền ông chủ Nhan.

Tôi gật đầu, lộ vẻ nóng nảy:

- Tại sao chẳng bao giờ xây cất? Làng Mỹ Lâm quá nghèo à? Lại vậy!

- Số là năm đó, lâu lắm rồi... Hồi còn bà chủ trước lận kia, hồi ông chủ Nhan... chưa làm điền chủ, ông còn là hương quản, ngày hai bữa đạp xe máy lại nhà việc. Ruộng trúng ba bốn mùa liên tiếp, dân làng ai nấy mừng vui ăn tết tương bưng, cờ bạc suốt tháng Giêng qua tháng Hai. Ngày rằm tháng Giêng, mấy ông kỳ lão đành bơi xuồng ra chợ Rạch Giá, thuộc làng Vĩnh Thanh Vân để dự lễ kỳ yên lạy tạ Thành hoàng bốn cảnh, thay mặt giùm cho dân làng Mỹ Lâm. Thật là mất thể diện. Tại sao làng Mỹ Lâm lại chẳng cất được một ngôi đình riêng biệt? Nghĩ vậy, ai nấy hùn tiền kẻ ít người nhiều. Ông chủ Nhan - hồi đó là hương quản Nhan - được cử làm thủ quỹ vì trong tổng số năm ngàn đồng lạc quyền, phần ông góp tới hai trăm đồng, nhiều hơn mọi người khác. Người lãnh thầu mua về một mớ gạch đá, rồi xin lãnh thêm tiền để mướn nhân công, mua thêm vôi cát, xi măng. Rủi thay, đêm nọ người thầu bị bọn cướp giết chết trên đường về Rạch Giá. Hương quản Nhan đến nơi làm “ăn kết” chạy tở về quan trên để cho biết: xác người thầu nọ chẳng có một đồng xu dính túi! Mặt khác, nhưn danh thủ quỹ, hương quản Nhan trưng ra hai cái biên nhận tổng cộng bốn ngàn chín trăm năm mươi đồng do người thầu ký tên, lãnh trước rồi... Dân làng nhìn nhau, lắc đầu, bàn tán thì thầm.

Tôi hỏi nhanh:

- Họ hồ nghi ông chủ Nhan sắp đặt giết người thâu để giữ tiền lại?

Lão ung dung hút thêm điếu thuốc, im lặng giây lâu:

- À, thầy đoán chừng như vậy thì tôi nghe vậy. Tôi đâu dám nói gì hơn. Ai đã mắt thấy tai nghe... mà đề quyết thủ phạm là ai! Chỉ biết vài tháng sau, hương quản Nhan xin từ chức, đi Sài Gòn rồi trở về làm chủ của “lô” đất đã có sẵn huê lợi ở Mốp Giăng. Ông thề chẳng bao giờ đứng ra góp tiền cất ngôi đình khác. Ông muốn tránh tiếng dị nghị của người đời khi có cuộc lạc quyền thứ nhì. Ông nói “Thà cất riêng một cái miếu trong điền để tạ ơn đất nước, do tiền túi của một mình tôi xuất ra thôi”.

- Cái miếu đó còn không?

- Còn chớ. Linh hiển lắm. Tôi nói cho thầy nghe hồi bữa hôm rồi mà. Thờ Chúa Ngung Ma Nương. Mai một nhứt định ông chủ Nhan nhắc tới tích đó. Tôi nhớ mờ ớ vậy thôi. Nói nhiều quá, mình mang tội với người sống và người chết... Thầy đừng chép vô sách vở, nguy lắm.

Trở về bàn viết, tôi thao thức mãi. Đêm ấy, qua khe cửa, tôi thấy ngọn đèn chong bên nhà lão Tư Hiếm còn leo lét đến nửa đêm. Phải chăng lão cố tình đánh một đòn ly gián giữa tôi và ông bà Henri Nhan? Nhưng, đứng về phía của tôi mà xét, tôi cần tiền ăn cơm, tôi đã lãnh tiền trước của bà Henri Nhan rồi. Tôi tin rằng quyển tiểu sử mà tôi đang soạn thảo chẳng bao giờ in ra. Mà dầu có in thì cũng chẳng ai thèm đọc! Tôi thầm cảm ơn lão Tư Hiếm đã nhắc nhở khéo léo cho tôi về ý thức tôn trọng sự thật, bất cứ về vấn đề gì. Câu chuyện ông Henri Nhan giết người rồi kiếm tiền đút lót cho quan Tây để khẩn đất tuy

đáng chú ý nhưng tôi chưa vội tin, vì chính lão cũng bảo là còn trong vòng giả thuyết.

Đã quá một giờ đêm.

Viết gì bây giờ? Chuyện mắ chuột, chuyện hột sen. Và đừng đi xa hơn. Tôi ngáp dài, nhướng đôi mắt hơi cay, viết lia lịa, tùy hứng... nhưng trong khuôn khổ, tránh những chi tiết quá lộ liễu khiến ông Henri Nhan có thể hồ nghi rằng tôi đã liên lạc với người tá điền xưa nào của ông để tìm tài liệu.

Đúng như dự đoán của tôi, ông bà Henri Nhan rất hài lòng. Bà yêu cầu tôi ngưng đọc từng chap. Bà đập mạnh vào vai chồng:

- Ông trạng Lương Thế Vinh của tôi! Bấy lâu tôi làm bà Trạng mà không hay biết.

Ông cúi đầu nói lảng:

- Về khung cảnh chuột cắn đuôi nhau lội dài hàng mấy trăm thước, ông thi sĩ suy luận hay quá. Nhớ thêm thắt vài câu, nói lên vẻ đẹp hùng vĩ của miền núi Ba Thê. Xưa kia, thương cảng quốc tế; bây giờ, đất bồi... cả thời xưa huy hoàng vàng son đã chìm lĩm chẳng khác nào thành phố Pompéi ở Ý Đại Lợi bị lấp dưới lớp tro của núi lửa Vésuve.

Ông vuốt râu thò tay kéo đôi vớ lên sát đầu gối:

- Thời lai phong tống... Tôi tin rằng kỳ này mấy ông dám giới thiệu tôi vô Hội đồng Liên hiệp Pháp, đi du lịch chơi lai rai. Hằng năm chánh phủ Pháp sẽ đài thọ cho tôi hai chuyến du lịch để tìm hiểu các nước trong Liên hiệp Pháp, khắp vòng quanh thế giới: nào Algérie, nào Guyane ở Nam Mỹ, nào Nouvelle Calédonie ở Thái Bình Dương...

Bà Henri mỉm cười:

- Tôi mơ ước đi vòng quanh thế giới. Như vậy vui hơn chớ về đồn điền ở Mốp Giăng làm gì. Huê lợi không có, suốt ngày quanh quẩn.

Ông nghiêm giọng, chỉ ngón tay thẳng vào mặt tôi:

- Thời giờ cấp bách lắm. Tôi hứa trưa mai nộp đoạn thứ nhứt của cái monographie vùng Mỹ Lâm cho ông quan tư Ca Rê. Ông thi sĩ chần chừ gì nữa? Ông nghe lời của nhà tôi à?

Day qua bà vợ, ông lẩm bẩm:

- Ngạn ngữ Tây có câu: Đàn bà tuy tóc dài nhưng tư tưởng của họ rất ngắn! Cái “áp phe” đất Mỹ Lâm với cái tương lai của Hội đồng Liên hiệp Pháp đi đôi. Hiện nay các nhà khảo cổ Tây phương đang chú ý về vùng núi Ba Thê. Ai tìm được điều gì mới lạ thời sẽ nổi danh, được thế giới chú ý. Nhưng muốn tìm được điều mới lạ, họ phải lạy lạy tôi!

Ông Henri Nhan đứng dậy thở phều phào, gương mặt đỏ ửng với cái vẻ mệt mỏi của con ngựa già cố chạy đường khuya nước rút. Bỗng dưng, tôi quả quyết rằng: chính ông ta đã bố trí giết người thầu khoán năm xưa, theo lời thuật lại của lão Tư Hiếm! Bi ối quá! Bà Henri cười hồn nhiên, chắc bà chẳng lạ lùng gì cái bản chất háo thắng của ông chồng. Thừa lúc ông đi thẳng lên nhà trên, bà nói khẽ với tôi:

- Cứ viết nhanh cho vừa ý ông. Ông hãy xem như chuyện viết chơi chơi... kiếm tiền xài.

Tôi lẩm bẩm:

- Dạ rầu quá, tôi lỡ lãnh tiền rồi, bằng không thì...

- Ông cứ nghe tôi. Nếu ông rút lui, nhà tôi tìm cách gièm xiêm... ông ưa thù vật vô cơ... Ông đừng bực mình. Cái “áp phe” nọ chẳng đi tới kết quả gì đâu. Tôi nói, ông chờ xem... Chuyện “vọc nước giỡn trăng” tôi biết trước rồi. Tụi Tây đâu dễ gạt như nhà tôi tưởng...

Ngòi bút của tôi bắt đầu bay nhảy trên mặt giấy:

“Trước khi ông Nguyễn văn Nhan đến khai khẩn thì vùng thương cảng Ba Thê đã hoang tàn; đất phù sa hằng năm bồi lên, chôn vùi bao di tích của nền văn hóa xa xưa cổ kính của Đông Nam Á. Mùa nước nổi, từng đàn chuột cắn đuôi nhau mở cuộc ‘vạn lý trường chinh’ từ chân trời vô tận đến chân trời vô tận...

Nhưng khi ông đến, mấy đàn chuột ấy bỗng nhiên biến mất, chẳng bao giờ xuất hiện. Các bô lão địa phương bảo nhau: Ấy là điềm lành. Đất Ba Thê Mỹ Lâm đã đến thời hưng thịnh...”

Chị ở bước lại gần tôi, nói khẽ:

- Ông tôi mời ông vào trong phòng.

Tôi, cau mày:

- Hôm trước, tôi dặn chị kêu tôi bằng thầy, đủ rồi.

- Ông tôi cũng kêu ông bằng ông. “Thầy” sao khó tánh quá!

Tôi đi thẳng vào phòng ông Henri. Chắc rằng phía sau lưng tôi, bà Henri và chị bếp nhìn nhau mỉm cười. Nhưng thái độ tiêu nhân của tôi phát sanh do động cơ khác.

- Ông thi sĩ hãy ngồi chờ tôi tìm chuyện cổ tích Lộc Giác Chân Nhân trong quyển sách Tây do ông quan tư Ca Rê cho tôi mượn nghiên cứu. Đàn ông bọn mình ưa làm những việc mà đàn bà không

ưa, tuy rằng chung qui mình chỉ lo lắng cho họ để rồi mình hưởng rất ít. Tôi muốn ông vào đây để tránh những câu nói đâm hòng, làm “thối chí anh hùng” của nhà tôi. Và cũng để đưa ở khỏi tò mò. Ông ráng giữ bí mật. Ông quan tư Ca Rê lợi dụng, muốn nhờ tôi giúp cho vài món cổ ngoạn của thị trấn Óc Eo ở chân núi Ba Thê. Tụi Tây khảo cổ xưa kia chỉ mới đào bới sơ sài. Hồi năm một ngàn chín trăm bốn mươi một, gặp giặc Nhật Bản, tụi nó bỏ luôn không dám trở lại. Mấy món đó xưa trên một ngàn năm trăm năm, ông Ca Rê định kiếm vài kiểu đem về Tây, tặng cho người tình nhân là bà bá tước De L... Đồng thời ông ta muốn ghi chép vài phong tục địa phương mà giới khảo cổ chưa từng nói tới. Hiện giờ ở Mốp Giăng, tại đền của tôi còn miếu thờ Chúa Ngung, Ma Nương với pho tượng đá xưa và những người chuyên môn “lên xác”. Nếu mình trình bày rõ rệt, đủ sức hấp dẫn tức nhiên ông Ca Rê sẽ cao hứng mở cuộc hành quân cấp tốc tới Mốp Giăng để đóng đồn... Nhon dịp đó, uy thế của tôi đối với các tá điền nhưt định tăng lên... Và ông Ca Rê sẽ đền ơn tôi xứng đáng, trong mức quyền hạn của ông. Chuyện Lộc Giác Chân Nhân đây này. Đọc đi. Trong khi đó, tôi sắp xếp thứ tự. Bộ óc tôi cỡ này nôn nao, lộn xộn quá.

Chuyện Lộc Giác Chân Nhân rất ngắn, chiếm vồn vẹn bốn trang sách khổ nhỏ, trong quyển tập Cổ tích An Nam, in bên Pháp hồi năm 1926... Tay tôi hơi run run. Cái “áp phe” Mỹ Lâm này rõ ràng là vấn đề máu lửa mà tôi và bọn lính Lê dương đều đứng trong cuộc, họ bắt buộc đóng hẳn hồi những vai trò quan trọng. Tôi nhớ tới cái lon sữa bò đầy gạo để cắm nhang trên trang thờ Thái Thượng Lão Quân. Lão Tư Hiếm - con người vừa hiền hòa vừa bí hiểm - với vầng trán mặn mồ hôi sẽ nghĩ gì? Rồi đây quân đội viễn chinh Pháp dùng xe, dùng tàu sắt tiến vào Mốp Giăng giữa cảnh thiếu người, chỉ còn chuột, bưng sen với hơn mười gia đình, trong ấy có người cùi người mù - nếu lão Tư Hiếm không nói dối.

- “Ông cứ kéo ghế qua ngồi sát bên tôi! Câu chuyện như vậy. Khi tôi mới khẩn đất hoang thì ở Mốp Giăng đã có sẵn, một cái miếu xiêu vẹo, cất trên gò đất cao bên gốc cây bàng cổ thụ. Miếu thờ bốn năm cục đá phủ vải đỏ bạc màu. Vì ít tin đồng bóng phù phép, tôi khuyên dân chúng nếu ốm đau thì cứ uống thuốc, đừng cúng kiến vô ích. Năm đó, một thiếu nữ bỗng nhiên nổi cơn điên xé quần áo, nói xàm, đi lang thang. Vài ngày sau thi thể cô ta bỗng nhiên nổi lên, trôi tấp vào chiếc cầu ván trước nhà tôi, một buổi sáng đại khái vào tháng Giêng năm 1937... Tôi xuất tiền mua hòm giúp việc ma chay. Sáng hôm sau, đến lượt một người trong xóm nổi cơn điên chạy tới trước miếu nọ múa men tay chân, tự xưng là Chúa Ngung, Ma Nương, vị thần đến khai khẩn vùng đất Mốp Giăng từ ngàn năm về trước đã chết rồi hóa đá. Thấy chuyện lạ tôi cầu xin Chúa Ngung, Ma Nương trình bày mọi thắc mắc. Người ‘xác’ vào miếu dỡ tấm vải, chỉ ngay một tượng đá, bảo rằng đó là tiền kiếp của mình. Pho tượng quá cũ, tạc hình một vũ nữ đang uốn mình, đầu đội mào vuông, chân mang vòng, tay cầm thếp đèn chong kiêu vũ nữ Chiêm Thành, Ấn Độ. ‘Xác’ lại ra lệnh cho tôi hàng năm phải cúng kiến, mượn lại đất của Chúa Ngung, Ma Nương trong vòng một năm. Thế là đứng về mặt tinh thần, tôi phải nhận mình là tá điền của kẻ khuất mặt, mặc dầu tôi nghiễm nhiên là chủ điền. Tôi đồng ý. Xác đòi ăn mắm sống, ăn xong ‘xác’ bảo tôi đem một tờ giấy trắng để trước miếu rồi ‘xác’ hái bốn nhánh cây, chạy băng ngang đồng ruộng suốt mấy chục cây số từ sáng tới xế chiều để cắm bốn nhánh cây xuống ở bốn góc. Lạ thay, ‘xác’ cắm ngay ranh đất đúng như trong tờ bằng khoán mà sở Quan thủ địa bộ đã cấp cho tôi.

Xác về miếu nhúng tay xuống bùn, áp vào tờ giấy rồi dạy tôi hàng năm phải làm lễ như hôm ấy, gọi là lễ ‘tá thổ’. Bằng không dân làng lần lượt phải bị Chúa Ngung, Ma Nương bắt chết như trường hợp người thiếu nữ điên nọ”.

Khổ tâm quá! Tôi đã đoán phần kết luận ngay từ khi ông Henri Nhan mới kể đến phân nửa câu chuyện. Tôi tin nơi trực giác của mình. Nhon phong tục cúng Chúa Ngung, Ma Nương, ông Henri Nhan đã hành động khéo léo - khéo gắp bội phần kế hoạch giết người thâu khoán. Chúa Ngung, Ma Nương là vị thần gì... Sự thật ra sao? Tôi nóng nảy, đứng dậy định kiếu từ về tìm lão Tư Hiếm để nghe thêm một tiếng chuông khác.

Ông Henri như bực dọc:

- Ông viết liền được chưa mà im lìm như vậy? Nếu chưa hiểu, cứ hỏi lại tôi.**
- Dạ hiểu phần nào. Xin phép ông, để về nhà sắp xếp đầu đuôi viết kỹ lưỡng rồi tôi trở lại đây nhờ ông dạy thêm.**

Ông Henri liếc lên vách:

- Để coi... mười giờ rồi. Ông ráng viết, ba giờ chiều trở lại liền, kịp không? Tôi muốn ông ăn cơm trưa tại đây rồi viết luôn, đừng về mất thời giờ quý báu.**
- Dạ, ở đây không khí hơi lạ. Về nhà ăn cơm xong tôi đóng cửa lại, viết một mạch là tạm xong. Tôi trở lại cỡ hai giờ rưỡi chiều.**

Chắc hẳn ông Henri vừa ý khi nghe tôi nói “đóng cửa lại”, “hai giờ rưỡi”.

- Ông ra nói nhà tôi đưa chút ít tiền... Hôm rày tôi vô tình, quên phứt.**

Đến cổng, bà Henri với nụ cười lúm đồng tiền, trao cho tôi năm trăm đồng.

- Nhớ kỹ nghe, nhà tôi bắt đầu khó tánh rồi đó. Ông nên viết như kỳ rồi vậy thôi. Theo quẻ tử vi, nhà tôi năm nay tuổi Mẹo, ngôi sao... ác liệt lắm! Vái trời cho nhà tôi được vô... Liên hiệp Pháp để tôi đi du lịch Phi Châu coi sư tử, ngựa rằn chơi. Ông thi sĩ nhớ “Beethoven giữa rừng Nam Phi Châu” chớ? Đó mới thật là thơ.

Tôi cười, nụ cười khô héo:

- Thơ của rừng thiên nhiên Phi Châu... sang trọng hơn thơ đồng quê của tôi một bậc.

Bà Henri nói với theo:

- Nhà tôi cũng ưa đồng quê vậy. Nhưng sao khác với đồng quê của ông... Coi bộ hai thi sĩ đồng quê kị tuổi, kị ngôi sao... Chiều, ông nhớ trở lại sớm nghen!

BIỂN CỎ MIỀN TÂY & HÌNH BÓNG CŨ

Sơn Nam

www.dtv-ebook.com

Hình Bóng Cũ (Tt):

Tôi ăn lua láo mới vừa được nửa chén cơm, chợt lão Tư Hiếm bước vào:

- Ủa! Bữa nay thầy ăn hơi sớm đó. Mời thầy qua ăn với tôi. Hồi sáng tới giờ, tôi chờ... Thầy về hồi nào mà tôi không thấy kìa?

Tôi hiểu rằng mình nên chiều theo ý muốn của lão, đừng từ chối bất cứ vì một lẽ gì. Lão dọn ra một con cá lóc nướng, một đĩa muối ớt. Chắc lão vừa cúng xong: trên lớp vảy cá cháy khét, mở tàn nhang rắc lốm đốm. Từng khúc nhang cong queo tuy đã hóa ra tro nhưng còn giữ nguyên hình dáng cũ. Lão nói nhanh:

- Thôi mình ăn.

- Còn ai nữa không bác?

- Đâu còn ai. Dịp này chỉ có thầy với tôi. Món ăn ít quá. Rượu đây, tiên vi chủ - lão uống một hớp rồi trao cho tôi - hậu vi khách.

Rồi lão nhướng mắt, dò hỏi ngay:

- Thầy uống cạn đi. Say sưa gì mà sợ... Công việc của thầy tới đâu rồi?

Tôi hiểu đó là nỗi thắc mắc thầm kín nhất của lão. Vì thời giờ còn lại quá ngắn, tôi đi thẳng vào đề:

- Dạ, ông nhắc tới sự tích cái miếu Chúa Ngung, Ma Nương. Trong điền đất của ông, năm đó, một thiếu nữ mang bệnh điên té xuống sông chết trôi tấp trước bến nhà ông, rồi “đạp đồng” lên... Là kẻ sanh sau đẻ muộn, chưa từng sống ở Mối Giăng, tôi thắc mắc quá định về đây hỏi bác.

- Thầy tin tôi hay tin ông chủ Nhan? - Lão tròng mắt hỏi.

- Tôi tin ông chủ Nhan nhưng cũng tin nơi bác. Ông là người trong cuộc, thưa bác.

Lão cười nhếch mép:

- Đúng như thầy nói. Ông chủ Nhan mới thật là... người trong cuộc! Nhưng còn người khác nữa, cũng trong cuộc. Đó là người lên “xác” Chúa Ngung, Ma Nương...

Lão nhìn trân trân vào bộ mặt vừa ngỡ ngác vừa “thông minh vật” của tôi mà nói gằn:

- Bộ thầy tưởng tôi là kẻ “lên xác” hời đó hả?

- Dạ, tôi đâu có nghĩ như vậy. Nếu người đó là bác thì chủ Nhan đâu để bác sống kham khổ như vậy. Chẳng hay người đó là ai, ở đâu? Chắc chắn ông ta rành sự tích Chúa Ngung, Ma Nương hơn ông chủ Nhan.

- Người đó... còn ở lại giữ cái miếu đó. Anh ruột của tôi. Anh ấy còn sống cũng như đã chết... Chết mà chưa chôn.

Rồi lão Tư Hiếm hạ thấp giọng:

- Theo lời anh tôi thì người con gái năm xưa bị đâm bằng dao phay vì cô ta dám cả gan chống báng luật lệ của Tây, lúc quan kinh lý tới đo đất lập địa bộ cho ông chủ Nhan.

- Nhưng ông anh đó “lên” thiệt hay “lên” giả?

- Làm sao lên thiết được? Anh tôi thua cờ bạc, trở về nhà gặp lúc dân chúng đang xô xao, bất mãn. Họ hồ nghi kẻ giết cô gái chính là... ông chủ Nhan. Anh tôi tới gặp ông chủ, hai người bàn mưu bàn kế. Ngày sau, anh tôi “đạp đồng” trước miếu rồi cả gan dỡ miếng vải phủ từ bao nhiêu đời trên pho tượng “ông tà”. Ở Mộp Giăng, dân chúng ưa thờ những viên đá rơi rớt, tìm được khi cày ruộng. Anh tôi tự xưng là Chúa Ngung, Ma Nương... tức là vị thần đã bắt cô thiếu nữ nọ cho chết để đem về âm phủ làm vợ. Rồi Chúa Ngung, Ma Nương nói huyền thuyên, xưng rằng Chúa Ngung là người khai khẩn đầu tiên từ ngàn năm xưa tại đất Mộp Giăng... Chủ Nhan phải làm tờ mướn đất của Chúa Ngung, mỗi năm ký giao kèo trở lại một lần... Nói dứt lời, Chúa Ngung chạy khắp tứ phía để cắm ranh đất cho ông chủ Nhan mướn. Dân chúng hoảng sợ, phục Chúa Ngung, Ma Nương sát đất vì xác cắm trúng ngay ranh trong... địa bộ, xê xích chừng vài tấc.

Tôi lắc đầu:

- Mưu kế của chủ Nhan cao cường thiết, chắc hẳn ông anh nọ đã xem kỹ trên bản đồ, trước khi lên xác.

Lạ Tư Hiếm thở dài:

- Nhưng ông chủ Nhan còn nhiều ẩn ý khác. Ông muốn nhờ oai quyền của thần thánh để chứng minh cái quyền làm đại điền chủ của mình, để đám tá điền hiểu rằng họ chỉ là người giựt đất của thánh thần. Đã đành rằng họ ra công phá đất trước ông chủ Nhan nhưng Chúa Ngung, Ma Nương đã khai phá trước họ hàng ngàn năm... Nếu họ bất tuân ông chủ Nhan, tức nhiên là họ bất tuân luôn cả thánh thần, mỗi năm họ phải chịu chết oan ức, phát điên phát khùng như cô con gái nọ. Tôi nhớ rõ. Cô ta tên Thừa... Bây giờ theo ý thầy, người lên xác nọ đáng trách không?

- Đáng lắm chứ, mặc dầu chủ chốt là người khác.

- Nhưng anh xác thua cờ bạc, túng tiền. Lãnh của chủ Nhan năm mươi đồng tiền thưởng, để rồi ngày hôm sau thua lại ráo trời... Của hoạnh tài bất phú.

Tôi cúi mặt nghĩ tới cảnh ngộ không khác, của mình.

- Thưa bác, mình nên thương hại anh xác nọ.

- Nếu gặp mặt anh xác nọ, thầy xử trí ra sao?

- Dạ, làm sao gặp được! Với lại tôi đâu phải là người tá điền bị chủ Nhan giựt đất.

- Xin lỗi thầy, tôi thí dụ như vậy kìa.

Trước câu hỏi đầy ác ý đó, tôi bị va chạm tự ái nên nói gắt:

- Ờ, nếu gặp mặt người xác ấy, nếu tôi là tá điền của chủ Nhan... thì tôi đãi anh ta một tiệc, đại khái như tiệc cá lóc hôm nay.

Lão Tư Hiếm bèn hơi bàn tay, chụp lấy cái ống điều dài bằng cây ốt hiêm. Lần này tôi thấy rõ: đầu cái ống điều nọ bịt khoen sắt, thứ khoen khá dày, tuy đã sét nhưng còn cứng.

Tôi biết lão đang bối rối, sự bối rối của kẻ yếu thế. Chắc rằng lão chưa dám và không nỡ hăm dọa tôi!

Tôi dụ giọng:

- Cái người xác bày chuyện đồng bóng đó, coi vậy mà hữu ích. Nhờ vậy hằng năm chắc ở điền ông chủ Nhan cúng miếu lớn lắm. Cờ bạc, ăn nhậu “trong thì trống đánh rập rình, ngoài thì trai gái tự tình cùng nhau” như lễ kỳ yên ở đình.

Lão cười sặc sụa:

- Đúng vậy, làng Mỹ Lâm từ khi ông thầy khoán bị giết, chẳng còn ai muốn cất đình, sợ oan hồn ông thầy khoán cũ vạ họng. Cái miếu của Chúa Ngung, Ma Nương thay thế cho cái đình; dân ở vùng lân cận tuy không phải là tá điền của chủ Nhan cũng rủ nhau nườm nượp tới chung vui. Phen đó, hồi trào thống chế Bê Te, quan Chánh tham biện chủ tỉnh “Gia La” tới dự lễ, dẫn theo bà vợ còn trẻ măng. Ông Tây bà đầm bắt tay “bủa xua” với Chúa Ngung, Ma Nương... Chúa Ngung, Ma Nương trả lời bằng tiếng Tây “com-xi com-xa” khiến ai nấy nín cười không nổi. Rồi ông Tham biện “Gia La” chụp hình buổi lễ, bà đầm vỗ vai xác, cúng cho xác năm đồng... Bả hứa khi về Tây sẽ thuật lại cho bà con cô bác bên đó nghe chơi. Bà đầm đó vui lắm, cười tùm tùm hoài.

Tôi muốn thêm vào câu nói của lão: “Cười tùm tùm hoài với hai lúm đồng tiền”. Nhưng tôi nghĩ: “Mình với lão Tư Hiếm hành hạ nhau bằng lời nói làm gì? Như hai kẻ khốn cùng đang đói bụng, chạy bươi đồng rác cấu xé nhau để giành một cây tăm xỉa răng”. Sức nhớ tới thời giờ quá ngắn, tôi muốn ra về:

- Thì ông bà Chánh tham biện cũng thị oai với dân bốn xứ, tỏ rằng ta đây là “anh hai” của Chúa Ngung, Ma Nương. Và Chúa Ngung, Ma Nương có tiền của Tây thì mới vui vẻ được. Phen này, Tây biểu ông chủ Nhan viết lại tích xưa, chắc cũng vì mục đích muốn làm “anh hai” đó.

Bộ mặt lão trông khác hẳn! Dè đâu tôi nói êm thắm nhỏ nhẹ mà lão lại giựt mình:

- Mục đích gì? Tây muốn đi Mộp Giăng à?

Tôi nói khê:

- Ông quan tư muốn coi tận mặt pho tượng đá trong miếu Chúa Ngung, Ma Nương, luôn dịp sưu tầm tại chỗ những pho tượng khác, hỏi thêm tục lệ cúng kiến, hoặc tìm người “xác” cũ để hỏi lại.

- Tại sao Tây không mượn ai đi ăn cắp pho tượng hoặc mời người tại Mốp Giăng ra chợ cho gọn? - Lão hỏi.

- Vì... ông chủ Nhan nằng nặc mời Tây vô Mốp Giăng rồi đóng đồn luôn. Vả lại ai dám đi Mốp Giăng một mình để ăn cắp tượng thờ trong miếu? Người ở Mốp Giăng đâu dám ra chợ, liên lạc với Tây để lãnh tiền rồi về nhà. - Tôi đáp.

- Thời buổi giặc già, khó quá. Nghĩ mà tủi thân cho vong hồn con nhỏ chết hồi đó. Chết rồi mà thiên hạ nói vầy, nói khác, bán đứng nó. Thầy biết chừng nào Tây vô trông không?

- Trời ơi! Bí mật quân sự. Nhưng tôi đoán: ông quan tư đi liền để kiếm pho tượng đem về tặng bà bá tước bên Tây. Ông quan tư chờ câu chuyện Chúa Ngung, Ma Nương của tôi viết. Chiều nay, tôi nạp chuyện đó cho chủ Nhan dịch ra chữ Tây. Thôi kiểu ông, tôi về giây lát để viết gấp cho đúng hạn.

Lão chép miệng, nhìn lên trời:

- Thầy làm công chuyện của thầy, mai một thầy còn đường tiến thân nơi chợ búa. Phần tôi, trước sau gì cũng về quê xưa. Thầy năm nay bao nhiêu tuổi rồi?

- Dạ, hai mươi bốn. Khi này, tôi lỡ thốt nhiều lời vô lễ. Bác tha thứ giùm em cháu.

- Người gần chết như tôi còn dám bắt bẻ lời nói của ai. Nếu tôi giận thầy một, thì phải giận tôi tới mười mới công bình. Thôi, thầy đi đi.

Tôi khép cửa, chán nản hơn bao giờ hết. Mưa lất phất. Tôi viết đại khái về trường hợp ông Henri Nhan phát giác pho tượng Chúa Ngung, Ma Nương, đúng theo lời lẽ ông ta thuật lại. Viết xong, đã hơn hai giờ hai mươi

phút. Tôi lướt dưới cơn mưa, liếc nhìn thấy cánh cửa nhà lão Tư Hiếm đã khép kín.

Dường như ông chủ Nhan đã thức suốt buổi trưa để chờ đợi mớ giấy nháp của tôi. Ông ta gật đầu từng chập, sau cùng đưa ra ý kiến:

- Thế là xong, nhưng phần nhập đề còn yếu. Ông thi sĩ quên chuyện Lộc Giác Chân Nhân rồi à? Từ Lộc Giác Chân Nhân mình bắc cầu qua Chúa Ngung, Ma Nương nghe mới xuôi tai.

Tôi viết nhanh:

- “Trên đường lập quốc, dân tộc Việt Nam lập nhiều kỳ công rạng rỡ, chém tre dẫn gỗ để cày cấy giữa rừng ma. Giai thoại Lộc Giác Chân Nhân tiêu biểu cho miền cực Bắc: Tục truyền rằng ở vùng sơn cước tỉnh Cao Bằng, xưa kia có người tiều phu sống dai hơn trăm tuổi. Một hôm, ông ta gọi đứa con trai đến mà bảo: ‘Lát nữa đây cha chết, hóa thành con nai. Kiếp trước của cha là con nai, nhờ tu luyện nhiều kiếp nên mang xác người. Con hãy gỡ cái gạc trên đầu cha, dùng dây mà kéo như kéo cày. Khi nào cái gạc vướng vào cây cỏ, còn dừng lại, cày cuốc tại đó ắt sẽ phát đạt’.

Nơi miền Tây Nam Việt Nam, có chuyện Chúa Ngung, Ma Nương nhắc nhở cho người đi khai hoang về đức tính khiêm tốn, sùng bái tiền nhân. Khắp vùng Rạch Giá, Cà Mau, tục lệ ‘tá thổ’ mượn đất của ma, của Chúa Ngung, Ma Nương chẳng nơi nào rõ rệt bằng ở xóm Mốp Giăng, gần Óc Eo, núi Ba Thê - vị trí quan trọng đánh dấu sự ‘dung hòa’ giữa văn hóa các nước Đông Nam Á, đặt nền móng cho ‘dân tộc tính’ Việt Nam. Ông Nguyễn Văn Nhan với tấm lòng nồng nhiệt yêu mến quê hương đất nước đã khôi phục và bảo tồn tục lệ cổ truyền giàu ý nghĩa ấy...”.

Xem xong, ông Henri Nhan đứng dậy, đem tất cả xấp giấy qua
đền Lê dương.

- Tôi sẽ trình bày tỉ mỉ. Nhất định ông quan tư Ca Rê hài lòng. À,
ông thi sĩ ở nán chờ tôi. Biết đâu vào giờ phút chót mình cần thêm bớt
vài chi tiết cho câu chuyện suôn sẻ hơn. Nó thuộc vào hàng chuyện cổ
tích “có thể diện” trên quốc tế đó.

Tôi ngồi chờ. Bà chủ thức giấc, mắng khéo chị ở:

- Nãy giờ sao chị chưa pha cà phê cho ông thi sĩ?

- Thưa, pha luôn...

- Ờ, tôi một ly, nhà tôi một ly.

Dường như bà chủ chẳng chú ý nhiều đến công việc “chạy chọt”
của chồng. Rửa mặt chải tóc xong, bà đến hành lang nói khẽ:

- Ở xứ người, cái gì cũng ngộ. Từ việc quảng cáo kiểu áo kiểu
quần, quảng cáo dầu thơm đến mục chiêm tinh học! Tôi cắt một cái
“bông” trong báo gửi qua giáo sư F.N. nhờ đoán vận mạng giùm, cả
tuần rày sao chưa thấy trả lời. Bên mình... mấy ông thầy Tàu mù đôi
khi đoán khá quá. Như hồi năm kia, hai ba ông mù đều đoán tôi gặp
người chồng giàu có, nhưng chồng tôi sẽ suy sụp vì thời cuộc. Trong
khi đó, ngôi sao của tôi sáng lên!

Cánh cửa sắt ngoài cổng từ từ mở. Ông Henri Nhan chạy nhanh
vào, gương mặt tươi rói:

- Ông quan tư chịu quá. Ngày mai hoặc đêm nay, ông đi Mổp
Giăng, mình à.

Bà Henri hơi giật mình:

- Chuyện gì? Tối nay ông ăn tiệc trước với ông?

- Mình hãy chuẩn bị đi theo ông để chỉ rõ thêm đường đất. Rồi về mặc sức mà ăn tiệc.

- Tại sao ông không đi? Nhà binh thiếu gì bản đồ. Đàn bà như tôi đi theo làm gì thêm nguy hiểm... cho tôi.

Ông Henri gãi đầu lia lịa:

- Khổ quá! Tôi nói mà mình chậm hiểu. Mình chỉ cần mặc áo bà ba, quần lãnh đen được rồi. Đầu đuôi cuộc hành quân diễn ra chớp nhoáng trong vòng bốn tiếng đồng hồ. Xa hai mươi cây số chớ mấy? Gặp mặt tôi, dân tá điền họ thắc mắc. Chẳng lẽ tôi đem cái tượng đá trong miếu mà nạp cho Tây, còn gì thể diện tôi? Thế nào ông quan tư cũng nhưn dịp đó đóng bót rải rác dọc đường... Mai chiều yên tĩnh, tôi vô sau.

Bà Henri cau mày:

- Ủ! Tôi đi cho, đi vài tiếng đồng hồ chớ gì! Mà phải có ông quan tư, tôi mới đi. Tụi lính Lê dương ăn nói xô bồ xô bộn lắm. Tối nay đi hả?

- Bí mật quân sự, chớ đi thì họ kêu mình!

Linh tính như báo trước một sự trục trặc sắp xảy ra trong đời tôi. Đành rằng nếu không có tôi tiếp tay vào việc viết chuyện Chúa Ngung, Ma Nương, trước sau gì ông Henri Nhan cũng tìm cách đạt mục đích riêng. Nhưng lương tâm của tôi bút rút lạ thường: Tiếng súng sẽ nổ hai bên đường, tiếng máy tàu ầm ầm, chuột phải chạy toán loạn, bưng sen dồi dập, những nông dân ngơ ngác sẽ cúi mình núp sau bờ cỏ hoặc lặn trầm xuống nước, miệng ngậm cọng bông súng để thở... Mệt quá, tôi đứng dậy nói khẽ:

- Thưa ông, chuyện tạm xong. Xin ông cho tôi về nhà, sáng mai tôi trở lại.

Ông Henri trợn mắt:

- Bộ ông... giỡn sao chứ? Tối nay, ông phải ở đây luôn. Chẳng đặng đi đâu cả! Lệnh của ông quan tư Ca Rê đó! Ông muốn giữ bí mật quân sự, đầu đối với lính của ông. Cả nhà tôi, từ giờ phút này đến khi có lệnh mới của ông, chẳng ai được đi chợ. Rủi cuộc hành quân tiết lộ bị đánh úp dọc đường ai chịu trách nhiệm đây?

Rồi ông trở vào ngực mình:

- Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn trước quân đội Pháp. Tôi cúi đầu thờ dài, trở lại ghế ngồi day vào trong nhà, đưa lưng ra phía hai cái họng súng ô buýt đen ngòm.

Ông Henri lên nhà trên, nói vọng xuống:

- Chiều nay tôi uống rượu trừ cơm. Bà nhớ: khi nào nghe ngoài cửa nhận ba hồi chuông tức là năm phút sau bà đi với ông quan tư. Đêm nay, dặn chị ở nhớ ngủ sẽ thức, đừng để họ kêu réo nhiều lần.

Chiều hôm ấy, tôi ăn lua láo một chén cơm, ăn chung mâm với chị ở... Tôi tui thân trong cảnh giam lỏng bất thành lình này... Trong phút giây, tôi thử tưởng tượng đến kế hoạch tẩu thoát. Hàng rào ngói biệt thự quá thấp, trèo ra dễ dàng, Nhưng trèo để làm gì? Về Xóm Biển gặp lão Tư Hiếm, tôi sẽ ăn nói ra sao? Nói thật về cuộc hành quân của Pháp chẳng? Rủi bẽ gì, tai vách mạch rừng. Nhưng quân đội Pháp sẽ lên đường vào giờ nào? Đêm nay hay là sáng mai? Vắng mặt tôi, ông Henri sẽ báo động... Còn về nhà để nằm yên một chỗ, tự giam hãm giữa khói thuốc và tiếng sóng biển, thức đêm với nỗi tâm tư đen tối thì về làm gì? Tôi tự an ủi:

- Mình nên ở đây để bảo vệ sanh mạng cho mình và cho lão Tư Hiếm.

Trên nhà, vợ chồng ông Henri nói chuyện thì thào, cãi to tiếng vài câu. Máy thu thanh bỗng vang lên vài điệu nhạc. Lính Lê dương bên đồn tập hợp điểm số. Trời lại mưa.

Tiếng động cơ xe hơi, tiếng giày đinh, tiếng kêu réo của bọn lính Lê dương đã đánh thức tôi, đầu hồi bốn giờ khuya.

Xe chạy âm âm ngang qua cổng biệt thự. Bà Henri đã ra khỏi nhà hồi nào... Ngọn đèn ở hành lang vẫn để sáng, suốt đêm. Một đóm lửa từ từ rề lại trên chiếc ghế bố, nơi tôi đang nằm. Tôi giả bộ nhắm mắt. Đóm lửa nọ đáp xuống sát mí mùng rồi từ từ rời ra: ông Henri Nhan dò chừng xem tôi còn nằm tại đây hay đã lên trốn!

Sau buổi lót lòng, ông Henri bảo tôi đem giấy mực tiếp tục viết nốt phần tiểu sử cận đại nhất của đời ông, giai đoạn từ 1944 đến nay. Ông dẫn giải sơ sài vài nét chánh rồi ngồi trầm ngâm, lăm lăm từng chập:

- Chừng này, đoàn xe tới cầu số Một, lính sắp hàng xuống tàu... Con kinh cạn lắm, “tụi nó” chẳng có cảm chướng ngại vật, tàu của Tây hay lắm, chạy nơi nước cạn dễ dàng. Tàu tiến về Mốp Giăng theo lòng con kinh do tôi đào hồi năm 1936. Nếu chú ý, ông quan tư sẽ thấy rõ núi Ba Thê, núi Tượng, cái Sân Tiên trên núi... Chẳng hiểu nhà tôi biết cách giải thích không nữa? Đàn bà hơi hợ hợ lắm. Chắc thế nào đoàn tàu cũng ghé ngay bến, lên sân nhà tôi. Nhà bị phá hết rồi nhưng còn nền sân lót gạch phía trước...

Những điều ấy, ông chủ Nhan nói cho riêng ông ta nghe... Tôi giữ thái độ im lặng, cầm đầu viết. Ngòi viết chạy nhanh trên giấy nhưng tâm trí của tôi vẫn vờ tạt đâu đâu. Rủi ông quan tư bị phục kích dọ

đường, tình thế sẽ ra sao? Tánh mạng của tôi thật mỏng manh như...
lông hồng, chỉ cần một ngọn gió nhẹ cũng đủ bay mất đất.

- “Năm 1945, vào tháng Ba, quân đội Nhật đảo chánh Pháp. Bấy giờ ông Henri Nhan giữ thái độ bàng quan. Sở tình báo Đông Nam Á của Nhật hoàng phái người đến dụ dỗ, mua chuộc, dọa nạt nhưng ông chẳng sờn lòng. Ông tin tưởng nơi sự biến chuyển của tình hình quốc tế: kháng chiến quân Pháp, dưới sự lãnh đạo của tướng De Gaulle nhất định thành công, người Việt Nam nhờ đó sẽ được hưởng qui chế tự trị để tiến lần lần tới nền độc lập thật sự. Thống chế Bê Te là nhân vật lỗi thời.

Năm ấy, vào tháng Tám, ông lãnh chức cố vấn Thanh niên Tiền phong tỉnh Rạch Giá. Sau ngày Việt Minh cướp chánh quyền, ông bị chúng cưỡng bách, lạc quyền tất cả bốn kí lô vàng y. Đầu năm 1946, trung thành với tôn chỉ ‘minh triết bảo thân’ ông tản cư về vùng ‘giải phóng’ Minh Lương, chẳng thềm trở về đồn điền Mỹ Lâm. Ông dư hiểu rằng các tá điền thừa cơ hội ấy đập phá nhà cửa, bắt giết trâu bò của ông nhưng ông mỉm cười: Tình thế loạn lạc, ‘khôn cũng chết, dại cũng chết, biết là sống’, ‘mình đừng khiêu khích ai nhưng cũng đừng để ai khiêu khích mình’. Lúc tản cư, ông thấy bọn Việt Minh đã chủ trương nhiều điều sai quấy khiến ông không phục. Nghe tin ở Sài Gòn nhóm ‘Nam Kỳ tự trị’ phát triển ồ ạt, ông vui mừng, vượt vòng vây trở về chợ Rạch Giá, quy thuận với nhà binh Pháp và ông gặp những người bạn Pháp cũ... Ông mạnh dạn đánh điện về Sài Gòn, hưởng ứng thuyết phân ly, triệt để ủng hộ Thủ tướng Nguyễn văn Thinh nhưng đồng thời chỉ trích vài điểm quá nhu nhược của chính phủ Nam Kỳ tự trị.

Tôn chỉ của ông Nguyễn văn Nhan, tóm lại trước sau vẫn là:
‘Tranh đấu cho xứ sở. Nước Nam Kỳ của người Nam Kỳ. Tự do, Hạnh

phúc, Sung túc'. Nhiều người vì chưa am hiểu bầu nhiệt huyết của ông, vội trách ông là phần tử cách mạng quá khích”.

Từ trong phòng, ông Henri Nhan lại trở ra, một tay cầm tấm bản đồ, một tay cầm ly rượu... Vừa ngồi xuống ghế, ông nhăn nhó:

- Chị ở đâu? Dem thêm một đôi vớ nữa cho tôi. Bữa nay sao tôi nhức bấp chân hơn mọi khi?

Trải tấm bản đồ lên bàn, ông gọi:

- Ông thơ ký... Ủa ông thi sĩ.

Nghe gọi đích danh, tôi ngẩng đầu lên:

- Thưa ông?

- Ông xem bản đồ... Điền đất của tôi, rõ ràng bao la bát ngát nào kém Domaine Agricole của Tây. Thật hãnh diện cho người Việt Nam. Mặc dầu cái “ê xen” rút lại, nó vẫn to hơn lòng bàn tay, trong khi đồn điền Tây Bệt Te cũng chẳng lớn hơn bao nhiêu... Lũm lúa tôi ở ngay “bon” này... Chuyển về, chắc chắn ông quan tư Ca Rê và nhà tôi đi con đường này, queo ra kinh này...

Tiếng phi cơ rền vang, càng rõ rệt. Hai chiếc săn giặc sơn đen ngòm tiến về phía đồn, ngay biệt thự, hạ xuống thấp để lộ màu cờ tam sắc dưới cánh rời trở về hướng Đông bắc.

Ông Henri Nhan reo to:

- Đó, ông đang trên đường về. Tụi máy bay đánh điện cho đồn hay. Hành quân quan trọng, đích thân quan tư Ca Rê chỉ huy, hèn gì! Dè đâu ông lo châu áo đến chừng đó. Chắc chắn ông bình yên, thẳng trận. Bằng không, quân tiếp viện kéo vô Mốp Giăng ầm ầm rồi. Nãy

giờ, tôi mới hiểu thấu đáo câu nói của ông quan tư hồi trưa hôm qua. Khi tôi dịch câu chuyện Chúa Ngung, Ma Nương cho ông nghe, ông nói: “Năm 1914 - 1918 và 1940 - 1945 người Việt Nam giúp nước Pháp chống Đức. Đã đến lúc người Pháp hy sinh đổ máu giúp trở lại người Việt Nam”. Ông còn hứa đem quyển tiểu sử của tôi về Pháp để xuất bản làm tài liệu lịch sử Đông Nam Á. Tiền bản quyền khá to. Tôi sẽ tặng ông thi sĩ sáu mươi phần trăm. Nhiều điều may mắn đang đến cho tôi và cho ông thi sĩ.

Đoàn “công voa” lính Lê dương đã tới. Trên chiếc xe đi giữa, bà Henri và ông quan tư Ca Rê ngồi bên nhau, họ đưa tay ngoắt trong khi ông Henri chạy ừa đến cổng, quên xỏ chân vào dép. Hai tay ông ta dang ra như hai cánh cửa sổ mở tung đón tất cả ánh mặt trời và không khí.

Bọn Lê dương hát inh ỏi, quơ tay làm dấu hiệu với bọn trong đồn.

Ông Henri Nhan đích thân mở cổng.

Bà đi nhanh vào nhà, dáng điệu nhảy nhót, miệng nói huyền thiên:

- Bình yên, vạn sự may mắn! Ông Ca Rê giữ bo bo cái tượng đá nữ thần Ba Tư, khen ngợi rằng cái ngôi sao của tôi quá tốt. Cuộc hành quân sở dĩ được toàn thắng... nhờ nụ cười hộ trợ của nữ thần... Ba Tư tái sinh là tôi đây! Tụi Tây nịnh đầm giỏi quá.

Ông Henri cau có:

- Mình cứ nói bá láp. Tới Mộp Giảng hả?

- Ông này hỏi lạ! Phải tới đó mới về đây chứ. Nhà cửa lưa thưa như... chòm mả. Dân tá điền chạy trốn ráo trọi. Cảnh cũ mà mình nhìn không ra. Phải có mình đi theo, chắc mình khóc quá. Ông Ca Rê lại miếu để “cuỗm” cái pho tượng đá, bắt một người tá điền của mình, cái

ông già lên xác mọi lần đó. Ông già đó cũng bướng quá! Ông Ca Rê muốn hỏi han sự tích, ông già nhè lên xác, múa tay múa chân, đòi vận họng Tây, vận họng luôn cả vợ chồng nhà mình! Ông già lên xác nói rằng Chúa Ngung, Ma Nương đã tặng tất cả đất đai cho cô gái năm xưa bị chủ... Nhan ám sát... Chúa Ngung, Ma Nương nói từ bốn năm nay vợ chồng mình không cúng miếu nên bị mất quyền hạn.

Gương mặt ông Henri biến sắc, môi tái lợt:

- Cái gì? Thằng xác đó nói xấu tôi à? Nó lên xác giả, để vu cáo tôi! Nó đâu rồi! Tôi phải giết nó. Tôi phải thanh minh với ông Ca Rê. Tại sao ông Ca Rê không đóng đồn luôn để gìn giữ cái miếu như ông đã hứa với tôi?

- Thì mình cứ qua bên đồn mà hỏi. Ông Ca Rê bắt sống lão xác đó, còng tay còng chân đem luôn về đây. Ông Ca Rê nói đất của mình vô dụng chỉ để dành trồng cỏ, nuôi rắn... chẳng nhằm địa thế quan trọng, đóng bót uống lính.

Ông Henri Nhan chạy tất tả ra công:

- Điều này chắc tôi chết mà không nhắm mắt. Để tôi qua bên đồn mắng ông Ca Rê một trận!

Nhưng “người chết không nhắm mắt” giờ phút này chính là tôi.

Chờ ông Henri khuất dạng, bà nói khẽ:

- Ông thi sĩ về đi, hết công chuyện rồi! Vọc nước giỡn trăng, tôi biết trước mà. Ông cứ lãnh thêm trăm đồng. Đừng ở đây, đừng lẩn quẩn ở Xóm Biển lâu ngày không nên. Ông già bị bắt dường như mang giấy “lách xê” địa chỉ cư trú Xóm Biển như ông.

Tôi thờ người, như đứng giữa tư bề lửa đỏ. Bà vịn vào vai tôi, nói nhanh:

- Tôi mến ông lắm, rất tiếc chưa giúp ông được gì. Bấy lâu, tôi xem ông như người em đáng thương. Ông về đi, nhớ coi chừng coi đổi. Đừng buồn. Sự việc trước sau gì cũng chỉ xảy ra như vậy thôi!

Nhà lão Tư Hiếm đóng cửa chặt, đóng từ trưa hôm qua. Người lân cận nói thêm:

- Sau khi thầy ra khỏi nhà, chập sau ông cũng đi, mang theo cái ống điếu cây ốt hiểm. Chắc là đi chơi xa.

Tôi nằm im trên giường, chẳng màng việc ăn uống. Tôi đóng chặt cửa, chẳng cần hé ra xem thử. Tôi biết rằng nhà lão Tư Hiếm chẳng bao giờ mở cửa để đón tôi nữa. Ngay chiều hôm đó, dường như có hai người lạ mặt đi ngang qua nhà lão, nhìn số nhà rồi nhìn qua nhà tôi đang ở trọ. Tôi hút thuốc, tay chân mãi lạnh ngắt. Tôi không sợ những người còn sống, tôi chỉ sợ người khuất mặt... Họ có thể gặp tôi bất cứ giờ phút nào, bất chấp cả những bức tường ngăn cách. “Đừng buồn... Trước sau gì cũng chỉ xảy ra như vậy thôi!”. Câu nói chân thành ấy có lẽ chỉ an ủi đặc lực kiểu người ưa đùa giỡn như bà chủ Nhan. Đối với tôi, nói vẫn là nguy hiểm. Ngoài biển đen ngòm, vài đốm sáng leo lét của loại đèn bão treo tòn ten tận chót cột buồm ghe lưới. Ghe neo lại nhưng ánh đèn rung rinh, trở thành những vì sao trong đêm tối om. Lâu lâu, vượn hú, khi kêu nghe thảm thiết bên rặng cây bần. Mưa lạnh lâu ngày, vin mãi trên cành, khi vượn vừa sợ đói vừa sợ té, rớt cuộc vẫn té vì đói vì lạnh để rơi vào miệng cọp. Đó là chuyện rừng núi. Ở Xóm Biển này, khi vượn chỉ bị trầy trụa, lem lấm chút ít để rồi từ bãi bùn chúng trèo trở lên cành mà vin mãi.

Sáng hôm sau, người lối xóm tri hô: Một cái xác vừa trôi vào bãi bùn, xác của lão Tư Hiếm! Cá tôm rủa xác lão gần hết nên - ngoại trừ

tôi ra - người trong xóm chẳng ai rõ lão từ đâu trôi đến và chết... vì
chúng gì. Vài giờ sau, nước ròng, cái xác đó trôi ra Hòn Tre mất dạng.

Tôi chẳng dám chạy ra biển để xem. Mệnh mông quá! Từ trong lỗ
tai tôi, vọng ra lòng bùng bùng nhiều câu nói khàn khàn mơ hồ. Trước mắt
tôi, chập chờn vài mảnh chiêm bao. Hôm sau, tôi lìa bỏ Xóm Biển - cái
quê hương tạm bợ - để đi tìm sanh kế ở thành phố khác.

Bây giờ đây, chế độ điền địa đã thay đổi hẳn, những đồn điền “cò
bay thẳng kiếng” đều bị truất hữu, nông dân lần lần trở thành tiểu
điền chủ. Qua bao năm chiến tranh Việt - Pháp, hàng vạn người chịu
hy sinh, nào phải riêng ai. Bóng của lão Tư Hiếm phai dần trong tâm
tư của tôi. Từ buổi lên Sài Gòn, tôi tập nghề viết báo, thỉnh thoảng viết
bài nhận định về kịch trường; sinh kế đã tạm ổn định. Chuyện viết tiểu
sử cho ông Henri ngày xưa không còn đáng nói nữa. Nhưng quả đất
vốn tròn! - Xin phiền các bạn hãy ráng đọc thêm vài trương nữa, tuy
nó hơi nhàm, kém hấp dẫn. Truyện Hậu Vân Tiên làm sao lý thú bằng
truyện Vân Tiên hồi đầu.

Số là buổi ấy, tôi về gác trọ chợt thấy ai để sẵn trên bàn một bó
hoa huệ! Từ thuở bé đến từng tuổi này, tôi chưa được người nào tặng
hoa tươi cả. Hay là thiên hạ lầm địa chỉ? Đáng diệu ngạc nhiên của tôi
càng khiến bà chủ nhà thắc mắc:

- Ủa! Thầy không quen với bà đó sao? Bà hỏi trúng tên thầy,
dường như gửi lại phong thơ đâu đó. Bà đi xe Huê Kỳ mới tinh. Chào
hỏi tử tế lắm.

Phong thơ nằm khép nép sát mặt bàn, che lấp dưới bó hoa. Bên
trong, một tấm danh thiếp: Đoàn Thi Ca Vũ Nhạc Kịch “Hương Sắc
65” Giám đốc: bà Nguyễn thị Quỳnh Hương, biệt xá 3000/1 đường
Trương Minh Ký Sài Gòn.

Gánh Hương Sắc thuộc vào hạng nhỏ lưu diễn miền lục tỉnh, năm ngoái về Sài Gòn hát ba đêm nhưng chẳng gặt hái kết quả tài chánh khả quan nào. Nghe đâu sau chuyến Trung du, đoàn lên Kontum, rã tại đây từ hồi tháng sáu. Bà Nguyễn thị Quỳnh Hương là ai? Gánh hát nào mới lập đây? Bức thơ kèm theo tấm danh thiếp giúp tôi hiểu rõ.

Thân gửi ông Hoài Hương

Ký giả Kịch Trường,

Nhận được thơ này chắc ông hơi ngạc nhiên nhưng xin phép ông cho tôi tự giới thiệu; tôi là bà Henri Nguyễn văn Nhan ngày xưa ở Rạch Giá. Trong thời gian gần đây, tôi hân hạnh thấy ông tiến nhanh với những bài phê bình sắc bén. Đoàn “Hương Sắc 65” đang trên đà thành hình và hy vọng rất nhiều nơi thiện chí của ông để góp phần xây dựng sân khấu nước nhà. Nhà tôi vẫn thường nhắc nhở, gặp ông nhà tôi mừng lắm. Trưa mai, xin ông vui lòng đến nhà tôi dùng buổi cơm thân mật để ôn lại những thời gian qua...

Giai thoại Chúa Ngung, Ma Nương, cái chết của Tư Hiếm, chuyện chuột, bưng sen bỗng nhiên bùng sống dậy. Tôi hút thuốc liền miệng, nhớ tới những trang giấy nháp do tôi viết hồi xưa. Bữa cơm trưa mai nhứt định gây chút ít hiểu lầm. Vài bạn ký giả sẽ hồ nghi rằng tôi sắp bẻ cong ngòi bút, chuẩn bị nâng đỡ đoàn hát của bà Quỳnh Hương một cách thiếu vô tư. Nhưng tôi bất chấp dư luận ấy. Tôi muốn gặp ông Henri Nhan để hiểu rõ về cái chết của lão Tư Hiếm, về cái miếu ở Mốp Giăng. Bao nhiêu nước chảy qua cầu... chắc ông ta sẵn sàng nói riêng với tôi tất cả sự thật.

Ngôi biệt của vợ chồng ông Henri Nhan chiếm khu đất hơi rộng - tuy bé hơn cái bất động sản ngày xưa ở Rạch Giá. Mười giờ sáng, tôi đã rón rén tới cổng, đứng ép mình, thử quan sát bên trong. Vóc dáng của ông Henri làm sao tôi quên hoặc lầm lẫn với kẻ khác! Dưới dàn

hoa thiên lý mát rượi, ông ngồi hút thuốc, chân mang vớ tận gối, đội chiếc bê rê đen (chắc là để che cái đỉnh đầu sỏi sỏi). Giữa sân, hai hòn non bộ đối diện, “hai hải đảo thần tiên” thì đúng hơn vì có nước bao xung quanh. Dưới đáy hải đảo, ông đã xây một chốn thủy cung dành riêng cho loại cá vàng, cá sọc... Bỗng dưng, ông búng hai ngón tay nghe “tróc, tróc”. Từ bên kia nhà, một con chó caniche chạy tung tăng ra sân. Nó kéo khệnh khệnh một kiểu xe mà các tướng La Mã thời xưa thường dùng khi ra chiến trận. Trên chiếc xe hai bánh ấy, một con búp bê tí hon nằm ngửa, kê trên gối gòn. Ông Henri nói lẩm bẩm vài câu tiếng Pháp. Con chó dừng bước, quay bên phải, bên trái... Tôi thương xót cho tuổi già của ông: trò chơi ấy ngụ nhiều ý nghĩa! Ông ao ước sẽ có một đứa con trai để nối dõi - nối ao ước gần như tuyệt vọng. Lúc điều khiển con chó, hàm râu ông nhếch lên, khoái trá như người hát xiếc đang chế ngự một con sư tử hung hăng nhứt thế giới!

- Chào ông chủ! - Tôi mạnh dạn lên tiếng, chẳng bợn chút tự ti mặc cảm. Thời nay khác thời xưa. Nếu ông chủ Nhan “đã” là một nhân vật thì tôi đây “đang”... là một nhân vật đến viếng theo lời yêu cầu của chủ gia chớ nào phải vì muốn xin công việc làm.

Qua vài câu hỏi thăm, ông nói:

- Nhà tôi đi kê đào kếp, mượn họa sĩ, giao thiệp với ký giả. Tôi đau yếu hoài, ngồi nhà đóng vai tuồng của... một cây nêu!

Ông nói tiếp:

- Thời buổi tân tiến này không cần dựng cây nêu trước sân, thiên hạ vẫn cứ ăn tết vui vẻ rộn rịp như thường. Ở thành thị, thôn quê gì cũng vậy, phải không ông thi sĩ. Tôi là cây nêu trong nhà!

Tôi đỡ lời ông, liếc mắt qua bàn giấy:

- Ông vẫn là người hữu dụng cho xã hội, nếu ông muốn. Đường như ông đang viết...

Ông thở dài:

- Tôi dự định viết hồi ký, theo kiểu Thủ tướng Churchill nhưng còn trong vòng chuẩn bị, nghiên cứu thêm về triết học Đông Tây, rút vài kinh nghiệm lưu cho hậu thế. Đâu như cái “tiểu sử” hồi xưa, ông quên giùm tôi, đừng nhắc lại.

Tôi chụp lấy cơ hội tốt ấy:

- Trong thiên hồi ký bây giờ, tôi tin rằng ông còn dành ra mười hàng để nói về chuyện Chúa Ngung, Ma Nương, quan tư Ca Rê và...
tôi.

- Từ sáu bảy năm nay, tôi ao ước gặp ông để thanh minh, kéo ông hiểu lầm. Người trẻ tuổi như ông đôi khi hẹp lượng! Thật ra, giới đại điền chủ ở Hậu Giang rất hiền hậu, so với các “anh hùng hảo hán” đi chinh phục... đất hoang ở Mỹ hoặc Nam Mỹ Châu hồi thế kỷ thứ mười tám.

- Tôi hiểu rồi, nhưng còn cái tích Chúa Ngung, Ma Nương đầu đuôi ra sao? Trong miếu thờ pho tượng gì?

- Chuyện dài lắm, ông hãy nằm trên chiếc ghế “phô tơi” nghỉ lưng. À, vài tháng sau cuộc hành quân Mốp Giăng hồi xưa, ông Ca Rê đổi ra Trung Kỳ, tử trận ngoài ấy. Pho tượng đã được gửi về Pháp trước đó một tháng. Ông Ca Rê bảo là tượng người nữ tỳ cầm thép đèn nhưng đã gãy tay, thuộc mỹ nghệ Ba Tư, sản xuất tại Ốc Eo, chân núi Ba Thê từ thế kỷ thứ ba, thứ tư sau Tây lịch...

Bây giờ, tôi mới hiểu tục lệ cúng Chúa Ngung, Ma Nương gọi một cách văn chương là lễ “tá thổ”. Theo lời ông Henri Nhan kể thì bốn

chữ ấy chỉ tạm ghi lại bốn âm thanh khó đọc: “Chu Ngun, Me Nang”, tên đôi vợ chồng ma quái. Chẳng ai rõ tục lệ đó đã có từ thuở nào. Họ là hai vợ chồng nên phải chọn hai người lên xác. Xác “lên” nói thứ tiếng khó hiểu, đòi ăn mắm sống và rau răm. Chủ điền phải xin phép mượn đất với hai vợ chồng Chúa Ngun, Ma Nương vì mảnh đất hiện tại, mặc dầu còn bỏ hoang ít nhiều, vẫn thuộc quyền sở hữu của vợ chồng họ từ ngàn năm trước. Năm đó, sau khi khẩn đất, ông chủ Nhan đến Mốp Giăng công bố cho ai nấy biết quyền hạn của ông. Nông dân nhôn nháo lên phảm đối. Để hợp thức hóa về mặt địa bộ đối với nhà cầm quyền Pháp, ông chủ Nhan mượn lập tức một viên kinh lý để ông này đến tận Mốp Giăng thi hành việc đạc điền, với sự yểm trợ của bốn người lính mã tà. Cuộc tranh chấp diễn ra nhưng ông chủ Nhan viện cớ, đi vắng mặt. Trong khi ấy, viên kinh lý cứ ung dung bố trí “bông tiêu” đặt ống kính để nhắm, đo đất.

Số nông dân bèn giết heo ăn thề, uống rượu giữa trời. Bỗng nhiên một cô gái tên là Thừa chạy tới đứng sát vào ống kính để che lại. Viên kinh lý nói khẽ:

- Con nhà ai kỳ quá vậy. Đi dang ra xa để người ta làm việc... Mấy chú lính mã tà đâu rồi? Chúng ta cứ thừa hành phận sự do ông Henri Nhan giao phó, được quan Thống đốc Nam Kỳ chuẩn y.

Một chú lính mã tà nói giọng khiêu khích:

- Cô này mần cái gì ngộ quá ta... Để quan kinh lý nhắm máy. Đi dang ra. Muốn chồng hả? Chịu làm bé tôi không?

Cô gái quát to:

- Tôi đứng đây hoài, tôi không chịu thua mấy người đâu!

- Cô ăn thua với Tây hả? Thử ăn thua coi?

Anh lính mã tà nói chưa dứt lời, cô gái đột nhiên cời toạt tất cả máy phục lem lăm của mình.

Đôi mắt quan kinh lý rời khỏi ống nhắm trặc địa, ông giận run lên:

- Làm cái gì kỳ vậy? Trần trường như nhộng, giữa đám đông cô chẳng biết mắc cỡ à?

Cô gái đáp:

- Mắc cỡ cái gì? Hể cái miệng đói thì cái “mông” cũng chết! Xưa nay, chưa có người nào chết đói mà cái “mông” còn sống được. Tôi làm vậy đó. Không mắc cỡ gì hết.

Tuy nhiên, hai hôm sau, việc đặc điền vẫn hoàn tất. Tên mã tà bèn giết lén cô gái vô lễ nọ rồi hãnh đến gặp ông Henri để xin chút ít tiền thưởng.

... Nghe câu chuyện thương tâm ấy, tôi thầm phục tinh thần của phái yếu. Lắm khi, họ gan dạ hơn phái mạnh, bất chấp gươm súng của thực dân Pháp - như cô gái nọ là một thí dụ.

Tôi hỏi nhanh:

- Mồ mả cô gái còn không? Tên sát nơn ấy bây giờ ở đâu?

Ông Henri Nhan mỉm cười:

- Xin lỗi, hay là... ông thi sĩ nghi ngờ chánh phạm là tôi?

Tôi cau mày:

- Ông hơi nóng. Tôi xin lỗi ông đó. Hồi xưa, ông đâu cần đích thân xách dao, đâm lén một thiếu nữ tay không... Tôi nghi ông để làm gì?

Ông Henri Nhan gật đầu:

- Ông thi sĩ tin tôi, lẽ đâu tôi chẳng nói tiếp. À, sau khi lãnh tiền thưởng, tên mã tà sát nhân đó về chợ Rạch Giá. Hai ngày sau, cái thầy cô gái nổi sinh trôi tấp trước nhà tôi. Bấy giờ lão Tư Hiếm mới xuất hiện. Hồi ở Xóm Biển chợ Rạch Giá, Tư Hiếm là người tri kỷ của ông! Điều ấy rất tiếc... tôi và ông quan tư Ca Rê biết hơi muộn!

- Nhờ mấy ông xem lại địa chỉ cư trú ghi trong giấy “lách xê” của lão ta chớ gì?

- Lão Tư Hiếm thua cờ bạc, tới gặp tôi để bày kế lên xác Chúa Ngung, Ma Nương, “dựng đứng” cái pho tượng đá trong miếu. Nhờ vậy dân tá điền lần hồi sống an cư lạc nghiệp... Liên tiếp mấy năm liền, lão ta trở thành nhân vật chuyên nghề lên xác Chúa Ngung, Ma Nương, coi quẻ tử vi cho dân trong điền. Năm 1946, lão ta tản cư ra chợ Rạch Giá, chẳng hề gặp mặt tôi. Lão còn sống dai hơn, nếu lão không gặp mặt ông.

Tôi giựt mình:

- Ông nói gì?

- Tôi nói: Chính ông thi sĩ đã giết lão ta mà không cần gươm súng!

Cố nén cơn tức giận, tôi suy nghĩ hồi lâu rồi nói to:

- Tôi nhớ rõ lắm. Khi đoàn “công voa” từ Mỹ Lâm rút về đem sự thất vọng cho ông, ông chạy lập tức qua đồn Lê dương, vừa chạy vừa tuyên án xử tử lão ta. Bà ở nhà có thể làm chứng điều ấy... nếu bà còn nhớ. Đành rằng tôi vô tình tiết lộ cuộc hành quân cho lão biết trước. Nhưng giữa tôi và lão, nào ai thù oán ai mà ông lý luận như vậy?

- Xin lỗi ông thi sĩ, chuyện xưa rồi. Nói lại mà nghe vậy thôi. Trong thực tế, nếu ông không đến bàn luận với lão thì chắc chắn lão vẫn sống ở Xóm Biển chợ Rạch Giá hoài hoài. Ông nên nhớ rằng trước khi đem bản, tụi Tây tra tấn lão, lão có nhắc tới tên ông! Bằng không, ông đã bị bắt ngay rồi bị bắn thả trôi sông một lượt với lão... Kể từ đó, ông Ca Rê sanh nghi, luôn luôn theo dõi mọi hành động của tôi. Một phần vì ông ta đã “giữ” pho tượng trong tay rồi. Phần khác, vì tôi đã “ngụy biện” để cứu sinh mạng cho một thi sĩ...

Tôi đứng dậy, đi tới đi lui:

- Thà tôi chết hồi đó một lượt với lão Tư Hiếm còn sướng hơn... sống mà nghe ông kể ớn. Té ra bấy lâu nay tôi vô ơn bạc nghĩa quá. Nếu... trúng số độc đắc, tôi đúc ngay một pho tượng kỷ niệm để chưng trong phòng... Tượng một người bé nhỏ - là tôi - đang đứng khom lưng cống đọi ơn một người to lớn - là ông.

Ông Henri Nhan cười giòn:

- Ông thi sĩ nói vậy quá đáng, tội nghiệp tôi quá. Tôi nào xứng đáng.

Tôi gất gọng:

- Vậy thì tôi đúc ngược lại một người lớn tuổi - là ông - khòm lưng nâng đỡ trên vai một người bé nhỏ - là tôi - Chúng ta đập trên cái xác bằng đồng của lão Tư Hiếm đang nằm úp mặt xuống đáy biển. Lão mới là chánh phạm của cuộc cãi vã hôm nay!

Ông Henri Nhan nổi giận lên, từ từ rút khăn chặm mấy giọt mồ hôi trên trán và chùi mớ nước miếng sùi hai bên mép. Tôi ngỡ rằng ông định mở loạt đả kích khác, nhưng tôi lầm to. Nụ cười bỗng dưng nở trên môi ông ta, hiền hòa hơn bao giờ hết.

Có tiếng dép lẹp xẹp. Mặt tôi chưa kịp quay lại, hai bàn tay mềm mại nào đã nhanh nhẹn bịt mắt tôi, tuy thân ái nhưng bịt quá chặt.

Tôi nói nhanh:

- Trời! Bà chủ chó ai. Buông hai bàn tay ra.

Bà cười với hai núm đồng tiền thườ nào:

- Tôi biết ông chờ tôi! Giận tôi không? Giận lắm chó gì? Tôi mời cô đào Thiên Thai để chuộc cổ về làm đào chánh. Tôi về này giờ nghe hai người... đàn ông “đấu lý” chuyện đời xưa... Ông đừng phiền nhà tôi. Tánh ông lắm cầm lắm. Hồi sáng, tôi nhắc chừng ông nên đón rước... nhà cố vấn tương lai để bàn bạc về cốt tủy chủ lực của đoàn “Hương Sắc 65”. Dè đâu, ông gởi chuyện đâu đâu, lạc đề ráo trội.

- Thưa bà, cũng chẳng lạc đề cho lắm, ông với tôi...

- Tôi hiểu, thôi mời ông thi sĩ đến phòng ăn, cô Thiên Thai chờ này giờ.

Thiên Thai thuộc vào hạng đào cải lương trẻ tuổi, tuy mới vào làng độ ba năm nay nhưng - theo nguồn tin của các thông tin viên kịch trường - cô được tổ đãi, “sáng sân khấu”. Cô cúi đầu chào... Trông gương mặt trái xoan ấy, tôi nhớ mang máng đã có lần mình viết tiểu sử cho cô, kèm theo những câu phỏng vấn và trả lời theo tưởng tượng...

Hồi đó lúc đoàn “Phim Nhạc” lưu diễn tại Bà Rịa, cô gởi thơ về tòa soạn, than phiền sự “nâng đỡ” của “quý báo”, kèm theo bức ảnh ngây thơ chụp nghiêng với mái tóc thề trôi chảy trên vai. Giờ đây trông cô hơi khác, áo dài nylon cổ đứng, mí mắt tô đậm gần giáp chân mày, tóc cắt đều phủ ngang trán theo kiểu Ai Cập.

Bà Henri nói luôn mồm:

- Công chúa Ba Tư đó! Đẹp hơn pho tượng đá... Thôi, hai ông uống rượu, thông cảm, xây dựng phải không cô Thiên Thai? Hồi ở nhà quê, mỗi năm mình chỉ uống một lần rượu vào hồi đầu xuân để quên hờn giận quá khứ, bắt tay nhau làm ăn bước qua năm mới. Bây giờ, suốt ngày hiểu lầm lu bù, thông cảm lu bù. Bà bầu đoàn “Phim Nhạc” thắc mắc tôi về chuyện “bắt đào bắt kếp”. Tôi phải rủ bà đi ăn Chợ Lớn chiều mai. Rồi mấy anh ký giả phiền tôi về việc vận động lập gánh mà không kèn không trống... Tôi phải giải thích hồi lâu, muốn về nhà hồi 11 giờ mà lóng nhóng tới bây giờ...

Uống xong ly nước ngọt, cô Thiên Thai kiếu từ; bà Henri đưa cô ta ra sân, nói nhỏ to. Tôi thấy họ cúi đầu chào nhau đến bốn chập rồi bổ túc lai rai câu chuyện để từ giả lần chót tại cổng.

Bà Henri trở vào, nhìn chồng:

- Sao? Ông xúc tiến kéo trễ. Tôi đã nhờ báo chí loan tin thành phần đào kếp, chuyên viên ánh sáng, soạn giả... rồi đó.

Ông Henri thở dài:

- Tôi muốn ra mắt tuồng “Sự tích lầu ông Hoàng ở Phan Thiết”.

Bà Henri nguýt dài, nói với tôi:

- Ông ký giả thử nghĩ. Nội cái tựa của ông nghe đủ lỗ vốn rồi. Phải sửa cái tựa lại. Còn về hình thức thì... khó thực hiện. Toàn là nhân vật Tây với đầm thuộc địa thời gian gần đây. Phải Tây với đầm hồi thế kỷ 17, 18 họa chăng! Nhà tôi ưa... thực dân “một cây” nhưng cũng khoái kể công đánh thực dân của mình!

Vẻ mặt ông Henri vẫn lạnh lùng:

- Cần cái nội dung hơn, và lại chuyện lâu ông Hoàng ở Phan Thiết gây cho tôi nguồn cảm hứng... mặc dầu tôi bất tài. Mời bà con cầm đũa, tôi uống rượu kể chuyện cũng no.

Trước khi vào chuyện, ông Henri trình bày sơ qua phần triết lý của vở tuồng, thứ triết lý mà ông đã phát minh sau khi lê gót phiêu lưu khắp các thắng cảnh miền Nam. Dưới mắt ông, vùng Cao Nguyên tuy hùng vĩ nhưng gió núi mưa ngàn đem sự lạnh lẽo cho tâm hồn. Bãi biển Vũng Tàu quá sang trọng, ngoài khơi thiếu vài hòn đảo nên du khách ngỡ mình rơi vào cái hố đục vọng mệnh mang đại hải! Nhưng bãi Phan Thiết với lâu ông Hoàng hoang phế đã đem lại cho ông Henri một giấc mơ hoa, vì vậy vở tuồng cải lương của ông đang dự trù soạn thảo sẽ lấy tựa “Một giấc mơ hoa” hay là “Lâu ông Hoàng ở Phan Thiết”. Ông Hoàng tức là Công tước De Montpensier, thuộc dòng hoàng tộc bên Pháp. Ông ta đi ngao du khắp thế giới, trên chiếc du thuyền đặc biệt; đến mỗi nơi, ông mượn vài người dân bốn xứ: da đen, da vàng, da đỏ... Những công dân này đi theo du thuyền, ăn lương tháng. Nhiệm vụ của họ rất đơn giản: mỗi buổi sáng, khi ông Hoàng thức dậy, ban nhạc hoàng gia thổi kèn... Họ đến chào mừng cung kính, chúc ông vui vẻ... vậy thôi! Cứ đến một thắng cảnh, ông Hoàng cất một nhà nghỉ mát cực kỳ sang trọng; cất sẵn để đó chờ đôi ba năm sau viếng trở lại một lần. Năm nọ, ông Hoàng viếng bãi biển Phan Thiết. Quan Công sứ Phan Thiết lúc bấy giờ là người thuộc phái Bảo Hoàng đã tổ chức đón rước trọng thể rồi quỳ xuống hôn tay ông Hoàng, gọi ông là Hoàng thượng... Vì mến cảnh mến người, ông Hoàng thích ý xuất tiền xây cất một biệt thự trên đồi để sống với người tình nhân từ Paris sang. Ngày ăn lễ lạc thành, ông Hoàng bày cuộc đốt pháo bông, đầu từ chín giờ đến hai giờ đêm. Dân chúng đứng xem mỏi mắt rồi nằm ngửa, nhìn mãi đêm thiên đường bất tận... Thế rồi người tình nhân ở lại biệt thự, ông Hoàng tiếp tục cuộc viễn du, cất thêm biệt thự mới, tìm thêm tình nhân mới. Lúc ông vắng mặt, hàng ngày bồi bếp

vẫn tiếp tục trải nệm, rót nước, dọn thức ăn rồi giữ nệm, rửa chén bát như khi ông vẫn còn sống ăn uống tại đây!

Nhưng cô tình nhân nọ lên tư thông với một người Pháp. Ông Hoàng hay tin ấy bèn phái một thủ hạ từ Paris qua Phan Thiết. Tên thủ hạ rình giết tại trận cả đôi gian phu lẫn dâm phụ rồi lên máy bay về Pháp. Báo hại ông Công sứ Phan Thiết phải lo việc tống táng...

Bà Henri Nhan lắc đầu:

- Chuyện nực mùi thực dân, khó ăn khách... Tôi nói nhiều lần rồi.

Ông cãi lại:

- Bà không chịu thời thôi. Tôi có quyền thích chuyện đó!

- Bởi vì ông tưởng mình là ông Hoàng! Phải không ông thi sĩ. Ông tính sao mà nãy giờ cứ ngồi êm ru cười mím chi hoài vậy?

Tôi trả lời, tránh mọi hiểu lầm:

- Bà làm bầu gánh, quyền ấy của bà. Tuy nhiên, ý kiến của ông cũng đúng. Muốn viết, cần phải cảm hứng, dùng nhân vật để giải tỏa nỗi thắc mắc thầm kín của mình.

Bà nói:

- Vậy thì dễ quá. Ông thắc mắc về cái vụ bị nghi oan giết người, ngày xưa. Tại sao chẳng đem sự tích đó soạn thành tuồng cải lương, xóa bỏ thù oán! Đôi trai tài gái sắc ở hai nước Ba Tư, Hy Lạp gì đó hiểu lầm nhau, họ xua quân ra trận, rớt cuộc chàng và nàng bị thương tích nhưng đôi trai gái gặp nhau, ăn năn hối hận. Rồi cả hai từ bỏ ngai vàng điện ngọc, ra đi với mối tình cao thượng. Sẵn đây, tôi dám nhờ ông thi sĩ soạn tuồng đó cho đoàn “Hương Sắc 65” của tôi... Nội dung

như vậy, vừa hư vừa thực, vừa vô lý nhưng vừa hữu lý, khán giả chịu
lắm. Chớ tuồng “Lầu ông Hoàng” của nhà tôi thật khó diễn quá.
Chẳng lẽ ông Công sứ thực dân với ông Hoàng đều là người thiện?
Khán giả bực mình.

Tôi lưỡng lự, hẹn về suy nghĩ rồi trả lời sau.

Bà Henri đưa tôi ra sân:

- Gấp lắm! Ông cứ hứa cho tôi mừng. Đừng nghe lời ổng. Gánh
hát này quyền hạn hoàn toàn do tay tôi nắm. Tôi định nhờ ông, từ cả
tháng nay.

- Bà nên tìm soạn giả khác, chắc ăn hơn.

- Nói gì chuyện đó. Vài soạn giả đã tới thương lượng rồi. Nhưng
ông à, ông tin tôi không? Bao giờ tôi cũng muốn giúp ông, xem ông
như em ruột trong nhà, cùng một quê quán.

Sực nhớ chuyện xưa, tôi bồi hồi cảm động:

- Tôi tin bà lắm chớ. Nếu hồi đó bà quên chú ý mở cổng thúc giục
tôi về gấp thì...

Bà cười giòn:

- Ông gợi lại chuyện “quốc sự”. Thôi đi. Tôi chẳng hân hạnh gì
khi nhớ tới quan tư Ca Rê. Phải nhà tôi đừng ghen bóng ghen gió, có lẽ
tôi giàu hơn bây giờ nhiều. Tôi đâu dám thi ơn với ông, buổi xưa đó.

- Đành vậy, nhưng nếu bà vô ý thì ngày nay...

- Ngày nay, thiên hạ cũng như vậy, ông à!

- Nhưng tôi đã chết lãng nhách. Tôi mang ơn bà nhiều hơn là... mang ơn ông. Thú thật với bà, hồi này giận quá chẳng lẽ...

- Hơi đâu chấp nhứt ông. Ông dồn ép trái “bôm” từ chục năm nay để “nỡ” ra “lấy le” với ông. Ngôi sao của ông lu rồi. May là ông nghe lời tôi, bán đất cho tá điền trước khi bị truất hữu. Ông nghĩ coi, thường bữa ông ra sân bởi từng cọng rác... để làm vệ sinh, giành công việc với người ở. Đi ngoài đường phố, gặp miếng ve chai, ông cúi xuống lượm lên, giành sở làm của phu lục lộ. Lắm cầm quá. Một cái tai nạn cho tôi. Ông lại giỡn, nuôi chó kéo xe... La Mã.

Tôi cúi đầu chào bà Henri. Bà giả bộ trợn tròn đôi mắt rồi cười:

- Nhớ viết sơ cái cốt chuyện nghe. Trùm chặn tối ngày như ông, làm ăn khó tấn lắm. Tung chặn, tìm không khí mới một lần xem sao. Đời mà, mình cần tìm sự hồi hộp để sống. Ông ráng viết sao cho ông vui.

Tôi đáp:

- Dạ, viết chớ. Về nhà viết liền rồi đem lại cho bà.

- Chiều một tôi tới nhà ông, dễ hơn. Đúng hẹn nghe!

“Hồi thế kỷ thứ mười sáu, Ba Tư là một cường quốc thôn gồm cả địa phận Trung Đông. Nhơn buổi lễ Du Xuân, nam thanh nữ tú rủ nhau múa hát, mừng tiết hoa hồng nở và tế thần Mặt Trời. Chàng Mai Kha tình cờ gặp nàng Y Liên. Quá cảm mến cô bạn gái, chàng trao tặng cho nàng một sợi dây chuyền có nửa mảnh tim vàng. Nàng Y Liên then thùng, mừng chàng. Nhưng người quản gia hối thúc, Mai Kha lên ngựa về để nàng Y Liên ở lại với sợi dây chuyền kỷ niệm.

Thời gian trôi qua. Đế quốc Ba Tư tan rã. Cha của Mai Kha thừa cơ loạn lạc, soán ngôi, xưng hoàng đế. Cha của Y Liên đến vùng sơn

cước xưng vương, chống lại chánh quyền trung ương. Mai Kha trở thành hoàng tử, thống lĩnh hai vạn tinh binh đến bình định miền sơn cước.

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt. Hoàng tử Mai Kha chiếm căn cứ địch quân, thắng trận nhưng bị gãy cánh tay. Chàng hạ lệnh bắt tất cả gia quyến của đối phương, đem về kinh đô làm nô lệ. Trong lúc kiểm điểm hàng ngũ quân thù, đột nhiên Mai Kha nhận ra Y Liên nhờ sợi dây chuyền nửa mảnh tim vàng thuở nọ. Nàng ném sợi dây chuyền trả lại. Nhưng quá đau xót, hoàng tử Mai Kha giao quyền cho viên phó tướng, bảo ông ta cứ đem binh về. Chàng nguyện ở lại miền sơn cước này, chấp nối cuộc yêu đương dang dở với Y Liên. Lúc vua cha dự lễ khai hoàn, khao quân tại kinh đô thì ở miền xa xuôi Mai Kha và Y Liên âu yếm trong tuần trăng mật. Tuy chàng bị gãy tay, nàng bị tan nát gia đình nhưng đôi lứa tha thứ cho nhau, thề sống cuộc đời thường dân. Năm sau, mùa tế thần mặt Trời vua cha băng hà. Thần Mặt Trời bỗng nổi giận, khiến núi lửa dậy lên! Trào thần hoảng sợ đến tận miền biên cương nài nỉ rước đôi uyên ương về. Mai Kha lên ngai vàng. Y Liên nghiễm nhiên làm hoàng hậu. Từ đấy, xứ Ba Tư chẳng còn cuộc loạn lạc nào cả. Vì dân chúng ở kinh đô và ở miền sơn cước đều toại nguyện với đức vua và hoàng hậu”.

Thảo xong hai trang giấy, tôi đặt lưng xuống ghế bố, vừa mới lim dim đôi mắt chợt nghe tiếng chân bà chủ nhà đi lên gác.

- Thầy ơi! Bà tặng hoa hôm nọ muốn gặp mặt thầy.

Tôi dụi mắt:

- À, mời bà ấy ngồi tạm ở dưới. Tôi xuống bây giờ.

Nhưng bà chủ nhà vội trở lên:

- Bà ấy đòi lên gác... Ủa! Bà tới kìa!

Bà Henri cười nói huyền thuyên:

- Tôi muốn viếng cái gác trọ này lần thứ hai. Hôm trước, tôi đường đột tới tặng hoa. Hôm nay chắc hết đường đột rồi, phải không ông soạn giả? Tôi không tặng hoa nhưng tặng món khác thiết thực gấp trăm lần bó hoa. Viết xong chưa ông?

Tôi đáp:

- Mời bà ngồi. Bà xem thử, trên bàn... Nét mực vừa mới khô.

Bà liếc xem nhanh. Tôi hỏi dồn tới:

- Được không bà? Đại khái như vậy. Nhờ bà giúp ý kiến. Chắc ông chịu lắm.

- Quá xá hay rồi. Bây giờ ông cho tôi mượn đem về cho nhà tôi coi chơi. Rồi ông cầm giùm cái bao thơ này.

Tôi nói nhanh:

- Bà đưa chi gấp quá vậy? Đoàn hát mới trong vòng vận động thành lập... Hay là để tôi viết biên nhận.

Mở bao thơ ra, tôi đếm những mười tám giấy năm trăm. Bà Henri cười giòn:

- Biên nhận làm gì? Chỗ bà con.

Suy nghĩ một giây, tôi nói:

- Bà lấy lại bớt hai ngàn. Tôi mượn tạm ba ngàn đủ rồi.

Bà tiến tới vỗ vai tôi:

- Trời! Ông này thiệt lạ đời... Xưa nay người ta cứ muốn mượn thêm, còn ông thì đòi trả bớt! Tôi không chịu đâu. Nếu vui vẻ, ông cho tôi mượn lại tất cả, rồi ông móc tiền túi cho tôi mượn thêm năm ngàn nữa... Nói cho vui, ông đừng giận nhé! Lát nữa tôi dùng cái bản thảo này để ăn nói với người bỏ vốn hùn lập gánh hát. Tôi mua xác gánh hát cũ và lo ngoại giao. Phần của họ, chuẩn bị tiền bạc ăn tập để khai trương... Ông có thể đi với tôi lại... nhà bà chủ nợ đó cho vui. Cô Thiên Thai chiều nay ở đó. Cố nhắc tên ông hoài.

- Dạ để dịp khác, chiều nay tôi bận việc.

- Việc gì quan trọng dữ vậy? Ông nằm trùm chần ở đây để tìm cảm hứng à? Tôi biểu ông ra đi... cho sát thực tế!

- Thôi, cảm ơn bà.

- Hay là ông ngại nói chuyện khào với “bầu bì”, chủ nợ và nghệ sĩ cải lương đợt sống mới... Tâm lý chung, người cày ruộng ở nhà quê ghét Huê kiều mua bán lúa! Hồi đó, nhà tôi cũng như ông! Nhà tôi bây giờ cũng ngồi chơi hòn non để mà ghét cay ghét đắng những người bạn đang làm xuất nhập cảng...

Ngoài đường hai tiếng “tin, tin” vọng tới, thúc hối. Bà Henri vội chào:

- Để tôi đi rồi mai chiều tôi tới đây. Ông ở nhà vào khoảng nào? Tôi đi xe của người bạn, họ chờ đó.

Gác trọ thay đổi không khí. Tôi vừa mừng vừa ngại. Dường như tâm trí hơi bứt rứt. Lúc tôi túng thiếu, số tiền năm ngàn đồng hơi bất ngờ này chưa hẳn... quá to tát. Tôi bỏ nó vào bóp, nhứt định chiều nay đem xài cho sạch túi vì nó giống như của hoạnh tài! Bỗng nhiên tôi vặn ngược câu hỏi: “Biết đâu mình đã bán cái cốt truyện và nhứt là cái sĩ diện của mình với một giá quá rẻ mạt”. Tôi hơi chủ quan chẳng? Sĩ

diện của tôi bán với giá đó là được rồi đấy, ai dại khờ gì mua nó với giá cao hơn! Nhưng câu trả lời vẫn chưa ổn. Có lẽ tôi hối tiếc bao nhiêu kỷ niệm, những kỷ niệm vô giá. Xóm Biển chợ Rạch Giá, thời chiến tranh Việt - Pháp. Những người đàn ông đánh đáo lạc, ăn thua bằng cách công nhau. Những chiếc ghe biển nằm nghiêng trên bãi bùn, giương đôi mắt bình hoạn. Hòn Tre ngoài xa xa, cái lon sữa bò đầy gạo để cắm nhang trong nhà lão Tư Hiếm. Xác lão Tư Hiếm bập bênh trôi... Ban nãy, bà Henri vui vẻ, chiều chuộng tôi với thái độ “đàn chị”, rồi “cả gan” nhưng thành thật liệt tôi vào hạng “trùm chần”, giống như người cày ruộng ở nhà quê và ác hại hơn giống như ông Henri, con người lạc hậu về mọi mặt...

Tôi vỗ trán rồi gọi xe, đến tiệm kem. Ngồi đó, đầu óc tôi vẫn mơ màng. Mọi khi, tôi ưa sống kiểu “quê mùa, trùm chần”, như bà Henri nói. Bà Henri vốn có nhiều kinh nghiệm trường đời, hơi lớn tuổi hơn tôi, chẳng lẽ bà nói bậy hoặc dùng sai danh từ? Bây giờ tôi thử tung chần ra, thử bỏ thái độ quê mùa (mặc dầu tôi chưa bao giờ cày ruộng), bỏ thói suy nghĩ vẩn vơ - nghĩa là mình chỉ nên chú ý tới đời sống của mình và những vui sướng mà mình có thể vói tới, ngay trong buổi trưa nay. À! Cô ngồi giữ tú tiền trông đáng yêu với mái tóc xoắn, rối rắm một cách công phu. Bức tranh vẽ cây dừa và mấy chòm sao trên vách tường đưa tôi tới đảo Hạ Uy Di, đêm trăng. Người qua lại dập dìu trên hè phố, tôi chỉ nên ngắm họ như ngắm một bức tranh lộng kiếng, đừng đặt những giả thuyết quá phức tạp về đời tư của họ! Cô bạn học năm xưa giờ đây ở tận Biên Hòa, chưa chồng; tôi viết thư mời cô ta về Sài Gòn gặp chúa nhựt này để cùng nhau tìm hiểu tâm sự. Mượn thêm tiền của bà Henri kéo bỏ lỡ cơ hội! Mua một căn nhà đủ tiện nghi hơn. Thịnh thoảng lật báo xem tử vi, mua đủ thứ sách thuộc loại bách khoa xem chơi, để hiểu sơ qua mọi vấn đề. Mua một bức tranh in lại của Van Gogh, bức tranh vẽ hoa quỳ vàng rực ánh mặt trời, treo trong phòng để tâm hồn mình luôn luôn được sưởi nóng trong... cô độc.

Tôi mỉm cười, bẽn lễn, tự nhận rằng mình còn gượng gạo! Bỗng nhiên, kèn trống nổi lên, đờn cò trời điệu Xuân Nử. Bên kia đường, chiếc xe tang đi chậm chậm, tấm triệu cao nghệu dẫn đầu. Mọi hôm hề gặp bất cứ đám ma nào, tôi đi nhanh tới, bụi ngùi xem tên tuổi người chết, suy nghĩ vấn đề sanh lão bệnh tử. Trưa nay, tôi cố gắng ngồi im từ bên này đường mà ngó qua, đại khái.

Tôi gọi một ly cà phê đen... rồi nhìn mấy giọt nước đen nhều xuống... Hơi nước sôi động vào thành ly. giống như giọt nước mưa trên cửa kiếng (chớ không giống như giọt nước mắt ngoài kia). Gọi được sự so sánh ấy, tôi thấy mình đã tiến bộ khá khá. Một em bé đánh giầy lết tới gầm bàn. Nó nài nỉ khẩn khoản, gõ bàn chải cộp cộp lên hộp để gây áp lực với tôi. Tôi cau mày:

- Thôi đi mày!

Nó đi. Em bé bán báo dừng lại ngoài cửa, xơ rớ:

- Báo thầy! Báo thầy!

Tôi lắc đầu:

- Đọc rồi. Mời hoài vậy?

Nó nói tiếp:

- Báo mới ra. Bữa nay báo Tương Lai có “Kịch trường đặc biệt”.

Tôi giật mình bừng tỉnh giấc mộng giữa ban ngày, mua ngay một số, lật ra trang hai, liếc qua các “tít” lớn. Các bạn ở báo Tương Lai cứ viết dông dài về cái tuồng “Gió chiều Thu”. Chán quá. Nơi mục Loa hậu trường, vài hàng chữ tóe lên:

“A lô! A lô! ‘Đoàn Hương Sắc sáu mươi lăm’ đương thành hình, do bà Quỳnh Hương làm giám đốc sẽ ra mắt vào đầu tháng Tư. Danh sách đào kép chưa chánh thức công bố, nghe đồn nữ nghệ sĩ Thiên Thai đã xé giao kèo bên đoàn Nhạn Bạch để về đoàn này.

A lô! A lô! Bà Quỳnh Hương cho biết thêm: Ký giả kiêm thi sĩ Hoài Hương đã nhận lời đưa vở tuồng đặc ý nhứt của mình cho ‘đoàn Hương Sắc sáu mươi lăm’. Khán giả đang nóng lòng chờ đợi để thưởng thức tài nghệ của nhà thi sĩ khả ái ấy. Bước đầu tiên của thi sĩ trong nghề soạn tuồng biết đâu chẳng đánh dấu ngay một sự thành công? Nhan đề vở tuồng còn trong vòng bí mật, nhưng thi sĩ đã bảo đảm với bà bầu Quỳnh Hương: ‘Tuồng này đầy đủ dân tộc tính.’”

Tôi nhẩy nhồm, đứng phắt dậy. Máu nóng “nhà quê” của tôi bỗng bùng sôi. Té ra bà Henri đã loan tin ầu về sự hợp tác của tôi, từ hai ngày rày, liền từ sau khi tặng bó hoa hồng trên gác trọ! Chẳng vậy thì sao các thông tin viên kịch trường lượm lặt được tin sốt dẻo này, cho in lên báo kịp trưa nay? Buổi sáng ấy, mặc dầu chưa gặp mặt tôi sau năm sáu năm xa cách nhưng bà dám đề cao tuồng của tôi sẽ đủ “dân tộc tính”! Cùng với những hàng chữ in ấy, bà Henri sẽ kèm một bằng chứng khác - mấy trang giấy nháp sơ lược cốt tuồng Ba Tư - để yêu cầu người hùn vốn cứ bỏ thêm tiền ra cho bà xài! Trong khi khuyên nhủ tôi nên từ bỏ cái thói “trùm chăn quê mùa”, bà lại lợi dụng cái tật xấu của tôi. Giải quyết cách nào bây giờ? Tìm bà Henri, đòi lãnh thêm vài ngàn đồng cho hả giận, cho đáng với sự thiệt thòi của tôi? Yêu cầu bà ta đính chánh trên báo? Không được. Bà ta sẽ ngơ ngác, cho rằng tôi hiểu lầm thiện chí của bà ta đối với người em đáng thương hại. Đi tìm các ký giả quen biết, nhờ họ cho tôi thanh minh vài hàng chẳng? Anh em trong làng sẽ khó xử vì chuyện ấy có gì đâu mà thanh minh cho một độc giả! Và thanh minh trong trường hợp này chẳng khác nào tôi trù rủa đoàn hát “Hương Sắc sáu mươi lăm” ngay từ khi còn nằm trong bào thai, gián tiếp làm cản trở sự phát triển của làng ca kịch, đập

bế chén cơm “hụt” của khá nhiều công nhân sân khấu? Hơn nữa bà Henri vẫn được quyền thanh minh trở lại rằng: Nhà thi sĩ kiêm soạn giả ấy đã nhận được bó hoa hồng, đã lãnh số “tiền nước” đáng kể, đã dự bữa cơm thân mật, đã trao bản thảo vở tuồng. Đứng về phương diện độc giả, họ nghĩ thế nào trước những bằng cứ hiển nhiên ấy.

Rầu rĩ quá! Tôi gọi chiếc xích lô máy, bảo anh tài xế cứ chạy thẳng tới. Ác hại làm sao, mấy chữ hàm hồ trên mặt báo: “dân tộc tính”! Phải chăng bà Henri muốn ám chỉ câu chuyện của Chúa Ngung, Ma Nương mà bà yêu cầu tôi soạn lại? Nghi ngờ gì nữa! Bà đã bắn tin ấy ra từ bữa trước rồi mới bàn bạc với tôi về sau này, lúc ăn cơm. Theo ý của bà, hoàng tử Mai Kha ở Ba Tư là thối thân của lão Tư Hiếm, của ông Henri hay của chính tôi? Cô gái bị giết ngày xưa là thối thân của pho tượng đá? Hay kẻ thối thân là bà Henri hoặc cô đào trẻ đọt sóng mới Thiên Thai? Đây là sự thật về Chúa Ngung, Ma Nương ở Mốp Giăng? Tôi liên tưởng đến mấy tiếng “sứ mạng của người cầm bút” mà các bậc đàn anh thường nhắc nhở. Người như tôi có xứng đáng lãnh cái sứ mạng đó không? Tôi trả lời một mình: “Xứng đáng chớ”. Mãi tới ngày nay, câu chuyện ở Mốp Giăng chỉ được truyền khẩu, người ở địa phương đã già nua, hoặc bận rộn sanh kế, hoặc ít muốn nói. Hoặc họ đã chết. Đã hai lần, tôi đã “ghi chép” nó lên giấy, qua tiểu sử của ông Henri Nhan và qua... cốt tuồng cải lương Ba Tư. Còn chờ ai nữa bây giờ, nếu tôi không chịu viết ngay tất cả những điều tôi được biết - trong muôn một - dầu rằng lối viết vụng kém của tôi chỉ được có một vài người đọc thưởng thức.

Chiếc xích lô nổ máy tiến tới, đi ngang qua rạp hát cải lương. Những biểu ngữ, tranh quảng cáo lòe loẹt nào hình công chúa Nhứt xách đèn lồng, hiệp sĩ La Mã đấu gươm... Hoàng tử Mai Kha, nàng Y Liên, chuyện ở Mốp Giăng rồi cũng được vẽ đại khái như thế. Cái bóp chứa đựng nhiều tiền nháy cộm cộm trong túi sau, giữa cái nệm xe và da thít tôi. Số tiền năm ngàn còn quá đầy đủ nhưng tâm tư của tôi

trống rỗng hơn bao giờ hết - trống rỗng như một chai nước múc đầy treo lơ lửng trên mặt đại dương bao la. Việc đầu tiên mà tôi cần giải quyết: Nhờ các bạn đính chánh: soạn giả Hoài Hương đang soạn cho đoàn “Hương Sắc” một vở tuồng đầy đủ... “Đông Phương tính” thay vì “dân tộc tính”. Liệu các bạn ký giả và bà Henri sẽ phiền tôi không? Thật là... sinh kế mới! Khó khăn mới! Tâm trí của tôi bừng sáng lên, bất chợt một ý kiến quan trọng: “Sanh kế mới, khó khăn mới cho người sống và cho oan hồn kẻ chết nữa”. Lão Tư Hiếm đã chết thật rồi! Lần trước, qua tay ông Henri và quan tư Ca Rê lão còn thoi thóp; lần này với sự kinh doanh của bà Henri và sự yếu đuối của tôi, lão tắt thở luôn. Nay mai có thể người chết uất ức hiện hồn về, đòi xem hát.

Tôi đưa tay ra dấu hiệu để xe ngừng tại cửa. Vừa lên gác trọ, tôi vừa nói với bà chủ nhà:

- Mệt quá. Ai kiếm tôi bà cứ bảo rằng tôi ngủ, đừng đánh thức.

Rồi nằm lên ghế bố nhìn bó hoa héo, tôi thử hình dung khung cảnh người chết đi xem hát. Đêm ấy, lão Tư Hiếm và cô gái nọ cỡi mây cỡi gió đến rạp khi hay tin trên trần gian có người muốn nhắc nhở tới sự tích của họ. Sân khấu quá sáng. Hai bóng ma của họ sợ hãi, nép mình vào mái ngói như hai kẻ trộm. Cô gái lẩm bẩm: “Ta nên về. Đêm nay họ diễn tuồng Ba Tư chớ nào phải chuyện ở Mốp Giăng”. Lão Tư Hiếm đáp: “Tôi không làm đâu. Chính đêm nay, tại rạp này mà. Nhưng có sao tôi chưa hiểu mấy về cốt chuyện. Dường như thần Mặt Trời Ba Tư là Chúa Ngung, Ma Nương ở Mốp Giăng!”. Cô gái cười: “Ở cõi dương, tiếng nói và màu sắc đều khác hẳn với cõi âm”. Lão Tư Hiếm lắc đầu: “Số đào kép cải lương này ngủ ban ngày rồi thức suốt đêm như chúng ta. Có gì khác biệt đâu”... “Có chớ, họ uống nước lạnh mà bảo rằng dự yến ấm, dùng gươm bằng cây mà bảo rằng thanh kiếm thép. Hái hoa bằng giấy mà bảo rằng... hoa hồng thiên nhiên. Thôi ta đi về”. Lão Tư Hiếm nói: “Cứ ở lại, chờ xem khi vẫn hát. Nghe đâu sau

khi rửa lớp phấn son, cởi áo mào ra cất, các đào kếp tiếp tục diễn... trò đời hay lắm”. Bức màn nhung hạ xuống, bài tạm biệt trôi lên rồi tắt hẳn. Bấy giờ, cô gái bảo: “Tôi theo chân cô đào Thiên Thai, dường như bạn này cô ta đóng vai tôi; còn bác cứ theo bà Henri...”

Lão cãi lại: “Tôi đi theo soạn giả Hoài Hương, bạn của tôi ngày xưa, ông đang đóng vai tôi đó”. Thế rồi họ đi, người một ngã. Lão Tư Hiếm ghé quán nước kế bên rạp, chứng kiến cảnh bà Henri và tôi đang tranh đấu thân mật. Bà ta than phiền: “Tuồng này thâu khá tiền nhưng bà chủ nợ bỏ túi hơn phân nửa rồi. Tiền bản quyền soạn giả, xin dành lại vài đêm”. Trong khi đó, cô con gái phi thân lên trốn vào phòng the, tại tư thất của cô đào Thiên Thai. Cô đào khép cửa, soi gương uốn éo cười với bóng dáng mình, lật tờ tuần báo xem ngay số tử vi rồi mơ màng hôn nhẹ vào cái hình màu của chàng mình tinh mà ảnh bên trời Âu nào đó, in ngoài bìa. Cô đào liền thay quần áo mát, ngồi ăn một cái đùi gà luộc với vẻ mặt không mấy đói! Bấy giờ cô gái ma mới hiểu cái tội lỗi tà trời của mình: Nhu cầu về ăn uống, nhu cầu về xác thịt vốn là hai điều cấm kỵ. Tại sao xưa kia mình lại đại dột xúc phạm sự cấm kỵ ấy trước mặt quan kinh lý và lính mã tà để mang lụy vào thân? Phô trương cụ thể những nhu cầu ấy để làm gì, trong khi thế nhân đã nâng nó lên hàng ngôn ngữ ác hại, dùng để nguyên rửa “Đồ chết đói!” “Đồ dĩ thỏa” cũng như “Đồ mắc dịch!”. Cô gái ma thở dài, buồn bã trở thành kẻ mất hồn, bay về, khuất bóng lần lần trong lớp sương giá lạnh - hơi thở của hàng trăm pho tượng đá khác còn bị chôn lấp dưới lớp đất bùn của xứ Mối Giăng vừa cổ kính, vừa đìu hiu! Trong khi ấy, lão Tư Hiếm đi vẫn vợ theo lẽ phở vãng, với cái túi rỗng và cái ống điếu bằng cây ốt hiếm, dáng điệu trông như vị tù trưởng bại trận hồi thời Thái Cổ. Tiếng gà gáy chột vẳng lên, từ chuyến xe nào chờ hàng tới chợ Cầu Ông Lãnh. Lão giật mình, chạy trở về cho kịp lúc hoàng hôn nơi địa phủ, để trầm mình nhanh xuống đáy biển - như một hạt bụi bé bỏng nổi tiếp bãi bùn ra Hòn Tre xa khơi.

Ngoài cửa, tiếng bà Henri nói nhanh, giọng lạnh lót hỏi thăm tôi.

Bà chủ nhà ngập ngừng:

- Ông Hoài Hương ngủ, ông dặn đừng cho ai kêu ông. Nếu bà có điều gì quan trọng thì...

Nhưng bà Henri nói chận trước:

- Thôi, tôi hiểu quá nhiều từ hồi ông còn làm mấy bài thơ đồng quê lận! Ông giận tôi rồi trùm chặn trở lại. Chắc hẳn bà Henri đang nở một nụ cười hồn nhiên đầy vẻ yêu đời với đôi má lúm đồng tiền. Bây giờ tôi chợt nhận ra một điều: Giữa ông và bà Henri tánh tình tuy hơi xung khắc, nhưng bao nhiêu thói xấu, nét tốt của họ đã bồi bổ qua lại từ lâu, tạo thành một kiểu hạnh phúc lứa đôi khá bền vững, “nồi nào úp vung nấy!”.

Họ đã có thiện chí giúp tôi về sinh kế, tại sao tôi chưa chịu cảm thông?

Tháng 8 - 1963

Table of Contents

[Mục lục](#)

[Cấm Bắt Rùa:](#)

[Con Bà Tám:](#)

[Con Cá Chết Dại:](#)

[Đường Về Quê:](#)

[Hai Cõi U Minh:](#)

[Kéo Trúm:](#)

[Lũ Trẻ Chăn Trâu:](#)

[Mây Trời Và Rong Biển:](#)

[Một Chuyện Khó Tin:](#)

[Một Người Hàng Xóm:](#)

[Ngày Hội Ba Khía:](#)

[Ngày Xưa Tháng Chạp:](#)

[Ngó Lên Sở Thượng:](#)

[Người Đi Đêm:](#)

[Qua Hiệu Sách:](#)

[Trong Lòng Bàn Tay:](#)

[Tục Lệ Ăn Trộm:](#)

[Vết Lụa Bình:](#)

[Vọc Nước Giờn Trắng:](#)

[Hình Bóng Cũ](#)

[Hình Bóng Cũ \(Tt\):](#)